

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

宣化上人開示錄

Khải Thị

TẬP 4



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KHAI THỊ - QUYỂN IY



Nam Mô
Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

---o0o---

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

KHAI THỊ

QUYỂN IV

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HÀ NỘI - PL. 2549 - DL. 2005

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Thực hiện

Địa chỉ liên hệ : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q.3, TPHCM

ĐT : 08.8469721



Lão Hòa Thượng Tuyên Hóa

*Phổ độ với lòng từ bi cứu kẻ tin tâm thành chánh giác.
Giữ lòng ngay, sửa lỗi lầm, lay Ngài được phước ngộ vô sanh.*

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Hòa Thượng vốn họ Bạch, tên tục là Ngọc-Thư, Pháp-danh là An-Tử, tự Độ-Luân, và Tuyên-Hóa là Pháp-hiệu do Lão Hòa Thượng Hư-Vân đặc biệt tặng cho khi Ngài thọ lãnh sứ mạng làm người kế thừa truyền Pháp đời thứ chín của Thiền Tông Quy-Ngưỡng. Ngài sinh ngày 16 tháng 3 năm Mậu-ngọ (1918), tại tỉnh Kiết-lâm, huyện Song-thành, tỉnh Tùng-giang, Đông Bắc Trung Hoa (tức Mãn Châu). Thân phụ Ngài tên Phú-Hải, chuyên nghề nông; thân mẫu thuộc dòng dõi họ Hồ, sinh được tám người con, năm trai ba gái, và Ngài là út.

Thân mẫu Ngài thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ bà mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân, phóng hào-quang chiếu sáng khắp thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, bà ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng rồi sau đó hạ sanh Ngài. Ngài vừa ra đời liền khóc suốt

ba ngày đêm, chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-Bà này vậy.

Năm Ngài mười một tuổi, một hôm cùng chúng bạn dạo chơi, Ngài chợt trông thấy một em bé miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng còn hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: “Đứa bé đã chết rồi!” Song Ngài vẫn vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài thưa hỏi thân mẫu, bà dạy: “Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo hèn, ai ai rốt cuộc cũng phải chết cả!” Ngài lại thưa: “Như vậy, có cách gì thoát được sự chết chăng?” Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: “Chỉ có cách tu Đạo, hiểu rõ tự-tâm, thấu suốt bốn-tánh, thì mới có thể chấm dứt sanh tử, thoát vòng luân-hồi, thành tựu Chánh-Giác, chứng được Vô-Sanh.”

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, nên

quyết chí xuất-gia tu Đạo. Khi Ngài mang chuyện xuất-gia thưa với thân mẫu, bà dạy: “Xuất-gia là điều tốt lắm, song không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện-căn, có đại nguyện lực, phát đại Bồ-Đề tâm, thì mới có thể thành tựu Vô-Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý. Song, nay ta đã già, mà các anh chị con đều đã tự lập; vậy con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất-gia tu hành cũng chưa muộn”.

Ngài vâng lời cha mẹ. Sau đó, hằng ngày Ngài thường theo thân mẫu lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ. Rồi vì nhận thấy thế giới này còn lớn hơn cả cha mẹ, nên Ngài hướng về trời, đất, vua, sư trưởng mà lạy. Ngài lại nghĩ đến những người tốt trên thế giới mà lạy, thậm tạ ơn họ về các việc thiện họ đã làm. Nhận thấy những người ác thật đáng thương, Ngài lại vì họ mà lạy, mong sao nghiệp chướng của họ được giảm bớt và sớm biết hối cải. Mỗi ngày Ngài lại nghĩ thêm những người khác để lạy; nên về sau, bất kể thời tiết, mỗi ngày Ngài đều đặn lạy 837 lạy vào buổi sáng và 837 lạy vào buổi tối.

Ngày lại ngày, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng hiếu thảo đồn khắp bốn phương, và mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì gặp phải tang thân mẫu. Sau khi chu toàn việc mai táng, Ngài đến Chùa Tam Duyên lạy Lão Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy, và xuống tóc xuất-gia. Sau đó, Ngài về lại mộ phần thân mẫu thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền-sàng, trong túp lều tranh Ngài an nhiên, tĩnh mặc trong thiền định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ-Năng! Đức Tổ-Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp, và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng

sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ-Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, sức nhớ rằng Đức Huệ-Năng vốn là người đời Đường, khoảng 1.200 năm về trước!

Năm 1946, sau khi Thế Chiến Thứ Hai kết thúc, tình trạng giao thông trong nước bắt đầu dễ dàng trở lại. Ngài bèn tìm xuống phía Nam để đến Chùa Nam Hoa ở Tào-Khê, tỉnh Quảng-đông, dành lễ Lão Hòa Thượng Hư-Vân, và đến núi Phổ-đà để thọ Cụ-Túc Giới. Cuối cùng, trải hơn 3.000 dặm, Ngài đã được bái kiến Lão Hòa Thượng Hư-Vân, bậc Đại Thiện-Tri-Thức mà Ngài bấy lâu ngưỡng mộ.

Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng, lúc ấy đã 109 tuổi, liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó Lão Hòa Thượng nói: “Như thị, như thị”, và Ngài cũng đáp lại: “Như thị, như thị!” Biết Ngài là bậc “pháp khí”, Lão Hòa Thượng Hư-Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của Thiền Tông Quy-Ngưỡng. Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật Chùa Nam Hoa.

Năm 1949, Ngài từ già Chùa Nam Hoa, lên đường sang Hương Cảng, và sống trong một sơn động biệt lập. Chẳng bao lâu, có vô số tăng-lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tỵ nạn và cần sự giúp đỡ của Ngài. Ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, sáng lập Phật Giáo Giảng Đường, Chùa Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiền Tự, cùng trợ giúp xây dựng và trùng tu nhiều đạo-tràng khác. Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, vì Pháp quên mình. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ-đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Hòa Thượng Tuyên-Hóa vốn nuôi chí nguyện đem Chánh Pháp truyền bá đến khắp nơi trên toàn thế giới, nên năm 1961, Ngài sang Úc Châu hoằng Pháp; và năm sau 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là Mộ Trung Tăng (nhà Sư trong phần mộ), và Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống).

Năm 1968, biết cơ duyên đã đến, Ngài nói: “Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh”. Mùa hè năm ấy, Ngài chủ trì Pháp hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp-hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ xin xuất-gia với Ngài. Từ đó, Ngài chủ trì nhiều Pháp-hội khác giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn, v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ Kinh tối cao của Đại Thừa, Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công-đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật pháp tại Mỹ. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ tùng-lâm, đào tạo Tăng Ni học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chánh tu hành. Ngài chủ trương rằng tất cả Phật tử cần phải đoàn kết lại và nên dung hợp Nam, Bắc tông. Vì thế, nhiều dịp truyền thọ Tam Đàn Đại Giới tổ chức tại Vạn Phật Thánh Thành là do chư cao tăng Đại Thừa và Tiểu Thừa hợp lực chủ trì.

Với tinh thần “vì Pháp quên mình”, Hòa Thượng không quản khó nhọc, thường xuyên

đến các đạo-tràng trong và ngoài nước để hoằng dương Phật Pháp. Ngài được mọi giới kính ngưỡng vì nếp sống khổ hạnh và nghiêm trì Giới Luật của Ngài. Trong thời Mạt Pháp mà nhiều người không tôn trọng Giới Luật này, Ngài đã nêu gương sáng và khuyến khích nếp sống khổ hạnh bằng cách chỉ ăn mỗi ngày một bữa vào giờ Ngọ và ban đêm thì ngủ ngồi chứ không nằm.

Bình sanh, Ngài sống nhẫn nhục, khoan dung, nhịn ăn nhiều lần để hồi hướng công-đức cho chúng sanh. Cuộc khủng hoảng hỏa tiễn ở nước Cuba vào năm 1962 đã xảy ra không bao lâu sau khi Ngài đến Hoa Kỳ. Ngài đã tuyệt thực năm tuần để hồi hướng cho nền hòa bình thế giới. Vào dịp Ngài du hành Đài Loan năm 1989, Ngài đã nhịn ăn ba tuần để hồi hướng cho dân chúng Đài Loan. Sau đó, Ngài lại đi hoằng Pháp tại nhiều nước Châu Âu. Mặc dầu tuổi Ngài đã cao nhưng Ngài vẫn không muốn nghỉ ngơi tịnh dưỡng. Suốt ba mươi năm liên tục, Ngài đã đăng đàn thuyết Pháp và giảng luận kinh điển Phật Giáo, gương cao ngọn đèn rực rỡ của trí huệ để soi đường cho chúng sanh đang chìm đắm trong

đêm tối của thời đại Mạt pháp này. Chính trong lúc Ngài đang bệnh để gánh chịu khổ nạn cho chúng sanh, Ngài vẫn kiên trì tiếp tục đại nguyện diễn dịch kinh điển Phật Giáo.

Ngày 7 tháng 6 năm 1995, Hòa Thượng Tuyên-Hóa thị hiện viên-tịch tại Los Angeles, Mỹ; trao lại cho các đệ tử ba trách nhiệm quan yếu: (1) tiếp tục hoằng dương Phật Pháp, (2) phiên dịch kinh điển Phật giáo, (3) hoàn mãn sự nghiệp giáo dục. Vâng theo di huấn của Ngài, tứ chúng đệ tử tại các đạo-tràng thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đều chuyên tâm trì tụng Kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật suốt 49 ngày kể từ hôm Ngài viên-tịch. Ngày 12 tháng 6 năm 1995, Lễ Nhập-Quan được cử hành tại Long Beach Thánh Tự; và đến ngày 16 tháng 6, Kim-quan của Ngài được cung thỉnh về Vạn Phật Thành. Tại đây, Đại Lễ Truy-Ân được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 7 năm 1995, trong niềm thương tiếc của mọi người.

Ngày 28 tháng 7 năm 1995, Thánh Lễ Trà-Tỳ được cử hành trọng thể tại Vạn Phật Thánh Thành trước sự xúc động của hàng

ngàn thiện nam tín nữ. Và hôm sau, sáng ngày 29 tháng 7, tro cốt của Ngài được rải trên địa phận của Vạn Phật Thánh Thành đúng như lời di-giáo của Ngài:

“Khi tôi đến, tôi không có gì cả; khi tôi đi, tôi vẫn không có gì cả. Tôi không muốn để lại dấu vết gì trên thế gian. Tôi từ hư-không đến. Tôi sẽ trở về hư-không!”

Dù cho Ngài không muốn để lại một dấu vết nào trên thế gian này, nhưng công-đức hoằng Pháp tại Tây phương, phiên dịch kinh-điển, thiết lập đạo-tràng và học-đường của Ngài lúc còn tại thế đã gieo hạt giống Bồ Đề và đã gây được ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp dân chúng Tây phương. Những dấu ấn đó của Ngài sẽ không bao giờ phai mờ với thời gian!

Ngày 23 tháng 6 năm 1996, đúng một năm sau ngày Hòa Thượng Tuyên-Hóa nhập Niết-Bàn, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới long trọng tổ chức Lễ Cung thỉnh Xá Lợi Hòa Thượng Về các Đạo-tràng. Hòa Thượng Tuyên-Hóa đã vĩnh viễn ra đi, nhưng trong tâm trí mọi người vẫn âm vang lời di-huấn của Ngài: “Hãy quét sạch tất cả các pháp, ly khai tất cả các tướng!”

MƯỜI TÁM ĐẠI NGUYỆN CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa mười chín tuổi thì thân mẫu Ngài tạ thế. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp-nhĩ-tân lạy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy, chính thức xuất gia. Ít lâu sau, Ngài tới trước mộ phần của thân mẫu thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía đức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, 19 tháng 6 âm lịch, Ngài đối trước Chư Phật và Chư Bồ Tát mười phương phát Mười Tám Đại Nguyện: “Kính lạy mười phương chư Phật, cùng Tam Tạng Pháp, với chư Hiền Thánh Tăng trong đời quá khứ và hiện tại,

Nguyện rủ lòng chứng giám:

Đệ tử là Độ-Luân, Thích An Từ,

Con nay phát tâm,

Chẳng vì cầu phước báo của hàng Trời,

Người, cùng Thanh Văn, Duyên Giác,

Hay của hàng Bồ Tát Quyền Thừa,

Con chỉ nương theo Tối Thượng Thừa,

Mà phát Bồ Đề Tâm,

Nguyên cùng tất cả chúng sanh trong pháp giới, đồng thời chứng đắc, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề

1. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh giác.
2. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh giác.
3. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh giác.
4. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong tam giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh giác.
5. Nguyên rằng nếu còn một Người ở trong mười phương thế giới chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh giác.

6. Nguyên rằng nếu có một vị Trời, Người, hay A-tu-la mà chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh giác.
7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc-sanh mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh giác.
8. Nguyên rằng trong thế giới loài Ngạ-quỷ mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh giác.
9. Nguyên rằng nếu trong thế giới loài Địa-ngục mà còn một kẻ chưa thành Phật, hoặc Địa-ngục chưa trống không, thì con thể không giữ ngôi Chánh giác.
10. Nguyên rằng trong tam giới, nếu còn một ai đã từng quy y với con – dù là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, hoặc thần mà chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh giác.
11. Nguyên hồi hướng, bố thí khắp nơi mọi phước lạc mà con đáng được hưởng cho tất cả chúng sinh trong pháp giới.

12. Nguyện rằng một mình con sẽ nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong toàn pháp giới.
13. Nguyện rằng con sẽ phân linh thành vô số để phổ nhập vào tâm của những chúng sanh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác hướng thiện, sám hối tội lỗi, biết tự sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng đều được thành Phật.
14. Nguyện rằng chúng sanh nào thấy mặt con, hoặc chỉ nghe tên con, đều phát tâm Bồ-đề, chóng đắc thành Phật đạo.
15. Nguyện rằng luôn tôn kính điều Phật dạy và thực hành mỗi ngày ăn một bữa vào lúc giữa trưa.
16. Nguyện giác ngộ loài hữu tình, nhiếp thọ rộng khắp các loài căn cơ.
17. Nguyện rằng trong đời này con sẽ đắc Ngũ-nhãn, Lục-thông, phi hành tự tại.
18. Nguyện rằng tất cả nguyện trên đều được thành tựu viên mãn.

Và cuối cùng:

*Chúng sinh vô biên thế nguyên độ.
Phiền não vô tận thế nguyên đoạn.
Pháp môn vô lượng thế nguyên học.
Phật đạo vô thượng thế nguyên thành.*



TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

1. Dịch giả phải tự thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng trích pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng .

Kệ Khai Kinh

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ tri
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*



Đạt pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe thấy chuyên tri tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu

THẦN CHÚ ĐẠI BI NHIỆM MẦU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN



Hôm nay bắt đầu vào thất đại bi. Buổi tối sau lễ sám tịnh sẽ tụng đại bi thần chú. Trong quá khứ, số chư Phật nói chú này nhiều bằng chín mươi chín ức số cát sông Hằng và Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vì thương hết thảy mọi loài chúng sanh, nên phát tâm đại bi, cưỡi thuyền từ bi trở về cõi Ta Bà để cứu độ chúng sanh ra khỏi cảnh khổ ách. Có câu : “*Bể khổ không bờ, quay đầu là bến*”, chỉ cần chúng ta kiên thành trì tụng Đại Bi Chú ắt sẽ thấy ứng nghiệm, không thể nghĩ bàn.

Trước đây trong vô lượng kiếp, Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát được Thiên Quang Vương Tinh Trú Như Lai diễn pháp đại bi thần chú cho nghe, lấy bàn tay sắc vàng xoa đầu, khiến Ngài khi nghe xong liền chứng quả vị Bồ Tát bậc Bát địa. Ngài liền sanh tâm đại hoan hỷ rồi lập tức phát nguyện lớn như sau : “*Nếu tôi có thể làm lợi ích hết thảy chúng sanh, thì xin cho tôi có ngay ngàn tay và ngàn mắt*”. Phát

nguyện xong hốt nhiên trái đất chấn động, hào quang phát ra từ chư Phật mười phương chiếu sáng thân Ngài, rồi ngàn tay và ngàn mắt tức khắc trang nghiêm thân tướng của Ngài. Tay thì có thể nâng đỡ, mắt thì có khả năng chiếu soi. Ngàn tay và ngàn mắt tượng trưng cho vô số thần thông và trí tuệ.

Ý nghĩa của đại bi: Căn cứ câu: “*Bi năng bạt khổ*”, bất cứ ai gặp phải mọi cảnh khổ nạn, nếu thành tâm tụng chú Đại Bi đều có thể được bình an, chuyển hung thành cát. Ngài Quán Thế Âm bạch Phật rằng: “*Nếu như chúng sanh trì tụng Đại Bi chú mà không được mãn nguyện, thì xin thề không thành chánh giác, trừ phi nguyện ước của họ bất thiện hay không thành tâm trì tụng*”.

Trì tụng Đại Bi chú không những được tự tại, mà các điều cầu mong còn được thành tựu; có thể tránh được khổ ách tai nạn và được vui sướng an lạc; vượt qua mọi hiểm nghèo, tới chỗ bình an vô sự. Làm sao có thể xa lìa khổ ách? Phải tụng Đại Bi chú. Làm sao thoát khỏi hiểm nghèo? Phải tụng Đại Bi chú, chớ có coi Đại Bi chú là tầm thường hay đơn giản. Tôi xin

nói với quý vị rằng nếu quả trong đời quá khứ và hiện tại quý vị không có căn duyên tốt lành thì ngay đến cả cái tên của Chú Đại Bi cũng chưa được nghe, đừng nói tới việc trì tụng. Nay không những quý vị được nghe biết tên của Chú, lại còn được trì tụng Chú với một lòng chí thành như vậy, thật là một cơ hội trăm ngàn vạn kiếp mới có một lần, rồi lại được thiện tri thức chỉ dẫn cách thức đọc tụng, thọ trì, tu trì nữa. Thật đáng cho quý vị coi trọng! Tóm lại, Đại Bi Chú có những lợi ích không thể nghĩ hết được.

Trong thời gian bảy ngày này, chúng ta nên thành tâm thành ý, rất mực cung kính trì tụng Chú Đại Bi, tụng cho tới độ tâm không vọng tưởng. Lúc đó lòng lắng trong, hoặc giả có người thấy hào quang, có người thấy hoa xuất hiện, có người được Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát rờ đầu, giúp cho khai mở trí huệ. Hoặc giả có khi ngửi thấy mùi hương lạ, cũng có người dù đã tha thiết chí thành trì tụng, nhưng cũng chẳng thấy một hiện tượng gì khác lạ. Dầu có hay không cũng chớ có nản lòng, cứ hết sức dốc một lòng trì tụng. Khi nào thời

khắc tới, sẽ nhất định chứng kiến cảnh giới “Cảm ứng đạo giao”, xuất hiện ngay trước mắt.

Bất luận thấy cảnh giới nào, hay chẳng thấy gì hết, việc chánh vẫn là tinh tấn trì tụng. Kẻ thấy diêm lành chẳng nên chấp vào tướng lành đó. Kẻ không thấy diêm gì cũng đừng sanh lòng tự ti mà tự bảo rằng: “A! Vậy là ta chẳng có thiện căn, sao ta chẳng thấy Bồ Tát?” Thiện căn có khi sớm kết thành quả, có khi thì muộn. Nếu như có cảm giác thiện căn của mình chưa đến lúc thành thực, thì ta phải tiếp tục bồi đắp, làm thêm nhiều công đức nữa mới được. Người ta nói : “Chưa trồng căn lành, phải trồng căn lành, đã trồng căn lành khiến nó tăng trưởng; đã tăng trưởng rồi khiến nó thành thực; đã thành thực rồi khiến tới giải thoát.”

Quý vị lần đầu tới Kim Sơn Thánh Tự, nghiên cứu Phật pháp, tu tập Phật pháp, phải dốc lòng thành học tập, không ngại khổ, không ngại khó. Ở đây trong vòng bảy ngày, nên dùng mãnh tinh tấn, xa lìa vọng tưởng. Nếu lại vừa học tập, vừa nghĩ ngợi lung tung, công phu không thể chuyên nhất được. Tâm

không chuyên nhất thì khó lòng sanh cảm ứng. Đó là một điều, quý vị phải đặc biệt chú ý!

Những lợi ích của công phu trì tụng Đại Bi Chú, nói ra không thể hết được. Phàm ai đã trì tụng Đại Bi Chú thì tuyệt đối chẳng bị dọa vào ba đường ác. Nếu bị dọa vào các đường ác đó thì Ngài Quán Thế Âm nguyện chẳng bao giờ thành Phật. Phàm ai ngu si mà trì tụng Đại Bi Chú, nếu chẳng biến thành kẻ trí tuệ, Ngài Quán Thế Âm cũng nguyện chẳng thành Phật. Thần chú Đại Bi lại có thể trị tám vạn bốn ngàn loại tật bệnh của thế gian. Ai bị bệnh nan y, cho đến các y sĩ, Tây y hay Đông y phải bó tay, nhưng nếu thành tâm trì tụng Đại Bi Chú cũng nhất định chẳng uống thuốc mà được khỏi bệnh. Thần hiệu của Đại Bi Chú thật không thể nghĩ bàn!

Tại Kim Sơn Thánh Tự có người đã từng được sự ứng nghiệm như vậy. Chữa trị chứng ung thư chẳng phải là chuyện dễ dàng, vậy mà trì tụng Đại Bi Chú khiến cho bệnh tiêu tan. Thần lực của Chú Đại Bi thật mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. Chỉ cần xem công phu của quý vị trong bảy ngày ra sao, ai thành tâm, người đó sẽ thấy ứng nghiệm, được lợi ích. Ai

có bệnh, bệnh sẽ lui. Ai không bệnh thì trí huệ được khai mở. Cầu chuyện gì được chuyện đó, cho nên Đại Bi Chú gọi là *bất khả tư nghĩ quảng đại linh cảm, vô ngại đại bi tâm đà-la-ni*. Chữ đà-la-ni (Dharani) dịch nghĩa là tổng trì, *tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa*, cũng gọi là chú, hoặc gọi là chân ngôn. Tóm lại đó là những chữ mật.

Mật chú gồm có bốn ý nghĩa sau :

1. Trong bài chú có tên vua các loại quỷ thần, nên phạm tiểu quỷ nghe đến tên này thì không dám làm bậy và phải tôn trọng phép tắc.
2. Chú được coi như khẩu lệnh trong quân đội, nếu vi phạm ắt sẽ bị trừng trị.
3. Chú có thể âm thầm tiêu trừ nghiệp tội mà chính mình không hay biết.
4. Chú là ngôn ngữ bí mật của chư Phật, chỉ có chư Phật mới hiểu được mà thôi.

Quý vị lần này tới tham dự pháp hội Đại Bi, đều có sẵn căn lành cả, đức hành đầy đủ lại được nhân duyên thành thực nên mới tới chùa Kim Sơn. Hy vọng rằng một khi đã vào tới “bào sơn” rồi thì không đến nổi tay không

trở về, tất phải được bảo vật để dùng cho mình. Bảo vật gì ? Chính là Chú Đại Bi . Đại Bi Chú có thể trị bệnh, có thể hàng phục loài ma, có thể khai mở trí huệ, có thể mang lại sự bình an, hay nói cách khác, cầu việc gì được việc ấy, nhất định toại lòng xứng ý.

Kỳ pháp hội Đại Bi này còn đặc biệt hơn nữa là tại Trung Quốc rất hiếm có khoá tụng Đại Bi có tính cách kỷ lục, kéo dài cả bảy ngày luôn như vậy. Tại các nước khác người ta có niệm chú Đại Bi trong bảy ngày không, điều này tôi không biết, nhưng tại đây là lần đầu tiên. Mong tất cả hết sức chân thành trì tụng Đại Bi Chú, công đức vô lượng!

Ngày 9 tháng 4 năm 1976

Kim Sơn Thánh Tự

NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



Ngày hôm nay, quý vị tập hợp lại đây, dự Quán Âm thất , để cùng nhau niệm thánh hiệu: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Đây là một dịp quý báu, hy hữu, chớ có uổng phí thời gian. Nếu như có lòng coi thường thì sẽ chẳng lợi ích gì, như người đã vào tới bảo sơn mà trở về tay không, rất là đáng tiếc. Mong rằng quý vị buông bỏ hết mọi thứ để dững mãnh niệm với một lòng tinh tấn, nhất định quý vị sẽ thấy cảm ứng, và có như vậy mới không cô phụ mục đích tổ chức Quán Âm thất này.

Bình thường khi vào thất Quán Âm, phần đông đều niệm Phật, niệm Bồ Tát, sau đó nghỉ nửa giờ rồi mới tiếp tục công phu. Tại Hương Cảng hay Đài Loan, đại khái mọi người niệm theo cách thức đó. Chúng ta ở Vạn Phật Thành này sẽ niệm một cách liên tục, không ngưng nghỉ, luôn một mạch từ sáng sớm đến tối, ở giữa không có thời gian nào nghỉ cả.

Quý vị nên biết rằng, chẳng phải chúng ta không nghỉ ngơi mới đúng, hay mọi người nghỉ ngơi là sai. Nói như vậy nghĩa là sao? Bởi vì chúng ta từ trước tới nay chưa hề dụng công, cho nên bây giờ phải hết sức tinh tấn, ráng hết sức để mà tiến tới. Còn như người khác thì họ đã dụng công từ lâu rồi, họ đã vào đạo, họ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát hay không niệm cũng vậy thôi, họ đều không có vọng tưởng, do đó họ nghỉ ngơi còn hơn chúng ta tinh tấn.

Giả sử chúng ta lại sanh tâm ngã mạn nghĩ rằng: “À! Chúng ta ở Vạn Phật Thành tu hành rất là dũng mãnh và tinh tấn, còn người ta thì giải đãi, lười biếng”. Nếu có ý nghĩ đó thì tất cả công đức của chúng ta đều bị tiêu ma. Đó chính là tâm tự mãn, tâm kiêu ngạo. Chúng ta nên hiểu rằng họ đã dụng công tu hành từ vô lượng kiếp, nay họ nghỉ ngơi chính là chờ đợi số người của chúng ta đương leo đèo theo sau. Nghĩ được như thế thì đúng, và dụng công mới có kết quả tốt, chứ không thể dụng công mà nẩy sanh tâm chướng ngại. Tâm chướng ngại chính là lòng tự mãn, lòng kiêu mạn, có thể phương hại đến hạt giống Bồ đề. Chúng ta dụng công phải ghi nhớ điểm này. Bất luận

trong trường hợp nào, phải tránh cho kỳ được tâm cống cao, ngã mạn, và tránh có ý nghĩ ích kỷ tự lợi, mà phải theo đúng câu: “*Pháp là bình đẳng, không có cao thấp*”, đó chính là châm ngôn của kẻ tu hành.

Khởi đầu dụng công, chúng ta phải giữ tâm cho chánh đáng. Không chánh đáng thì dù công phu ra sao cũng thành ma đạo. Tâm đã chánh đáng thì dụng công cách gì cũng có thể thành Phật. Con đường dẫn tới Phật hay tới ma chỉ khác nhau ở một niệm. Quý vị hãy đặc biệt chú ý.

Tại sao chúng ta phải niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát? Bởi vì đối với chúng sanh ở cõi Ta bà Ngài đều có nhân duyên. Ngài là vị Bồ Tát tầm thanh cứu khổ và cứu nạn. Có người nghĩ rằng: “Khi nào chúng ta gặp khổ và gặp nạn, chúng ta mới cần cầu Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, bây giờ không gặp cảnh khổ cũng không gặp cảnh nạn thì niệm danh hiệu của Ngài làm gì?” Nói vậy hóa ra chúng ta chẳng khổ chút nào ư? Đây là ngũ trước ác thế – kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước – các

chúng sanh đều bị khổ cả, khổ không thể nói hết. Rồi trong vòng luân hồi, các chúng sanh lên lên xuống xuống, vậy mà không phải khổ sao? Một ngày, từ sáng tới tối trong tâm toàn là vọng tưởng thôi thúc, đấy chẳng phải là cảnh khổ ư? Rồi âu lo cho riêng mình, muốn có lợi cho riêng mình, nhưng lo không được thì ngủ không an; cầu chẳng được thì ăn không ngon. Vậy mà nói là chẳng khổ ư? Ai dám đoan quyết rằng mình chẳng khổ? Họ chẳng khổ vì điều này thì lại khổ vì điều khác, tóm lại khổ bất ly thân. Trừ phi vạn sự đều buông bỏ, chẳng cầu điều gì họa may mới không khổ.

Chúng ta niệm câu Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, thì trước hết chúng ta phải hiểu ý nghĩa câu này. Nam Mô là tiếng Phạn, có nghĩa là quy mạng, Quán là quán sát, lấy *diệu quang sát trí* để quán sát. Ai có diệu quang sát trí? Ngài Quán Thế Âm, vì Ngài có loại trí tuệ đó, cho nên hết thấy mọi âm thanh của thế gian Ngài đều hay, đều thấy, không hề bị nhầm lẫn. Chữ Thế là chỉ thế gian. Âm là âm thanh. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát tu pháp môn phản văn văn tự tánh, cho nên Ngài dùng tâm để quán sát tiếng kêu cứu của các chúng sanh trong

thế gian. Khi Ngài nghe được sẽ tức khắc phân thân đến nơi để cứu độ nạn nhân ra khỏi bể khổ, thoát được khổ và được vui sướng, cho nên có câu kệ rằng :

*Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng,
Khổ hải thường tác độ nhân chu.*

Nghĩa là :

*Ngàn nơi cầu, ngàn nơi ứng,
Ngài là thuyền vớt người trong bể khổ.*

Bồ Tát Quán Thế Âm cũng giống như các bậc mẹ hiền, con cái cầu mẹ thì sẽ được mẹ cứu, không đến nỗi bị thất vọng bao giờ. Cho nên, Ngài có danh hiệu là Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chữ “Bồ Tát” có một nửa là tiếng Phạn, nói cho đủ là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), dịch nghĩa thành Giác Hữu Tình hay Hữu Tình Giác, cũng nghĩa tương tự. Giác là giác ngộ, hữu tình chỉ chúng sanh. Giác hữu tình tức là một chúng sanh trong số người giác ngộ, hoặc kẻ giác ngộ trong số chúng sanh. Bồ tát thuộc hàng Thánh tự giác giác tha – tự mình giác ngộ và giúp người giác ngộ – không tự

tư tự lợi, một lòng chỉ nghĩ đến hạnh phúc của chúng sanh, mà quên lợi ích của riêng mình. Đó chính là tinh thần vô ngã.

Như chúng ta muốn cầu Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ và phù hộ cho mình thì chúng ta phải thực lòng niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, lúc đó trong lòng mới thành khẩn và tác dụng cảm ứng mới phát sanh ra được, lúc đó Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ nghe tiếng kêu cầu và tới nơi để cứu độ chúng ta ra khỏi bể khổ. Ngược lại, nếu sự kêu cầu không thành tâm, hay lẫn lộn với những ý tưởng cầu danh cầu lợi, thì chẳng có thể cảm ứng.

Nay chúng ta niệm Thánh hiệu: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, ta nên giữ lòng thanh tịnh, niệm một cách khẩn thiết và chí thành, không vì lợi ích riêng tư mà niệm, mà chính vì lợi ích cho tất cả chúng sanh trong cõi ngũ trược ác thế này. Chúng ta cầu Ngài rủ lòng từ bi tế độ, khiến cho toàn thể nhân loại trên thế giới khỏi ách nạn, tội diệt phước sanh, tất cả đều được lợi ích.

Tất cả mọi người cùng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát và cùng hướng theo một

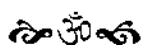
tôn chỉ như vậy, ắt sức mạnh cảm ứng chẳng thể nghi bàn. Nào! Quý vị hãy đem mọi công đức niệm thánh hiệu hồi hướng tới khắp chúng sanh trong pháp giới! Chính là :

*Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo*

(Khai thị nhân khóa Quán Âm Thất tại điện Quán Âm Vạn Phật Thánh Thành, từ ngày 5 đến ngày 11 tháng 10 năm 1981.)



NIỆM QUÁN ÂM TRONG TỰ TÁNH



Nay chúng ta chuyên tâm một lòng niệm Ngài Quán Âm Bồ Tát, vậy ta cũng phải niệm Ngài Quán Âm trong tự tánh của chúng ta. Chúng ta phải nghĩ rằng ở bên ngoài có cái gì, bên trong cũng có cái đó, như ở bên ngoài có Quán Thế Âm Bồ Tát thì bên trong cũng có Quán Thế Âm Bồ Tát. Bởi vậy, khi niệm Ngài Quán Âm thì ta phải làm sao niệm cho trong và ngoài là một, không phải hai.

Trong tự tánh của chúng ta, đã gồm đủ mọi đức tánh của vô lượng chư Phật đông như số cát sông Hằng, cho nên khi miệng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, thì trong lòng cũng phải chí thành tha thiết, mọi tạp niệm đều chẳng sanh, mọi vọng niệm đều dứt bật, và chỉ nhất tâm chuyên chú vào niệm. Không mong ước điều gì, không tham một sự gì, cũng chớ nên có ý nghĩ: “Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm gì?” Phải coi việc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chính là một tự tánh bốn phần.

Chúng ta niệm đến trình độ “niệm mà chẳng niệm, chẳng niệm mà niệm”, đó là cảnh giới tự tánh Quán Thế Âm hiện tiền, kết thành một khối, quên người quên mình, như vậy còn chỗ nào là phiền não nữa? Còn chỗ nào là vô minh? Đến cảnh giới vô ngại tự tại thì đại viên cảnh trí sẽ hiển lộ, bình đẳng tánh trí sẽ hiện tiền, rồi diệu quan sát trí cũng như thành sở tác trí đều đầy đủ. Có đủ bốn trí, nhưng chỉ mới tới giai đoạn đầu, bởi trong bốn trí còn trăm ngàn vạn loại khác nhau tùy theo từng giai đoạn. Chẳng phải mới thấy các trí xuất hiện mà cho rằng chúng cùng với bốn trí của chư Phật là giống nhau. Bất luận ở giai đoạn nào, tới được quả vị nào, thứ bậc không phải nhất loạt ngang nhau.

Người tu hành phải hiểu rõ ý nghĩa “sai một ly đi một dặm”, phải tự nhắc mình dụng công đi đúng hướng, tránh rẽ ngang, khỏi đi vào bàng môn ngoại đạo, và lầm vào tình trạng tà tri tà kiến. Phải luôn luôn giữ chánh tri chánh kiến, tức chánh niệm mới hiện tiền.

Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tức là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của chúng ta

chớ không phải niệm Quán Thế Âm Bồ Tát của người khác. Thế nào gọi là Quán Thế Âm Bồ Tát của ta? Chính là ta với Quán Thế Âm Bồ Tát là cùng một thể, niệm như vậy, nghĩa là ta cũng có đức từ bi, cũng có hỷ xả của Quán Thế Âm Bồ Tát, và cũng đầy đủ “bảy nạn, hai cầu”, cũng ba mươi hai ứng thân như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.



TU HÀNH PHẢI BIẾT HỒI QUANG PHẢN CHIẾU

Người tu hành phải thực tình, phải thật sự tu, phải bỏ công sức ra chứ không phải nhờ nhờ. Có một số người nói họ hành đạo Bồ Tát, nhưng đúng ra là họ cốt biểu diễn cho bà con thấy. Mỗi một cử chỉ, mỗi một hành động, mỗi lời nói ra, họ đều phô trương cho mọi người thấy, chứ không phải cho chính họ thấy. Những người đó cần phải biết hồi quang phản chiếu, còn như chờ người khác trông thấy mới niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát – nếu quả có tư tưởng đó thì phải mau mau sửa đổi lại.

Phàm kẻ tu hành mà chỉ muốn người khác trông thấy mình tu, chính là bỏ gốc cầu ngọn. Quên cái gốc rễ để chạy theo cái ngọn là chuyện không được. Tu hành là để cho chính mình thấy, trông thấy được mình tức là hồi quang phản chiếu. Nhớ kỹ! Hồi quang phản chiếu, chứ không phải phóng quang ngoại chiếu. Nếu phóng quang để chiếu ra ngoài, tức là chỉ muốn cho người khác nhận thấy, để họ bảo rằng mình là người thật sự tu. Phải biết

rằng khi đã phóng quang ra ngoài thì chẳng còn gì nữa, bởi hào quang của mình chẳng có bao nhiêu, một khi phóng ra là hết. Mình chưa tu hành đến độ viên mãn, lúc đó phóng quang cũng chưa muộn. Bây giờ đang trong giai đoạn tu hành, không nên phóng quang.

Việc tu hành cũng giống như việc học. Mới đầu học tiểu học, tiếp theo là trung học, sau lên đại học, rồi sau nữa mới có bằng tiến sĩ. Tu hành cũng như vậy, cứ từng bước một mà tiến lên dần dần, chớ không thể đi theo lối tắt. Có người bảo: *Thiền tông đề xướng đốn ngộ*, khai ngộ một cách chớp nhoáng. Chúng ta nên hiểu rằng đốn ngộ là nói về lý – cái lý về ngộ ngay tức khắc, nhưng về sự thì phải tu tập dần. Đốn ngộ là nói về cá nhân đốn ngộ, chớ không phải nói về thời hạn đốn ngộ, một khi tu là ngộ ngay. Trước đây từ vô lượng kiếp, người ta đã tu rồi, đã từng gieo trồng hạt giống Bồ đề rồi, lại nỗ lực canh tác, mỗi ngày một ít tích lũy lại, cho tới ngày nào đó công phu mới trở thành quả chín. Không khi nào có trường hợp chẳng tu mà được khai ngộ. Câu nói: “*Lý là đốn ngộ, sự là tiệm tu*” chính là nghĩa này.

Tại nơi này chúng ta tham dự thất Quán Âm, chúng ta phải mang hết tinh thần trì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, chớ không thể lười biếng cầu an, kiếm cơ để trễ nải. Nếu như để cho tâm hồn phóng dật, tức là để thời gian qua đi một cách uổng phí, lỡ mất cơ hội khai ngộ, đáng tiếc biết bao ! Thất Quán Âm này, xin quý vị hết mình dụng công, pháp hội này chính là một cơ hội hiếm có. Mong quý vị hãy trân quý từng thời khắc, nỗ lực dụng công trì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, nhất định sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.



TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI VÀO THẤT QUÁN ÂM

Chúng ta cần niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát một cách thường xuyên. Kỳ thực đối với người tu hành, thì ngày nào cũng coi như ở trong thất. Còn đối với chúng ta, vì chưa từng dụng công nên mới cần phải định ra một thời gian, để tất cả mọi người tu hội lại, rồi cùng nhau cử hành nhập thất, cái đó gọi là khắc kỷ thủ chứng. Trong vòng bảy ngày này, mọi duyên bên ngoài đều buông bỏ, một niệm chẳng sanh, chuyên tâm nhất chí, trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Niệm danh hiệu của Ngài sẽ có thể lìa mọi tà tri tà kiến đồng thời tăng trưởng chánh tri chánh kiến. Trong lúc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì tâm bình hòa, hơi thở đều đặn, tinh thần tập trung. Không nên có ý ganh đua, có tâm cạnh tranh. Ganh đua và cạnh tranh là hành vi của người thế tục. Tu hành là không đua với người đời, không ganh với ai, mọi người đều cùng nhau dụng công. Người nào ráng sức dụng công

cũng vậy, cũng coi như chính ta dụng công. Có tư tưởng đó thì hết tranh đua hơn kém. Người tu hành cũng không nên buông lung và sợ vất vả, phải thường xuyên tinh tấn, luôn luôn tinh tấn, tinh tấn từng giờ, từng khắc, từng phút, từng giây. Một phút tinh tấn là một phút cảm ứng; mười phút tinh tấn là mười phút cảm ứng.

Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, trong lòng có chân thành chăng? Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát ở trên trông thấy rất rõ. Ai niệm Ngài với một lòng chân thành, người đó sẽ được Ngài gia hộ chò trí huệ sáng suốt, căn lành tăng trưởng, tội ác tiêu diệt, ba chương diệt trừ – tức nghiệp chương, báo chương, phiền não chương, tóm lại hết thảy ác nghiệp đều được tiêu diệt. Bởi vậy, phàm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, ta phải niệm hết sức chân thành. Ai niệm chân thành, kẻ đó được lợi ích; ai niệm không chân thành, tuyệt đối không gặp cảm ứng.

Trong thất Quán Âm, có người niệm một cách chân thành, nhưng cũng có người niệm một cách tùy hỷ, mà chưa phải là thật lòng.

Thấy mọi người niệm, mình cũng niệm; thấy mọi người chạy, mình cũng chạy; thấy mọi người ngồi, mình cũng ngồi, trước sau chân tâm vẫn không nẩy sanh (chân tâm nghĩa là không có vọng tưởng). Khi niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, không thấy tâm tham, cũng không có tâm cầu, tức là có chân tâm. Không tranh, không ích kỷ, tự lợi, cái đó cũng thuộc về chân tâm. Dụng công với chân tâm, mọi nghiệp chướng đều được tiêu trừ. Tâm không chân, nghiệp chướng vẫn bám riết theo. Cho nên, trong thời gian nhập thất Quán Âm, hay nhất là: “bớt một câu nói, thêm một tiếng niệm.” Có câu rằng: *Đả đắc niệm đầu tử, hứa nhữ pháp thân hoạt*, nghĩa là làm chết tạp niệm thì pháp thân sẽ hiển hiện (sống).

Người tu hành, vì chuyện dứt sanh tử, vì mục đích cứu độ chúng sanh mà dụng công tu tập, chẳng phải vì cầu được cảm ứng. Có câu rằng: Tư y y chí, tư thực thực chí; nghĩ tới áo thì có áo – áo đến – nghĩ tới ăn thì có ăn, nghĩ chuyện gì thì có chuyện đó, đây là cảnh giới của chư thiên, nhưng tới lúc phước trời hưởng hết thì lại trở về luân hồi chịu khổ. Người tu

đạo nên hướng tới pháp rốt ráo là giải thoát, mới mong ra khỏi được tam giới, mới dứt được phần đoạn sanh tử.

CHUYỆN NGƯỜI CẦU ĐÁ CẦU PHÁP

Hôm nay tôi xin kể một câu chuyện có thực. Cách nay khoảng mười năm, có một gã hình dung cổ quái, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Ăn mặc thì lôi thôi, quần áo lam lũ, thân cao khoảng năm feet, người khảng khiu như que củi, sắc mặt không đổi thay. Ngày đó gã tới cổng lớn của chùa Kim Sơn, rồi ở đấy, gã ngồi tựa lưng vào tường. Gặp lúc trời mưa lớn, gã vẫn ngồi yên bất động. Có người bảo gã đi nơi khác, gã vẫn nín thinh không thèm để ý tới. Chừng ba ngày sau, tôi ra cổng chùa coi thử. Gã không hề nói chuyện với một ai, vậy mà gã bắt chuyện với tôi. Tôi hỏi gã họ gì, gã đáp: “ Họ Thạch.” Tên gì, gã đáp: “Tên Nhân.” (nguyên văn viết chữ “nhân” là người). Lại hỏi ở đâu tới thì đáp: “ở trên núi xuống.” Khi hỏi đến để làm gì thì đáp rằng: “Đến để

câu pháp.” Tôi mới bảo: “Ở đây chúng tôi chẳng có pháp nào để cầu cả, anh đến như vậy sẽ thất vọng.” gã trả lời: “Tôi chẳng bị thất vọng đâu.”

Hỏi han như vậy xong, gã theo tôi vào chùa Kim Sơn, rồi cùng theo đại chúng, khi ngồi thiền, khi ngủ nghỉ, nhưng tuyệt đối gã không ăn, không uống, không cả việc tiểu tiện hay đại tiện, thật là một gã kỳ quái. Ngày ngày gã ngồi yên tọa thiền, không nói năng, không cử động, trông gã tựa hồ như kẻ bị ngộ độc, cũng giống như kẻ đến để ngồi rờn chơi. Gã giấu trong mình một khúc than củi, hỏi đến thì gã nói dùng khúc than đó giữ hơi ấm. Gã ở tại chùa trong mấy hôm, hoạt động chung với đại chúng. Mọi người ở thiền đường dụng công, gã cũng dụng công, khi tất cả lên lầu ngủ, gã cũng lên lầu ngủ. Mọi người sợ gã ăn cắp đồ đạc, nên cho người bố trí canh gác gã, và trong lúc gã ngủ trong nhà thì người gác cũng nghỉ ở ngoài cửa, phòng khi gã mở cửa đi ra thì người gác có thể phát giác ngay được.

Bỗng một hôm, không ai thấy gã “người đá” đâu cả. Người gác rất lấy làm lạ, không biết gã dùng cách gì mà đi khỏi chùa, không ai

hay biết. Câu chuyện này chúng ta phải giảng ra sao đây? Người đá còn biết tới Kim Sơn Thánh Tự để cầu pháp, hướng chỉ chúng ta, vốn là vụn vặt chi linh mà không cố gắng học pháp, chẳng là đáng tiếc hay sao?



DI CƯ ĐẾN THẾ GIỚI CỰC LẠC

Tại Trung Hoa, người ta thường nghe nói câu: “*Nhà nhà Quán Thế Âm , nhà nhà Di Đà Phật*” (gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật). Ngài quán Thế Âm thật là đặc biệt có duyên với chúng ta, Ngài sẵn sàng rước chúng ta về cư ngụ vĩnh viễn nơi đất Cực Lạc, chẳng phải qua một thủ tục di dân nào. Chỉ cần chúng ta tỏ ra chân thành, một niệm thỉnh cầu, là có thể tới được, tuyệt đối không có gì là phiền phức. Chỉ khi nào không có bằng chứng về “*một niệm chân tâm*” thì chúng ta không thể tới thế giới Cực Lạc.

Làm thế nào để có bằng chứng về “một niệm chân tâm?” Thật quá dễ dàng, đơn giản vô cùng! Chúng ta chỉ cần chân thành mang hết tâm ý ra niệm: “Nam mô A-di-đà Phật,” hay “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát” hay “Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát” là đủ, bởi vì Phật A- Di-Đà là giáo chủ của thế giới Cực Lạc, còn Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí là những vị phụ tá đứng hai bên. Quý

vị đó được gọi là Tây phương Tam Thánh. Bất cứ chúng ta niệm danh hiệu vị Phật nào, niệm sao cho đến nhất tâm bất loạn, nhất trần bất nhiễm, thì ắt được đời nghiệp vĩnh sanh, nghĩa là sanh về nước Cực Lạc dầu ta còn mang nghiệp, từ trong hoa nở ra thấy Phật hay thấy các vị Bồ-tát.

Nếu chẳng muốn di cư đến thế giới Cực Lạc, thì khỏi cần niệm danh hiệu Tam Thánh, nhưng còn muốn về Cực Lạc thì phải niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, khi còn sống sẽ được miễn ba tai bảy nạn, khi chết thì được vãng sanh cõi Tịnh-độ, nhất cử lưỡng thiện, còn gì hay cho bằng.

Chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, niệm làm sao cho chúng ta cùng Ngài là một, tách nửa cũng chẳng rời ra, như vậy tới lúc lâm chung, dầu không muốn cũng phải sanh về Cực Lạc. Tại sao vậy? Bởi vì một khi gốc rễ đã vững chắc, thì tương lai ắt phải sanh cảnh sanh lá, nở hoa và kết trái vậy.

VẠN PHẬT THÁNH THÀNH TẨY RỬA THÂN TÂM

Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát tại đạo tràng thì rất dễ có cảm ứng. Niệm với một lòng kiên thành, niệm mà không loạn tưởng, niệm đến trình độ *niệm Phật tam muội* thì gió thổi chẳng lọt, mưa rơi chẳng thấm, mọi nguyện vọng sẽ được mãn túc. Khi niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, ta phải hết lòng cung kính, phải chú tâm không có vọng tưởng, nhất định sẽ có cảm ứng. Bất kể chúng ta có vọng tưởng gì, Ngài Quán thế Âm cũng biết. Chúng sanh có các loại tâm nào, Quán Thế Âm Bồ tát đều biết hết, đều thấy hết. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát với lòng chí thành hết mực ắt có cảm ứng. Không thành tâm sẽ không có cảm ứng.

Những người ở Vạn Phật Thành, ai nấy đều phải thanh tịnh thân tâm, không cho sanh khởi tâm vô minh, tâm phiền não, không được tức giận, lúc nào cũng phải giữ một thái độ hòa nhã, hướng tới lòng từ bi, không đối xử thô lỗ với bất cứ ai, không xen vào bất cứ một chuyện gì. Giữ được như vậy mới thực lòng

niệm quán Thế Âm Bồ Tát và thực lòng thờ lạy Ngài.

Những ai đến Vạn Phật Thành, lạy Phật, không thể sanh tâm phiền não. Nếu có phiền não thì chẳng những cầu chẳng được phước, mà còn thêm khổ não. Dầu trong bất cứ tình huống nào, cũng phải tập nhẫn nhục ba-la-mật. Vạn Phật Thành là đạo tràng để tẩy rửa thân tâm. Khi có phiền não, đến Vạn Phật Thành thì thân tâm liền được thanh tịnh. Tại sao vậy ? Bởi vì được ngày Quán Âm gia hộ, khiến cho mọi phiền não của chúng ta đều nhất loạt tan biến.

Ai đến Vạn Phật Thành phải học tập theo tinh thần từ bi hỷ xả của Quán Thế Âm Bồ Tát, phải trang bị tư tưởng xả kỷ lợi nhân, cho lòng rộng mở, bao dung mọi sự dù bất như ý. Có duyên mới gặp gỡ nhau, hà tất cãi vã với nhau, chẳng có gì là hay ho cả! Ai như vậy thì cố mà sửa đổi, ai không thì hãy cố gắng!

Vạn Phật Thánh Thành là nơi tẩy rửa tập khí của chúng sanh. Đến đây rồi, vị nào hút thuốc sẽ không hút thuốc, ai uống rượu sẽ

không uống rượu, ai đánh bạc sẽ không đánh bạc, ma túy cũng không, các đồ độc hại đều nhất loạt bỏ lại. Chẳng phải chỉ tại Vạn Phật Thành mới có được như vậy, mà đi tới đâu cũng sẽ giữ giới, cái đó là do tới Vạn Phật Thành, thân tâm được tẩy rửa tinh khiết, thân tâm được kang kiện, con người hoàn toàn đổi mới. Khi các tập khí phiền não tiêu trừ, lúc đó mới thực là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, mới thực không uống tâm nguyện nhập thất Quán Âm.

Mọi người đều không sanh phiền não, là có được vật báu. Có câu nói như sau:

*Chẳng sanh phiền não, chẳng tâm nghi,
Chỉ lo việc ta chẳng việc người,
Nhân điều không phải, bớt tranh cãi,
An nhiên thanh tịnh trí huệ sanh,
Mình tâm chuyện khó không trở ngại,
Kiến tánh còn đâu gặp ưu sầu,
Ưu tư oán hận tâm mờ tối,
Phật quang chẳng phải chẳng chiếu khắp.*

Nếu theo được như mấy câu trên, nhất định sẽ đặc biệt có cảm ứng.

CÀNG NIỆM QUÁN ÂM CÀNG BỚT VỌNG TƯỚNG

Niệm thánh hiệu của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát có tác dụng tẩy rửa rác rưởi trong tâm của chúng ta. Niệm một câu là bớt đi một vọng tưởng, niệm hai câu sẽ bớt đi hai vọng tưởng. Niệm tới vạn lần Quán Thế Âm Bồ Tát tức là cả vạn vọng tưởng được tẩy rửa. Có người bảo: “Pháp sư nói không đúng rồi! Đệ tử vừa niệm Quán Thế Âm Bồ Tát lại vừa thấy có vọng tưởng, số vọng tưởng nổi lên còn nhiều hơn số niệm thánh hiệu nữa.” Nói như vậy thì quả là bản lãnh quá cao cường, không thể nghĩ bàn! Một tràng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, một tràng nổi lên vọng tưởng! Kỳ thực người nào nói đó chẳng hề niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, đây chỉ là trạng thái tâm bất tại, nhìn mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe. Tuy rằng anh ta có theo mọi người niệm Quán Âm, nhưng chính anh chẳng hề để ý tới Ngài. Bởi anh ta không chú ý tới Ngài nên vọng tưởng của anh mới sanh ra. Vọng tưởng đến rồi, thì miệng niệm mà tâm thì tạp loạn. Trong lúc có vọng

tưởng, miệng cũng quên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Quên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, vọng niệm lại nổi lên. Cái đó chính là thiếu nghiêm túc, không thực lòng. Anh ta đến đây, chẳng phải là để niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, mà chỉ là a – dua theo mọi người, do đó, niệm không đúng cách, thanh âm không mạnh mẽ, khí lực không đầy đủ.

Trong lúc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, mắt nhìn Quán Thế Âm Bồ Tát, tâm tưởng hướng về Quán Thế Âm Bồ Tát, nhận ra Quán Thế Âm Bồ Tát trước mắt mình, ngàn mắt chiếu soi mình, ngàn tay nâng đỡ mình. Âm thanh do chính mình niệm cũng do tai của mình nghe một cách rõ ràng. Rồi thanh âm do chúng ta niệm bèn rót thẳng vào tâm, ta lại đón nhận âm thanh đó như đón nhận chính Bồ Tát tới ngự trị trong tâm của ta. Trong tâm đã có Quán Thế Âm Bồ Tát rồi thì còn đâu vọng tưởng nữa. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát chính là liều thuốc mầu nhiệm để trị bệnh vọng tưởng, cho tới khi tâm được thanh tịnh thì lúc đó có sự tự tại.

NIỆM QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT VỚI ĐỦ SÁU CĂN

Niệm Quan Thế Âm Bồ Tát chẳng phải chỉ riêng miệng niệm cho rõ ràng, mà trong tâm cũng phải ghi nhận cho rõ ràng. Cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đủ sáu căn, tất cả đều cùng niệm. Mắt niệm, tai niệm, mũi niệm, lưỡi niệm, thân thể niệm, ý thức cùng niệm, tóm lại mọi căn cùng một lúc niệm Quan Thế Âm Bồ Tát. Cái đó gọi là thâm nhiếp sáu căn, một cửa thâm nhập .

Tại chương Đại Thế Chí Viên Thông, kinh có nói : “*Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tương tục, chứng tam ma địa, ấy là đệ nhất*”. Đại ý câu này có thể giải thích như sau: nói nhiếp cả sáu căn tức là bảo chúng ta gom sáu căn đó lại, không cho chúng tán loạn, bảo chúng phải nghe lời và phụng hành nghiêm chỉnh; phải làm sao khiến cho sáu tên giặc – tức sáu căn – biến thành sáu vị hộ pháp. Nhiếp sáu căn tức là ra lệnh cho chúng phải giữ phép tắc, không để chúng tác quái; huấn luyện chúng đến chỗ thuần thực, ngoan ngoãn nghe lời. Không

chuyên tâm niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, cái đó là bởi lý do gì? chính là bởi không thâm nhiếp lục căn, không chế ngự sáu tên giác là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Vì đó mà chúng mặc sức tung hoành, làm mưa làm gió, dẫn tới tình trạng vọng tưởng lăng xăng, không an phận thủ thường, tới đâu cũng gặp điều rắc rối.

Nếu như sáu căn đều được thâm nhiếp, thì lúc đó tịnh niệm nối tiếp nhau. Các niệm thanh tịnh cũng giống như làn sóng trên mặt nước, cái này nối tiếp cái kia không dứt. Niệm Quan Thế Âm Bồ Tát với tâm thanh tịnh thì cũng như vậy. Niệm niệm không gián đoạn, niệm niệm không ngưng nghỉ, niệm tới một lúc nào đó liền chứng được *tam ma địa*. *Tam ma địa* dịch nghĩa là chánh định, chánh thọ, đó là pháp môn viên thông đệ nhất. Tới được cảnh giới này thì cả sáu căn cùng một lúc niệm thánh hiệu của Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát.

Có vào được cảnh giới *tam ma địa* chúng ta mới có thể chứng được pháp “Niệm Quan Âm tam muội”, và mới có thể gọi là người đã vào thất Quán Âm. Chưa chứng pháp này thì chưa có thể coi như đã vào thất Quán Âm. Tỷ như

trong cảnh giới tam ma địa, một mạch bắt đầu từ sáng sớm cho đến tối mới được nghỉ ngơi. Trong khoảng đó, miệng chỉ biết niệm Quán Âm mà không còn biết gì khác nữa, mọi ý niệm thời gian không còn, chẳng biết đâu là quá khứ, hay hiện tại, hay vị lai, cả ba đều coi như không cả, đó chính là cảnh giới tam ma địa.

Đạt được cảnh giới này thì niệm Quan Âm là niệm trong trạng thái tinh thần tập trung, quên mọi phiền não. Ta chưa ăn cơm hay đã ăn rồi, cũng không còn nhớ nữa. Tại sao? Bởi vì chúng ta dốc lòng niệm Quán Âm mà. Quần áo mặc vào hay không mặc vào? Cũng chẳng nhớ. Tại sao? Bởi chúng ta chuyên tâm niệm Quán Âm mà. Đã được ngủ nghỉ chưa? Cũng không biết. Tại sao? Bởi chúng ta chuyên tâm niệm Quán Âm mà. Nếu thực tình ba thứ ăn, mặc, ngủ nghỉ mà cũng quên, đó chính là cảnh giới tam muội. Trong tâm không có vô minh, không có phiền não, không có vọng tưởng. Niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, niệm thật rõ ràng, hoan hoan hỷ hỷ, không còn gì an nhiên tự tại hơn, sáng khoái hơn. Có bệnh chăng? Bệnh cũng hết. Đau chăng? Cũng hết

đau. Không ăn cũng không đói, không ngủ cũng không buồn ngủ, đó chính là cảnh giới của người niệm Quán Âm tam muội.

TỰ XÉT SAI LẦM CỦA MÌNH

Như bảo rằng: “Tôi có thể nghe được tiếng nói ở không trung”, đây tức là cảnh giới ma, không phải là cảnh giới của người vào định. Người tu đạo không thể nói như vậy mà phải theo được các câu sau :

Tự lánh chúng sanh thệ nguyện độ.

Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn.

Tự tánh pháp môn thệ nguyện học.

Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.

Người tu học phải luôn luôn quay lại chiếu soi mình, chớ không phải hướng ra ngoài tìm cầu, bởi ở bên ngoài không có cái gì để kiếm được. Ngay trong tự tánh của mình, mọi thứ đều có sẵn, đều hoàn bị. Chúng ta hãy tự hỏi mình có tu hay không tu? Có hạ thủ công phu

không? Đừng hỏi gì khác, chỉ hỏi ta có tham không? Có tham, tức là không tu hành. Không tham tức là có tu hành. Cái đó mới là quan trọng nhất.

Lại tự hỏi mình, có tâm sân không? Bỗng dưng người ta đánh mình, mình có nổi nóng không? Nếu quý vị nổi nóng tức là quý vị chưa có công phu. Nếu quý vị thực không nổi nóng, quý vị cũng không nên tự cho là mình hết chấp ngã, cái đó chỉ là giảm phần nào tâm chấp ngã đó thôi. Chúng ta phải theo cho được các câu sau: *"Đánh ta, coi như không thấy; mắng ta, lấy lẽ đối xử"* – Đả ngã, một khán kiến; mạ ngã, bả lý phục – Hy vọng quý vị ở đây theo đó dụng công phu.

Nếu nổi nóng, tức chưa có tu hành, chưa buông xả. Buông xả được thì ai là người phiền não? Ai là kẻ trêu chọc? Nếu không phiền não, cũng sẽ không nổi nóng, đây là bốn phận của người tu. Cũng không thể nói là ta tu hay, cái đó chỉ là tiến được một bước. Không thể có lòng cống cao ngã mạn, tự coi mình giỏi. Như nói: *"Này! Các người có đến đây coi chúng tôi tu, số một thế giới đấy!"* Đây chính là đại ngã

mạn! Đại ma vương! Ngàn vạn lần quý vị không nên có những ý nghĩ như vậy, bởi nói cách đó chính là tà tri tà kiến.

Soi lại chính mình, thử xét mình có ngu si không? Có điều gì không được hiểu rõ, còn bị chướng ngại? Một điều thông, mọi thứ đều thông, và đây cũng chỉ là bước đầu của việc tu tập. Không thể nói rằng ta biết đã đủ rồi, tất cả đều viên mãn, nói như vậy là tính cuồng mạn. Có câu nói: “Chân không vô nhân ngã, đại đạo vô hình tướng” Đã là chân không thì cái gì là người? Cái gì là ta? Làm sao còn vọng tưởng? Như chứng được tam ma địa thì tự nhiên nước cam lồ hiện tiền, đâu cần phải chạy đi đâu tìm kiếm, tất cả đã ở trong tự tánh rồi.

Người tu đạo không thể mang bộ mặt giả dối, mang cái nhân hiệu tu mà sự thực chẳng tu, cái đó người ta nói là: “Treo đầu dê, bán thịt chó”, làm những việc không đúng pháp làm sao chứng được tam ma địa! Kẻ tu hành chân chánh mà chuyên tâm niệm Quán Âm thì sẽ chứng tam muội. Cảnh giới tam muội thì gặp trời lạnh không cảm thấy lạnh, trời nóng không thấy nóng, thiếu nước không biết khát,

thiếu ăn không thấy đói, diệu dụng như vậy, nhiệm mầu không thể nói hết.

Người tu đạo phải thực lòng mà tu hành, cốt lấy cái thực chứ không tham cái danh giả. Tu hành là nói tới cái công phu thực sự, đem ra mà khảo nghiệm. Không thể tự mình đánh trống thổi kèn, rêu rao rằng ta là người đạo hạnh. Giả hay thực, nhìn qua là biết. Người tu không thể dối người khác, dối người là tội đọa địa ngục. Lại cũng không thể tu được chút ít mà tự coi là đầy đủ, giống như cái bánh vẽ không thể làm cho no bụng được. Tuy có câu nói rằng “thấy trái mơ thì hết khát nước”, nhưng cảm giác này chỉ là tạm thời, chứ không làm cho hết khát thực sự. Phải noi theo cho đúng phép tắc thì mới là con đường chánh để tu hành.



NIỆM QUÁN ÂM KHI KHẨN CẤP

Hôm nay tôi xin truyền cho quý vị một yếu quyết. Đó là yếu quyết để áp dụng trong giờ phút thật khẩn cấp. Gặp những trường hợp đó chúng ta phải giữ bình tĩnh, đừng hốt hoảng, chuyện sống chết hãy tạm gác một bên, một lòng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc chắn sự hiểm nguy sẽ hóa thành tốt lành, thoát khỏi ách nạn.

Trong giây phút khẩn trương, chúng ta hãy nghĩ rằng: *“Đàng nào cũng chết, vậy trước khi chết ta hãy dốc lòng niệm Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, biết đâu đó là niềm hy vọng”*. Hành động như thế, tức là từ hiểm nguy mà gặp may mắn.

Khi đi máy bay, gặp lúc trên không máy bay gặp nạn, sắp bị rơi. Ngay lúc đó chúng ta hãy niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì rằng Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát chuyên cứu khổ cứu nạn, một vị Bồ Tát có cầu có ứng, nếu chẳng niệm danh hiệu Ngài, thì sanh

mạng của chúng ta vô cùng nguy hiểm, không còn hy vọng gì nữa. Lúc đó chúng ta đem hết lòng thành niệm, cảm ứng tới đức từ bi của Ngài, thì toàn thể sanh mạng trên máy bay được cứu vớt. Vào thất Quán Âm chúng ta cũng phải khởi lên những ý tưởng như vậy để hạ công phu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chúng ta lại tưởng tượng khi đi xe lửa, và giả thử ngay khi biết xe lửa trật đường rầy, tức là trong khoảng thời gian đường tơ kẽ tóc đó, nếu chúng ta không niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, toàn thể hành khách trên chuyến xe đó đều gặp nạn tử vong. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát có nghĩa là phát ra lời kêu cứu, Bồ Tát nghe được tiếng kêu thì dầu có cách xa cả vạn ngàn sông núi, Ngài cũng tới ngay, tiếp cứu chúng ta ra khỏi khổ nạn, linh nghiệm vô cùng.

Lại tưởng tượng chúng ta đi tàu trên biển, chẳng may gặp cảnh tàu sắp đắm, cái nguy cơ gửi thân trong bụng cá. Trong phút nguy cấp ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tới phút chót cũng niệm. Nếu được như vậy là hung hóa cát.

Lại giả thử ta ngồi trên xe hơi đang chạy nhanh trên đường, hốt nhiên xe không làm chủ

được nữa, bay qua lề đường bên bờ vực sâu, vách dựng thẳng đứng. Xe hơi mà rớt xuống đáy vực là hết đời, xương tan thịt nát. Ngay lúc đó nếu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, với tất cả lòng thành khẩn, xe hơi sẽ đáp xuống an toàn, kinh hoàng nhưng không nguy hiểm. Đây chính là cảm ứng của pháp niệm Quán Âm.

Trong giờ phút khẩn cấp hiểm nghèo, niệm được một câu Quán Thế Âm Bồ Tát thì bằng cả trăm vạn câu trong lúc bình thường. Tại sao vậy? Bởi trong lúc không có gì nguy hiểm, lời mình niệm chưa đủ tha thiết, lòng mình chưa đủ thành khẩn. Cho nên, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, ta phải hết lòng kiên thành, hết lòng chân thực, thì cảm ứng đó mới thật là không thể nghĩ bàn.

Có niệm Quán Âm mới có phần hy vọng, hoặc giả được cứu vớt, cho nên đã hết lòng khẩn niệm thì cuối cùng tai nạn sẽ vượt qua, gió im sóng lặng, đến được bến bờ. Sự thực thì:

*Một ngày qua đi, mạng cũng giảm dần,
Như cá thiếu nước, có gì mà vui!
Đại chúng!*

Phải lo tinh tấn, cứu lấy cho mình.

Nghĩ tới vô thường, chớ đừng phóng dật!

Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy nơi tùy lúc mà niệm, nói một cách khác, đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được cả. Miệng niệm hay tâm niệm, công đức cũng ngang nhau, đừng khởi tâm phân biệt, lúc nào cũng tùy duyên. Phải nhớ rằng chớ tới lúc mạng chung mới niệm thì đã quá muộn, không còn cơ hội nữa. Vì vậy mới có câu: “Nghĩ tới vô thường, chớ đừng phóng dật”.



ĐẠT TỚI CẢNH GIỚI BẤT ĐỘNG TÂM

Người học Phật pháp, phải biết Phật pháp, phải tu trì Phật pháp. Cũng có thể nói là ăn bằng Phật pháp, mặc áo Phật pháp, ngủ trong Phật pháp, đi đứng nằm ngồi thấy đều trong Phật pháp. Người biết Phật pháp, luôn luôn vị tha, để lợi ích của mọi người ở phía trước, tuyệt đối không nghĩ cho quyền lợi của mình. Nói tóm lại, phải đả phá bệnh “chấp ngã”. Chỉ biết người, không biết mình, tới được trình độ ấy mới gọi là người biết Phật pháp.

Người tu trì Phật pháp thì bất cứ ở trong hoàn cảnh nào cũng không bao giờ động tâm. Tại sao vậy? Bởi vì nếu công phu tu hành tới mức thì ắt có đạo lực, và từ đó biết phân định cảnh giới nào là chân thực, cảnh giới nào là hư dối. Chẳng kể trước mắt là cảnh giới nào, chân thực cũng tốt, hư dối cũng tốt, chẳng có gì làm cho tâm động. Cho nên chúng ta thấy trong nhà Thiền thường có câu nói: “Phật đến chém Phật, ma đến chém ma”, ý nghĩa là không chấp trước bất cứ thứ gì. Không chấp trước là giải thoát, giải thoát là tự tại. Học Phật là cầu giải thoát, cầu tự tại, tức là không còn bị ngũ

dục trôi buộc, vậy mới ra khỏi được tam giới, đến được cõi tịnh độ Thường Tịch Quang, gần gũi chư Phật và các vị Bồ Tát.

Thế nào là cảnh giới thực? Khi nào trong tâm không khởi lên động niệm thì mọi cảnh giới trước mắt đều là chân thực. Một khi tâm ngu si vọng động, tâm tưởng thấy cái này, cái kia, thì cảnh giới lúc ấy phần nhiều là hư dối. Cảnh giới của Đại viên cảnh trí là thực, nhưng cảnh giới hiện lên trong tâm thức phân biệt là giả, cho nên có câu rằng: “Có tâm tức thị vọng tưởng, vô tâm tức thị cảm ứng”. Ai học Phật pháp phải cố ghi nhớ! Tất cả mọi cảnh giới đến với chúng ta, ta phải có con mắt *trạch pháp* (chọn lựa pháp). Ta nhận thức cảnh giới mà không chấp vào nó. Bất luận đó là thật hay giả, ta đều không chấp trước. Nếu chấp thì cảnh giới chân cũng thành ra giả, nếu chẳng chấp thì giả sẽ biến thành chân. Nghĩa lý như thế nào? Lấy nước và băng chẳng hạn, băng vốn từ nước, nhưng nước chẳng phải băng, tính chất vật lý của nước là như thế, ai cũng biết. Như trong câu: “Phiền nào tức Bồ đề, Bồ đề chẳng phải phiền nào” thì phiền nào có thể dụ cho băng, Bồ đề là nước, còn vô

minh là độ lạnh. Vì vô minh, nước kết băng; không vô minh, băng hóa ra nước. Khi là băng thì ở trong tam giới, chịu vòng sanh tử; khi là nước thì ra khỏi tam giới chẳng sanh tử.

Xin quý vị chú ý, quý vị phải dụng công ngay chỗ này. Lục Tổ đã từng nói: “*Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, ngay lúc đó, cái gì là bốn lai diện mục của thượng tọa Minh*”. Nghĩa lý như vậy đó. Nếu như chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tức là không có niệm nào; vô niệm, vô trụ, nhất thiết không, chẳng có cái gì hết. Tới lúc đó sẽ thấy được bốn lai diện mục của mình, tức gốc gác của mình vậy.



PHẢI CỨU VẤN NGUY CƠ CỦA THẾ GIỚI

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu một vấn đề lớn, nhưng vấn đề gì cũng không ngoài phạm vi bốn chữ “thiện ác nhân quả”. Thiện sẽ thắng, ác sẽ bại, đó là luật nhân quả. Người ta thường nói: “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”. Cũng vì lẽ đó mà thế giới của ta mới không bị hủy diệt. Nếu quả có lý ngược lại, nghĩa là thiện thì bại, ác thì thắng, thì chẳng còn thiên lý nữa, mà không còn thiên lý, thì thế giới đã bị hủy diệt, tức là đã có ngày tận thế.

Làm sao để thế giới không bị hủy diệt? Phải cải thiện nhân tâm. Lòng người hướng thiện thì ánh sáng sẽ chiếu khắp thế giới. Ánh sáng là trí tuệ, mà người có trí tuệ là người có tâm chánh, mọi điều họ tạo tác, họ hành động đều chánh đại quang minh, không có tư tâm vị kỷ. Tâm tưởng đều nhất loạt hướng tới hạnh phúc của nhân loại, không hề phân biệt, chủng tộc này, quốc gia kia, thiên hạ đều gom lại

một nhà của đại đồng thế giới. Nay thì lòng người khác xưa, phân đông đều ích kỷ, tự lợi, chỉ tranh đua quyền lợi cho riêng mình mà hy sinh hạnh phúc của tập thể, cho nên thế giới mỗi ngày một đen tối, mỗi ngày một ngu si, mỗi ngày một thêm nguy hiểm. Ngày hủy diệt như đã gần kề, chỉ trong đường tơ kẽ tóc, mà nếu không tìm biện pháp cứu vãn, thì tất cả đều chung một số phận, chẳng ai còn một cơ may sống sót. Nhưng làm sao cứu vãn đây? Kinh có dạy: “*Các điều ác chẳng làm, các điều thiện phụng hành*”. Ai ai cũng hướng thiện, không hướng tới ác, trên từ vị nguyên thủ, dưới tới tận trăm họ, mọi người đều lấy trí tuệ làm ánh sáng để xua đuổi ngu si và hắc ám. Nếu được như vậy thì bộ mặt thế giới sẽ đổi từ âm qua dương, và chiến tranh sẽ biến thành hòa bình.

Nay chúng ta đương sống trong cảnh đêm dài dằng dặc, sống và chết trong cảnh mộng say. Bởi đêm dài dằng dặc mới thấy cần ánh sáng; vì tối tăm nên lòng người ưu uất sầu muộn. Trong bầu ánh sáng, nhân tâm sẽ hoan hỷ. Hắc ám và quang minh chỉ tại lòng người thiện ác. Hủy diệt thế giới là ở nhân tâm, mà sáng

tạo thế giới cũng ở tại nhân tâm. Chúng ta là người học pháp Phật, chính là từ bỏ vọng tâm tìm chân tâm, cho nên Phật pháp chính là phương pháp cứu vãn thế giới, cái gương quý cải thiện nhân tâm.

Phàm chuyện đời, cái gì có lợi thì ắt có cái tệ hại. Tỷ dụ như cái máy truyền hình, nó có thể cho ta biết chuyện lớn trong nước và các diễn biến quốc tế. Một câu người ta hay nói: “*Tú tài bất xuất môn, tiện tri thiên hạ sự*”, tú tài chẳng ra khỏi cửa mà biết hết cả chuyện thiên hạ. Đây là dụng ích tốt của máy truyền hình, nhưng nó cũng có khía cạnh xấu. Con nít coi truyền hình thường bị ảnh hưởng xấu, học lối gian dối, làm những hành vi trái đạo lý, khiến mất hạnh phúc trong gia đình, gây hỗn loạn trong xã hội, thành những thiếu niên bất hảo, đâu đâu cũng gây chuyện thị phi. Nếu như vậy rồi mai sau những hạng đó ra chấp chánh thì làm sao có hòa bình được? Đó là một trong cái hại của máy truyền hình.

Thế giới ngày nay đã đi tới giai đoạn mà sự trong sáng đã bị che mờ thành màu u ám. Vậy phải làm sao? Là một thành phần của

nhân loại, trước hết chúng ta hãy đem bản thân mình ra để cố gắng bài trừ các tập khí của chúng ta, mang hết tâm tham, tâm sân, tâm si ra gạn lọc, lấy bản thân mình để ảnh hưởng đến người khác. Tư tưởng cùng hành vi của chính chúng ta phải thật là đúng mức thì sau đó mới khuyên nhủ được mọi người hướng thiện, lấy đó làm khuôn mẫu, nếu không thì chỉ là chuyện nói để chơi, chẳng ích lợi gì.

(Kỷ yếu ghi: Để cầu nguyện cho hòa bình thế giới, hai pháp sư Hằng Thật và Hằng Triều mang bản thân nêu gương hành động, ba bước một lạy, khuyên người hướng thiện, diệt trừ ba độc, là các tâm tham sân si. Mọi người nếu không có ba tâm độc ấy thì thế giới hòa bình, và có hòa bình thì nó sẽ không bị hủy diệt. Ngược lại, nếu có chiến tranh nguyên tử, thế giới tức bị tiêu diệt).

Phàm người chịu gánh vác việc thiên hạ, đều có tư tưởng thương xót nhân loại. Như đức Phật Thích Ca năm xưa khi tu đạo Bồ tát, Ngài chịu khổ hạnh như vậy. Tại sao? Bởi muốn tạo ảnh hưởng trong chúng sanh, khiến chúng sanh y pháp tu hành, mới có thể lìa khỏi khổ được an vui. Tôi thường nói: “Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phước thì tiêu hao phước”.

THAM SÂN SI LÀM CHƯỚNG NGẠI ĐƯỜNG TU

Nói về khoảng thời gian chúng ta ở tại thế, nó qua nhanh chỉ trong nháy mắt. Vậy mà không ai buông xả được, cứ ôm cứng lấy, chấp đông chấp tây, coi thế giới này là chân thực, từ đó mà ra công tranh danh đoạt lợi, quần quanh hoài trong vòng lợi danh, vì lợi danh mà làm những hành vi điên đảo, trái lương tâm. Kết quả tối hậu cũng chỉ là vì danh mà chết với danh, vì lợi mà chết với lợi. Một đời, tôi tranh anh đoạt, vì lợi danh mà quay cuồng điên đảo, nguyên nhân là sao vậy? Bởi vì người ta chưa nhận thức được ba độc là tham sân si. Loại độc này còn ghê ghớm hơn bội phần các thứ thuốc độc khác. Thuốc độc chỉ hại thân thể, chứ không hại được cái tâm, còn tam độc thì vừa hại thân, vừa hại tâm, làm cho ta phải điên cuồng, nhẹ thì tiêu hủy gia đình, nặng thì diệt quốc, thậm chí đến hủy diệt thế giới, cho nên ba độc đó chính là kẻ thù của nhân loại.

Tại sao trên thế giới lại có những kẻ sát nhân, đốt nhà, gian dâm, với những chuyện

cướp bóc? Bởi vì người ta tham, sân, si và ba độc này được ưa chuộng, khiến cho người ta tham mà không biết chán. Gặp chuyện cầu mong mà không được, bèn nổi tâm sân hận, nhẹ thì nó ỉn núp bên trong, nặng thì phát ra hành động, thành đấu tranh, có khi thành chiến tranh. Bởi vậy nên thế giới không an ổn. Nếu quả mọi người giữ lòng thanh tịnh, không bợn trong tâm, làm việc với tâm từ bi, thì thế giới tự nhiên hòa bình không còn chiến tranh nữa.

Nếu muốn giải quyết tận gốc vấn đề của thế giới, thì phải nhằm vào ba độc để hạ thủ công phu, tìm cách làm sao cho mọi người không tham, không sân và không si. Làm được như vậy chăng? Biện pháp duy nhất là tin theo Phật pháp, theo tông chỉ của Phật giáo, tức là lấy giới, định, huệ để diệt tham sân si. Đó chính là biện pháp căn bản để giải quyết vấn đề. Giữ vững được năm giới sẽ hết lòng tham; có định lực sẽ không có sân; có trí tuệ là hết ngu si. Tam độc là một bệnh truyền nhiễm, tam học – giới, định, huệ – là thuốc hay dùng để chữa trị, gặp bệnh là có công hiệu ngay, như dựng cây sào thì tức khắc nhìn thấy bóng.

Người người học Phật pháp, người người không tham sân si, vậy là vấn đề của thế giới sẽ được giải quyết. Tuy nhiên, tới được chỗ đó chẳng phải là chuyện dễ dàng. Tại sao? Bởi vì lòng người đã khác xưa, đạo đức đã suy đồi, người thì dối người, và để đạt mục tiêu người ta chẳng kể thủ đoạn. Người ta chỉ nói chuyện lợi lộc, mà không nói chuyện đạo nghĩa, như kẻ gian thương kia bán rượu pha nước, cốt vì lợi mà gạt khách hàng. Người ta nói “treo đầu dê, bán thịt chó” đó chính là một hành vi lừa bịp. Ngày xưa làm nghề buôn bán, bán hàng thật, định giá thật, nêu cao tiêu chuẩn chẳng dối trẻ già. Ngày nay trong thương nghiệp, chẳng còn quan niệm gì về đạo đức nữa, kẻ mua người bán lừa nhau, chẳng ai thành thật nữa. Thực tâm mà buôn bán, để bằng rõ bán đúng giá thì chẳng ai còn gặp phiền phức. Tại sao lại phải lừa dối? Tóm tắt một lời, đó là do lòng tham lợi cả.

Người nông dân vốn là trung hậu, nay lây ảnh hưởng của giới buôn bán, cũng không còn thật thà nữa. Họ trồng ngũ cốc và rau trái thì dùng phân hóa học, họ nuôi bò dê heo gà

thì trộn thực phẩm gia súc với chất hóa học để chúng mau tăng trưởng, khiến cho giới tiêu thụ, ăn các thứ đó vào lâu ngày sẽ trúng độc. Cái đó chính là tham tiền mà làm hại sanh mạng của người khác, lẽ ra pháp luật phải có biện pháp trừng trị, nhưng họ vẫn nhờn nhờn ngoài vòng pháp luật, có khác chi cổ võ cho họ thêm nữa. Chẳng qua vì họ muốn có lời nhiều mà làm ngơ trước vấn đề sống chết của kẻ khác, so với anh gian thương pha nước trong rượu còn độc ác hơn gấp bội. Ngày nay bệnh ung thư mỗi ngày một gia tăng, chính là do giới nông gia và thương gia nói trên gây ra cả. Bởi thế cho nên, những người sáng suốt hết sức hô hào dùng các loại thực phẩm từ thiên nhiên, mà không dùng các loại đã chế biến gia công. Tuy nhiên, đối với những người ham ăn, những điều này dầu có lọt vào tai họ, họ cũng chẳng nghe, cứ ăn vào cho đầy một bụng, có khác gì nuốt vào một cái ngòi nổ chậm, đúng thời hạn nó sẽ phát tác làm cho huyết quản bị bể, nhẹ là triệu chứng trúng phong (stroke), nặng thì chết người. Vậy mà, dầu thấy tấm gương xe trước đã sa lầy, xe sau vẫn theo đúng vết cũ.

Như vậy đủ thấy cái hại của tham, sân, si, không cách nào kể xiết. Chẳng phải chỉ riêng đối với người thường, ngay cả các vị tu sĩ, nếu không thận trọng cũng rước lấy cái độc hại kể trên. Công phu vừa mang lại chút ít định lực liền bị lửa vô minh thiêu rụi hết. Làm sao để tránh ngọn lửa vô minh đó? Phải tu pháp môn nhẫn nhục Ba la mật, và tuyệt đối không nổi nóng là một điều kiện tiên quyết. Không nổi sân, tức có trí huệ. Có ánh sáng trí huệ thì sự hắc ám của ngu si sẽ bị xua đuổi. Hết hắc ám, mọi cử chỉ hành động thấy đều quang minh chính đại. Vậy phải tu như thế nào? Trước hết giữ giới, giữ được giới thì sẽ có định, có định tức có trí huệ. Giới định huệ tam học, mà đầy đủ thì tham sân si ba độc sẽ tự tiêu hủy.



LINH CẢM QUÁN THẾ ÂM

Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi và linh cảm ra sao, thật là không thể nghĩ bàn. Nếu mọi người chúng ta thành tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì nhất định nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, căn lành sẽ tăng trưởng. Có rất nhiều sự tích nói về sự linh cảm của Ngài, nay tôi xin kể một câu chuyện xảy ra tại đất Mỹ. Có một bà đến nhà thương để sanh con. Đây là một trường hợp dễ khó, nên bác sĩ phải giải phẫu để lấy đứa nhỏ ra, nhưng trong khi mổ người ta cắt phải ống dẫn nước tiểu của sản phụ mà không hay biết. Sau khi mổ và khâu lại, người sản phụ về nhà được mấy ngày mà không hề đi tiểu tiện, trong khi đó thân thể sưng lên. Thấy sự việc xảy ra bất thường, bà này bèn đến bác sĩ hỏi bệnh, nhưng bác sĩ cũng không hiểu là bệnh gì. Sau thấy toàn thân phù thũng, bệnh nhân đành phải đi khám lại bệnh tình, lúc đó huyết áp đã xuống thấp tới 18 độ, độc tố tích lại cùng mình, không cách gì chữa trị, đành nằm chờ chết. Một số thân hữu của nạn nhân gọi điện thoại tới Vạn Phật Thành cầu cứu. Người ta

báo cáo cho tôi hay, tôi bảo họ hãy thành tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Họ rất thành tâm niệm Ngài Quán Âm, và chỉ hai tiếng rưỡi đồng hồ sau, phù thủy tiêu dần, huyết áp tăng lên, đường nước tiểu thông trở lại, nạn nhân phục hồi sức khỏe rất nhanh chóng rồi xuất viện. Các sự tích về trường hợp từ cửa tử thân, hay từ bệnh nguy ngập mà hồi sinh, hay các chuyện tiêu tai giải nạn, ở tại thành Vạn Phật, kể ra không hết, nay tôi chỉ kể một câu chuyện đó mà thôi.



TRUYỀN THỌ CHÚ KHAI TRÍ HUỆ

Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, gọi tắt là Tâm Kinh, có thể khai mở trí huệ, giúp cho xa lìa điên đảo, mộng tưởng.

Kinh nói:

Bồ-tát Quán Tự Tại, khi quán chiếu thâm sâu bát-nhã-ba-la-mật-đa, bèn soi thấy năm uẩn đều không, độ hết mọi khổ ách. Nay, Xá-lợi-tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, thọ tưởng hành thức cũng đều như vậy cả. Nay, Xá-lợi-tử, các pháp đều là tướng không...

Nếu như soi thấy được hết mọi pháp là hư ảo, là bong bênh, thì có thể buông bỏ hết, đạt được giải thoát.

Trong chú Thủ-lăng-nghiêm cũng có hai câu, có thể khai mở trí huệ, tối ngày mai tôi sẽ truyền lại cho các vị. Muốn có tiền không? Không muốn. Có câu nói: “Ngân lượng vàng ròng không bán Đạo, tới ngã ba đường tiền tri

âm” (Thiên lượng hoàn kim bất mại đạo, thập tự nhai đầu tống tri âm). Nếu trí huệ được khai mở thì sẽ chứng sự tự tại, hết mọi phiền não và Bồ-đề sẽ hiện ra trước mắt.

SÁU NẸO LUÂN HỒI

Tại sao chúng ta điên đảo? Bởi vì không có trí huệ. Vì đâu mà bội giác hiệp trần, hiệp với trần cảnh mà quay lưng với giác ngộ? Cũng là do không có trí huệ. Vì đâu mà luân chuyển trong sáu nẻo? Lại cũng là do không có trí huệ. Bởi vậy cho nên, tu đạo phải lấy trí huệ làm đầu. Phật phải tu phước và tu huệ, phước huệ cùng tu, Ngài mới chứng bậc Vô thượng giác.

“Chớ cho rằng điều thiện nhỏ mà không làm” tu phước là như thế đó. “Chớ thấy điều ác nhỏ mà làm,” đó là tu huệ. “Các điều ác không làm” đây là tu huệ. “Các điều thiện đều làm” vậy là tu phước. Cho nên người tu đạo chớ có

ham những tiện nghi nhỏ, lấy cái ít làm đầy đủ, và phải nhớ rằng tất cả đều là mộng huyễn, như bọt như ảnh, chẳng được lâu dài. Điều nhận thức cần thiết này phải hiểu cho rõ, không để lợi cho danh chốn thế tục làm cho mê mờ. Như câu: “*Thấy sự tỉnh sự là xuất thế gian, thấy sự mê sự là bị trầm luân*” (kiến sự tỉnh sự xuất thế gian, kiến sự mê sự đọa trầm luân), vậy nên chúng ta phải hết mực nhanh chóng vượt khỏi sáu nẻo luân hồi.

Sáu nẻo luân hồi là gì? Tức là trời, người, a-tu-la, súc sanh, quỷ đói, địa ngục. Sáu nẻo tuy không giống nhau, nhưng cùng nhau luân chuyển, tuần hoàn. Thân phận chúng ta cũng như một hạt bụi trong không gian, phút chốc ở tầng trời, phút chốc làm người, phút chốc làm súc sanh, làm quỷ đói, không có gì là nhất định, không thể làm chủ được mình. Tu hành là cốt để chấm dứt sanh tử, thoát khỏi sự trôi buộc của vòng luân hồi. Phước trời hưởng hết thì lại đi xuống, bởi vậy có câu:

*Lục dục chư thiên cụ ngũ suy,
Tam thiên thiên thượng hữu phong tai,
Nhiệm quân tu đạo phi phi tướng,*

Bất như Tây phương quy khứ lai.

Dịch nghĩa là: Các tầng trời dục giới có ngũ suy. Trên trời tam thiên (của Sắc giới) có nạn gió bão. Cho dù tu lên được tầng trời phi phi tưởng (của vô sắc giới) chẳng bằng đi về cõi Tây phương.

Tưởng đã ra khỏi được luân hồi, hóa ra vẫn còn bị luân chuyển, qua mấy câu châm biếm trên. Hãy tinh tấn tu hành.

Con người ta chưa biết khổ, nên chưa biết tu, chớ nghĩ rằng thân phận súc sanh thì rất xa với chúng ta, kỳ thực súc sanh cũng có xương thịt như chúng ta, nếu chúng ta không chịu tu, thì chỉ thoáng qua trong nháy mắt chúng ta lại bị đoạ xuống làm thú. Mỗi cá nhân có một địa ngục riêng của mình, có phiền não tức có địa ngục. Bởi vậy quý vị nên mau mau tu đạo, thoát khỏi sáu nẻo trong luân hồi thì mới giải thoát được.

PHÁP-SƯ HẰNG TẠI

Quý vị! *“Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó gặp nay được nghe, Thiện tri thức khó gặp nay đã gặp,”* tôi thực là may mắn có đủ cả ba điều kiện này. Nhân duyên xuất gia của tôi là do được chứng kiến sự đau đớn của mẹ tôi khi người mang bệnh, tôi cảm thấy chuyện đời vô thường, chẳng biết hướng tới đâu. Tôi không biết kiếp này làm người, rồi kiếp sau còn làm thân người nữa không? Bởi vậy năm 1979, tôi tới Thượng Nhon, cầu Ngài cho xuất gia. Thượng Nhon hỏi: *“Tại sao muốn xuất gia?”* Tôi đáp: *“Nhân thấy mẹ tôi mang bệnh đau đớn, rồi bỗng chốc ra đi, tôi cảm thấy cái khổ về sanh tử, nên phát tâm xuất gia.”* Xuất gia tu đạo tức là muốn chấm dứt sanh tử, ra khỏi tam giới, không còn bị vướng trong sáu nẻo của vòng luân hồi nữa.

PHÁP-SƯ HẰNG ĐOAN

Lần ấy là lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng, một nơi có cái tên rất đẹp là “hòn ngọc

phương Đông.” Nhìn thấy quang cảnh, nào người, nào xe cộ đông đảo, chen chúc, nhất định là cuộc sinh hoạt trên đảo này rất là khẩn trương. Nhưng, một khi đã cư ngụ trên đảo này, và muốn cho tinh thần được thư thối, tâm tình an định thì có một biện pháp là niệm danh hiệu các Bồ-tát, như niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, hay Nam-mô A-di-đà Phật. Nguyên do là niệm danh hiệu Phật, có thể tiêu trừ nghiệp ác, trừ các bệnh hiểm nghèo, hoặc các sự việc chẳng được xứng ý và tăng trưởng căn lành của chúng ta. Cũng giống như trường hợp của tôi, năm 1978 lần đầu tiên tôi đến Vạn Phật Thành để dự thất Quán Âm, Thượng Nhơn bảo tôi thường xuyên niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, nên từ hồi đó, tôi tùy duyên tập cho mình niệm danh hiệu của Ngài Quán Âm, lúc lái xe, lúc đi bộ, khi thì tôi tụng chú Đại-bi. Tôi tin rằng chỉ cần chúng ta thành tâm tha thiết trì tụng, thì Phật và chư vị Bồ-tát sẽ thường xuyên ở bên cạnh giúp đỡ chúng ta, để chúng ta gặp vạn sự như ý, thân tâm thư thối!

BẢY BỒ ĐỀ GIÁC TRI

Bản thân người học Phật pháp phải có đủ chánh tri, chánh kiến. Có chánh tri chánh kiến thì mới biết tu hành cách nào. Có được pháp môn chính xác mới có được pháp mạch chính xác, bởi vậy trước hết quý vị phải hiểu thế nào là bảy Bồ-đề giác tri.

Giác tri phân: Giác tri tức là hiểu rõ đường lối tu hành như thế nào.

1. Trạch pháp giác tri: Phải biết cái nào là chánh, cái nào là tà, cái nào là tốt, cái nào là xấu, phải có con mắt chọn lựa, mới không lạc vào đường rẽ. Nếu không biết chọn lựa tất dễ bị dẫn tới những ngõ ngách quanh co, tìm không ra lối, cho nên trạch pháp giác tri là quan trọng vô cùng. Muốn biết cách chọn lựa sao cho chính xác, tất phải có trí huệ, còn không thì cứ chọn đi chọn lại, mà vẫn còn sai lầm. Sai lầm vì không có trí huệ, vì thiếu cái trí huệ chọn pháp. Không biết chọn thì rất dễ đi vào đường rẽ.

2. Tinh tấn giác tri: Nếu hiểu rõ Phật pháp mà lại gặt nó qua một bên không chịu dụng

công tu hành thì có khác chi suốt ngày nói ăn mà chưa hề thực sự nếm mùi pháp vị. Giác tri này nói về sự tinh tấn. Như quý vị đã biết chọn pháp, nắm được pháp yếu một cách chính xác, lại tinh tấn tu hành, ngày đêm sáu thời thân tâm dụng công, không lười biếng; thân tinh tấn tức là niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, lễ sám v.v... tâm tinh tấn tức là thường xuyên niệm, niệm không quên, không khởi vọng tưởng.

Biết cách chọn chánh pháp, mới tránh được tình trạng tu mù. Tu mù mà không gặp thiện tri thức chỉ bảo, thì kết quả đường Phật không đi mà đi về địa ngục, tưởng là theo đạo Bồ-tát mà thành theo ma đạo. Tại sao mà nghiêm trọng đến thế? Bởi tri kiến không chánh đáng, sai lầm nhân quả, nên càng tu càng đi xa mục tiêu của mình đã vạch sẵn, nghĩa là “sai một ly, đi một dặm,” hoặc như người ta thường nói:

*Mông đồng truyền mông đồng
Nhất truyền lưỡng bất đồng
Sư phụ hạ địa ngục
Đồ đệ vãng lý cùng*

Dịch nghĩa là:

Hồ đồ truyền kẻ hồ đồ, một truyền hai chẳng hiểu, sư phụ xuống địa ngục, đồ đệ cũng xuống hầu.

3. **Hoan hỷ giác tri:** Có được con mắt chọn pháp, ắt phải có tâm hoan hỷ gắng công tinh tấn tu hành. Chẳng phải ba hồi tinh tấn, ba hồi lại bức bội với chính mình; không nên suốt ngày phiền não, chau mày nhăn nhó, điều cần thiết là không lười biếng, biết hoan hỷ và tinh tấn dụng công.

4. **Trừ giác tri:** Tuy nhiên tâm hoan hỷ vẫn chưa phải là cứu cánh, phải trở lại sự bình lặng trong tâm, gạt bỏ phiền não vô minh, diệt trừ các tập khí xấu. Diệt trừ xong thì tự cảm thấy nguồn pháp hỷ sung mãn.

5. **Xả giác tri:** Khi tâm đã trở về bình lặng, ta lại cần phải xả sự bình lặng đó, nghĩa là không chấp vào một thứ gì hết. Phải “*quét sạch mọi pháp, lìa hết mọi tướng*,” đạt tới cảnh giới trong thì không cảm thấy thân tâm, ngoài thì không thế giới.

6. **Chánh định giác tri:** Thực hiện được pháp xả xong thì mới có định lực. Có chánh định rồi

mới có chánh thọ. Chánh định ở đây không phải là loại định hồ đồ, không phải là vào định vô tâm, hay là định của trời vô tướng, cái đó không phải là rốt ráo.

7. **Chánh niệm giác tri:** Vào được chánh định, tâm sẽ có chánh niệm, nghĩa là niệm chánh xác. Khi có chánh niệm thì sẽ không còn bị đọa lạc, sớm tối không còn khởi lên vọng niệm, và lúc đó mới chứng được tam bất thoái: niệm bất thoái, vị bất thoái, hành bất thoái.

Nói tới định kẻ tu hành liền biết đó là thiền định, hay “thiền-na,” một danh từ Phạn (dhyana) có nghĩa là “tĩnh lự,” tức là dừng lại mọi vọng tưởng, và còn gọi là “tư duy tu.” Tư duy hay là “tham,” như tham thoại đầu, tham câu “*niệm Phật là ai?*” hoặc tham “*bỏn lai diện mục từ lúc cha mẹ chưa sanh.*”

Nay, tôi xin giảng về cảnh giới của tứ thiền.

1. **Sơ thiền, Ly sanh hỷ lạc:** Hơi thở ngưng lại. Bên ngoài không thấy có hô hấp, nhưng

bên trong hô hấp còn hoạt động, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chỉ người tu mới có, mới biết, người ngoài không hiểu nổi. Loại thiền này là sự hỷ lạc của thế gian nhưng lại được pháp hỷ sung mãn, sống nhờ thiền duyệt (vui thiền) và cũng đạt được chút ít cảnh giới minh tâm kiến tánh.

2. Nhị thiền, Định sanh hỷ lạc: Lạc ở đây về mức độ thì cao hơn trong cảnh sơ thiền, thiền giả luôn luôn ở trong cảnh hoan hỷ và sự hoan hỷ đó là từ ở định sanh ra. Tu đến mức này thì ở trong người kinh mạch hết khu động.

3. Tam thiền, Ly hỷ diệu lạc: Niệm trụ lại, chấm dứt niệm hoan hỷ, bởi còn hoan hỷ tức còn chấp trước. Nay thì đem cả niệm hoan hỷ trừ bỏ đi luôn.

4. Tứ thiền, Xả niệm thanh tịnh: Xả toàn bộ các niệm, không niệm gì nữa. Lúc đó trong tâm không còn gì ngăn ngại, nhưng cũng chưa phải là đã ra ngoài tam giới. Đây là một kết quả tiến bộ của công tu định, chưa phải là một cảnh giới cao, để đến độ không cần tu nữa, cho là mình đã khai ngộ mà khởi tâm kiêu

mạn. Tới chỗ này rất cần có người khác chứng minh cho mình, tự mình không thể ấn chứng cho mình được. Người tu đạo phải như thế, không thể có lòng cố cao ngā mạn, nói lời hư dối, nếu không sẽ bị đọa địa ngục. Phàm kẻ học Phật không thể tạo cái nghiệp vừa thiện vừa bất thiện một cách hỗn tạp như vậy, chẳng thể mang cái ý niệm vị kỷ như vậy.

Như nếu có ai tự xưng là thiện tri thức, chúng ta hãy lấy sáu tiêu chuẩn sau đây để phân xét xem họ có thực là thiện tri thức hay không:

- ❖ Quán sát người đó có lòng tham không, có tham danh, lợi, tiền tài, hay sắc dục không?

- ❖ Thiện tri thức vốn không cùng người tranh cãi, vậy xem người đó có tâm tranh đua không?

- ❖ Xem họ có tham cầu không? Nói năng có chân thật không?

- ❖ Xem họ có ích kỷ không?

- ❖ Xem họ có phải tự lợi không?

- ❖ Xem họ có nói dối hay không?

Nếu xét các tiêu chuẩn trên đều có đầy đủ thì người đó chẳng phải là thiện tri thức mà

là ác tri thức, hoặc giả là thiên ma, ngoại đạo. Ngược lại nếu xét các điều trên đều không có thì người đó thực là chẳng tham, chẳng tranh, chẳng cầu, chẳng ích kỷ, chẳng tự lợi, chẳng nói dối, ta có thể tin rằng người đó đúng là thiện tri thức và ta yên tâm theo học mà chẳng ngại đi vào đường tà.

Buổi tối ngày 11 tháng 12 năm 1981



TẠI NƯỚC MỸ, PHẬT-PHÁP MỚI Ở BƯỚC ĐẦU

Tại Mỹ, Phật giáo rất mới mẻ. Tuy nhiên, Phật giáo tại Mỹ vốn chẳng phải riêng của nước Mỹ mà là chung của thế giới. Phật giáo chân chánh không hề hạn định thuộc quốc tịch nào, thuộc địa phương nào, vấn đề ta và người chẳng có sự phân biệt.

Tại Á- châu, một số người thừa nhận nay là thời đại mạt pháp, nhưng pháp vốn chẳng phân ra chánh pháp hay mạt pháp, chỉ có điều khi người ta chẳng chịu tu thì đó đúng là thời mạt pháp. Có câu nói: *"Người truyền bá pháp, không phải pháp truyền bá người."* Đừng hỏi lời thôi, gắng mà tu hành, thì tự nhiên chánh pháp sẽ ở mãi với thế gian. Người không tu hành, thì pháp phải mạt. Tôi ở Hương Cảng trên mười năm, có rất nhiều thanh thiếu niên theo tôi học Phật pháp, lý do là tôi vốn ưa giới trẻ. Về sau, cơ duyên chín mùi, tôi qua đất Mỹ. Từ năm 1961 đến năm 1968, tôi ở trong "mộ địa," nên mới lấy hiệu là "Mộ trung tăng," một tăng sĩ ở trong mộ, ngụ ý rằng tôi chẳng tranh

dua với ai. Bảo tôi đúng, tôi không cãi, bảo tôi sai, tôi cũng chẳng cãi. Mới đầu tôi ở một căn hầm, rất là ẩm thấp, sau mới dọn đến một chỗ tương đối khá hơn, trải qua mấy năm chẳng thành tựu được gì. Tới năm 1968, có mấy vị sinh viên ở Seattle đến tham gia trại hè, tôi giảng cho đại chúng kinh Lăng – nghiêm, rồi dạy họ thiền tập, công phu khuya, chiều. Hồi đó cái gì họ cũng không hiểu, thành ra một mình tôi phải lo đủ, nào giảng kinh, thuyết pháp, đốt lò, lo nước, rửa chén, nấu ăn, tất cả do một mình tôi lo liệu. Tôi giảng xong bộ kinh Lăng-nghiêm thì số sinh viên này bèn bỏ Seattle, dọn đến San Francisco cư ngụ. Năm 1969, có năm vị xuất gia đi Đài Loan thọ giới, và kể từ đó người xuất gia mới thực sự có ở đất Mỹ. Sau đó, tôi giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, rồi kinh Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ, kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm, riêng kinh Hoa Nghiêm giảng trong chín năm rưỡi, bao nhiêu năm giảng kinh như vậy không có ngày nào nghỉ. Mấy lần tôi có trở về Hương Cảng, nhưng ít khi gặp gỡ dân Hương Cảng. Lần đó tôi mang theo mười người về Hương Cảng. Tôi nhận thấy dân Hương Cảng có duyên sâu đậm

với Phật pháp, cho nên tôi muốn đem hết cái nghĩa chân chánh của Phật pháp ra để thuyết giảng. Vạn Phật Thành có mở đại học, trung học và tiểu học. Như có đồng bào nào ở Hương Cảng muốn qua đây học, tôi xin hết lòng hoan nghênh.

Trước đây khá lâu, cư sĩ Tạ Quân Nhu ở Hương Cảng qua Mỹ kiểm Pháp-sư Độ Luân. Khi còn ở tại Hương Cảng, pháp hiệu của tôi là Độ Luân, tới khi qua đây tôi đổi thành Tuyên Hoá, nhưng ông ta không nhận ra tôi. Khi thấy tôi ở giảng đường, ông hỏi: “Pháp sư Độ Luân nay ở đâu?” Tôi đáp: “Độ Luân tịch rồi.” Nghe nói vậy, coi bộ ông ta rất lấy làm thương cảm. Ông lại hỏi: “Người đã qua đời bao lâu rồi?” Tôi nói: “Ông ấy qua đời đã lâu.” Hỏi: “Vậy pháp sư đối với ông ấy thì như thế nào?” Tôi nói: “Có thể nói rằng tôi là đồ đệ của ông ấy, mà cũng là sư phụ của ông ấy nữa, bởi tôi dạy cho ông tiếng Anh nên tôi là sư phụ, còn ông ấy dạy cho tôi tiếng Trung Hoa nên tôi là đồ đệ.” Ngày hôm qua ông cư sĩ này lại đến thăm tôi nữa, tôi chợt nhớ lại câu chuyện khá hứng thú này.

Chúng ta là người học Phật pháp, quyết phải có con mắt chọn pháp để nhận Phật pháp cho đúng. Phải có được cái biết sáng tỏ, chớ không lơ mờ trong cảnh tu mù mà uổng phí mất thời gian. Học Phật pháp phải có hướng đi lên, làm hay hơn, chớ không thể khi thì học Phật, khi thì tạo nghiệp, rồi đi xuống. Nhắm hướng đi lên tức là học Phật pháp. Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ điều thật giả, không phụ họa nói theo người khác, rồi người ta nói sao mình cũng nói như vậy. Có thể chúng ta mới đúng là người tin Phật một cách chân chánh.

Buổi tối ngày 12 tháng 12 năm 1981



CẢM ỨNG CỦA PHẬT PHÁP

Đi tới chỗ nào tôi cũng muốn dúi dất kẻ hậu tiến, bởi vì trong giới trẻ có cả một bầu nhiệt huyết mà ta cần phải hâm nóng để cổ vũ. Số là giới thanh niên thường có đầu óc mới mẻ, thiên khoa học, chứ không cổ hủ như đầu óc chúng ta. Hôm qua, rất nhiều người có những ý nghĩ sai lầm như: “Chúng ta đến đây là để nghe lão pháp sư giảng kinh, hóa ra toàn là gặp mấy vị pháp sư ít tuổi chiếm hết cả thời gian, thật là uổng phí.” Nghĩ như vậy là không đúng, các vị pháp sư trẻ tuổi họ nói pháp không giống nhau, thì mọi người mới được hưởng những pháp vị khác nhau, hiện nay thỉnh các vị này khai thị, xin tất cả chú tâm nghe giảng.

Ở Vạn Phật Thành này, loại người nào cũng có. Người thiện có, người ác có, tốt xấu đều có cả. Tuy nhiên đến đây rồi thì rồng hay cọp cũng vậy, rồng chẳng phải cứ tùy tiện làm mưa, hổ chẳng phải luôn luôn gây gió bão.

Ngày 19 tháng 6 năm 1968 ở San Francisco có xảy ra vụ án đổ máu Kim Long. Về sau băng đảng Hoa Thanh lại muốn gây thêm vụ đổ máu thứ hai thậm chí tới vụ thứ ba nữa, nguyên nhân gây ra từ sự tranh đoạt địa bàn hoạt động của hai băng đảng Hoa Thanh và Tổ Phương, nhưng sau họ đều xin quy y Tam Bảo, quy y tại Vạn Phật Thành, rồi họ mang hết cả vũ khí đổ xuống biển. Từ đó họ cải tà quy chánh, nào đọc kinh, nào làm công quả, không dám làm điều càn bậy nữa.

Hồi đó có tám người xin quy y, và lúc bấy giờ chẳng ai biết lai lịch họ ra sao. Trong khi quy y, tôi nói với họ: “Người nào quy y với tôi, sẽ không được sát sanh, không được lấy trộm, không được đốt nhà, không được nói dối.” Cả tám người nghe nói như vậy, đều đổ mồ hôi lạnh, trong số đó còn có người mang theo một khẩu súng lục. Tôi lại hỏi: “Trong số các ông đây ai là thủ lãnh? Hãy giơ tay lên!” Người đứng đầu trong số này tức thời giơ tay lên tự nhìn nhận.

Về các sự tình này, tôi chẳng nói cho người ngoài biết. Bởi vì nếu tôi loan tin này ra

bên ngoài thì có khác gì tôi mời bà con ở San Francisco tới để họ cảm ơn tôi. Tôi không cần ai mang ơn tôi, tâm nguyện của tôi chỉ là đi đến đâu tôi mong nơi đó được an ổn, thịnh vượng, đồng thời tôi nguyện dùng sự cảm hóa đối xử, chứ không dùng thế lực để ức chế ai.

Kể sau vụ đổ máu Kim Long, phố Tàu ở San Francisco có một thời gian trở thành một thành phố chết, nay thì thịnh vượng đã được khôi phục lại như xưa.

Ngày 13 tháng 12 năm 1981



BỐN ĐIỀU NGÀI A-NAN HỎI PHẬT

Tứ niệm xứ (hay bốn lãnh vực quán niệm) nằm trong số ba mươi bảy phẩm trợ đạo, gồm có: thân, thọ, tâm, pháp. Khi Phật sắp nhập Niết-bàn, Ngài A-nan đưa ra bốn điều này hỏi Phật:

Đối với tất cả kinh điển, nên dùng những chữ gì để mở đầu kinh?

Khi Phật ở tại thế, Phật là thầy của chúng con, khi Phật nhập Niết-bàn rồi chúng con tôn ai là thầy?

Khi Phật ở tại thế, chúng con ở cùng với Phật, khi Phật nhập Niết-bàn rồi chúng con nên ở với ai?

Khi Phật ở tại thế, các Tỷ-kheo xấu do Phật điều phục họ, khi Phật nhập Niết-bàn rồi, chúng con làm cách nào điều phục họ?

Số là khi Phật sửa soạn nhập Niết-bàn, tuy đã chứng được sơ quả A-la-hán, nhưng Tôn giả A-nan vẫn còn khóc lóc giống như một đứa

trẻ, vật vả tay chân. Tôn-giả A-nâu-lâu-đa mới khuyên rằng: “Ông đừng khóc nữa, khóc cũng vô ích, ông phải mang bốn điều ra thỉnh Phật.” A-nan hỏi: “Bốn điều gì?” Tôn-giả A-nan-lâu-đa mới cho biết bốn điều vừa kể trên. Thấy lời nói đúng, ông A-nan liền đến chỗ Phật thỉnh thị. “Bạch Thế-tôn! Thế-tôn thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng hơn ba trăm pháp hội, nhưng đến khi kết tập kinh điển, chúng con phải lấy chữ gì để mở đầu kinh?” Bởi vì điển tịch của ngoại đạo cũng có, họ bắt đầu bằng chữ “A” (không) hay “Ú” (có). Phật đáp: “Đối với những kinh điển nào mà ta nói ra, thì lấy mấy chữ ‘Tôi nghe như vậy’ để bắt đầu.” Thời nay tôi thấy rất nhiều kẻ ngoại đạo và học giả cứ tùy tiện lấy mấy chữ “Tôi nghe như vậy” để bắt đầu bản văn của họ, có lúc chỗ nào cũng thấy mấy chữ này. Thậm chí có những kẻ không hiểu biết gì bảo kinh Lăng-nghiêm là giả. Thực ra, muốn cho Phật pháp hưng thịnh, trước hết phải học Lăng-nghiêm. Lăng-nghiêm là phá tà hiển chánh, bởi không còn gì là chân chánh hơn kinh Lăng Nghiêm. Bởi vậy cho nên các hàng yêu ma quỷ quái, bàng môn tả đạo mới tìm hết cách chống kinh Lăng-nghiêm.

Kinh này mà không còn ở trên thế giới thì Phật pháp phải tiêu ma. Nếu trên thế gian không có ai biết trì tụng chú Lăng-nghiêm thì yêu ma quỷ quái sẽ xuất hiện hãm hại nhân loại, khiến mọi người đều biến thành quỷ quái yêu ma và cùng một quyển thuộc với chúng. Đây là một vấn đề rất mực quan trọng. Nếu như biết thọ trì chú Lăng-nghiêm thì tối thiểu trong bảy đời có thể thành hạng đại phú, tỷ dụ như ông vua dầu hỏa kia, hay ông vua xe hơi, có thể kiếp trước đã từng trì tụng chú Lăng-nghiêm cho nên bây giờ mới được vinh hoa phú quý như thế. Có điều họ vẫn ở trong mê, chỉ hưởng thụ mà không biết tu đạo. Số là ở những kiếp trước họ tạo nhân hỗn tạp cả thiện và ác, nghiệp lành đã chín, họ được hưởng giàu có, nhân ác thành thực bèn có nghiệp tội. Nghiệp mà không rõ ràng, sẽ đi lạc lối, cho nên mỗi người chúng ta quyết không thể coi nhẹ kinh và chú Lăng-nghiêm.

Phật nhập Niết-bàn thì chúng ta phải lấy Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksha) – tức là giới – để làm thầy chúng ta. Giới là “*dừng cái ác, phòng cái quấy*,” là “*mọi điều ác chẳng làm, các điều thiện phụng hành*.” Chúng ta phải

phục vụ lợi ích cho nhân loại, cống hiến cái của chúng ta cho xã hội, do đó người xuất gia đừng có chờ đợi người khác cúng dường mình. Tại nước Mỹ, người xuất gia nên đắp y, vì đắp y là biểu thị tinh thần giữ giới, biểu trưng hiện tượng Tỳ-kheo, chớ chẳng phải là cố tâm lập dị. Thế giới ngày nay, người ta lấy giả làm thiệt, lấy thiệt làm giả, cho phải là trái, cho trái là phải. Nay tôi xin kể một câu chuyện thật làm tỷ dụ: Vào thời gian Trung Hoa Đại Lục hỗn loạn, có rất nhiều sinh viên bỏ chạy qua Đài Loan. Trong lúc tình thế cấp bách, phần đông quên không mang theo các bằng cấp tốt nghiệp, số mang theo được giấy tờ thì chỉ có mấy người. Lòng họ hãy còn trẻ trung, nên họ cho người khác mượn bằng để mạo theo làm một số bằng giả. Trông mấy cái bằng mới sạch sẽ tinh tường, quý vị khảo thí thông qua dễ dàng, nhưng kết quả là mấy người có bằng thiệt không được chấp nhận bởi vì các bằng cũ thì giấy xấu, rách nát. Thì ra họ nhận cái thật làm cái giả.

Hồi Phật giáo mới từ Ấn Độ truyền qua Trung Hoa, các vị Tỳ-kheo Trung Quốc cũng đắp y, với đầy đủ oai nghi. Áo cà-sa thời đó

cũng giống như loại cà-sa của các tăng thuộc hệ Nam-tông hiện nay, tức không có vòng móc. Tuy nhiên, vì khí hậu Trung-quốc lạnh lẽo, bên trong áo cà-sa người ta còn phải mặc thêm áo khác nữa, cho nên nhiều khi áo ngoài bị tuột mất mà không cảm thấy. Hồi đó, tu sĩ rất thành kính, có người trì giới không giữ tiền bạc, vậy mất cà-sa rồi thì lấy gì để thay thế? Trước tình trạng này, mọi người họp lại để đưa vấn đề ra giải quyết. Một vị đề nghị dùng cái vòng móc để giữ áo cà-sa thì cà-sa không bị tuột ra nữa. Đề nghị này đưa ra được mọi người tức khắc vỗ tay tán thưởng và sau đó thông qua, từ đó áo cà-sa của các tăng Trung quốc mới có vòng móc. Về sau các Tỳ-kheo Trung-hoa thường hay ra ruộng trồng trọt, đắp y đi lại thật là phiền phức nên bình thường thì không đắp y, trừ lúc thượng đường hay quá đường mới đắp. Sau này mọi thứ đều qua loa, thậm chí lên điện hay quá đường, cũng không đắp y nữa. Người ta nói “quen rồi thì thành lệ,” bây giờ người ta coi không đắp y là bình thường, còn đắp y mới là kỳ quặc.

Các tăng sĩ thuộc Tổng-hội Phật-giáo vẫn theo tác phong cũ nên họ đắp y một cách

thường xuyên như lúc xưa. Các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni chỉ trích chúng ta lập dị. Chúng ta không tranh biện với ai, quý vị bảo chúng tôi đúng, chúng tôi vẫn đáp y mà bảo chúng tôi không đúng chúng tôi cũng vẫn đáp y.

Ông A-nan hỏi Phật câu: “*Khi Phật ở tại thế, chúng con ở cùng với Phật, khi Phật nhập Niết-bàn rồi chúng con phải ở với ai?*” Phật đáp: “*Sau khi ta nhập diệt rồi, tất cả đệ tử của ta phải trú tại tứ niệm xứ.*” Tứ niệm xứ là bốn nơi: thân, thọ, tâm, pháp.

1. **Quán thân bất tịnh:** Thân thể con người nếu để lâu chẳng chịu tắm rửa, tất toát ra mùi hôi hám. Cho dù tắm rửa, nhưng thân có chín lỗ, chuyên bài tiết những thứ chẳng sạch, như mắt có ghèn, mũi có nước mũi, miệng có dờm rãi, tai có dáy tai, rồi các thứ thuộc tiểu tiện và đại tiện, nghĩa là thân thể chúng ta quả là vô cùng ô uế. Vậy mà sao người ta lại coi như là một thứ quý giá, cho đeo vào thân nào ngọc, nào vàng bạc, các thứ châu báu, hoặc lấy nước hoa, phấn thơm bôi vào, há có khác gì đem hương hoa, vật quý để trang hoàng cho cái nhà xí vậy! Quý vị nên hiểu rằng, thân thể

của mỗi người chúng ta là một cái nhà xí, trong ruột toàn chứa những vật bài tiết thuộc về đại tiểu tiện, có cái gì mà chúng ta phải luyến tiếc nó quá đáng như vậy? Lúc tuổi trẻ thì cơ thể cùng các bộ phận trong thân còn biết nghe lời ta, đến lúc già chúng đều bải công, đầu thì vầng, mắt thì hoa, miệng lưỡi khó khăn, tay chân lập cập, rồi trăm thứ bệnh phát sinh, như vậy cái thân này còn đáng tiếc nữa sao? Bởi vậy chúng ta nên nhận cho thật rõ cái thân này là bất tịnh, là chẳng trường cửu, để đừng điên đảo vì nó.

2. **Quán thọ là khổ:** Thọ nghĩa là cảm thọ. Đừng nên cho rằng hưởng thọ là một sự khoái lạc, kỳ thực hưởng thọ chẳng có gì là hay, “thọ khổ thì hết khổ, hưởng phước thì tiêu hết phước,” thà thọ cái khổ, đủ khổ rồi thì hết khổ. Nếu quả mình đương hưởng phước, thì nên tiếc cái phước mà chớ hưởng tận phước.

3. **Quán tâm vô thường:** Tâm là niệm niệm vô thường, niệm niệm dời đổi.

4. **Quán pháp vô ngã:** Quán mọi pháp đều không có bản thể, không có tự tánh, không có cái “ngã” trong đó.

Chúng ta y theo tứ niệm xứ mà hành trì, ắt cái chấp ngã của chúng ta sẽ dần dần bị phá, chấp pháp cũng không và để đi tới sự khai ngộ. Tại sao chúng ta không thể chứng ngộ? Chẳng qua là vì còn chấp trước, chưa buông bỏ, thấy cái gì cũng có cái ta ở đấy, cái nhà lớn này là của ta, cái máy bay kia, thuyền máy kia, ngân hàng kia cũng là của ta, từ sớm đến tối cái gì cũng của ta, của ta, của ta. . . đến lúc chết, hai tay buông xuôi, chẳng có gì mang theo được

*Nhân sanh nhất trường mộng
Nhân tử mộng nhất trường
Mộng lý thân vinh quý
Mộng linh tại cùng hương
Triều triều tại tác mộng
Bất giác mộng hoàng lương
Mộng trung nhược bất linh
Uổng tác mộng nhất trường*

Dịch nghĩa là

*Khi sống, một giấc mộng
Khi chết, mộng một giấc
Trong mộng thấy vinh hiển
Tỉnh mộng ở xóm nghèo*

Sớm sớm lại nằm mộng
Chẳng hay mộng kê vàng
Trong mộng không lĩnh giấc,
Ưống thay giấc mộng vàng.

Bởi vậy chúng ta cũng đừng chấp trước một cách thái quá, phải mau mà tu hành, học tập Phật pháp, tìm kiếm pháp môn liễu sanh thoát tử. Có câu nói: “bể khổ không bờ, quay đầu là bến,” do đó không nên chìm nổi mãi trong bể khổ, biết tới ngày nào mới được giải thoát.

Cuối cùng Ngài A-nan hỏi Phật: “*Khi Phật ở tại thế, các Tỳ-kheo xấu do Phật điều phục họ, khi Phật nhập Niết-bàn rồi, chúng con phải đối xử với họ như thế nào? Có giam họ và xử phạt họ chăng?*” Phật đáp: “*Không cần! Sau khi ta nhập Niết-bàn rồi, đối với các Tỳ-kheo xấu, các ông dùng pháp ‘mặc tẩn’ để hoán cải họ*”. Sao gọi là mặc? Mặc là im lặng, không có giảng giải gì thêm với họ. Tẩn là gì? Nghĩa là mọi người không được trao đổi, quan hệ gì với họ. Hãy dùng sự “im lặng” của đại chúng để giải hoá họ. Phạm gặp phải hạng Tỳ-kheo xấu, không biết đạo lý, lấy chánh làm tà lấy tà làm chánh, hoặc không phân

biện thị phi đen trắng, không hiểu đúng Phật pháp, thì đừng giao tiếp, đừng nói chuyện với họ, đừng để ý tới họ, thì nên coi như họ không có, như vậy lâu dần họ sẽ tự phản tỉnh, họ sẽ nhận ra rằng những điều họ hành động lâu nay chẳng đúng với Phật pháp, và từ đó cải tà quy chánh, y giáo phụng hành.

Khi Phật tại thế cũng có Tỳ-kheo bất thiện, nay thời đại chúng ta đã cách xa với ngày Phật nhập Niết-bàn rồi, vậy chẳng hiểu số Tỳ-kheo bất thiện có nhiều hay không. Chúng ta không nên cùng với số đó tranh luận, bởi họ không nói chuyện đạo lý chuyện nhân quả, lại còn bài xích nhân quả. Ta không thể cùng họ tranh mà phải dùng tâm nhẫn nại đối phó, và nhẫn nại thì cứ để mặc họ, vậy là thực hành đúng như ý nghĩa lời phó chúc thứ tư của Phật cho chúng đệ tử.

Trước đây, tôi cư ngụ tại Hương Cảng 12 năm (1948 -1962), tới năm 1962 tôi mới đi Mỹ. Ở Hương Cảng khá lâu như vậy, nhưng tôi chẳng làm được điều gì hữu ích. Nay từ bên Mỹ trở về, tôi nguyện kết chút pháp duyên với các vị phụ lão cùng các huynh đệ đồng bào tại

Hương Cảng, do đó tôi muốn thực sự cống hiến Phật pháp tới tận tâm khảm các vị, có vậy tôi mới an lòng. Hơn nữa giới thanh niên trong thời đại này, sống nay không biết mai, tinh thần rất khẩn trương, bởi vậy họ phải lo sao cho chân đứng vững vàng, chớ không phải cứ khôn lanh, tham cái tiện nghi nhỏ, khoái lạc nhất thời mà phóng tâm buông thả. Ở chỗ nào chúng ta cũng nên an phận và khép mình trong quy củ, không được buông lung. Phải hiểu rõ nhân quả, không sai lầm nhân quả, như người xưa đã nói: “gieo nhân lành gặp quả lành, gieo nhân ác gặp quả ác,” “giết cha của người thì người giết cha mình, giết anh của người thì người giết anh mình,” và “trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.” Nghe qua thì là đơn giản nhưng nhân quả là như vậy. Tôi hy vọng thanh niên chúng ta nên ráng đi học, trong tương lai sẽ mưu cầu hạnh phúc và an ninh cho xã hội chớ không nghe theo một số điên cuồng, đầu óc hồ đồ, sống phiêu lưu không chủ định. Phải trở thành một cá nhân tốt, nếu có một người tốt thế giới lại thêm được một phần thanh tịnh. Bởi đâu mà thế giới này vẫn chưa bị huỷ diệt? Vì còn có người tốt. Người tốt chính là ánh

sáng, là chánh khí, là sanh mạng, là nguồn năng lượng của thế giới. Bởi lý do thế giới hiện nay đang ở vào một vị thế tối nguy hiểm, nếu chúng ta không cải biến được cái tác phong điên cuồng của chúng ta, thế giới càng ngày càng hư hoại, tư tưởng nhân loại mỗi ngày một thiên lệch. Tôi mong mỗi rằng tất cả thanh niên chúng ta có thể kiểm ra được kim chỉ nam của đời mình chớ không hòa theo trào lưu mà phiêu bạt để làm kẻ tội nhân của xã hội.

Trong thời gian sáu ngày thuyết pháp, nếu tôi có nói điều gì không đúng, hy vọng quý vị lượng tình cho. Tôi cũng hy vọng chư vị trưởng lão ở Hương Cảng, các đại đức cao tăng chỉ giáo cho. Nếu điều tôi nói là đúng, quý vị thử nghiệm coi, nếu cho rằng tôi nói sai, quý vị coi như không nghe gì hết, bởi vì tôi là kẻ bất học vô thuật, những điều nói ra đã từng đắc tội với người không ít, xin lượng thứ cho. Tôi cũng mong vị cư sĩ mời tôi đến thuyết pháp, được kiện khang, gặp mọi sự cát tường, vạn sự như ý, bồ-đề tăng trưởng, sớm thành Phật đạo. Số là tôi vốn nguyện rằng: “Những ai đến tham gia pháp hội, gia đình sẽ được an lạc, họ hàng

hòa mục, mọi sự hanh thông. Người vô bệnh thì vĩnh viễn sẽ không bệnh, người có bệnh nghe pháp xong thì bệnh sẽ tiêu trừ.” Tôi hy vọng chư Phật và chư Bồ-tát hoàn thành nguyện lực. Tôi cũng hy vọng tất cả mọi người được mạnh khỏe, sớm thành Phật đạo.

Năm 1968, tôi ở San Francisco. Lúc đó có một số các nhà khoa học, địa chất học, các chuyên viên nghiên cứu về tương lai v.v... họ đều tiên đoán rằng đến ngày 4 tháng 4 năm 1968 sẽ xảy ra một trận động đất lớn tại San Francisco, đất sẽ chìm xuống biển, “ruộng dâu biến thành biển xanh,” các dân cư tại đây sẽ có dịp về châu Long vương dưới biển. Đã có rất đông bà con dọn đi đến các tiểu bang khác. Một số đệ tử của tôi đến hỏi tôi phải làm cách nào? Hỏi đó tôi nói với họ rằng: “Chỉ cần tôi ở San Francisco một ngày, tôi cũng không chịu để nơi đây xảy ra động đất.” Bởi vậy từ 1968 đến nay, chưa thấy có trận động đất nào. Bảo rằng có, nhưng chỉ là động đất nho nhỏ mà thôi. Có điều tôi đã rời khỏi San Francisco, nên tôi chẳng quản tới nữa, bởi lời nguyện của tôi là “tôi đến địa phương nào, nhất định nơi đó được bình an vô sự.”

Có một lần, tôi đến Nữ-ước. Gặp đúng lúc mưa tuyết lớn, mà bắt buộc chúng tôi phải đi đến chùa Đại Thừa. Tôi bèn nói với một người đệ tử như sau: “Trên đường đi tôi không cho phép tuyết rơi, nếu như có chuyện tuyết rơi, tôi phải phạt anh quý trước Phật bốn mươi chín ngày, không cho ăn, không cho uống, không cho cả đại tiểu tiện,” làm cho vị đệ tử này hết sức hãi sợ. Quả nhiên, trên khoảng đường lộ chúng tôi đi qua, chu vi cỡ ba dặm không có tuyết rơi, còn ngoài ba dặm đó tuyết vẫn rơi đều.

Riêng tôi, đức không đủ để cảm phục người, đạo không đủ để giáo hóa người, chẳng có tư cách làm sư phụ của các vị. Nhưng nay quý vị đã quy y Tam Bảo, nhất định là phải phát nguyện thành Phật. “Phàm ai đã quy y với tôi, nếu chẳng thành Phật thì tôi cũng chẳng thành Phật,” đó là lời nguyện của tôi. Quý vị là đệ tử của Tam Bảo, thì ai đánh ta ta phải nhẫn, ai mắng ta ta cũng nhẫn, sư phụ của quý vị thì chẳng dám làm gì ngoài việc cúi đầu, đầu đầu cũng chịu lép vế, chớ không chiếm tiện nghi đối với người khác. Cho nên, đã là tín đồ Phật

giáo, quý vị chớ có gây sự phiền phức, để cho lụy đến sự phụ quý vị không thành Phật được.

HẰNG LAI PHÁP-SƯ

Phật giáo tại Mỹ mới bắt đầu hưng khởi, nên tại Vạn Phật Thành mỗi người trong chúng ta phải nghĩ tới trách nhiệm làm cho Phật pháp hưng thịnh. Tôi thì chuyên phụ trách về vật liệu xây cất. Có một hôm tôi lái chiếc xe chở hàng cũ đi hơn 160 dặm để mua dầu. Trên đường về, các thùng dầu chất đầy trên xe, tính ra hơn 150 gallons (600 lít). Chở dầu thì rất kỵ lửa, đụng lửa thì thiêu rụi hết, con đường núi mà tôi chạy xe lại rất nhỏ hẹp, gập ghềnh khó đi. Rủi lúc đó bình điện của chiếc xe hàng cũ kỹ đột nhiên bắt lửa, lửa bắn tứ tung lên trên các thùng dầu, tiếng nổ như lựu đạn truyền tới tai tôi. Tôi quay ra sau nhìn, thì rõ là nguy hiểm vô cùng, nếu vô tình chạm mạnh thì nổ tung cả người và xe. Tôi vội vàng cho xe ngừng lại bên lề đường. Trong lúc đương nguy cấp, có một vị làm quản lý công viên thấy vậy tức khắc đem cho tôi một bình chữa lửa, dập được

ngay chỗ cháy cho nên không dẫn tới sự kinh hoàng. Sự tình xảy ra, từ đầu đến cuối, không quá 30 giây. Tôi cảm thấy đúng là Phật và Bồ-tát đã gia hộ tránh cho tôi qua được tai nạn hiểm nghèo. Những sự tích kỳ diệu này ghi lại rất nhiều tại Vạn Phật Thành, thật là mẫu nhiệm không thể nghĩ bàn!

MỒ PHÁP-SƯ

Hôm nay chúng tôi tới Hương Cảng mua sắm các thứ. Xe buýt mà chúng tôi đi nhờ suýt nữa bị tai nạn đụng xe. Tại Vạn Phật Thành có rất nhiều người bị tai nạn xe hơi, nhưng tất cả đều may mắn, rủi hóa may. Cư sĩ Quả Châu (David Rounds) có một lần bị đụng xe, xe nát mà người an toàn, nguyên nhân là ông ta niệm chú Lăng Nghiêm.

Lại có một lần cư sĩ Quả Tôn lái xe ở ngoại thành đụng phải một con nai, lúc đó ông ấy cho rằng con nai chắc chắn phải chết, và xe thì hư hại. Có dè đâu con nai ở dưới xe, liền đứng dậy và bỏ chạy còn xe thì vẫn chạy tốt.

Nguyên nhân là đương lúc đó ông niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài là vị cứu khổ cứu nạn. Tại Vạn Phật Thành, chúng ta chuyên thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát, tu pháp môn Đại bi, và Vạn Phật Thành cũng là đại bản doanh của Ngài nữa. Tuy nhiên, không phải Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ cứu độ riêng cho một địa phương nào, mà trong khắp hư không pháp giới Quán Thế Âm Bồ Tát đều nghe tiếng kêu mà đến cứu độ.

Ngày 14 tháng 12 năm 1981



BẠCH VŨ TRỤ

Băng thiên tuyết địa, vô số điều tế trùng, đồng tề thả chấp miên, tình lý quan sát, động trung thẩm đế, long tranh hổ đấu thường du hý, quỷ khốc thần hào ảo hóa kỳ, chân thực nghĩa tuyệt ngôn, bất tư nghị, dương tiến xu, đại tiểu mẫn, nội ngoại phi, vi trần biến, pháp giới châu, hốt luân cá viên dung, hồ tương vô ngại, song quyền đả phá hư không cái, nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên, đại tử bi phổ độ, lưu huyết hân, bất hưu tức.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị giảng bài Vũ Trụ Bạch. Tại sao gọi là Vũ trụ Bạch? “Vũ” tượng trưng cho bốn phương và hai hướng thượng và hạ. “Trụ” là bao quát từ cổ chí kim, vũ trụ hợp lại chính là thế giới, gọi bằng một tên khác. Bài này cùng với bài “Mãn Giang Hồng” của Nhạc Phi cũng na ná tương ứng với nhau. Năm xưa Nhạc Phi cùng với quân Kim đại chiến, máu nhuộm Trường-giang, do đó ông làm bài “Mãn Giang Hồng,” còn truyền lại đến ngày nay. Còn bài “Vũ Trụ Bạch” được

làm tại chùa Kim Sơn ở San Francisco. Cái vũ trụ trắng này chẳng phải chỉ riêng có giang bạch, sông trắng, mà toàn thể vũ trụ đều là trắng cả. Sao lại nói là vũ trụ trắng vậy? Số là Kim Sơn Thánh Tự cũng giống như một cái hộp tuyết lớn, băng giá. Trong phạm vi nhỏ thì cả chùa là một tòa nhà lạnh lẽo, còn trong phạm vi lớn thì có thể nói rằng cả cái thế giới biến thành màu trắng, không có một màu đen nào, và từ đó có đề của bài này.

Năm 1972, chùa Kim Sơn từng cử hành pháp hội lần đầu, tụng Lục Đại Minh chú. Pháp hội kéo dài liên bảy ngày đêm, có chừng hơn sáu mươi người tham gia, ngày đêm 24 giờ thay nhau niệm sáu chữ “Ân ma ni bát di hồng.” Mục đích để làm gì? Cầu nguyện cho hòa bình thế giới, hóa giải bớt hoặc miễn trừ tai nạn cho thế giới. Số là thời đó có tiếng đồn loan truyền rằng San Francisco sẽ bị tai nạn động đất lớn, cho nên mọi người rất là thành tâm trì tụng Lục Đại Minh chú, cầu cho không xảy ra tai nạn cho nên ngày đêm liên tục luân phiên niệm tụng, quyết cùng thiên ma ngoại đạo giao đấu một phen không lơ là. Tất cả đều tinh tấn vô cùng, tôi tuy không tham gia, chỉ ở

đàng sau đôn đốc mọi người, nhưng tôi cảm thấy hết sức vừa lòng. Ai ai cũng tu trì một cách nghiêm túc, không biết mỗi một, tinh thần thì phấn khởi khiến cho tôi vô cùng thỏa mãn. Đối với tôi, điều vui nhất là tất cả đều tu và điều làm tôi không hài lòng hơn cả là các đệ tử của tôi, nhất là giới xuất gia, không chịu dụng công, cốt làm hư dối để che mắt. Đây là điều tôi khinh tởm nhất, điều tôi không bao giờ tha thứ.

Bởi vậy khi kỳ pháp hội bảy ngày hoàn tất, tôi viết bài “Vũ Trụ Bạch” để làm kỷ niệm, nay tôi xin mang ra giảng để quý vị nghe. Hay hoặc dở, tôi không quan tâm, mà tôi cũng không rõ, tôi chỉ biết là tôi đã viết ra, vậy thôi. Câu thứ nhất là:

Băng thiên tuyết địa – Trời băng đất tuyết:
Kim Sơn Thánh Tự, tuy chẳng có tiếng tăm trên thế giới, nhưng ở đất Mỹ ai cũng biết. Kim Sơn Thánh Tự là một tòa tuyết, đất tuyết trời băng, lạnh lẽo băng giá; chẳng những chùa lạnh, người cũng lạnh. Mọi người đến chùa đều than: “Ồ! Người ở chùa Kim Sơn quá lạnh nhạt, chẳng thấy có chút gì ấm áp cả.” Cho nên,

đến Kim Sơn Thánh Tự ai cũng đều thất vọng, và quả là không có gì để người ta hy vọng, bởi ở đây tất cả đều lạnh lùng băng giá. Côn trùng cũng chết vì lạnh. Cho nên dùng chữ “băng” tức là lạnh. “Tuyết địa,” bởi tuyết tượng trưng cho cái lạnh nhất.

Vô số điều tế trùng đông tẻ – vô số con trùng nhỏ bị chết lạnh: Không biết là có bao nhiêu những con trùng nhỏ bị lạnh mà chết. Trùng nhỏ là kể cả các vi khuẩn trong cơ thể chúng ta, chúng sống nhờ vào các sinh tố A, B, C, nhưng tại nơi này, người ta không những không có sinh tố A, B, C mà còn phải dụng công trong không khí lạnh lẽo, sao không làm cho chúng chết lạnh? Tuy nhiên, chúng không bị tận diệt, vậy mới có câu: “Thả chấp miên,” vừa ả nấu ngủ. Mùa đông trời lạnh, các loại côn trùng tạm thời ả nấu nằm yên dưới lòng đất, ngủ trong mùa đông gọi là chấp miên.

Tĩnh lý quan sát – trong tĩnh lặng quan sát: Chính trong thời gian mà mọi thứ đều lặng lẽ, đầu óc cũng tĩnh lặng, không có thất tình lục dục quấy động, chỉ nhất tâm chuyên chú niệm Án-ma-ni bát di hồng, Án-ma-ni bát di hồng...

xả thân niệm, thì trong khoảnh khắc, bừng giác ngộ, quan sát, quan sát.

Động trung thâm đế – trong động xét kỹ.
Niệm chủ thì có lúc đi niệm, có lúc ngồi niệm. Trong lúc niệm không dứt, gặp động thì tâm rành rọt thẩm định một cách kỹ càng ý nghĩa Phật pháp. Cảnh giới lúc đó nó sẽ hiện.Ồ! Rỗng đã đến, hỏ cũng đã đến!

Long tranh hổ đấu thường du hý – rồng tranh hổ đấu thường vui đùa: Rỗng thì bay lượn trên mây, hổ thì xuyên rừng băng núi. Tới được những chỗ này mà du hí thì thật là vui. Những cảnh giới như thế mà hiện ra trước mắt có thể làm cho hoa mắt chúng ta, bởi vậy mới nói “long tranh hổ đấu thường du hí.” Đây chính là cảnh giới hiện ra trong sự tĩnh lặng.

Quỷ khóc thần hào ảo hóa kỳ – Quỷ khóc thần gào ảo hóa kỳ diệu: Có quỷ khóc ở đấy, khóc rằng: “A! Tôi chết một cách oan uổng lắm! Mau niệm Phật cho tôi đi! Siêu độ, siêu độ cho tôi đi! Xin từ bi! Đừng nổi nóng với tôi!” Quỷ khóc như vậy đó. “Thần hào,” nghĩa là ở đấy thần cũng gào thét, thét rằng: “Mặc kệ nó,

Nó mang tội nhiều lắm đó!” Ôi! Hãy coi đó! Hai bên đấu pháp như vậy, biết bên nào nói phải, bên nào nói trái, khiến chúng ta cũng phải hồ đồ. Có điều, quỷ khóc, thần gào, lạ kỳ như vậy chỉ là ảo hóa, hư dối, không thực, cho nên nói “ảo hóa kỳ.” Vậy thì, cái gì là chân thực đây?

Chân thực nghĩa tuyệt ngôn – nghĩa chân thực lời nói hết: Cái nghĩa chân thực thì chẳng có gì có thể nói ra được. Như câu: “*Bổn lai không một vật, lấy gì bám bụi trần.*” Đây chính là nghĩa chân thực, cho nên nói “tuyệt ngôn.”

Bất tư nghị – chẳng nghĩ bàn: Chẳng thể tưởng tượng được, tâm chẳng thể nghĩ ra, lời chẳng thể bàn tới.

Đương tiến xu – phải bước tới: Tuy nhiên, quý vị vẫn phải tiến bước một cách dũng mãnh để tinh tấn tu hành. Quý vị chẳng thể dừng bước, lạc vào chỗ “ngao không,” bảo rằng cái gì cũng chẳng có, thành ra chẳng còn nghĩ suy, coi như vậy là xong rồi! Buồn ngủ thì cứ ngủ, đói thì cứ ăn, rồi tới khi lâm chung mới ôi thôi! Than ôi! Đó là sự lầm lẫn, để cho ngày tháng qua một cách phí hoài. Còn phải tiến bước, dũng mãnh đi tới nữa.

Đại tiểu mãn - lớn nhỏ diệt: Lớn nhỏ, tất cả đều tiêu tan, cái gì cũng chẳng còn.

Nội ngoại phi - trong ngoài không phải: Chẳng trong chẳng ngoài, cũng chẳng phải ở giữa, đó là nghĩa chân thực.

Pháp giới châu - pháp giới trọn vẹn: Ta thử coi, pháp giới to lớn như vậy, mà không có thứ gì mà không biểu hiện sự chân thực. Pháp giới châu nghĩa là pháp giới trọn vẹn.

Hốt luân cá viên dung - cái viên dung nguyên lành: Hốt luân là nguyên lành, cái thể nguyên lành thì không chỗ nào thiếu; viên dung là viên dung vô ngại, hoàn chỉnh không hư xấu.

Hỗ tương vô ngại - hai bên không ngại: không chướng ngại với nhau, cái nghĩa chân thực đó là một, cũng là vô lượng, vô lượng là một, một là vô lượng, một và số nhiều, hai bên không chướng ngại với nhau.

Song quyền đả phá hư không cái - hai nắm tay phá màn hư không trùm: Dùng hai nắm tay đấm thủng màn hư không che trùm. Quý vị nghĩ hư không cũng có màn che ư? Dù

hư không không che phủ, nhưng hãy phá cho hư không tan vụn, cả hư không cũng chẳng còn. Hư không chẳng còn thì đâu có màn che? Sao còn nói lấy song quyền phá thủng màn hư không che phủ? Đây cũng là ý nghĩa trong câu vừa nói trên “bỏ lại không một vật, lấy gì bám bụi trần.”

Nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên – Một hợp nuốt tận sát hải: Há miệng nuốt trọn tất cả thế giới nhiều như số vi trần trong sát hải, thế giới này thế giới kia, quốc độ này, quốc độ kia, vô lượng các quốc độ. Vậy là biến thành yêu quái rồi sao? Nếu yêu quái mà làm được thế, thì quá hay rồi, chỉ sợ không làm nổi. Ý nghĩa câu này là nói khả năng buông bỏ bất cứ mọi thứ, giải thoát hẳn, không còn gì trở ngại, nuốt trọn cả thế giới, cho nên mới nói “song quyền phá hư không cái, nhất khẩu thôn tận sát hải nguyên.”

Đại từ bi phổ độ – lòng từ bi rộng lớn độ khắp: Cho niềm vui là từ, gỡ cái khổ cho người là bi. Làm dậy tâm từ một cách vô điều kiện, vận dụng tâm bi trong tinh thần đồng thể – cái tinh thần ta và người là một thể (hưng vô duyên

chi từ, vận đồng thể chi bi), cho nên mới nói “đại từ bi.” Bây giờ lấy tâm đại từ bi đó độ khắp các chúng sanh, chẳng phải độ riêng một cá nhân, cũng chẳng phải độ riêng những người có duyên với ta. Đối với kẻ vô duyên, tối tăm ương ngạnh, cũng dấy lòng từ bi dùng mọi phương pháp giáo hóa, mang hết chân thành, vận dụng tinh thần đồng thể và tâm thương xót để hóa độ, bố thí rộng rãi sự yêu thương, chừng nào chưa độ được thì chưa ngưng nghỉ, vậy mới nói câu: “Đại từ bi phổ độ.”

Lưu huyết hân – chảy máu, mồ hôi: Đem hết tâm huyết giáo hóa chúng sanh.

Bất hưu tức – chẳng nghỉ ngơi: Nghĩa là không kể ngày đêm, tận tâm kiệt lực, không có lúc nào nghỉ ngơi. Chẳng sợ khổ, chẳng sợ khó, chỉ biết dẫn thân bước tới, không biết lùi.

Trên đây là những lời bình giảng bài Vũ Trụ Bạch.

Ngày 7 tháng 2 năm 1982
tại Kim Luân Thánh Tự, Los Angeles

MẤT THÂN NGƯỜI, VẠN KIẾP CHẴNG ĐƯỢC LẠI

Hôm nay nói chuyện về ý nghĩa sám hối trong đạo Phật. Chư Phật và chư vị Bồ-tát không nhìn vào lỗi của chúng sanh, chúng sanh nếu có lỗi và tự làm ngơ đi, Phật cũng chẳng để ý tới. Nhưng tự mình đã tạo nên nghiệp tội thì tới lúc nghiệp chín, tự mình sẽ lãnh đủ quả báo. Chúng sanh giác ngộ thì ít mà mê mờ thì nhiều; sáng suốt thì ít, ngu si thì nhiều. Cho nên chúng sinh nào sáng suốt, giữ phép tắc, sẽ không làm những chuyện điên đảo. Những chúng sanh chân chánh giác ngộ cũng không có tà tri tà kiến, nghĩa là hiểu biết và nhận thức sai lầm. Trong chốn biển khổ mênh mông, không biết đâu là bờ bến, chúng sanh ra đời rồi chết, chết rồi lại sanh, quần quanh luân chuyển trong vòng lục đạo, cũng giống như ngày nay nói về các công xưởng hóa học; một linh tánh lớn có thể bị phân chia biến thành những linh tánh nhỏ và ngược lại, linh tánh nhỏ lại có thể kết hợp hóa thành linh tánh lớn.

Bởi lý do trên, khi một cá nhân đầu thai thành kiếp thú, chẳng phải chỉ làm một loại thú vật mà còn có thể phân thành, ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo, những loại thú tương đối có thân hình không nhỏ, và linh tánh của chúng cũng có chút điểm thông minh. Một cá nhân có thể biến thành bảy loại thú, thì trong quá trình chia cắt về thân thể sẽ có hiện tượng “phân linh,” mà đã phân linh thì linh tánh càng giảm bớt, càng phân ra càng giảm đi. Thí dụ ngựa đầu thai biến thành gà vịt, rồi lại biến ra nhỏ hơn nữa. Một con ngựa lại có thể biến ra bảy con vịt và bảy con gà v.v.... Linh tánh bớt đi chừng nào thì càng ngu thêm chừng ấy, trăm ngàn vạn kiếp chưa dễ khôi phục lại. Bởi cố gì? Bởi vì đã có sự phân khai, như trong quá trình phân tích được thực hiện trong phòng thí nghiệm hóa học, có sự phân ra từng bộ phận, từng thành phần. Một cá nhân đầu thai thành loài muỗi bởi nguyên do tâm địa quá độc ác, lòng tham không đáy, chỉ muốn hút máu của người khác. Tâm tưởng đó còn tồn tại nên mới biến thành loài muỗi, để chuyên việc hút máu. Tuy linh tánh đã bị hóa, nhưng vẫn còn lại chút ít, có như vậy chúng mới biết theo người mà hút

máu, ngoài ra không biết gì khác nữa. Muỗi hành động bởi tâm tham, lấy cái đó duy trì sanh mạng, đó là nhân duyên của loài muỗi.

Loài kiến càng thì sao? Loại này bấp sanh ham ăn. Một cá nhân nếu biến thành thân kiến thì phải hóa ra tới tám vạn bốn ngàn con. Quý vị đã thấy loài muỗi, hàng đàn, hàng đàn như vậy. Kiến càng thì từng ổ, từng ổ, đông không kể xiết. Theo nguyên tắc “tánh hóa linh tàn,” nên thân phận loài kiến rất là nhỏ nhoi, sức vóc chẳng có bao nhiêu.

Lại nói tới loài ong mật, chúng rất giỏi lấy trộm, tội ăn cắp của chúng nhiều lắm, nguyên do vì kiếp trước chúng có lỗi không giữ giới cấm về trộm cướp. Đối với loài muỗi, loài kiến, kiếp trước của chúng cũng như vậy, không trì giới trộm cướp. Tuy nhiên loài ong còn nặng hơn cho nên chúng rất giỏi nghề ăn trộm mật. Mật của người ta, nếu không trông coi, không có ong thợ hay ong mật ở đấy canh gác, thì hết đàn ong mật nọ đến đàn ong mật kia kéo đến hút cho kỳ hết mật. Ong thích các đồ ngọt, cho nên ong lấy mật về, làm tổ, tích trữ mật tại ngân hàng của chúng. Tổ ong chính là ngân hàng của loài ong đó.

Bởi vì ong chỉ biết rằng loài ong sinh sống bằng mật, đường, cho nên chúng phải xây tổ để trữ mật, tựa như người ta phải để dành tiền vậy. Tuy nhiên, chúng cứ việc tích trữ mật, tích trữ cho nó nhiều, rồi cuối cùng mật bị người ta lấy mất. Vì lý do gì? Bởi chúng phạm giới cấm về tội đạo tặc, của lấy về bất thiện thì của đi ra cũng vậy, cái gì mà lúc lấy về không được quang minh chánh đại, thì rốt cuộc cái đó sẽ mất tiêu.

Đem các thí dụ về ba loại động vật tí hon này để nghiên cứu, tức là các loài muỗi, ong và kiến, chúng ta mới thấy rõ là không nên phạm các giới cấm sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối. Giới cấm uống rượu cũng vậy. Số là uống rượu vào thường hay tạo nên những hành động hồ đồ. Hồ đồ như thế nào? Nguyên có một vị đã thọ ngũ giới, và y giữ giới rất cẩn thận, nhưng có một hôm y nảy ra ý muốn uống rượu. Y tự bảo mình rằng: “Trong năm giới thì sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối đều là trọng yếu, còn như giới về rượu thì quá bình thường, giữ giới này mà làm gì? Giới này là thừa. Thôi! Từ nay không giữ giới về uống rượu nữa. Ta đi uống chút rượu chơi.” Nói rồi, y đi

mua một bình rượu về, rót ra uống một mình. Y cảm thấy uống như vậy mà không có đồ nhắm thì cũng vô vị, bèn đi ra kiếm một cái gì để làm mồi rượu. Đúng lúc đó y thấy một con gà của hàng xóm chạy qua, y có ý nghĩ như sau: “Đây có lẽ là Bồ-tát giúp cho ta món đồ nhắm này!”

Quý vị thấy! Ý nghĩ của y quả là xằng bậy, tà tri tà kiến! Y bắt lấy con gà đó, giết đi để ăn thịt, tức là y đã phạm giới sát sanh và đạo tặc. Sau đó người hàng xóm kiếm gà đi ngang qua thì y đã uống say, lại còn trả lời một cách lung tung: “Chẳng thấy gà nào hết!” Vậy là y đã phạm giới cấm về nói dối. Y thấy người phụ nữ này khá xinh đẹp, y phạm thêm tội cưỡng dâm.

Các vị hãy lưu ý! Nguyên do chỉ vì uống chút rượu mà đến nỗi phạm cả năm giới như vậy. Hãy xem mấy đứa nhỏ retarded (si ngốc), chúng đều từ các nẻo thú vừa đầu thai lên làm người, nên chúng không có trí huệ. Tuy từ linh tánh nhỏ biến ra linh tánh lớn, khôi phục lại kiếp người, nhưng vì ở trong cảnh giới thú vật quá lâu, nên trí huệ bị lu mờ, cho nên kiếp này

không những không biết nói, cũng không biết nghe, thì nói gì tới vấn đề giữ quy tắc.

Bởi các lý do đó mọi người phải nhận cho rõ ngũ giới là điều thiết yếu. Mỗi một giới có năm vị thiện thần ủng hộ, nếu không giữ giới, các vị thần sẽ bỏ đi, nhường chỗ cho năm ác ma. Phạm giới thì ác ma tới, không phạm giới ác ma không tới. Tại sao ma không tới? Bởi vì đã có các thiện thần hộ trì, do đó chúng ta nên đặc biệt giữ giới cho cẩn thận. Chẳng giữ giới tức chẳng tu hành, biết giữ giới tức có thể y giáo phụng hành, tức khiến chúng ta có được trí huệ chân chánh, không bao giờ điên đảo, không bao giờ xảy ra chuyện ăn mặn và phá giới. Cho nên người tu đạo phải tự khắc phục được mình trong từng giờ từng khắc, khéo mà không chế bổn thân, căn cứ trên sáu căn mà hạ thủ công phu. Như khi mắt đối diện với sắc thì bị sắc trần chuyển - tức bị lung lạc, tai nghe âm thanh bị thanh trần chuyển, lưỡi nếm vị bị vị trần chuyển, mũi ngửi hương bị hương trần chuyển, thân thể bị xúc trần chuyển, ý thì bị pháp trần chuyển - có nghĩa là bị sáu tên giặc ở sáu cửa lôi đi, làm cho linh khí ở bên trong chúng ta bị cướp mất. Nếu quý vị không

bị chuyển, linh tánh không bị mất, cái đó người ta nói là trí huệ.

Bài kệ nói rằng:

*Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo*

Tam chương tức là nghiệp chương, báo chương, phiền não chương. Nghiệp chương gồm những nghiệp thiện ác mà chúng ta đã tạo tác từ kiếp trước, nay hiện thành những chương ngại mà chúng ta gặp trong kiếp này; các sự việc không xứng ý đến với chúng ta đều phát sanh từ các loại nghiệp chương đó. Báo chương là các loại khổ báo gồm cảnh địa ngục, quỷ đói, súc sanh. Có câu: “Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp gây ra chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, lại lãnh đủ quả báo,” bất cứ mình tạo nghiệp gì, thì sẽ lãnh quả báo về nghiệp ấy, không có cách gì thoát được nghiệp đó. Cho nên lại có câu: “Mọi thứ mang không được, duy nghiệp được tùy thân.” Kiếp trước ta làm sai nhân quả, kiếp này ta lãnh quả, như vậy gọi là báo chương. Phiền não chương gồm

tham dục, sân khuể (tức giận) và ngu si. Mỗi cá nhân đều có phiền não riêng của từng người, người có ít, người có nhiều. Như không có phiền não, tức không có tham sân si, vậy đáng là bậc thánh nhân. Nếu như chưa dứt hết vô minh, gốc phiền não vẫn còn tồn tại, nó sẽ tùy lúc, tùy cảnh ngộ mà phát khởi, lúc đó cái gì cũng quên, khiến người ta có thể làm những chuyện thương luân bại lý trái lương tâm. Phiền não mà không trừ bỏ sẽ làm chướng ngại căn Bồ-đề, do đó có câu: “Ngọn lửa lãn tãn, thiêu rụi rừng Bồ-đề,” bất luận tu hành đến đâu mà phiền não không đoạn trừ, thì cái gì cũng là giả tạm. Bởi đó, tại ngay cửa sáu căn, ta đừng để cho ngoại cảnh chuyển đổi, mà chính ta phải chuyển đổi ngoại cảnh, phải biến phiền não thành Bồ-đề, biến sanh tử thành Niết-bàn. Ta phải ý thức rõ cái “túi da hôi thối” này, cái nhục thể kết hợp với thần thức mà ta coi cuộc hôn phối sẽ mãi mãi bền vững; nhưng, đến phút chót nó cũng sẽ bỏ ta, cùng ta ly khai luôn. Mình cũng không biết sẽ đi về đâu. Tu đạo là để làm gì? Chính là để chuẩn bị lúc nhục thể sắp sửa phân ly, chúng ta biết chúng ta sẽ đi đâu, mà không bị cái túi da hôi này

khống chế, chúng ta đi về trong sự tự do. Vì cái đó mà ta tu đạo. Muốn cho thành tựu đạo nghiệp, chúng ta phải thâm nhập thân tâm một cách thường xuyên, từng bước y theo quy củ phép tắc, không để cho ngoại cảnh tại các cửa lục căn lôi kéo. Lúc đó, quý vị đã có định lực rồi. Có định tức có thể phát huy trí huệ. Tuy nhiên quý vị phải nhớ rằng định là do sức mạnh của giới mà sanh ra, mà giới lại là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,” hy sinh tiểu ngã và hoàn thành công đức tu tập tinh thần đại ngã, đó là Phật pháp chân chánh, là tông chỉ của tôi. Các vị hãy thử theo tôi học tập.



BỐN PHẬN CỦA MỘT TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO

Chúng ta không gặp may mắn, sanh vào thời mạt pháp, cách xa với thời đức Phật. Nay lại xuất gia, nếu chỉ khoác áo theo Phật, ăn nhờ cửa Phật, lấy Phật làm chiêu bài, ca theo Phật điệu, thâu đồ đệ, nhận đồ cúng dường, rồi bày ra dưới trướng nào hàng xuất gia, nào cư sĩ tại gia, nêu cao danh là đệ tử của Phật, thực ra đó chỉ là những kẻ ham danh háo lợi, để lụy cho Phật giáo, làm bại hoại Phật giáo, là tội đồ của Phật giáo đó!

Tại làm sao Phật pháp bị suy đồi? Bởi chúng ta không chịu tu, không nghiêm chỉnh giữ giới luật, không thực lòng tu tập cho thân tâm thanh tịnh. Pháp vốn là một thứ không hình, không tướng, không thể, tất cả là do hành vi của con người mà biểu hiện ra mọi thứ thiện ác, xấu đẹp. Tâm của chúng sanh nếu hướng thiện, mọi người nếu giữ năm giới, tu thập thiện, bộ mặt của thế giới sẽ trở nên hiền hòa, tươi tốt, đó mới là chánh pháp chân thực.

Còn như tâm chúng sanh hướng tới điều ác, cả một bầu tham sân si sẽ làm ô nhiễm hư không, khiến chánh pháp bị hãm trong mầu hắc ám, như vậy thì còn pháp gì để nói nữa. Bản thân của pháp không có thủy, hay mật, chỉ vì hành vi chánh tà của con người, nên mới nói có thủy có mật. Trạng huống này há chỉ lấy cái tâm hổ thẹn mà có thể cứu vãn được chăng? Phải chấn chỉnh cái nguy cơ. Chúng ta vô luận là người xuất gia hay tại gia, nếu đã là đệ tử của Phật thì phải đem thân mình làm gương, không chịu ở phía sau mọi người, hết sức cố gắng cứu nguy Phật pháp. Tất cả chúng ta phải đồng tâm hiệp lực, làm cho Phật giáo xán lạn, hưng thịnh, thức tỉnh thế giới khiến cho nhân loại hiểu thấu Phật pháp, tin theo Phật giáo và sùng kính Phật giáo.

Các vị thiện tín! Năm xưa đức Phật được cả người và trời cung kính cúng dường, trông thấy như vậy, chúng ta phải tự lấy làm hổ thẹn. Ngày nay, có một số, kể cả các cư sĩ tại gia, không coi các tăng sĩ ra gì cả, họ coi người xuất gia như hạng “quỷ thần, kính nhi viễn chi,” đó cũng là một hiện tượng của thời nay. Cho đến một số nhân sĩ trong xã hội,

tương đối có hiểu biết, hay nói tới sở trí thức, sở học giả, họ lại càng coi thường người xuất gia. Họ nhận thấy rằng tăng sĩ không nắm vững giáo lý Phật pháp không có trí huệ chân chánh, nói lời vu vơ, gạc găm.

Nay chúng ta lấy đó để cảnh giác, phát thành nguyện lớn, lập chí vững, dốc một lòng nghiên cứu giáo lý, giữ nghiêm chỉnh giới luật, gắng gỏi tu hành, biến cải thời mạt pháp thành thời chánh pháp. Chỉ cần chúng ta đi những bước chắc chắn trên con đường tu tập và hành đạo, thì có lo gì chúng ta không chứng quả! Chứng quả rồi, thì ở đâu chúng ta cũng có thể dựng cờ pháp, thổi còi hiệu pháp, nổi hồi trống pháp, rồi có thể hoằng dương Phật giáo ngay tại những nơi chưa có pháp, đủ khiến cho người ta khởi lòng tin Phật. Bởi vậy cho nên chúng ta phải tinh cần, quyết tu tập giới định huệ, diệt tất tham sân si, và chứng ngộ Phật quả là mục tiêu của tất cả chúng ta.

Chứng quả là chứng nghiệm cái gì đây? Người đã chứng quả thì không có tâm tham, cũng không có tâm sân, cũng không có tâm si. Ba độc là tham sân si đều bị tiêu diệt. Tại bất

cứ lúc nào, vô luận nghịch cảnh nào, hoặc bị phỉ báng, hoặc được tán dương vinh hiển, họ vẫn giữ một vẻ an nhiên tự tại, tựa như không bị các duyên bên ngoài lôi kéo, tư thái như như, hồn nhiên sinh hoạt trong niềm thanh tịnh của giới hạnh. Đối với họ, mọi giới luật đều chẳng còn mang vẻ gò ép, bởi lẽ hành động của họ đã từng hòa đồng với tịnh giới. Người đã chứng quả có định lực chân chánh, do đó hư danh lợi lộc chẳng hấp dẫn họ, cho dù người khác có đánh chửi cũng không làm cho tâm họ kích động, phát ra những lời nói bất thiện. Cũng đừng mong nghe được những giọng quát tháo hung ác của họ, bởi ba con rắn độc tác quái (tham, sân, si) không còn nữa. Người đã chứng quả có trí huệ chân chánh, sự tình gì họ nghe qua cũng hiểu hết, vấn đề gì đến tay họ, họ cũng trực diện giải quyết. Ai đến với họ, nhìn ngay họ đã biết rõ căn cơ, muốn gạt họ quý vị cũng chẳng lọt được cặp mắt thông tuệ của họ. Người đã khai ngộ chứng quả rồi, có thể ví như vàng trắng trong vất lơ lửng giữa trời bát ngát không gợn mây, như làn nước trong mặt hồ xuân, như những bông sen xanh biếc trong sương sớm.

Trong tâm của họ, trong khoe mát, trong lời nói, không bao giờ chứa đựng cái gì là ác nhân, ác sự, ác ngữ; chỉ cần gặp họ, thân cận họ, chẳng cần nói năng, kẻ lành cũng trở thành bậc thánh, kẻ ác thành người lành. Người đã chứng quả, họ có sẵn oai lực chiêu cảm như vậy, mà họ lại chẳng khác gì chúng ta trong sinh hoạt hàng ngày.

Chúng ta mang danh là đệ tử của Phật, không thể thoái thác trách nhiệm mà phải đứng ra gánh vác để phục hưng giáo pháp. Đừng có lấy cớ là thời mạt pháp mà chẳng chịu tu hành! Vậy chớ tại sao chúng ta lại theo đạo Phật? Lại còn cất ái ly gia nữa? Cái đó chẳng phải tự dối mình sao? Tự mình coi thường chính mình sao? Đây mới chính là một sự hồ đồ, điên đảo, một hạng bại hoại trong Phật giáo, một tội đồ! Tôi đã từng phát nguyện như sau: Tôi đến địa phương nào thì tại nơi đó chánh pháp phải trụ thế, chớ không thể là mạt pháp. Tuy hồi đó Phật đã từng cảm khái than rằng trong tương lai sẽ tới thời mạt pháp, nhưng nguyên nhân là do người tạo tác mới sanh ra mạt pháp, vậy thì đương nhiên cũng có thể lấy sức người, để chuyển mạt pháp thành

chánh pháp. Nếu quả thực, mỗi đệ tử của Phật, tại gia cũng như xuất gia, nương theo lời dạy mà phụng hành, siêng tu các thứ pháp môn, sinh hoạt trong giới luật mà Phật đã chế ra, y chiếu các kinh điển của Phật mà hành trì, hiểu rõ minh bạch ý nghĩa lời Phật dạy, thực hành những lời mà chư Tổ đã xiển dương, nhất loạt noi theo ba tạng Kinh, Luật, Luận đã chỉ thị, thì lấy đâu ra mặt pháp nữa? Làm gì có cái lý là không thể khai ngộ chứng quả? Giả thiết như mình không làm theo các điều vừa kể, đi ngược với đạo chẳng hạn, lừa dối, bịp, bịp thì theo đó, ham danh ham lợi, làm chùa lớn để hưởng thụ, như vậy chẳng biến ra mặt pháp thì cũng là điều lạ.

Chúng ta dám bỏ sanh mạng mà cầu đạo vô thượng, hy sinh sanh mạng để làm rạng rỡ Phật giáo, cải tiến Phật giáo. Phật giáo đã từng trải qua biết bao thời đại trào lưu, khó tránh được tình trạng không thích ứng với chúng sanh ở một nơi nào đó, vậy cho nên chúng ta phải khéo léo dùng phương tiện mà châm chước, mà cải thiện, mỗi đệ tử Phật phải tích cực bắt tay vào, nhất là đối với các vị xuất gia phải hiểu rõ không thể coi thường.

Nói đến đây, tôi nghĩ rằng nhất định sẽ có người đặt nghi vấn, tại sao người nào không tham sân si là người đã chứng quả. Nay đề cập tới sự trọng yếu của tham sân si, tôi hãy lấy những hình ảnh rất là thông tục nhưng dễ hiểu, nói ra cho quý vị nghe. Tham tâm đó chính là dục niệm, cái tâm dâm dục. Không có tham tâm, tức là dứt khỏi dục niệm; không có dục niệm, tức là không có tâm dâm dục nữa. Nam nữ gặp nhau tiếp xúc với nhau, lúc đó vọng tưởng sẽ không nổi lên, không những dục niệm không sanh, luôn cả các phản ứng sinh lý cũng không phát sinh nữa, căn tính trai gái không dao động, lúc đó mới gọi là dứt được thực sự dục niệm, và tâm tham không còn nữa.

Quý vị chớ có lấy làm kinh ngạc khi thấy tôi nói hết ra một cách trắng trợn như vậy, bởi vì thiên kinh vạn quyển, ba tạng mười hai phần kinh, đến tận cùng thì cũng chỉ nói tới vấn đề này thôi. Nếu chẳng có vấn đề “dục”, thì kinh điển gì cũng chẳng cần thiết, mọi thứ pháp đều “không”, mọi thứ pháp đều “như”. Bởi vì có vấn đề đó, chúng ta mới phải tu. Nếu quý vị chẳng thể nào bỏ ái và đoạn dục, thì dù có xuất gia tu đến tám vạn đại kiếp, cũng uống

phí công phu, hoài ngày tháng, ở trong chốn đạo ăn cơm chùa mà tạo nghiệp. Nếu chấm dứt ái dục, trừ tâm tham, mới thực sự hết tâm tham, không có tham ắt không có phiền não. Vậy tới khi nào thì bỏ được tâm tham đây? Tất nhiên phải phá được vô minh, mới đoạn trừ tâm tham được. Lý do các vị Bồ-tát tu hành dùng mãnh và tinh tấn, chính là để phá trừ một phần vô minh, chứng được một phần pháp thân, tới khi chứng được quả vị Đăng giác thì mới đem hết vô minh diệt trừ để chứng quả vị Phật. Tâm tham là một trong ba độc rất khó đoạn trừ. Chúng ta lúc mới phát tâm tu hành, thì cái làm chướng ngại sự dụng công của chúng ta chính là tâm tham dâm, nam thì ham nữ, nữ thì ham nam, một vấn đề căn bản. Kinh Lăng-nghiêm nói rất rõ: “Tâm dâm không trừ, trần ai chẳng ra khỏi,” như chẳng muốn trừ tâm tham dâm mà lại mong thành Phật đạo, thì chẳng khác gì lấy cát nấu lên để làm cơm ăn, một chuyện không thể xảy ra được.

Bây giờ tôi lại nói về tâm sân. Tâm sân cũng là phiền não, không có tâm sân chẳng phải là không có phiền não, nhưng lấy công phu tu hành, cải biến phiền não thành tâm Bồ-

đề, lấy lửa vô minh biến thành nước trí huệ, dùng nước trí huệ tưới tắm mầm non Bồ-đề, thì tương lai sẽ có Phật quả Bồ-đề. Nếu lửa vô minh không diệt được, nước trí huệ sẽ không sinh ra, thì không kết được quả Bồ-đề. Quý vị! Hy vọng tất cả mọi người đặc biệt chú ý lắng nghe, ghi nhớ vào thừa ruộng a-lại-da thức của mình để tùy thời thọ dụng. Quý vị cũng đồng thời quay về xét lại khoảng thời gian bao năm học Phật pháp, nghe kinh, tụng Phật, tụng chú, ngồi thiền, ngày ngày tinh tấn, vậy tại sao chưa đạt được công phu đoạn dục? Nếu chưa đạt được, thì phải gấp rút siêng tu giới định huệ. Quý vị đã nghe kinh Hoa Nghiêm, trên mỗi phẩm đều có nói tới các vị Bồ-tát trong hư không khắp pháp giới chuyên hành Bồ-tát đạo, mà không quên tu giới định huệ, ba món vô lậu học này. Các vị Bồ-tát, chẳng tiếc sanh mạng mình, đi khắp nơi giáo hóa chúng sanh, không biết mỏi mệt, không nghỉ ngơi, cũng không thoái chuyển. Chúng ta mới xuất gia được ít ngày, đã nghĩ tới chuyện hưởng thụ, đúng là một việc đáng thương xót, một sự điên đảo, hạt giống của mặt pháp vậy. Phạm là đệ tử Phật, phải lấy sự hưng suy của Phật giáo

làm trách nhiệm của mình, nhất là các vị xuất gia phải đứng ra đảm đương việc lớn. Ai ai cũng nghĩ như thế, lo gì Phật pháp chẳng được hoàng dương lớn rộng! Chẳng qua vì người nọ đẩy cho người kia, rồi riêng mình thì đóng cửa lại khước trương, phát triển riêng thế lực của mình, tất cả chuyện hưng suy của Phật giáo gác ra ngoài, nói lời vô trách nhiệm, anh trông vào tôi, tôi trông vào anh. Đây là một tình huống chuyện chung không ai lo, anh nhìn tôi, tôi nhìn anh, hoặc là, chẳng phải chuyện của tôi, cứ ném ra tức khắc có người lo. Ai ai cũng nghĩ chuyện lùi bước, làm cho Phật giáo chìm đắm trong bầu tử khí, bảo sao Phật giáo chẳng tới lúc mặt? Kỳ thực nguyên nhân là ai nấy đều vị kỷ, trong lòng đầy tự tư tự lợi. Nếu chẳng tu hành, trên thì không cầu Phật pháp, dưới không độ chúng sanh, không hạ công phu làm Phật sự, mà còn lười biếng, thoái lui, cái đó mới khiến cho Phật pháp tới chỗ mặt thời mà tiêu vong. Các vị thiện tín! Chúng ta đã rõ câu chuyện như vậy nên tôi mong rằng tất cả chúng ta vì Phật sự mà tận tâm tận lực hộ trì. Để tự cứu tự độ chúng ta phải dũng mãnh tinh tấn học tập Phật pháp. Tất cả chúng ta đồng

tâm hiệp lực làm cho Phật giáo mỗi ngày một hưng thịnh, lớn mạnh rực rỡ, khiến chánh pháp còn trụ mãi với thế gian, rạng rỡ như khi Phật còn tại thế vậy.

Nói tới tu hành, tôi nhận thấy đối với người xuất gia, điểm thứ nhất là không nên lân la nơi quyền quý giàu sang. Điểm thứ nhì là không nên luôn luôn hướng ra ngoài để hóa duyên. Thứ ba là mọi sự việc không nên cầu duyên ở người. Tại Kim Sơn Thánh Tự có câu đối như sau:

*Đống tử bất phan duyên,
Ngạ tử bất hóa duyên,
Cùng tử bất cầu duyên.
Tùy duyên bất biến,
Bất biến tùy duyên.*

Dịch nghĩa:

*Chết lạnh không phan duyên,
Chết đói không hóa duyên,
Chết nghèo không cầu duyên.
Tùy duyên chẳng đổi,
Chẳng đổi tùy duyên.*

Đó là ba tông chỉ của chúng ta, và tôi hy vọng tất cả các đệ tử xuất gia cũng tán đồng

tông chỉ ấy, và cùng khuyến khích nhau nhất định làm theo cho đúng. Thêm nữa, chúng ta lại cùng nhau lập ba đại nguyện:

1. *Xả mạng vì Phật sự – Vì Phật sự quên thân mình*: đã là tín đồ Phật giáo lại là thành phần xuất gia, chúng ta không thể đứng yên mà nhìn Phật pháp suy đồi và để người ta khinh thị. Thà mang sanh mạng này để trùng quang Phật giáo, lấy chánh pháp cứu nguy cho thế giới trong lúc tàn khốc này, khiến tất cả chúng sanh được sống trong sự hòa bình an lạc.

2. *Tạo mạng vì bốn sự – Tạo mạng là bốn phận*: chúng ta vốn là phàm phu tục tử, nhưng chúng ta có thể biến cải gốc phàm phu để thành kẻ thánh nhân. Cổ nhân nói: “Người quân tử có cái học tạo mạng, mạng do ta lập ra, phước do ta cầu, họa phước không có cửa, chỉ do người chiêu lấy,” đó là lời của Lão - tử, nếu nhận thấy câu ấy có lý, chúng ta có thể lấy để tham khảo. Nếu lời nói ra không hợp đạo lý thì chúng ta chẳng chấp người đã nói ra.

3. *Chánh mạng vì Tăng sự*. Đại sư Thái-Hư nói: “Chánh mạng là việc của tăng sĩ,” gọi là

chánh mạng, chẳng phải là nói về cái tinh mạng, như khi người ta đổ máu hy sinh, mà ý nghĩa ở đây là sự cải cách. Truyền thống các tông lâm còn để lại tất cả thanh quy. Cái gì hay, cố nhiên chúng ta phải bảo tồn, nhưng cũng có những quy tắc hủ lậu, hoặc không còn thích ứng với thế giới ngày nay thì chúng ta có thể tùy theo nhu cầu thực tế mà mạnh dạn sửa đổi. Pháp là cái chết cứng, con người là cái sống động, hà tất chúng ta phải tử thủ không cho nó biến đổi? Thấy cái gì sai trong quá khứ, cái gì cần trừ bỏ, chúng ta đều phải bỏ đi, lý luận nào thiếu chính xác, chúng ta đều phải sửa lại. Tóm lại, những gì liên quan tới sự hưng thịnh của Phật giáo, thì phải làm tới chỗ không thể cầu thả, do dự không quyết.

*Tức sự minh lý,
Minh lý tức sự.*

Nghĩa là gặp sự thì hiểu lý, hiểu lý gì thì thực hiện lý ấy, lấy cái đó làm nguyên tắc, để **Truyền thừa mạch huyết tâm truyền của các Tổ sư.**

Ai nấy đều thiết thực bắt tay vào, chỉ nên nói hai phần mà hành động cụ thể thì tới ba

phần, nếu như mình có thể tin được mình thì người khác nhất định sẽ bắt chước theo. Kể xuất gia nếu làm hết bốn phận của mình như vậy, Phật giáo từ đó mà chấn hưng, mật pháp sẽ chuyển ra chánh pháp. Tôi muốn khẳng định rằng: “Kim Sơn Thánh Tự còn một ngày, thì cũng còn một ngày chánh pháp ở với thế gian.” Hiện nay, Phật giáo mới tới các nước Tây phương, thì điều cần thiết là phải có chánh pháp, phải có thánh nhân, do đó chúng ta phải mau mau tạo điều kiện để có sự chứng quả của thánh nhân. Phạm là đệ tử của Phật, không cứ tại gia hay xuất gia, tất cả đều nên lập chí tu, làm nên bậc thánh.

Thời gian mới tới nước Mỹ, tôi đã từng mang những tâm nguyện lớn: Tôi tự hỏi tôi đến Tây phương để làm gì? Tôi muốn đến đây làm người thợ nặn tượng, tôi muốn nặn thành Phật sống, thành Bồ-tát sống, thành Tổ sư sống. Trong quá khứ đã không làm nên chuyện gì, nay tôi muốn làm việc tế thế, cứu nhân. Tôi còn muốn đem hết mọi chúng sanh trên thế giới này biến thành Phật sống, thành Bồ-tát sống, thành Tổ sư sống. Có người bảo tôi làm không nổi, phát tâm nguyện như vậy là quá

ngông cuồng, tôi cho rằng nhất định tôi làm được. Nếu không biến cải được hết các chúng sanh trên thế giới này thành Phật sống, Bồ-tát sống, Tổ sư sống, tôi nguyện sẽ vĩnh viễn không thành Phật. Chính hiện nay tôi đang tích cực làm công tác đó. Quý vị tin cũng vậy mà không tin cũng vậy, đó vẫn là mục tiêu của tôi. Quý vị không thấy tôi đã độ không ít các thanh niên nam nữ Tây phương vào cửa Phật sao? Khó độ là các giới trẻ nam nữ người Mỹ, quý vị không thấy họ đã cạo râu cắt tóc xuất gia hay sao? Đây chỉ là bước đầu, chưa có gì là lạ. Rồi tất cả chúng sanh đều nối bước nhau đến với Phật, vào nhà của Phật.

Tôi nghĩ nhất định phải có người hoài nghi: Không có phiền não thì thành thánh nhân sao? Đúng như thế. Nhưng, phiền não không dễ gì đoạn trừ, cho nên Bồ Tát Phổ Hiền đã từng nói qua: “... Cho đến vì phiền não không thể cùng tận, đại nguyện của tôi cũng không cùng tận.” Tuy nhiên, chúng ta có thể phát nguyện: “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,” chúng sanh vô tận, hư không vô tận, phiền não vô tận, nhưng nguyện lực của chúng ta cũng có thể vô tận. Mục đích chúng ta tu hành là

cầu nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí, như trí huệ nhiệm mầu của đức Phật, lấy trí huệ bát-nhã phá vô minh, tức ba độc, chuyển phiền não thành Bồ-đề, thành đại trí huệ, lúc đó thì thật không còn phiền não nữa và thành bậc thánh.

Lửa vô minh rút cuộc là gì? Nói một cách rất đơn giản, rất gọn gàng thì nó chính là tâm dâm dục của tình tham ái nam nữ. Loại tâm niệm đó mà khởi động, thì không ai nói giỏi được, không có pháp nào mà chế ngự nó. Cho nên biết bao nhiêu người bị vướng trong cảnh hồ đồ, tạo ra những việc hồ đồ, có thể nói rằng một lần sai sẩy, tức thành cái hận thiên thu, không phương cách nào cứu vãn. Khi hai phái nam nữ đương trong thời kỳ luyến ái, nếu như ai có hỏi họ, tại sao lại thương anh ấy? Tại sao thương chị ấy, chắc chắn họ sẽ hỏi đáp: “không biết tại sao.” Đó là tại vô minh. Rất mong các vị xuất gia đều có thể dứt được ái, trừ được dục, tu trì thì dụng công, xin cố gắng!



HUNG KHỞI VẠN PHẬT THÁNH THÀNH

Các vị thiện tín! Bồ-tát tinh tấn tu hành, ngày đêm không lười biếng, tích lũy công đức về ba nghiệp thanh tịnh, trang nghiêm thân tâm, cho nên lúc nào cũng chăm chỉ không biết mỏi, nguyện chúng sanh siêng tu ba nghiệp, thanh tịnh thân, khẩu, ý, mới có công đức thanh tịnh thiện căn, và thân tướng được trang nghiêm viên mãn. Chúng ta là người học Phật tu đạo, bất cứ thời khắc nào cũng không thể buông lung, nhất là phải chú trọng đặc biệt tới ba nghiệp để cầu cải tiến, rồi từ đó tích lũy dần dần các công đức thiện, trồng đại thiện căn không kể thời kiếp, cứ tinh tấn như thế tự nhiên đạo nghiệp thành tựu, tướng trang nghiêm cũng được viên mãn. Nói về tướng: tuy là do tu, nhưng nếu ta bẩm sinh ra đời với một hình tướng xấu xí, ai trông thấy cũng không khởi tâm hoan hỷ mà tìm cách tránh xa, như vậy cũng là khó cho ta đi giáo hóa chúng sanh. Hồi Tổ sư Đạt-ma đến Trung quốc, người Trung quốc trông thấy Tổ mặt đầy râu ria, mắt

to, lông mày rậm, tướng dễ sợ. Cho nên Tổ Đạt-ma phải diện bích, đối diện với bức tường trên mười năm, chỉ giáo hóa được rất ít chúng sanh, may mắn trong đó có một vị là Nhị Tổ Thần Quang, người đến cầu pháp, quỳ suốt chín năm, lại chặt một cánh tay, mới được Tổ Đạt-ma lấy tâm truyền tâm, từ đó mới có tông Thiền, truyền cho đến nay. Nay tôi đến Tây phương hoằng pháp, dìu dắt các vị phải tu công đức phước thiện, để trang nghiêm thân tướng của chính mình.

Thế nào là tu công đức phước thiện? Tôi đâu dễ tu? Đúng vậy, tu hành làm việc đạo cũng cần phải có một chỗ an thân. Cơ hội này cũng là do nhân duyên đã thành thực nên bây giờ mới ở tại Vạn Phật Thánh Thành. Ở đây cần cả vạn vị Phật đến trang nghiêm thành này. Nói là vạn Phật, chẳng phải đã thành được vạn Phật, mà đương thành vạn Phật, là đã phát tâm Bồ-đề, hiện phát tâm Bồ-đề, đương phát tâm Bồ-đề của các đệ tử Phật.

*Vạn Phật Thánh Thành,
Vạn Phật Thánh Thành,
Vạn Phật đều thành!*

Công trình tại Kim Sơn Thánh Tự trong mấy năm nay chính là đãi cát tìm vàng, rất may là đã gạn lọc ra được rất nhiều Phật vàng. Hết thấy thất chúng đến Kim Sơn Thánh Tự không sanh lòng thối chí, do có một phần của Vạn Phật Thánh Thành. Cho nên chúng ta phải trân quý túc duyên đó mà đồng tâm hiệp lực, phát nguyện rộng lớn:

1. Nguyện lấy Vạn Phật Thánh Thành làm cộng đồng sanh mạng của chúng ta; để sanh mạng chúng ta được duy trì, Vạn Phật Thánh Thành phải là nơi an toàn, không có hiểm nghèo, để sanh mạng đó có đủ sức sống và phát triển.

2. Nguyện coi Vạn Phật Thánh Thành là cái đầu não của chúng ta, do đó chúng ta phải bảo hộ cái đầu để Vạn Phật Thánh Thành sẽ vĩnh viễn lãnh đạo chúng ta dưới ánh hào quang của Phật, và chúng sanh sẽ được tận hưởng an lạc trong đời sống.

3. Nguyện lấy Vạn Phật Thánh Thành là cặp mắt của chúng ta, và như cặp mắt được gìn giữ, chúng sẽ có thể quan sát mọi nhân

duyên của chúng sanh một cách tường tận, vĩnh viễn không xa cách chúng sanh. Chúng ta tất cả, xin hãy một lòng tha thiết gắn bó với lời thệ nguyện phát triển Vạn Phật Thánh Thành, nhất định thành tựu cho được lời nguyện vạn Phật tới trang nghiêm thành này, lấy sự hưng thịnh của toàn Thành làm trách nhiệm và thiên chức của chính mình. Hy vọng mọi người không coi nhẹ trách nhiệm, bỏ bê phận sự của mình.

Sự việc trong thế gian, luôn luôn theo chiều hướng lên xuống, cái này lên thì cái kia xuống, không có cái gì là vĩnh viễn hưng hay vĩnh viễn suy. Hiện nay Phật giáo tại châu Á suy vi, thì Phật giáo tại Mỹ lại hưng khởi. Lịch sử của một dân tộc hay một quốc gia cũng giống như thế. Nước này suy, nước kia thịnh, như vùng thái dương lúc buổi sáng mọc lên ở phương Đông, chiều đến xuống dần và lặn ở phương Tây. Nói lặn nhưng chẳng phải là mất hẳn, lặn nơi này mà mọc ở nơi khác. Tại Mỹ khi chúng ta ngắm mặt trời lặn, thì cũng là lúc rạng đông ở Trung Hoa. Nhất thiết các sự tướng đều bày ra như vậy. Phật giáo đến với xã hội Tây phương thì Vạn Phật Thánh Thành của chúng ta là nơi phát nguyên – cái cơ sở

gốc vậy. Năm ngoài lão Pháp sư Đông Sơ qua Mỹ, có đến Vạn Phật Thánh Thành. Ngài nói rằng Vạn Phật Thánh Thành có thể ví như núi Linh Thứu tại Ấn-độ, và cũng có thể nói rằng Vạn Phật Thánh Thành là Phật Giáo Mỹ Quốc Thánh Thành. Đất này cũng có Diệu Giác sơn, đúng là Linh Sơn Thánh Thành. Địa hình của Diệu Giác sơn như tượng một người nằm, vừa trong giấc ngủ tỉnh giấc, không riêng tự giác ngộ mà còn chiếu cố các chúng sanh khắp mười phương, cho nên mới có tên là Diệu Giác; do đó, Vạn Phật Thánh Thành có thể gọi là Giác Sơn Thánh Thành, Bồ Đề Thánh Thành, hay Diệu Giác Thánh Thành cũng được.

Lão Pháp sư Đạo Nguyên lúc đến đây, Ngài lấy mấy chữ tên của Ngài “Đạo Nguyên” (nguồn đạo), ghép lại mà rằng: “Nguồn đạo, nguồn đạo, nguồn của đạo, nguồn của tu đạo, Vạn Phật Thánh Thành chính là nguồn hành đạo của chư Phật tại Tây Phương.” Tại Trung quốc ở tỉnh Quảng Châu có “Tây lai sơ địa,” để ghi nhớ nơi Tổ sư Đạt-ma lần đầu tiên đặt chân tới Trung Hoa. Vạn Phật Thánh Thành của chúng ta cũng có thể kêu là “Đông lai sơ địa,” nhưng đó chẳng phải là ám chỉ tới “sơ lai” –

mới đến. Đây là nói lão Pháp sư Đông Sơ ghé qua nơi này, chẳng phải là nói sư phụ của quý vị từ Đông phương mới đặt chân tới. Từ nay về sau, bất cứ lúc nào, và ở chỗ nào, không nên đề cập đến tên tôi là tốt hơn cả. Tại sao? Tôi không muốn giống mọi người trong thế tục. Các ông coi Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma, người đến cũng không, người ra đi cũng không, cái gì cũng không có. Tuy nói Tổ ngồi tại Hùng Nhĩ sơn trong chín năm, nơi mà Tổ ngồi vẫn còn ở đấy, nhưng người thì không. Vậy cứu cánh thì Tổ ở đâu vậy? Không ai biết. Bởi vậy lúc sinh thời tôi không muốn dùng tên tôi, trong tương lai không còn ở tại thế gian này, cũng không cần đến tên tôi nữa. Tôi thường nói với quý vị rằng, cái tên của tôi là giả, cái tên khác cũng chẳng phải là chân. Nay mỗi cá nhân chúng ta phải phát nguyện làm một phần tử của Vạn Phật Thánh Thành, tức không còn là kẻ chỉ đứng ngoài bàng quan không mó tay tới việc gì; chúng ta có sức thì góp sức, có tiền thì xuất tiền, cống hiến tận tình công sức của chúng ta, đưa kế hoạch mục tiêu để phát triển Vạn Phật Thánh Thành, tận lực hộ vệ Vạn Phật Thánh Thành, hộ trì nơi phát nguyện ra Phật Giáo Tây

phương, nơi đất thánh này, như thế mới hết cái nghĩa chúng ta coi trọng Vạn Phật Thánh Thành. Công trình của chúng ta chẳng phải có ý nghĩa tạm thời. Trong tương lai, khi ghi lại lịch sử phát triển của Phật giáo Tây phương, đây là một điểm phải đặc biệt chú trọng, chẳng phải chúng ta hy vọng có cái danh trong sử này, chỉ là muốn người chép sử của Phật giáo Tây phương ghi ra những điều trung thực. Việc trước mắt là chúng ta bất tất lo những chuyện này, mà nhớ rằng chúng ta đã là đệ tử Phật tại Vạn Phật Thánh Thành thì phải đem hết chân tâm và năng lực, đổ mồ hôi nước mắt chịu khổ, chịu nạn cho công trình này, chẳng hãi sợ, chẳng lui bước, coi như sự đương nhiên, nếu không thì chẳng đúng là dân của Vạn Phật Thánh Thành. Còn nhớ năm 1972, tôi đã từng viết bài “Vũ Trụ Bạch,” sau chót có hai câu: “Lưu huyết hân, bất hưu tức,” nghĩa là đổ mồ hôi, đổ tâm huyết, cũng chẳng thôi, cũng chẳng tạm nghỉ, quyết mang huyết hân để thực hiện cho được lý tưởng và mục đích của chúng ta.

KIỀN THÀNH NIỆM CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Năm nay, kể từ ngày Nguyên- đán, chúng ta cùng thành tâm niệm thần chú Tiêu Tai Cát Tường:

“ Nam mô. Tam mãn đa. Mẫu đà nẫm. A bát la đễ. Hạ đa xá. Sa nẵng nẫm. Đát diệt tha. An. Khư khư. Khư hê. Khư hê. Hồng hồng. Nhập phạ ra. Nhập phạ ra. Bát ra nhập phạ ra. Bát ra nhập phạ ra. Để sất xá. Để sất xá. Sất trí rị. Sất trí rị. Sa phẩn trá. Sa phẩn trá. Phiến để ca. Thất lí duệ Sa bà ha.”

Nếu như quý vị chuyên tâm trì niệm, chắc chắn sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn và tới được cảnh giới như trong câu nói: “Cảm ứng đạo giao.”

Tại sao chúng ta cần phải niệm Thần Chú Tiêu Tai Cát Tường? Để cầu cho toàn thế giới, toàn thể nhân loại tai qua nạn khỏi, đến chỗ cát tường. Đó là lý do thúc đẩy Vạn Phật Thánh Thành cử hành Pháp- hội Tiêu Tai Cát

Tường. Tóm lại, chính là giúp chúng sanh thoát ly khổ hải, chớ không có mục đích gì khác.

Một số các chùa, bất luận mở pháp hội nào đều nhằm vào các thí chủ công đức (người xuất tiền của để làm công đức). Vạn Phật Thành không giống như vậy, chẳng có pháp hội nào mà chúng ta nhằm vào các công đức chủ, chúng ta chỉ có chủ công đức mà thôi. Thế nào gọi là công đức chủ? Nghĩa là Vạn Phật Thánh Thành chủ trì công đức và hồi hướng tất cả công đức cho toàn thể nhân loại trên thế giới này.

Tại đây chúng ta mang hết thành tâm và thành ý niệm thần chú Tiêu Tai Cát Tường, vì lợi ích của toàn thể nhân loại chớ không phải chỉ riêng lợi ích của mấy người ở tại Vạn Phật Thành. Pháp hội này lớn rộng, đại ni vô ngoại, nghĩa là to lớn đến độ bao trùm hết các chúng sanh, không một chúng sanh nào ở ngoài cả. Bất cứ ai, không kể người tin Phật hay không tin Phật, kẻ thiện người ác, chúng ta đều mang công đức hồi hướng cho tất cả, làm cho mọi người thoát ly khổ ách và được hưởng an vui.

Thực hiện những pháp hội này, chúng ta không hề đặt giá, chỉ lo châu toàn bốn phận, hết một lòng với thiên chức, lẽ đương nhiên cầu an lạc là phải cầu cho hết mọi chúng sanh. Nếu không nhận thức cho rõ, chúng ta sẽ làm mất hết ý nghĩa của pháp hội. Bởi vậy chúng ta phải niệm với một sự chí thành, một sự tha thiết, để có thể cảm động tới lòng từ bi của Phật và Bồ-tát, khiến các Ngài rủ lòng thương xót giúp giảm nhẹ tai nạn cho chúng sanh, tai nạn lớn biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ thì được hoá giải luôn. Ở đây chúng ta hết lòng cầu nguyện cho toàn thể nhân loại, được tiêu tai cát tường. Đó là cái đáng giá!

Chúng ta nhờ vào vị thế ưu việt của đạo tràng Vạn Phật Thành mà làm tiêu được tai nạn của toàn thể nhân loại trên thế giới, thì thật là một điều rất lý tưởng. Nếu không có địa điểm đó, thì không nơi nào có thể giúp chúng ta làm được công đức này. Cho nên tại Vạn Phật Thánh Thành, có quy định làm “sái tịnh,” tức dọn dẹp sạch sẽ, vào đêm trừ tịch của âm lịch, để sáng ngày mồng một Nguyên-đán bắt đầu niệm thần chú Tiêu Tai Cát Tường. Vạn Phật Thánh Thành làm chủ công đức, nghĩa là

chủ trì việc làm công đức để hồi hướng đến các chúng sanh trên toàn thế giới.

Quý vị! Tham gia các loại pháp hội này là một vinh dự! Một vận may! Quý vị hãy phấn chấn tinh thần, thành tâm mà niệm, chớ có bôi bác bề ngoài che đậy tâm lừa dối. Mọi người phải cùng nhau một lòng vì cứu độ chúng sanh mà niệm. Hãy niệm! Niệm! Niệm! Niệm!



NGŨ GIỚI THẬP THIỆN

TIÊU TAI NẠN

Vì chúng sanh tạo nghiệp nên trên thế giới mới thấy xuất hiện bao nhiêu là tai nạn. Có câu nói: “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo,” ba thứ này liên quan chặt chẽ với nhau. Nếu không khởi hoặc thì sẽ không tạo nghiệp, và từ đó không có quả báo.

Khởi hoặc là khởi lên sự mê lầm, do thiếu trí huệ chân chánh nên không sáng suốt khi đối diện với sự lý, nghĩa là tâm điên đảo. Nói rõ hơn, đây là trường hợp không biết phân biệt rõ ràng các điều thị phi, thiện ác, ngay đến trắng đen cũng không phân định, chánh tà cũng không biết. Tóm lại, tất cả đều do sự thiếu xét đoán minh bạch mà nguồn gốc chính là sự tác quái của vô minh.

Tạo nghiệp thì phải kể cả tạo thiện nghiệp và tạo bất thiện nghiệp. Tạo thiện nghiệp sẽ được quả sanh thiên, tạo ác nghiệp thì bị đọa địa ngục. Bởi không phân biệt rõ nên mới tạo ra nào nghiệp trộm cắp, nghiệp tà dâm, nghiệp

nói dối, nghiệp uống rượu v.v... nhưng trong các nghiệp này thì cũng có sự khác biệt về mức độ nặng nhẹ.

Sát sanh: Như hành động giết những con muỗi, con kiến chẳng hạn, đó gọi là sát sanh. Giết bò giết heo là sát sanh. Nhưng trong trường hợp này nghiệp báo không nặng lắm, bởi súc sanh là loài ngu si, nhất thời không kiểm ra được kẻ giết mình, mà có kiểm ra thì cũng không biết phương cách gì để báo thù. Thế nhưng, trong thế gian, luật nhân quả rất là công bình. Trong sự mông lung của đời sống, chẳng biết từ đâu và do đâu, ta sẽ thấy nhân quả kiểm tới, có thể ta sẽ mắc phải một quái tật, hay sẽ bị bệnh hành hạ, đó là một thí dụ về sự báo cừu có tính cách tiêu cực. Như ngày nay những người mắc bệnh ung thư, phần đông là do kiếp trước hay kiếp này đã tạo ra các nghiệp trọng về sát sanh, nên mới gặp loại bệnh không có thuốc chữa này.

Trong các nghiệp sát sanh thì nghiệp sát nhân là nghiêm trọng nhất. Nạn nhân bị giết biến thành oan hồn, tức khắc theo dõi anh, oan cừu chẳng báo, chẳng cam tâm, nên nhất định

sẽ chờ, có cơ hội là báo oán xưa. Kẻ sát nhân ắt bị pháp luật trừng trị, hoặc giả tâm thần không an ổn, đứng ngồi không yên, luôn luôn ở trong một hoàn cảnh bị đe dọa, chẳng chóng thì chày tinh thần sút kém, nếu chẳng chết thì cũng bị điên loạn.

Trộm cướp: Phàm là kẻ trộm cướp, tâm thường phập phồng sợ hãi. Người ta thường nói: “Tặc nhân đởm hư,” kẻ trộm thì gan mật suy yếu. Nếu chẳng có hành vi trộm cắp thì ngẩng lên chẳng hổ, cúi xuống chẳng thẹn, có gì đâu mà hãi sợ? Việc ta làm, ta tạo tác, rất là đường hoàng quang minh, còn sợ gì nữa?

Tà dâm: Hành dâm là điều cấm tuyệt đối với người xuất gia, còn đối với các đệ tử Phật tại gia thì việc tà dâm chỉ cấm nếu không phải là giữa vợ chồng. Ngoài ra, tư tưởng dâm dục cũng phải giới, không thể nào cứ từ sáng đến tối hồ tư loạn tưởng, suốt ngày để cho tư tưởng dâm dục ám ảnh cho đến bạc cả tóc, rụng cả răng! Có biết đâu, tới kiếp sau những tư tưởng đó vẫn còn theo đuổi, rồi kiếp kế tiếp mãi mãi không thôi, đúng là “vì dâm dục mà sanh, vì dâm dục mà tử.”

Nói dối: Người nói dối, không bao giờ tin vào lời nói của bất cứ ai. Bởi chính mình không nói lời chân thực nên cứ nghĩ rằng người khác cũng không nói thực. Có câu nói: “Lấy cái tâm tiểu nhân, đo lòng người quân tử.” Chính mình chuyên nói dối để gạt người khác do đó mới cho rằng người khác cũng nói lời dối gạt như mình.

Uống rượu: Phàm người uống rượu dễ bị mất lý trí. Đương lúc hăng say không kịp nghĩ tới hậu quả nên dễ tạo ra những việc thương luân bại lý. Lý do là “tửu hậu vô đức” lý trí lúc bấy giờ không kèm hãm được tình cảm nữa.

Nguyên nhân các tai nạn trên thế giới đều do con người không giữ ngũ giới, không biết tu thập thiện. Trong thời kỳ Chuyển Luân Thánh Vương trị thế, mọi người đều giữ Ngũ- giới, tu Thập- thiện, cho nên hồi đó trên thế gian không có mấy may tai nạn, đúng là thời kỳ “Gió thuận mưa hoà, quốc thái dân an”. Nay thì ai nấy đều không giữ Ngũ-giới, không tu Thập-thiện, cho nên mới có nhiều tai nạn như vậy, điều căn bản chính là ở chỗ đó.

ĐẦY RẦY SÁT KHÍ TRÊN THẾ GIỚI

Người nào cũng mang trong mình một đầu đạn nguyên tử (phiên não), chỉ chờ cơ hội bùng nổ. Sức mạnh của phiên não còn ghê gớm hơn sức mạnh của đầu đạn nguyên tử nữa. Các vị thử coi! Ngày nay loài người trên thế giới rất dễ nóng giận. Không kể nhân dân nước nào đó chẳng có công phu tu dưỡng, mà đầu óc còn đầy rẫy những tư tưởng A-tu-la, họ giống như là những chuyên gia về đấu tranh, từ sáng đến tối chỉ nhằm tìm phương cách làm sao đấu tranh cho thắng lợi. Trong tình huống như vậy, làm cho sát khí bốc lên, tràn ngập tam thiên đại thiên thế giới. Trên không trung đặc một bầu khí độc, khiến trong đời sống của nhân loại phát sinh những chứng bệnh kỳ quái.

Hậu quả nặng nề nhất của nghiệp sát sanh là các thiên tai gây tai họa cho loài người, hoặc đó là nạn động đất, hoặc nạn sóng cồn (tidal waves), hoặc nạn lạnh, nạn nóng quá dữ dội, cho đến các cảnh mưa không đều, gió không thuận, dân không an, nước chẳng thịnh,

tức là hiện tượng bất thường xảy ra. Còn những người mù, điếc, câm, ngọng đều do những kiếp trước tạo nghiệp sát sanh nặng nề, khiến sau khi chết bị đọa địa ngục thọ quả khổ, rồi chuyển sang làm quỷ đói, làm súc sinh, lên làm người. Tuy kiếp hiện tại được làm người, nhưng vì quả báo nên sáu căn không được đầy đủ.

Những người có lục căn không đầy đủ, không có cơ may được thấy Phật, được nghe Pháp, được gặp Tăng, vì sự chướng ngại đó mà thành vô duyên với Tam Bảo; tóm lại cứ phải luân hồi trong vòng lục đạo, chuyển lên chuyển xuống, tìm không ra cánh cửa giải thoát.

Những ai làm việc thiện, có thể sanh lên ba nẻo đường thiện, cảnh trời, cảnh người, cảnh A-tu-la. Những ai tạo nghiệp ác thì sẽ sanh vào ba nẻo ác (tam ác đạo), tức địa ngục, quỷ đói, súc sanh. Người xưa có câu: “Xuất mã phúc, nhập lư thai, Diêm Vương diện tiền kỷ độ hồi. Cương tông Đế Thích diện tiền quá, hựu đáo Diêm quân oa lý lai.” Người ta chẳng phải nhất định cứ giữ thân người mãi, có lúc làm ngựa, có lúc làm lừa, thường thường là

khách viếng điện Diêm Vương, bồi hồi chẳng di, chẳng biết là bao nhiêu lần rồi. Vừa mới đi ngang qua trước điện Linh Tiêu ở trên cung vua Đế Thích Ngọc Hoàng Đại Đế), tức vừa ở trên tầng trời, nhưng thời gian ở đây chẳng được lâu, nay đã phải tới châu Diêm Vương, lọt vào cái vạc dầu sôi nóng bỏng.

Chẳng ai có thể tự mình bảo đảm kiếp nào cũng làm được công đức, tạo nghiệp thiện. Cũng có khi vì đầu óc hồ đồ, không phân biệt rõ ràng, do hoàn cảnh sai khiến mà tạo nên nghiệp tội, phạm vào các nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, năm giới cấm.

Chẳng phạm ngũ giới mà tu thập thiện thì có thể sanh lên các tầng trời, hưởng thọ phước trời và khoái lạc. Phước báo ở trên cõi trời so với phước ở thế gian thì gấp vạn lần. Cho nên lên tới cảnh trời rồi, thì chẳng ai còn muốn xuống thế gian. Khi phước báo cõi trời đã hưởng hết, phải trở về thế gian thì cũng là hạng đại phú đại quý, chẳng phải hạng tầm thường trong xã hội.

Làm kiếp A-tu-la là do nhân duyên có tâm đấu tranh kiên cố. Họ chỉ có thiên phước mà không có thiên quyền và thiên đức. Tên của họ có nghĩa là “vô tửu.” Bởi không có rượu uống nên họ phải đi ăn cướp. Họ tuy ở tầng trời, nhưng không có rượu uống, do đó thường hay tranh đoạt với trời Đế Thích, với mục đích chiếm ngôi báu. A-tu-la chính là một loại thổ phỉ ở trên tầng trời. Số thổ phỉ trên thế gian chính là hoá thân của A-tu-la vậy. Nói tóm lại, A-tu-la chính là hạng ưa đấu tranh.



NGÀY NGUYỄN ĐÁN

NÓI GIÁO LÝ PHẬT

Hôm nay là ngày xuân tiết, nhằm năm Nhâm Tuất của vòng sáu mươi hoa giáp, thuộc năm con chó. Có người bị thương nặng vì chó cắn, có người thì được chó bảo vệ an toàn. Chó bảo vệ người lành mà cắn người ác. Người ác tuy ác, nhưng tạm thời được vô sự, cái đó là lý do gì? Người xưa thường nói: “Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo. Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ hữu lai tảo dữ lai trì,” nghĩa là thiện thì có quả thiện báo, ác có quả ác báo; thiện ác đến cùng đều có báo ứng, chỉ có báo sớm và báo muộn mà thôi, tở hào không hề sai sót. Nhân quả là một định luật không thay đổi từ ngàn xưa.

Gieo trồng nhân lành sẽ kết thành quả lành, nhân ác sẽ kết quả ác. Những điều chúng ta gặp đều do nghiệp xưa đã được tạo tác, thế tất phải thọ lãnh quả. Khi thọ lãnh quả, chúng ta không nên trách trời oán người

mà phải coi như chuyện đương nhiên, giữ tâm bình thản mà thọ lãnh, vận mệnh cũng không phải là cái gì nhất định vì tất cả đều do chính chúng ta tạo tác. Làm nhiều việc thiện, vận xấu biến thành tốt, làm nhiều điều ác, vận tốt biến thành xấu cho nên vận mạng cũng là nằm trong tay chúng ta. Người xưa thường nói: Mệnh do ngã lập, phúc tự kỷ cầu họa phúc vô môn duy nhân tự chiêu," nghĩa là mạng do ta lập ra, phước do chính ta cầu; họa phước đều không có cửa, do người tự chuốc lấy. Nói về sự an bài của vận mạng, thì người bình thường có số mạng còn đối với những bậc đại thiện nhân vận mạng của họ vượt ra ngoài khuôn khổ của số mạng. Kẻ đại ác cũng thế, không hạn định trong vòng số mạng. Như vậy nghĩa là gì? Lấy thí dụ, cá nhân này sanh ra đời không thể làm ác, nhưng người đó đã gây ra tội ác, như vậy tức đã vượt ra ngoài vòng số mạng. Nếu vượt ra ngoài số mạng thì vận mạng cũng có thể cải biến.

Người làm việc thiện sẽ có các vị thiện thần hộ pháp tới ủng hộ, người làm việc ác cũng có thần ác đi theo, cho nên người ta nói: "Sự báo ứng của thiện ác như bóng đi theo

hình.” Nói tóm lại, làm việc thiện thì sống lâu, làm việc ác thì giảm thọ, thọ mạng chính là do mình vậy. Nếu muốn cải tạo vận mạng của mình, quý vị hãy đọc “Liễu Phàm Tứ Huấn,” trong sách đó có nói rất tường tận, ở đây khỏi nói thêm.

Hôm nay là ngày đầu tiên của năm kể theo nông lịch. Có câu: “Nhất nguyên phục thủy, vạn tượng cánh tân,” nghĩa là ngày đầu thì trở về bắt đầu từ hôm nay, canh tân trong việc tu hành, nhất định làm cho hay, kéo uổng phí thời gian, không giống như năm vừa qua không thực hiện được gì. Năm nay, quyết phải khai ngộ. Trước hết ta hãy phát điều nguyện này, chắc chắn có chí thì nên!

Mọi người tu đạo trong cái kho băng lạnh (ice box) này cần phải hết sức dũng mãnh và tinh tấn, nếu không sẽ bị đông cứng thì quả là không đáng, uổng phí một phen tâm huyết, cô phụ cái quyết chí của chúng ta lúc ban đầu. Kim Sơn Thánh Tự là cái tủ tuyết, Vạn Phật Thánh Thành là cái kho băng. Cho nên đa số đến thành Vạn Phật, không chịu nổi lạnh, phải bỏ đi nơi khác, chỉ có một vài người ngu si

không sợ lạnh, không sợ nóng mới ở lại kho băng để dụng công tu đạo. Nhưng cũng có người cần răng cố gắng chiến đấu với lạnh, đáng khen ở cái chí, ở cái tinh thần không chịu khuất phục, nhưng lại đáng tiếc ở chỗ ưa ngủ nghỉ mà không muốn tu. Nếu đã muốn ngủ, sao không đến chỗ ấm áp để ngủ, mà phải tới cái kho băng này để ngủ? Như vậy đâu có thoả mái.

Tại sao chúng ta phải khổ tu như vậy? Chính là muốn sanh đạo tâm. Nếu ở tại đạo tràng này, thì ngày ngày phải tu đạo, chớ không phải để vui đùa, ngày ngày ngủ cho đã, để lãng phí thời giờ quý báu. Ở trong cảnh ngộ khổ, mới biết phát tâm đạo, mới phát tâm Bồ-đề, không tham hưởng thọ, không mưu cầu an lạc. Tuy trong hoàn cảnh khổ mà tâm vẫn an nhiên, không bị cảnh ngộ chuyển đổi, mà ngược lại có khả năng chuyển đổi cảnh ngộ.

Người ta bảo: “Nghịch cảnh tạo anh hùng.” Chúng ta ở trong hoàn cảnh gian nan khốn khổ, phát tâm Bồ-đề rộng lớn, coi tất cả thế gian là không, coi:

Phú quý ngũ canh xuân mộng

Công danh nhất phiến phù vân
Nhân tiền cốt nhục dĩ phi chân
Ân ái phản thành cứu hận
Mạc bả kim già sáo cảnh
Hữu tương ngọc tỏa triển thân
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần
Khoái lạc phong quang bốn phận

Dịch nghĩa là:

Cảnh phú quý một trường xuân mộng
Bả công danh một đám phù vân
Thân này xương thịt chẳng chân
Tình ân ái sẽ đổi thành cứu hận
Gông vàng đeo cổ chi thêm quẩn
Ngọc quý đừng mang bận tấm thân
Thanh tâm bớt dục thoát trần
Hưởng thú phong quang làm bốn phận.

Chúng ta nên theo như vậy mà tỉnh ngộ, ngay trong hoàn cảnh khó khăn chúng ta hãy dụng công tu đạo.

Nhân dịp năm con chó, có bài kệ tụng như sau:

Cựu niên qua khứ hữu nghinh tân
Kê minh cầu đạo khởi củ phân

*Khẩn thủ môn hộ phòng thất thiết
Tự lợi lợi tha tận duy tâm*

Giải thích sơ lược như sau: Năm ngoái đã qua rồi, nay lại nghênh tiếp năm mới. Năm cũ là năm con gà, năm nay là năm con chó, tức không phải là thời kỳ tốt, cho nên chúng ta phải cẩn thận giữ gìn cửa ngõ, kéo của quý bị mất. Cửa quý này chính là bốn tính chân thực của mình, cũng là cái trí huệ sẵn có của mình, chớ để nó mất tiêu, do đó sáu cửa là sáu căn phải được canh giữ, kéo của quý vô giá bị thất thoát. Tự lợi lợi tha là hành đạo Bồ- tát, chỉ có do tâm mà thấy được, chớ không phải do bên ngoài. Tôi mong mọi người biết tiếc thời giờ, không giống như năm ngoái để ngày tháng qua đi suông, rất uổng. Năm nay quyết cố gắng nhiều lên, dụng công thiền quán, phát nguyện khai ngộ. Chúc các vị, xuân tiết an lạc, vạn sự như ý!



BẮT CHƯỚC TINH THẦN BỒ TÁT ĐỊA TẠNG

Thế nào gọi là Bồ Tát Địa Tạng? Vị Bồ-tát này cũng như đại địa, chứa hết vạn vật. Hết thủy vạn vật do đất mà sanh ra, nương đất mà lớn lên. Bất kể chúng sanh hữu tình hay vô tình, không thể rời khỏi đại địa mà tồn tại được, từ đó mà suy ra con người chúng ta mỗi một lần thở ra, thở vào, một cử một động, một lời nói một hành động, từng giờ từng khắc, đều sinh hoạt ở trên pháp thân của Bồ Tát Địa Tạng, chẳng qua chính chúng ta không hay biết đó mà thôi.

Như con kiến cày bò trên con thuyền, nó không biết tới con thuyền. Con thuyền trôi nổi trên biển, ghé khắp mọi nơi, nhưng con kiến cày đâu có biết thuyền là cái gì? Thuyền đi tới đâu? Hoàn toàn không biết gì cả. Lý do tại sao vậy? Bởi thuyền thì quá lớn, kiến thì quá nhỏ. Chúng ta sinh tồn trên pháp thân của Bồ Tát Địa Tạng cũng cùng một ý nghĩa như vậy.

Chúng ta sống trên quả địa cầu, không nương vào một chỗ nào trong không gian cả. Địa cầu do phong luân nhiếp trì, theo quy luật tự nhiên mà vận hành bất tuyệt trong quỹ đạo. Trong hư không, địa cầu phiêu diêu xoay chuyển, rồi cuối cùng nó đi tới đâu? Sự hiểu biết của các nhà Thiên văn học bất quá chỉ là danh từ mà thôi, rốt cuộc như thế nào họ cũng chẳng biết.

Chuyện huyền bí của trời đất chẳng ai hiểu rõ một cách chân chánh. Biết được thực sự bí mật của vũ trụ họa chăng chỉ có các bậc thánh nhân đã chứng quả. Chúng ta là kẻ phàm phu tục tử không thể hiểu hết, ý nghĩa của nó là chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta đều là hạng hồ đồ ăn uống tạp loạn.

Chúng ta sinh ra đời, từ thiếu niên lên tráng niên, từ tráng niên đến tuổi già, từ tuổi già đến chết, đó là con đường mà người đời trải qua, không ai có thể thoát ra ngoài định luật này. Trong cuộc sống như vậy, có người thì gặp rất nhiều khổ nạn – nghiệp chướng nặng – lãnh tận cùng sự khổ đau, rồi từ đó nhận thấy thân tâm tính mạng tựa hư ảo, sanh

ra những tư tưởng yếm thế, coi cuộc đời chẳng còn hứng thú gì nữa. Có người xuất thân trong gia đình giàu sang – nghiệp chướng nhẹ – các thứ ăn mặc nơi ở đều thuộc giới thượng lưu, đời sống đầy đủ, được toại lòng xứng ý. Như người ta thường nói: “Muốn gió có gió, muốn mưa có mưa,” thậm chí muốn cả mặt trăng, cha mẹ cũng chiều lòng tìm cách đưa trăng xuống cho con. Đời sống như vậy, trông vào thì tưởng như rất vui sướng, rất mỹ mãn. Kỳ thực, chẳng phải như vậy, mà chính là một đời hồ đồ chẳng điều gì được minh bạch, có thể nói là tuý sinh mộng tử,” sống say chết mê. Không có được sự hiểu biết chân chánh, tỷ dụ như vì sao ta đến thế giới này? Để làm gì? Đến để ăn uống chẳng? Để mặc quần áo chẳng? Hoặc giả đến để lừa gạt người? Đến để hưởng thụ? Đó là những điều mà thế gian mê mờ, không ai có thể phá được sự chấp mê đó.

Chẳng riêng gì số người tại gia không phá được cái cửa mê này, mà đối với giới xuất gia cũng còn bị hãm trong vòng mê hoặc. Danh không buông được, lợi không bỏ được, chỗ nào cũng chạy theo duyên, chỗ nào cũng vướng mắc, thật là đáng thương vô cùng.

Những người xuất gia phải nên có ý nghĩ, tại sao ta xuất gia? Bởi ta đã coi nhẹ hết thấy mọi thứ trên thế gian này, chẳng chấp các pháp thế gian, do đó mới xuất gia tu đạo đặng giải quyết vấn đề sanh tử.

Người xuất gia phải tha thiết với vấn đề sanh tử, phát tâm Bồ-đề, chớ không thể hồ đồ chờ chết, như người ta nói: *"Một ngày làm sư, một ngày đánh chuông."* Với một tâm lý đó xuất gia, đối với vấn đề sanh tử quả là không nắm vững được tí nào.

Chúng ta vào thất Địa Tạng, nên học hỏi tinh thần cứu độ chúng sanh của Bồ Tát Địa Tạng. Trong thời quá khứ, Bồ-tát từng phát mười tám lời nguyện lớn, nguyện chúng sanh thoát ly biển khổ, tới bờ an lạc. Ngài nói rằng: *"Địa ngục chưa trống, nguyện chẳng thành Phật,"* và Độ hết chúng sanh, mới chứng Bồ-đề." Ngài lại nói: *"Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục"*. Thật là những lời nguyện vĩ đại! Các vị phải nên bắt chước pháp của Bồ-tát, học hỏi tinh thần cứu người quên mình. Bồ Tát Địa Tạng nay vẫn còn trong địa ngục chịu khổ để thuyết pháp cho các chúng sanh.

Chúng ta cùng ở trong pháp thân của Ngài Địa Tạng, lại cùng là người xuất gia, cùng với Ngài vốn là đồng chí đồng đạo trong việc quảng độ chúng sanh. “*Đặt mình trong chốn nước sôi lửa bỏng, cứu chúng sanh tới bờ mát mẻ*” chính là bổn phận của người xuất gia. Được như vậy không uổng một đời xuất gia, hy vọng tất cả cố gắng!

Người xuất gia không thể có tâm tham, phải quét trừ cho sạch tâm này, nếu không sẽ không đủ tư cách làm người xuất gia. Nếu còn tham cái này, tham cái kia, cái gì cũng tham, càng nhiều càng tốt, thậm chí vơ vào hết mọi thứ rác rưởi để tích trữ lại, như vậy quả là đáng thương đến cực điểm vậy!

Niệm danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thì chúng ta phải niệm cho thật rõ ràng, để Bồ-tát hiểu rõ tâm ý của chúng ta. Tại sao chúng ta niệm Bồ Tát Địa Tạng? Mục đích của chúng ta là khiến Bồ-tát sau khi nghe tiếng chúng ta niệm, Ngài biết rõ ý muốn của chúng ta để phát tâm từ bi, cho chúng ta được thỏa mãn tâm ý.

Năm nay chính là năm đầu của thời kỳ “*Cửu tinh liên châu*,” tượng trưng cho sự hưng

hiểm. Chúng ta không cần biết có hung hiểm hay không hung hiểm, chỉ biết là chúng ta một tâm kiên thành niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ-tát*,” nguyện cầu tai họa lớn của thế giới đổi thành tai họa nhỏ, nếu là tai họa nhỏ thì biến thành tiêu tan. Bởi vậy chúng ta chỉ một lòng khẩn thiết, vì toàn thể nhân loại trên thế giới nguyện cầu hòa bình, hạnh phúc, đó chính là mục đích chúng ta vào thất Địa Tạng.

Đây chính là quảng đại tâm, vô lượng tâm mà kẻ xuất gia ai cũng phải ghi tạc trong lòng, coi chúng sanh như là người thân của mình, giống như câu người ta nói: “*Người chết đuối, ta chết đuối, người đói ta đói*,” phải phát tâm Bồ-tát, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, tự độ độ tha. Bởi vậy trong thời gian vào thất của pháp hội Bồ Tát Địa Tạng, chúng ta thành tâm chùng nào thì sẽ tốt chùng ấy, chúng ta đem hết thành tâm ấy niệm “*Nam mô Địa Tạng Vương Bồ-tát*.”

Miệng chúng ta hết sức thành kính niệm Bồ Tát Địa Tạng, vậy là bánh xe của sáu nẻo luân hồi ngừng xoay. Không biết bao nhiêu là chúng sanh nhờ cơ hội này mà có thể ra khỏi

cảnh luân hồi thoát ly khổ ách. Có thể nói rằng niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng là một công việc thần diệu, một công đức chẳng thể nghĩ bàn, do đó chúng ta không nên niệm trong sự mưu đồ, trong sự đặt giá, không phải vì sự trả ơn của chúng sanh mà niệm, tóm lại chúng ta niệm vì lòng tình nguyện. Bởi các lý do trên đạo tràng của chúng ta đột nhiên cử hành thất Địa Tạng, chẳng báo trước gì, cũng không tuyên bố gì. Trong số trú tại Vạn Phật Thánh Thành mà cũng có người không hay biết. Cái đó chính vì cơ duyên, cơ duyên hội đủ nên mới cử hành thất Địa Tạng.

Thất Địa Tạng kết thúc thì tiếp theo là thất Quán Âm (ngày 19 tháng 2 âm lịch), để cầu cho hoà bình thế giới, xin tất cả mọi người cố gắng đến niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát.*”

Có câu “*chúng chí thành thành,*” tức là góp ý chí – của số đông – sẽ tạo thành thành trì, tất cả cùng một lòng niệm, gắng sức niệm, hết sức thực tâm niệm, tức có cảm ứng, như câu “*cảm ứng đạo giao*” vậy. Cử hành thất Địa Tạng hay Quán Âm, chúng ta chỉ cần không

có lòng riêng tư, tự lợi, không tranh, không tham, không cầu, mà thực sự chỉ vì hạnh phúc của chúng sanh trên thế giới.

KHÔNG NÊN LÀM Ô NHIỄM HƯ KHÔNG

Chúng ta cùng với hư không là một, chúng ta có những vọng tưởng gì, tự nhiên chúng ta sẽ phát ra những ý vị cùng loại, làm đầy ắp hư không. Hư không đã bị ô nhiễm, chúng ta lại hấp thụ khi ô nhiễm vào mình, bèn sanh ra tật bệnh, nhẹ thì thân thể không thơ thới, nặng thì ôi thôi!

Những vọng tưởng về tà tri tà kiến của chúng ta, như các tâm sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, sân hận, ghen ghét, những loại tâm chướng ngại, đều chứa đựng độc tố ở bên trong, nên khi chúng phát ra sẽ làm cho không gian bị ô nhiễm. Bởi không gian chứa nhiều độc tố, thành thử hấp thụ chúng vào cơ thể, cơ thể sẽ trúng độc, các tế bào sẽ biến thể, nạn

nhân nếu không mắc chứng ung thư thì cũng là một loại bệnh nặng, không vượt qua được. Bởi lý do đó, chúng ta phải làm sao cho tư tưởng và hành vi lúc nào cũng chánh đại quang minh kéo trời đất bị nhiễm thêm độc khí. Vũ trụ mà bị tràn ngập độc khí, thì chúng sanh toàn thể giới phải trúng độc mà tử vong.

Vọng tưởng của chúng ta mang tính cách bất thiện, độc khí trong hư không sẽ tăng thêm một chút ít; vọng tưởng của chúng ta mà thiện thì cái ý vị tốt lành trong hư không cũng sẽ tăng thêm. Độc khí nếu đầy ắp hư không sẽ vạn lần tàn khốc hơn bom đạn nguyên tử.

Trong con người của chúng ta, cũng có đạn nguyên tử, đạn kinh khí, đạn hạch tâm. Nếu trong tâm không có thứ này thứ kia, thì trên thế giới cũng không có hiện tượng này, hiện tượng kia. Cái đó nghĩa là, bên trong có cái gì thì bên ngoài cũng hiện ra cái đó, nếu trong không có gì, ngoài cũng không thấy có gì biểu hiện, như câu nói: “*Vạn pháp duy tâm tạo.*”

Người xưa có câu: “*Thiên hạ bốn vô sự, dung nhân tự nhiều chi,*” nghĩa là thiên hạ tự

nó chẳng có chuyện gì, có chuyện là do người gây rắc rối. Đây là ám chỉ những kẻ ngu si, nhận thấy cái này thật, cái kia thật, thật này thật kia, rồi chết cũng thật, mà chính mình chẳng hiểu chết ra sao, đáng thương quá!

Kẻ ngu si, sống trong thế gian, nào điên đảo, nào phiền não, nào tranh cãi, chẳng bao giờ thôi. Ở ngoài không có, ở trong thì có; ở trong không có, trong giấc ngủ thì có. Có cái gì? Có vọng tưởng. Vọng tưởng rồi bởi, tâm không thanh tịnh. Phải nhớ rằng vọng tưởng chính là hòn đá buộc chân người tu đạo, trở ngại cho chúng ta khó thành tựu đạo nghiệp.

Bây giờ tôi nói cho quý vị nghe! Hãy bớt vọng tưởng đi, cái đó còn hữu dụng hơn bất cứ thuốc bổ nào. Không tin sự thật đó thì quả là si mê. Đó là đạo lý chân chánh, không thể không tin, nếu như không tin tức là không có trí huệ. Người không có trí huệ thì không biết tin vào chân lý.

Thế nào là chân lý? Chân lý là đạo lý chân chánh. Lấy một thí dụ, người có nhiều lòng dục, thì dùng thuốc bổ gì cũng vô hiệu.

Lý do là ở tính chất của chữ “lậu,” lậu tức là thấm ra, thoát ra ngoài.

Người đó không hiểu rõ ý nghĩa của phép dưỡng sanh chân chánh: thanh tâm quả dục, giữ tâm trong sạch, ít dục vọng. Chúng ta là kẻ tu hành, đầu tiên là bỏ ái trừ dục, một quy tắc căn bản, nếu không, dù có tu đến tám vạn đại kiếp cũng chẳng thành tựu được gì.

Tôi từ San Francisco đến Vạn Phật Thánh Thành giảng kinh, lẽ dĩ nhiên tôi phải nói đúng sự thật, khiến quý vị hiểu rõ thực-tánh của việc tu đạo. Nếu tôi không nói thật cho quý vị hay thì trời lạnh như thế này, tất cả đều ngồi ở trong giảng đường sẽ bị gió lạnh xâm nhập, nếu như không đạt được chân lý, thì công chịu lạnh chẳng được ích gì, cứu vãn không lại.

Điều tôi nói ngày hôm nay là sự thật, tôi mong quý vị nghe xong thì tự liệu lý lấy ba độc tham, sân, si của mình, đừng phóng độc khí lên không gian, ngõ hầu giúp cho hết thầy chúng sanh được hít thở chút không khí tươi mát, thì công đức của quý vị thật là vô lượng, giống như gián tiếp làm cuộc phóng sanh vậy. Tôi hy vọng thêm rằng tất cả chúng ta hãy cố

tiêu diệt vọng tưởng. Nếu không có vọng tưởng thì hoàn toàn được tự tại, rất quý. Như vậy, có chịu lạnh cũng không uống công.

Mùa đông tại Vạn Phật Thánh Thành chính là để khảo nghiệm định lực của các vị tu hành, để huấn luyện thân tâm của các vị. Tới mùa hè, Vạn Phật Thánh Thành cũng là một trường khảo nghiệm.

*Hết thầy là khảo nghiệm,
Coi thử mình ra sao,
Đối cảnh như không biết,
Phải luyện lại từ đầu.*

Các vị phải ghi nhớ mấy câu này.

Sau đây mấy ngày chúng ta sẽ tổ chức Phật – thất và Thiền – thất (một Phật - thất, ba Thiền-thất, hạn kỳ là 28 ngày). Theo nghĩa câu “Đông thiền, Hạ học,” thì trong mùa Đông, khí hậu lạnh lẽo, người ta nên tu tập tham thiền. Trong những ngày hè vì trời nóng bức, tốt hơn là nghe giảng kinh và thuyết pháp. Tại sao? Nếu như tham thiền trong bầu không khí oi ả, ngồi như vậy sẽ đổ mồ hôi, trong tâm sinh phiền muộn và ngồi lâu không nổi. Trời Đông,

lạnh ngăn ngắt, khi ngồi xuống tựa như ôm một khối băng trong lòng phải cắn răng chịu đựng. Lúc đó trong mình sẽ có một luồng hơi ấm bốc lên, xua đuổi khí lạnh không cho nó len lỏi vào cơ thể, và như vậy sẽ an tâm tĩnh tọa, dễ có cơ duyên vào định. Nếu như không phát động được luồng hơi ấm trong thân, hành giả sẽ cảm thấy lạnh xâm nhập. Ôi chao! Trời lạnh quá! Lạnh chết người à! Quý vị không dụng công, cố nhiên cảm thấy lạnh; nếu dụng công thì chẳng thấy lạnh.

Nay có công án này, nói ra để tham khảo. Trước đây có một vị thiện tri thức dẫn một nhóm đệ tử đi ra ngoài hành cước tham vấn đạo. Tất cả đều là dân miền Nam, nay đi lên phương Bắc lại gặp lúc mùa đông giá lạnh, trời băng đất tuyết khiến các loại côn trùng bị chết lạnh. Nhóm đệ tử chịu không nổi lạnh mới đốt lửa lên để sưởi ấm. Vị thiện tri thức thấy vậy bèn quở cho một phen: *"Người tu đạo nếu không ráng chịu được đói rét thì còn tu tập gì được,"* nói rồi ông tỉnh lấy nước để dập tắt lửa đồng thời dạy rằng: *"Các người không biết phát động lò lửa bên trong của mình, lại chạy ra ngoài kiếm lửa cho ấm, thật là chẳng có*

chút chí khí nào, chẳng có chút quyết tâm nào!" Các đệ tử thấy sư phụ giận, đều im tiếng không dám nói một câu, dập tắt hết lửa, thấy lửa bên trong mình nhen nhúm lên, bèn ngồi luôn xuống đất tĩnh tọa và không còn cảm thấy lạnh nữa. Từ đó thấy rằng, chúng ta không thể nhờ cậy vào duyên bên ngoài, mà phải biết tự cường, dùng nghị lực của chính mình để khắc phục mọi hoàn cảnh bất như ý.



ĐẠO, QUÝ Ở HÀNH

Học Phật Pháp thì càng học càng phải thông minh mới có được cơ hội khai ngộ. Chẳng thể càng học càng ngu si, học lâu mà trí huệ không tăng trưởng, lại còn hồ đồ thêm, chẳng hiểu như thế nào là chánh pháp và tà pháp. Tại sao có tình trạng đó? Lý do vì không chịu nghiên cứu đến tận cùng. Nghe xong Phật pháp thì chúng ta phải thi hành một cách thực tiễn, ý giáo phụng hành, y pháp tu hành. Chẳng phải nghe xong kinh thì mang kinh cất trên kệ sách, rồi chẳng kể đến kinh nữa. Đạo lý nghe xong, phải nên tha thiết tự hỏi chính mình, có noi theo được đạo lý đó không. Học Phật pháp như vậy mới không uổng công phu, mới không lãng phí thời gian quý báu.

Người xưa nói: *“Lời nói là pháp, việc làm là đạo.”* Còn nói rằng: *“Nói cho tốt, nói cho hay, chẳng thực hành, chẳng phải đạo,”* lại có câu: *“Đạo là hành, chẳng hành, đạo chẳng có dụng ích; Đức là lập thành, chẳng lập đâu còn đức.”* Trời giá lạnh như thế này, đến để giảng

Phật pháp, để nghe Phật pháp, thế tất phải thực hành một cách thực tiễn, mới gọi là biết nghe pháp. Nếu không, nghe được bao nhiêu kinh, bao nhiêu pháp, đều thành vô dụng. Về điểm này, mong quý vị phải hiểu một cách sâu xa.

Tu đạo! Tu đạo! Tu đạo! Phải tu đạo! Như thế nào là tu đạo? Ăn cơm là tu đạo, mặc áo là tu đạo, ngủ là tu đạo. Khi ăn ta phải ăn cho hết sạch, chớ không phải chỉ ăn nửa chén cơm còn nửa kia thì đổ vào thùng rác, vậy là tiêu hết phước báo. Khi mặc thì quần áo phải cho sạch sẽ, không thể mặc dơ dáy, nếu không sẽ mất vẻ oai nghi. Khi ngủ cũng phải giữ sạch như vậy, chăn gối phải cho chỉnh tề tinh khiết, chớ không sống luộm thuộm, để người ngoài trông vào thì hết cả vẻ trang nhã. Hơn nữa, đối với người xuất gia thì bốn oai nghi lớn là đi, đứng, nằm, ngồi càng phải được chú trọng.

Vạn Phật Thánh Thành trong lúc còn mới mẻ, thì chỗ nào cũng phải có quy củ, hết thảy mọi thứ phải làm cho tốt đẹp. Trước tiên hãy bắt đầu từ chỗ nhỏ, mỗi người dọn dẹp sạch sẽ nơi căn phòng của mình, một tờ giấy, một cây bút, cũng phải xếp vào nơi chốn của

chúng; một cái kim, một sợi chỉ cũng không vứt bừa bãi. Phải nuôi dưỡng các thói quen tốt, để ngày sau đi ra ngoài tham vấn, hoặc tá túc (quả đơn) tại một đạo tràng nào còn giữ được cung cách tề chỉnh, không sai sót, tránh trường hợp “thiên đơn” (phải đi nơi khác). Điểm này, xin đặc biệt chú ý.



GIỮ MIỆNG PHÒNG TÂM

Cổ đức có câu: “Thiện ác lưỡng điều đạo, tu đích tu, tạo đích tạo” (thiện ác hai con đường, đường tu và đường tạo). Điều này nói ra hoàn toàn xác đáng. Tu cái gì? Tu đường thiện. Tạo cái gì? Tạo nghiệp ác. Thiện tri thức cảnh giác chúng ta mà không bao giờ chán, có điều chúng ta ngu si, không biết lãnh giáo những điều ngay, cứ việc ta ta làm, chỉ biết lợi cho mình mà không nghĩ lợi cho người khác và, nói cách khác là chỉ biết tạo nghiệp ác, không tu thiện, cho nên không thể nào ra khỏi sáu nẻo trong vòng luân hồi.

Ý nghĩa của chúng ta kể ra thì vô lượng, vô biên, vô cùng tận. Niệm thì chạy lên thiên đàng, niệm thì xuống địa ngục. Vọng tưởng về thiện tức thuộc phạm vi thiên đàng, vọng tưởng về ác thì thuộc về địa ngục, do đó, chúng ta nhất cử nhất động, một lời nói một công việc làm, lúc nào cũng phải thận trọng, từng giờ từng khắc lưu tâm, đâu đâu cũng phải chú ý, trong ngoài như một.

Trông bề ngoài thì hành động rất tốt, nhưng bên trong thì đầy vọng tưởng, cái đó cũng không mang lại kết quả. Phải làm sao cho trong ngoài như một, không chạy theo vọng tưởng mới được. Có những người trong tâm thì đầy vọng tưởng, nghĩ rằng người ngoài không ai biết, rồi cứ như vậy ngày ngày vọng tưởng, cho đến khi xuống địa ngục cũng mang theo, mà chính mình thì không biết tại sao đọa địa ngục. Những hạng người như vậy thật đáng thương!

Chúng ta là người tu học, ở chung phải giữ miệng. Đại chúng ở chung một nơi, phải đề phòng chuyện thị phi. Có câu nói rất chí lý: *"Họa tông khẩu xuất, bệnh tông khẩu nhập."* Nghĩa là họa do bởi lời từ miệng thốt ra, bệnh cũng do từ miệng mang vào. Chúng ta không nên bạ đâu nói đấy, cố tránh chuyện phiền phức, giữ miệng cho kín là tốt hơn cả. Lại có câu: *"Thị phi chỉ vì hay mở miệng, phiền não đều do cường xuất đầu."* Đọc tọa phòng tâm, nghĩa là khi ngồi một mình chúng ta phải cẩn thận đề phòng tâm ý, chớ theo vọng tưởng, nhất là các tư tưởng về dâm dục. Người xuất gia càng phải đặc biệt chú ý, quản lý kỹ càng

cái tâm, không cho những tư tưởng vô ích đến quấy nhiễu.

Vọng tưởng thì ai cũng có, nhưng khi đã khởi vọng tưởng thì ta phải vận dụng các phương cách để khống chế, không cho vọng tưởng làm mưa làm gió. Những phương cách đó là hoặc ta niệm Phật, hoặc ta trì chú, hoặc giả ngồi thiền, bái sám, tóm lại kiếm một cái gì khác để làm, sao cho tinh thần tập trung lại thì sẽ không có vọng tưởng.

Người tu đạo, thứ nhất phải phá được cánh cửa sắc dục. Nếu không phá được nó thì không có hy vọng tu tập thành công. Cả ngày mà đầu óc hồ đồ, tâm diên đảo, cũng không thành công. Cho nên tôi thực thà nhấn quý vị là chúng ta phải hàng phục cái tâm này. Hàng phục tâm chính là dứt cái niệm dâm dục. Nếu không đoạn trừ được nó thì dù tu cho đến tám vạn đại kiếp cũng chẳng khác gì nấu cát để hòng có cơm ăn, xưa nay chẳng có chuyện đó bao giờ.

Các vị có muốn tu thành quả thánh vô lậu không? Đoạn dục cắt ái, thanh tâm quả dục,

thì còn có chút hy vọng, nếu không, không hy vọng gì, tốt hơn là mau mau hoàn tục kéo lãng phí thời gian!

Bất kể là phái nam hay phái nữ, hoặc giả là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, là người già hay trẻ nít, ai nói đạo lý chánh đáng thì ta nghe, ai nói không chánh đáng thì đừng có tin, chúng ta nhất định phải có con mắt chọn pháp trạch pháp nhân). Hợp đạo lý thì đi tới, không hợp đạo lý thì rút lui; chọn điều thiện mà theo, bất thiện thì sửa đổi, đó là quan điểm hết sức cơ bản của người tu.

Có người biết rõ lỗi của mình mà không sửa đổi, biết mà vẫn làm quấy. Những hạng người này rất khó giáo hóa, họ chẳng kham nổi Phật pháp, chẳng thể học gì thêm. Người ta nói: “Gỗ mục khó đeo gọt, tường bằng phân khó trét,” nếu chính mình không tự giúp cho mình, tự mình coi thường mình, thì ai còn coi trọng mình, ai còn giúp đỡ mình nữa? Đó là điều cần phải tự xét cho kỹ.

GIÒI BỌ TRÊN THÂN MÌNH

Kinh Hoa Nghiêm nói: Trên vô số báo thân của chư Phật hiện ra vô số các lỗ chân lông. Tại mỗi lỗ chân lông lại hiện ra các cõi của chư Phật, hiện ra cả bông sen quý to lớn và vô số các lá sen. Mỗi lá lại phóng hào quang, mỗi tia hào quang lại phóng quang nữa, hiện ra bao nhiêu sắc tướng, vô cùng vô tận. Trong hào quang hiện ra mặt trăng, trong mặt trăng lại có mặt trăng. Những loại cảnh giới đó là do chư Phật biến hiện ra.

Trên thân thể của chúng ta cũng có sự xuất hiện. Hiện ra cái gì? Hiện ra các con trùng. Trên thân thể của chúng ta có vô số các con trùng, các con trùng này còn hôi thối hơn các con giòi bọ ở cầu tiêu nữa. Trên mình các con trùng này cũng có vô số các con vi khuẩn, mà mắt thường của chúng ta không thể thấy được, ngoại trừ những ai đã chứng được thiên nhãn thông mới có thể thấy chúng (các kính hiển vi tối tân hiện nay cũng chưa soi được các loại này). Các vi khuẩn đều vô cùng dơ bẩn,

chẳng qua chúng ta không biết đó mà thôi. Hãy xem cái con trùng lớn này (thân thể con người), người ta trân quý nó biết bao, nó quan trọng như thế nào, lại sợ nó bị đói khát, còn sợ nó bị lạnh, bị nóng, nghĩ hết mọi cách để bảo vệ nó! Tại làm sao lại thương mến nó như vậy? Nguyên do là bởi ba độc. Có tâm tham tức sẽ sanh ra con trùng tham dục. Có tâm sân bèn sanh ra con trùng sân. Có tâm si tức sẽ có con trùng ngu si, nói tóm lại, có tư tưởng gì thì sẽ có con trùng cùng loại.

Tư tưởng của chúng ta còn dơ dáy hơn gấp bội các con giòi bọ trong cầu tiêu, nó chứa đựng toàn là những thứ tà tri tà kiến, chẳng có chút nào chánh tri chánh kiến. Tư tưởng càng dơ bẩn, thì càng nghĩ tới những điều dơ bẩn, thậm chí tạo thành một thế giới dơ bẩn, đầy sự nhiễm ô, cho nên mới biến thành ngũ trước ác thế (thế giới ác có năm thứ không trong sạch).

Ngũ trước ác thế là do chúng ta có những tư tưởng không thanh tịnh mà tạo thành. Thế giới Ta-bà này, nguyên nó không ô trước, chính do chúng ta làm cho nó thành ô trước.

Ngũ trước gồm kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, năm thứ không trong sạch, đáng sợ biết chừng nào!

Trong tâm chúng ta có những niệm không chánh đáng, đại khái như có niệm tật đố chẳng hạn, cùng niệm chướng ngại, thường thường nổi lên mà chúng ta không thừa nhận, lại đem dấu bên trong, cho là không ai biết. Kỳ thực hành vi đó còn mười phần xấu xa hơn của bọn yêu ma quỷ quái. Nói trắng ra, nó xấu xa đến độ có thể sánh với hành động phóng uế khí và mùi xú uế xông tới tận tầng trời ba mươi ba khiến Ngọc Hoàng Đại Đế phải bịt mũi mà chạy. Các vị nghĩ coi! Mùi xú uế đó lợi hại hay không lợi hại? Mùi hôi thối không thể nào chịu được.

Tư tưởng và hành vi của mình cũng hôi thối như vậy, mà mình không tự biết, còn tự cho mình là thanh cao, có biết đâu rằng ta đã làm ô nhiễm cái thế giới này. Bởi đó mà có ngũ trước ác thế.

Các vị nên biết, chúng ta có một niệm chánh tức chúng ta đã giúp vào cái chánh khí của trời đất; một niệm tà tức là phát ra mùi xú

uế, uế khí xông lên, trời đất không chịu nổi. Đây không phải là lời nói chơi, một câu chuyện đùa, chính ra là nó như thế.

Tại sao trời làm hạn hán mà không có mưa? Vì người ta phóng ra uế khí, xông lên tận hư không, khiến cho loài rồng chuyên làm mưa không chịu nổi mùi uế khí, phải chạy đi nơi khác nên không hoàn thành được nhiệm vụ của nó.



THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN THANH TỊNH KINH

Chúng ta học Phật pháp là để tu đạo, tu đạo là để thành Phật; muốn thành Phật, ắt phải học Phật pháp; học Phật pháp nhất định phải tu đạo, có tu mới thành Phật, đây là đạo lý bất di bất dịch. Trong thời gian tu đạo thì mọi hành động mọi tạo tác đều vượt ra ngoài phạm vi tư tưởng cùng hành vi của thế gian. Người đời thì còn dính mắc với sinh hoạt của gia đình, còn ham khoái lạc sung sướng, ham thụ hưởng. Người xuất gia thì sống ngược hẳn lại, xả bỏ khoái lạc, xả bỏ an vui, xả bỏ hưởng thụ. Người ta nói: *“Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sanh; xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.”* Tức là: Không xả được cái chết, không đổi được sự sống; không xả được cái giả, không thành được cái chân. Buông bỏ cái giả xuống thì lượm cái chân lên. Học Phật pháp, phải tu đạo. Đạo thực ra là gì? Đạo không có hình tướng gì cả, bởi vậy Lão tử nói rằng:

Đại đạo vô hình, sinh dục thiên địa. Đại đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt. Đại đạo vô

danh, trưởng dưỡng vạn vật. Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng danh vị đạo. Phù đạo giả, hữu thanh hữu trước, hữu động hữu tĩnh, thiên thanh địa trước, thiên động địa tĩnh. Nam thanh nữ trước, nam động nữ tĩnh, giáng bốn lưu mật, nhi sanh vạn vật.

Trên đây là một đoạn kinh văn trong Thanh Tịnh Kinh của Lão tử. Lão tử phân tích nghĩa “đạo” một cách rõ ràng, có thể dùng để tham khảo.

Truyền thuyết trong Phật giáo thì ghi rằng Lão tử chính là hoá thân của tôn giả Đại Ca-diếp, bởi Tôn giả ưa thích già lão, dù già nhưng chỉ không già, khi đã luống tuổi rồi vẫn còn tinh cần tu hạnh đầu-đà, thường ăn những thứ người ta không ăn được, mặc những đồ người ta không trú được, đây chỉ là mấy điều trong mười hai điều khổ hạnh của Tôn giả mà người đời sau thường lấy đó làm mực thước.

Theo truyền thuyết thì Lão tử ở trong bụng mẹ tám mươi mốt năm trước khi ra đời. Tại sao như vậy? Bởi trong một kiếp trước Lão tử từng học kinh Dịch nên ít nhiều có sự tâm đắc,

và đối với Bát-tự về thời điểm sanh, ông nghiên cứu kỹ để chọn lựa thời gian nào ra đời tốt đẹp nhất, căn cứ theo sự phối hợp của năm, tháng, ngày, giờ (bốn yếu tố thời gian này tính theo cả can và chi, nên gọi là Bát-tự (tám chữ), lúc đó ông mới ra đời. Có điều, gặp được năm tốt thì tháng lại không tốt, gặp được tháng tốt thì ngày lại không tốt v.v... cứ như thế ông chờ tới tám mươi mốt năm mà không kiếm ra được một thời điểm cát tường. Khi ông ra đời, đầu tóc đã bạc, râu đã bạc, nhưng tinh thần lại trẻ, đúng là “*hạc phát đồng nhan*” (tóc trắng như bạc, dung nhan thì trẻ), không có vẻ gì là già lom khom. Bởi vậy, người đời gọi ông là Lão tử.

Lão tử sanh vào thời Đông Châu, đồng thời với Khổng tử. Sử ký chép rằng: “*Khổng tử hỏi Lão Đàm (Lão tử) về lễ, khi về có cái cảm thán (người đó) cũng giống như rồng.*” Triều đại nhà Châu, Lão tử có làm chức Thủ-tạng-lại (người coi thư viện), về sau ông cỡi trâu xanh, khi đi qua cửa quan Hàm Cốc, bị quan Lệnh doãn Hỷ nhận ra, ông này đến cầu mà học được đạo. Lão tử nói hai thiên Đạo Đức Kinh, thiên trên nói về đạo, thiên dưới nói về đức,

tổng cộng hơn năm ngàn lời. Về sau không ai biết tung tích gì nữa.

Lão tử nghiên cứu thiên văn học, lại nghiên cứu địa lý học, đối với nhân văn ông cũng nghiên cứu, do đó ông viết ra bộ kinh gọi là Thanh Tịnh Kinh. Kinh văn như sau:

Đại đạo vô hình, sinh dục thiên địa: Vũ trụ lớn rộng như vậy, nhưng lại do đạo mà sanh ra. Nếu không có đạo, thì trời đất, trăng sao v.v... đều không có, tất cả chỉ là một cái thể hỗn độn. Bởi có đạo nên mới có trời, đất, vạn vật, rồi có tiên, Phật, thánh nhân.

Rốt cuộc đạo là cái gì? Đạo không có hình tướng, nhưng có tác dụng “sinh sinh bất tức, hóa hóa vô cùng.” Đạo cũng là cái O (vòng tròn), vậy mới có thể sanh trời, sanh đất, sanh vạn vật, sanh tiên, Phật, thánh nhân. Cái đó đều do từ tính chất của cái O mà ra.

Đại đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt: Đại đạo thì không có tình cảm, đối trước vạn vật thì bình đẳng; không giống như con người, hành động trong tình cảm, có nhân tình, có ái tình. Người xuất gia cũng có đạo tình – quý vị

thấy đó! Tu đạo phải nên dứt tình, phải vô tình, một chút cảm tình cũng nên bỏ, tức là “quét hết thủy tình, đoạn hết thủy dục.” Có người nói: “Như vậy là giống như cây cỏ bất nhân hay sao?” Không phải vậy. Đó là hiện tượng vượt pháp thế gian.

Mặt trời là tinh hoa của yếu tố dương, mặt trăng là tinh hoa của âm, cả hai đều vận hành bất tuyệt trong quỹ đạo, do đó mới có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, chi tiết hơn thì phân ra thành hai mươi bốn tiết, bảy mươi hai hậu. Tiết và hậu đều phát sinh từ sự vận hành của mặt trăng và mặt trời vậy.

Đại đạo vô danh, trường dưỡng vạn vật:
Đại đạo không có tên, nhưng hết thủy vạn vật đều từ trong đại đạo mà sanh ra và lớn lên. Cảnh giới này, càng nghiên cứu càng thấy nó ảo diệu vô cùng.

Khi tôi mới mười sáu tuổi, tôi đã từng làm bài kệ sau đây: “*Vạn vật nhân đạo sanh, đắc giả tự thông linh, ngộ triệt cá trung lý, Bồ-đề bất giảm tăng,*” đại ý như thế này: Hết thủy mọi thứ đều do đạo mà sanh ra. Ai muốn thì sẽ

có trí huệ, sẽ thông đạt mọi thứ không trở ngại, và hết thảy đều sáng tỏ. Có tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông. Tại sao Phật lại được như thế? Bởi vì Phật đắc đạo, đã được khai ngộ, đã chứng Phật quả. Chúng ta tại làm sao không được như thế? Bởi vì chúng ta bị tập khí ràng buộc một cách kiên cố, khiến cho thủy chung không hề có sự canh cải để đổi mới, nên không biết phân biệt rõ ràng. Nếu như có trí huệ, tự nhiên sẽ có nhận định phân minh về các diệu lý, biết đạo giác ngộ là không tăng cũng không giảm, vì tới đây là đã đạt được quả vị vô học.

Ngô bất tri danh, cưỡng danh vị đạo: Lão tử nói rằng: “Ta không biết tên của nó là gì, ấy là ta miễn cưỡng đặt cho nó một cái tên, gọi là ‘Đạo’ mà thôi!” Tiếp theo Lão tử giải thích như sau:

Phù đạo giả! Hữu thanh hữu trước, hữu động hữu tĩnh: Cái đạo này, có thanh, cũng có trước. Thanh tịnh đến cực điểm thì hóa ra trước, trước đến cực điểm thì hóa ra thanh. Cái đạo này, tánh chất của nó là tự nhiên, giống như hơi điện vậy nó có động có tĩnh, động là

dương và tĩnh là âm, cho nên có câu: “nhất dương nhất âm chi vị đạo,” một dương với một âm là đạo.

Thiên thanh địa trước, thiên động địa tĩnh:
Trời thì thanh, khí thanh bốc lên tạo thành bầu trời; đất thì trước, khí trước chìm xuống thành ra đất. Trời thì động, có mặt trăng mặt trời vận hành, các sao di động, đều là động cả. Đất thì tĩnh, núi sông, đất rộng, và nhà cửa đều ở trạng thái tĩnh.

Nam thanh nữ trước, nam động nữ tĩnh:
Phái nam thì thuộc về thể thanh tĩnh, phái nữ thì thuộc thể ô trước. Nam thì động, chủ về phía ngoài, gây dựng sự nghiệp, đi bên ba khắp nơi. Nữ thì tĩnh, chủ về bên trong, giúp chồng dạy con, quản lý gia đình. Vợ chồng phân công hợp tác, tạo nên gia đình tốt đẹp. Nay thì nam nữ bình quyền, kinh tế bình đẳng, thậm chí đi đến chỗ đồng tính luyến ái, cái đó chính là phản lại luật âm dương của trời đất, tạo thành tai vạ, ắt đạo địa ngục.

Giáng bốn lưu mạng, nhi sanh vạn vật: Từ gốc đi tới ngọn, vào trong luân hồi lục đạo, sanh ra làm người hay chẳng phải người, đó là

các loại động vật hữu tình, rồi trăm ngàn thứ kỳ lạ, cái gì cũng có cả. Nói về con người chẳng hạn, ta thấy biết bao nhiêu loại chủng tộc, màu da không giống nhau, tướng mạo và thân hình cao lớn khác nhau, tính tình cũng chẳng giống nhau nữa, tóm lại, có rất nhiều tướng trạng khác biệt. Các loài động vật khác, thì cứ suy ra khắc biệt, cũng nhiều điều dị biệt. Vạn vật là nói chung, bao gồm cả chúng sanh hữu tình và vô tình. Hữu tình là các loài động vật, chúng sanh vô tình là các loài thực vật và khoáng vật.

Các vị hãy nghĩ lại cho kỹ, nếu như chúng ta không tu đạo một cách đàng hoàng thì chỉ bằng chúng ta đừng xuất gia. Sống tại gia, chúng ta còn có thể ăn uống, vui chơi, tùy hứng, không bị bó buộc, không gặp trở ngại. Khi đã xuất gia, lại không chịu tu hành, thì xuất gia như vậy rốt cuộc là để làm gì? Há chẳng phải là ngu si lắm sao? Nói cho đúng ra thì quả là đáng thương lắm! Xuất gia thì chỉ một việc tu hành, mới không uổng công, không lãng phí thời giờ, mới không phụ cái tâm nguyện lúc bắt đầu. Hãy hiểu cho thấu mục đích xuất gia của mình, đó là sự khai ngộ,

là thành Phật. Nếu nửa đường lùi bước, sanh tâm thoái chuyển, thì như vậy, ở trên sẽ có lỗi với chư Phật, cha mẹ, các vị thầy tổ đã kỳ vọng nơi mình, ở dưới sẽ đắc tội với chúng sanh đã có lòng gởi gắm. Chúng sanh đương hy vọng chúng ta sẽ cứu độ họ thoát khỏi biển khổ, nhưng nếu như trong trường hợp vừa nói, chúng ta đã làm cho họ hoàn toàn thất vọng rồi!



ĐẠO TRÀNG CỦA CHÁNH PHÁP TRỤ THỂ

Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của chánh pháp trụ thể, là nguồn phát tích của Phật giáo thế giới và cũng là nơi Phật giáo thế giới trở về nguồn. Vạn Phật Thánh Thành có cơ có sở, thì thiên ma ngoại đạo phải bàng hoàng hãi sợ, đến độ dựng đứng lông tóc. Bàng môn tả đạo cũng sẽ khản trương, chúng run sợ, ngủ không an giấc, ăn không biết mùi vị, nên chúng phải nghĩ hết mưu kế, tìm mọi biện pháp để phá hoại, để tiêu diệt Vạn Phật Thánh Thành, sao cho Vạn Phật Thánh Thành bị thất bại, đi đến chỗ tiêu vong, không tồn tại được. Chúng nghĩ như thế có khác gì kẻ si nói trong mơ, một chuyện không thể nào làm được.

Vạn Phật Thánh Thành là một đạo tràng được mười phương chư Phật hộ trì. Đó là “tử đất vọt lên, hiện thành tháp Bảo Vương,” cho nên Vạn Phật Thánh Thành kiên cố như kim cương, không ai có thể phá nổi, không ai tiêu diệt nổi. Nói cách khác, Vạn Phật Thánh Thành chính là một “đài ánh sáng” – đăng đài-

chiếu ánh sáng thanh tịnh vào những nơi u tối trong tâm của chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh trên con đường giác ngộ Bồ-đề .

Hễ người nào trú ngụ tại Vạn Phật Thánh Thành là đều có sẵn thiện căn lớn, có đức hạnh lớn. Nếu không vậy, họ đã không tới nơi đây. Những người có đức hạnh đến Vạn Phật Thánh Thành cũng giống như đi vào tòa Bảo sơn, gặt hái được những của quý vô giá – minh tâm kiến tánh. Người không có đức hạnh, đến đây thì chẳng khác gì ngồi trên thảm đinh, không cảm thấy an ổn.

Trên quả đất này Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng khởi thủy việc hoằng dương chánh pháp, cho nên đối với các chúng trú ngụ ở đây, mỗi hành vi, mỗi cử động, mỗi lời nói đều giữ đúng quy củ của Phật chế ra. Chỉ có trong con mắt của bọn yêu ma quỷ quái thì chúng mới thấy khác, mà cho là sai quấy. Vạn Phật Thánh Thành có lệ ăn mỗi ngày mỗi bữa (*nhật trung nhất thực*), dạ bất đảo đơn, đêm không ngả lưng xuống giường (*hiếp bất trước tịch*) đắp y thường xuyên (*ca-sa bất ly thân*), trai gái không nói chuyện (*hỗ bất giảng thoại*).

Người ngoài cho như vậy là lạc hậu, không hợp trào lưu, vì sao? Bởi Vạn Phật Thánh Thành để xứng chánh pháp còn người ta thì ưa sống trong thời kỳ mạt pháp, sống buông thả không muốn bị hạn chế. Bởi vậy, Vạn Phật Thánh Thành có làm ra chuyện gì, có hành động gì thì bị coi như sai quấy, và họ phải tận lực công kích, phá hoại và tiêu diệt.

Có nhiều người đến Vạn Phật Thánh Thành cảm thấy trong người không được tự tại. Cái đó là do họ còn nhiều tập quán hỗn tạp của thế gian, nên khi đến nơi họ gặp ngay sự trở ngại, khiến tâm không hoan hỷ với các thanh quy của Vạn Phật Thánh Thành. Họ thấy các vị xuất gia khổ tu thì cho rằng như vậy là trái với tự nhiên. Họ không hiểu rằng: *“Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phước thì hết phước.”* Đây chính là lời dạy quý giá. Chỉ vì muốn hưởng an lạc nhất thời, mà gieo nghiệp báo cho kiếp sau.

Vạn Phật Thánh Thành không a dua theo các tệ đoan, người của Vạn Phật Thánh Thành cũng vậy, tất cả đều phát tâm Bồ-đề, nỗ lực dụng công tu đạo. Cho nên ở đây khi có thất

Địa Tạng, hoặc thất Quan Âm, hoặc Phật thất hay Thiên thất, bất kể lúc nào, mọi người đều ráng chịu cực khổ, không lúc nào nghỉ ngơi. Muốn xuất gia tu đạo, lại không muốn chịu khổ, lại muốn được an vui, muốn hưởng thụ, rồi muốn khai ngộ, muốn thành Phật, thì thật chưa có cái đạo lý nào như vậy.

Trên đời không bao giờ có chuyện chẳng làm mà được ăn. Cứ nghĩ chiếm riêng phần tiện nghi cho mình chỉ là một vọng tưởng của kẻ ngu si. Người xưa có nói: *"Một phần cây bừa là một phần trâu hoạch,"* một câu hết sức chí lý. Các chúng trú ngụ tại Vạn Phật Thánh Thành đều hiểu rõ nguyên tắc này, cho nên ai ai cũng cố gắng ,ai ai cũng nghiêm chỉnh tu hành, dụng công và làm việc đạo, phát tâm Bồ-đề. Mỗi ngày từ sáng đến tối một mực tinh tấn, không còn thời giờ dành cho vọng tưởng nữa. Điều cốt yếu là không chạy theo duyên, không lân la quan hệ với bất cứ ai. Ai đến Vạn Phật Thánh Thành phải nên nhận thức rõ rệt như vậy.

Ngoại đạo không thể phá hoại được một cây, một cọng cỏ trong Vạn Phật Thánh Thành. Tại sao? Vì tà không thể thắng được

chánh. Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của chánh pháp trụ thế, là nơi mà chư Phật và chư Bồ-tát hộ trì, nên trước sau Vạn Phật Thánh Thành vẫn dành được phần thắng, sóng gió gì cũng qua, cũng tồn tại. Ai có lòng khác chỉ uống phí tâm cơ mà thôi.



CẢNH GIỚI CỦA THỜI ĐẠI CHÁNH PHÁP

Vào thời chánh pháp thì các thánh nhân đều thị hiện tại thế gian để hỗ trợ cho Phật hoằng dương chánh pháp. Lúc đó, các đệ tử đã xuất gia với Phật từ vô lượng kiếp đều theo Phật tu hành. Các thánh nhân đã chứng quả đó đều phát nguyện: theo Phật đi khắp nơi để chuyển pháp luân và độ chúng sanh. Có câu rằng: *“Một vị Phật hoằng hoá, một ngàn vị Phật hộ trì.”* Sau khi Phật nhập Niết-bàn, các vị thánh nhân đó cũng thay nhau đi vào cõi Tịnh độ Thường Tịch Quang.

Năm trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt, căn cơ của người tu hành không còn được sắc bén như trước, căn lành không đủ đầy, cho nên mới biến thành thời tượng pháp – nghĩa là thờ phượng tượng đức Phật mà thôi. Đó là thời kỳ người ta xây chùa, tạo tháp, đúc tượng Phật, nhưng lại quên mất sự kiến tạo huệ mạng và pháp thân, cho nên mỗi ngày người tu càng xa lìa thời chánh pháp và chuyển sang tượng pháp.

Thời đại tượng pháp kéo dài một ngàn năm, nay cũng đã qua rồi và chúng ta đang ở thời mạt pháp. Trong thời tượng pháp, người ta vẫn tu theo chánh pháp, không ai phỉ báng hay công kích pháp, người ta xử sự trong hòa bình, không có sự tranh cãi. Chẳng phải theo lối “tăng báng tăng, Phật pháp diệt” mà “tăng tán tăng, Phật pháp hưng.” Thời chánh pháp thì không có sự tán thán, nhưng cũng không có phỉ báng. Thời tượng pháp thì có tán thán, không có phỉ báng, nhưng đến lúc mạt pháp thì chỉ có phỉ báng mà không có tán thán.

Trong thời mạt pháp ai ai cũng nói Phật giáo là mê tín, là chuyên sùng bái các tượng hình, cho đến ngay cả tín đồ Phật giáo cũng theo đuôi mọi người, ai nói sao thì nói vậy, không hiểu cái gì cho rõ rệt, không minh bạch chân lý. Đó là điều chứng minh Phật giáo đã tới lúc mạt pháp, lúc mà không ai còn hiểu thấu Phật pháp nữa.

Bởi ai ai cũng không rõ Phật pháp cho nên có một số người chuyên bới lông tìm vết phê bình Phật giáo những điều không hay, còn những cái gì hay họ chẳng biết tới, khiến cho

chân lý trong Phật giáo bị tiêu ma. Người tại gia không hiểu chân lý, đến kẻ xuất gia cũng không minh bạch, nhất loạt hồ đồ, ai nói sao thì nói vậy và kẻ mù dẫn dắt người mù.

Bài kệ tụng sau đây hay vô cùng, xin nói ra đây để chúng ta cùng tham khảo:

Nguyện tiêu tam chương chư phiền não,

Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu

Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ

Thế thế thường hành Bồ- tát đạo

Tôi xin sơ lược giải thích như sau:

Nguyện tiêu tam chương chư phiền não:
Tam chương là nghiệp chương, báo chương, phiền não chương, ba chương này ta phải tiêu trừ cho sạch, chớ không phải chúng ta chỉ nói ở cửa miệng: Phải tiêu trừ! Phải tiêu trừ! Mà kỳ thực chẳng muốn tiêu trừ. Tóm lại là che dấu khuyết điểm của mình, nuôi dưỡng khuyết điểm đó, không dám đưa chúng ra ánh sáng một cách đàng hoàng, rút cuộc nghiệp chương mỗi ngày một sâu, mỗi ngày một nặng, phiền não chương mỗi ngày một gia tăng.

Nguyên tắc trí huệ chân minh liễu: Nếu ba chương không bị tiêu trừ cho sạch, thì không thể có trí huệ chân chánh. Nếu có trí huệ thật thì không bao giờ làm chuyện điên đảo. Dùng trí huệ chớ không phải dùng vô minh để xử lý mọi việc, lúc đó mới gọi là sáng tỏ một cách chân chánh, còn như biết một mà hiểu chỉ một nửa thì chẳng phải là sáng tỏ thật.

Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ : Tôi nguyện diệt trừ ba chương, chẳng phải chỉ riêng cho tôi mà còn cho chúng sanh nữa. Đó là bốn nguyện của tôi, và thường xuyên tôi lấy đó làm nguyện lực để hành sự.

Thế thế thường hành Bồ-tát đạo: Tuy tôi chẳng phải là Bồ-tát, nhưng tôi nguyện đời đời kiếp kiếp làm những gì mà các Bồ-tát thường là trong đạo Bồ-tát. Tôi học tập Bồ-tát nên tu pháp môn này. Bồ-tát chẳng phải tu một ngày mà thành, mà là từng ngày một tu thành. Đức Phật Thích-ca, Ngài tu phước huệ trong ba tăng kỳ, tu tướng tốt trong trăm kiếp, trải qua ba đại a-tăng - kỳ, một thời gian dài như vậy, công đức của Ngài mới viên mãn, phước huệ

mới đầy đủ, nghĩa là “tam giác viên, vạn đức bị,” Ngài mới thành bậc Lương Túc Tôn.

Phát nguyện rồi thì phải tuân thủ ngay, chẳng thể có tâm tự tư, tự lợi, tâm tranh luận, tâm tham dục, tâm mưu cầu, tâm nói dối. Không có sáu loại tâm này là có ngay chánh pháp, đổi mặt pháp ra chánh pháp. Nếu ngược lại, thì chính là mặt pháp, chuyển chánh pháp thành mặt pháp. Nếu như lấy sáu tông chỉ trên để xử lý mọi việc thì tức thời có công bình, có sự vô tư, mọi sự chánh đại quang minh. Tu đạo thì nhất định tới chỗ thành tựu, cả mười phương chư Phật thường xuyên ủng hộ chúng ta. Xin quý vị lưu ý! Chính là pháp này đó, ngoài ra không có pháp nào khác. Các vị hãy chiếu theo nó mà dụng công là không sai.

Chúng ta tu đạo phải biết chịu khổ, chịu khó nhọc. Chớ ham tiện nghi, chớ nên tình khôn giả dối, mà phải thực thà tiến bước. Nhớ kỹ điều này! Chớ ham ăn ngon, chớ ham mặc đồ quý, chớ tham nhà đẹp, hết thấy mọi thứ đều không tham lam, càng không ham hưởng thụ. Được như vậy thì thời chánh pháp sẽ trụ tại thế gian.

Thời chánh pháp, ai ai cũng tu hành. Thời mạt pháp, chẳng ai tu hành. Nếu mọi người chịu tu hành thì mạt pháp đổi thành chánh pháp. Trong lúc tu, không thể để các dục niệm quấy nhiễu, nếu có dục niệm thì lại rơi vào mạt pháp. Cho nên, vấn đề hết sức khẩn yếu ở đây là không thể có các tâm tranh, tâm tham, tâm cầu, tâm ích kỷ, tâm tự lợi và tâm nói dối.



GIẢI THÍCH VỀ CẤU TẠO CỦA CHỮ “ĐẠO”

Chữ “Đạo” gồm vạn hữu bao la, nhiệm mầu không thể nói được. Đúng là: “*Vạn vật nhân đạo sanh, đắc giả tự thông linh, ngộ triệt cá trung lý, Bồ-đề bất giảm tăng.*” Hôm qua giảng ý nghĩa của “Đạo”, hôm nay giảng đến sự cấu tạo của chữ “Đạo”.

Sự cấu tạo của văn tự Trung quốc thật là mỹ lệ vô cùng, mỗi chữ là một họa đồ. Sự cấu tạo dựa theo sáu phương cách, đó là tượng hình, chỉ sự, hội ý, hài thanh, chuyển chú và giả tá.

Giải thích một cách giản lược thì chữ Đạo thuộc về lối tượng hình và hội ý. Chữ Đạo này do chữ “tẩu” và “thủ” ghép lại. Tẩu nghĩa là hành – đi – cũng là tu hành. Không tu hành thì làm sao đạt đạo được? Thủ là cái đầu, cũng có nghĩa là bậc nhất. Tu hành là một điều khẩn yếu bậc nhất, nếu chẳng tu hành thì không thoát được vòng sanh tử.

Giải thích một cách tường tận, thì có thể nói như sau: Trên đầu của chữ Đạo có hai cái

chấm (ゝ/), hai chấm này biểu thị pháp, chấm bên trái là dương, chấm bên phải là âm. Dương tượng trưng trời, âm tượng trưng đất. Dương là càn, âm là khôn, trời đất là càn khôn. Dương thuộc nam, âm thuộc nữ. Tuy nhiên, trong dương có âm, trong âm có dương, cho nên đàn ông không phải đời nào cũng là nam, có lúc cũng sanh làm thân người nữ. Đàn bà không phải lúc cũng mang thân nữ, cũng có lúc làm thân nam. Vậy là thiên biến vạn hoá, nhiệm mầu không thể nói hết.

Hai chấm vừa nói là tượng trưng cho trời đất, cho mặt trăng mặt trời, cho hai khí âm dương. Thân người có điện âm và điện dương, huyết là âm, khí là dương. Khí là vô hình, huyết thì hữu hình. Hai chấm đó ảo diệu vô cùng, kể ra không hết được.

Hai chấm này có thể nói chính là vô cực và thái cực. Vô cực là chân không, thái cực là diệu hữu. Do vô cực mà sanh thái cực, thái cực động sanh ra dương, thái cực tĩnh sanh ra âm. Động mà tới cực điểm thì thành tĩnh, tĩnh tới cực điểm thì thành động, đây là quy tắc tự nhiên.

Dưới hai chấm là chữ nhất (-); nguyên nó chẳng phải là chữ nhất (-), nó vốn là một cái

vòng vô cực (O), vì chưa phải là cực điểm nên chỉ là một cái vòng (O). Nếu tu thành công thì vòng vô cực này sẽ là Đại viên cảnh trí, nếu không thành công thì nó là vô minh.

Chữ nhất (-) nguyên là chữ (O). Đến thời điểm thì cái (O) mở ra, làm thành chữ nhất (-). Khi biến thành chữ nhất, là lúc bắt đầu có số mục. Khi còn là cái (O), thì chưa có số mục, về điểm này quý vị hãy đặc biệt lưu ý: Số mục chưa có là chữ (O), khi đã có số mục thì biến thành chữ nhất.

Chữ nhất này, sanh ra trời, sanh ra đất, sanh ra muôn vật, sanh ra tiên, Phật, thánh nhân. Hết thấy mọi thứ đều do chữ nhất mà sanh ra. Chữ (O) thì chẳng có gì hết, đó là chân không. Chữ nhất sinh ra tức biến thành Diệu hữu, lúc đó cái gì cũng có hết. Cái nhiệm mầu từ không ra có thành diệu hữu, từ có ra không thành chân không. Lẽ đạo về chân không và diệu hữu thật là nhiệm mầu vô cùng.

Vậy, chúng ta phải kiếm ở đâu để có cái đạo nhiệm mầu không thể nói hết đó? Xin trả lời: Đó là chữ “tự.” Do đó dưới chữ nhất, nói ở trên, là chữ “tự” hàm ý rằng cầu đạo chẳng

thể hướng ở ngoài để tìm kiếm, vì hướng ngoại thì chẳng kiếm ra chánh đạo, mà phải chiếu soi ngược lại- hồi quang phản chiếu – tự cầu ở nơi mình.

Đối với cảnh giới (nhiệm mầu) đó thì trong nhà Nho có câu: “*Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.*” Theo Đạo-học thì đó là “*Bảo nguyên thủ nhất,*” còn Phật giáo thì nói: “*Vạn pháp duy nhất.*” Có câu: “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hợp,*” chữ “hợp” (合) gồm chữ nhân (人), chữ nhất (一) và chữ khẩu (口), hàm ý rằng chẳng có gì có thể nói ra được, cũng là ý nghĩa ngậm (口) miệng lại.

Đó là lúc lìa lời nói, lìa văn tự, lìa tâm suy nghĩ, là cảnh giới “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt,*” tức là nơi dứt đường ngôn ngữ, nơi tắt đường tâm tưởng, vậy là chẳng còn gì hết. Có người cho rằng: “*Như vậy-chẳng hoá ra là người gỗ sao?*” Chẳng phải vậy. Người gỗ thì chẳng có tâm, ở đây thì có tâm, nhưng là tâm vô vi, “*vô vi nhi vô bất vi*” – chẳng làm gì mà cái gì cũng làm. Đạo lý này chẳng thể kiếm thấy ở bên ngoài, mà phải chiếu soi

ngược lại mình, cầu nơi chính mình, lúc đó mới tới được Đạo.

Thiền tông có câu kệ như sau:

*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hợp
Thần Quang bất minh cảnh Đạt-ma
Hùng Nhĩ sơn tiền quy cứu tải
Chỉ cầu nhất điểm đoá Diêm-la*

Dịch nghĩa là: Vạn pháp quy về một, một thì về chỗ hợp- góp lại. Thần Quang không hiểu rõ đuổi theo Đạt-ma. Trước núi Hùng Nhĩ quỳ chín năm, chỉ cầu một điều là trốn được Diêm Vương.

Hôm nay tôi giảng công án này để chứng minh rằng cầu pháp chẳng phải là chuyện dễ dàng. Người ta phải có tâm dám xả bỏ thân này mới mong tìm được chánh đạo.

Tổ Bồ-đề Đạt-ma đến Quảng Châu, rồi lên bộ (Người từ Ấn-độ đáp thuyền đi tới Trung-hoa). Khi ghé Kim Lăng (Nam Kinh), Tổ đi ngang qua chỗ của Pháp sư Thần Quang, lúc Pháp sư đương giảng kinh.

Tổ bước ra hỏi: “Ông làm gì ở đây?”

Thần Quang đáp: “Tôi đương giảng kinh.”

Tổ hỏi: “Giảng kinh để làm gì?”

Đáp: “Để thoát sanh tử.”

Thần Quang nghe xong, giận lắm, nói: “Cái tên Ma Vương này! Người dám đến đây bán Phật, bán Pháp, bán Tăng, há có lý nào?”

Nói xong Sư cầm chuỗi hạt bằng sắt ném mạnh vào mặt Tổ. Bồ-đề Đạt-ma không kịp đề phòng nên bị chuỗi hạt ném trúng, gãy mất hai cái răng cửa. Tổ có ý nghĩ rằng: “Nếu ta nhỏ răng xuống đất, thì địa phương này sẽ bị hạn hán trong suốt ba năm (số là nếu răng của một vị thánh mà rơi xuống đất, chư thiên sẽ bắt tội, và Phật không cho mưa rơi xuống vùng đó). Tổ thấy bất nhẫn, không nỡ để cho dân chịu cảnh khổ vì hạn hán, nên Ngài nuốt luôn hai cái răng vào bụng. Sau này trong điển cổ thấy có ghi lại câu: “*Gãy răng cửa nuốt luôn với máu*” (đả lạc môn nha hòa huyết thân).

Vốn tu hạnh nhân nhục ba-la-mật, Tổ không nói gì hết, ra khỏi giảng đường của Ngài Thần Quang, qua sông Trường-giang rồi đi về

hướng núi Tung-sơn thuộc Hà Nam. Lúc bấy giờ, Diêm Vương sai quỷ vô thường đi mời Pháp sư Thần Quang tham gia tiệc yến.

Quỷ vô thường nói với Sư: “Ông có phải là Thần Quang không?”

Đáp: “Phải”

Quỷ vô thường nói: “Vua Diêm-la mời ông đi uống trà.”

Thần Quang nghe xong bèn nói rằng: “*Trong lúc ta giảng kinh, hoa trời rơi xuống, đất mọc sen vàng, ta phải chết sao?*”

Quỷ vô thường đáp: “Dĩ nhiên là ông phải chết!”

Thần Quang hỏi: “Ai có thể không chết?”

Quỷ bèn cho biết như sau: “Chỉ có cái ông hòa thượng da đen vừa bị ông đánh gãy răng cửa, mới là người không chết mà thôi.”

Lúc đó Thần Quang liền năn nỉ quỷ vô thường: “Cư sĩ Vô Thường, xin ông từ bi, phương tiện gia ân cho tôi, để tôi được chạy theo vị hòa thượng da đen kia học pháp bất tử, có thể được chăng?”

Quý vô thường chấp nhận lời yêu cầu này, và Thần Quang liền ngày đêm hướng về phía Bắc đuổi theo Đạt-ma. Cuối cùng, Thần Quang tới núi Hùng Nhĩ, thấy Tổ ở trong hang núi quay mặt vào vách đá nhập định, Sư hướng tới Tổ đánh lễ sám hối, quỳ chín năm, mới học được pháp bất tử. Ngày sau thành Tổ thứ hai của Thiền tông.

Chữ “tự” nói ở trên có nghĩa là tự cường không nản, phải tự mình cố gắng, dụng công tu hành, mới có thể đạt được lẽ thực. Cho nên, ở phía bên phải của nó có chữ “tẩu,” biểu thị ý nghĩa hành trì, có như vậy mới có cảm ứng, mới có chỗ thành tựu. Nếu chẳng thực hành thì dù hiểu đạo lý cũng thành vô dụng. Đúng là: *“Nói một trượng chẳng bằng làm một thước.”*

Tôi thường nói: *“Đạo thị hành đích, bất hành hà thành đạo. Đức thị lập đích, bất lập ná hữu đức,”* cũng cùng một nghĩa như vậy.

THẤT TÌNH LỤC DỤC LÀM CHƯỚNG NGẠI TÂM TU ĐẠO

Chúng ta là người tu hành quyết phải mang tất cả những vọng tưởng thất tình lục dục quét cho sạch một phen, thanh toán chúng cho hết. Chúng ta phải hiểu rằng thất tình là hòn đá tảng buộc chân chúng ta. Các vọng tưởng về thất tình sẽ làm ngăn cản sự chuyên tâm tu đạo của chúng ta, khiến cả ngày bị vọng tưởng lăng xăng, gặp cảnh thì tâm động, có chút định lực nào gom góp được thì bị tiêu hao mất, há chẳng uổng bao nhiêu công phu lâu nay đã tham thiền tĩnh toạ hay sao?

Bất cứ nam hay nữ đều phải tận diệt Thất-tình. Thế nào gọi là Thất-tình? Đó là hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ố, -dục – mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham dục; được giới thiệu một cách giản dị như sau:

Hỷ: Không nên mừng, mừng thì tình sẽ động.

Nộ: Không nên giận, giận thì tình sẽ động.

Ai: Không nên bi ai, bi ai cũng động tình.

Cụ: Không nên sợ hãi, sợ hãi cũng động tình.

Ái: Không nên sanh tâm tham ái, bởi tham ái làm cho tình động

Ố: Không nên có lòng chán ghét, chán ghét làm cho tình động.

Dục: Không nên có dục niệm, dục niệm sẽ làm cho tình động.

Nếu nặng tình cảm về các loại Thất-tình nói trên, hành giả sẽ bị hoàn cảnh chi phối. Nếu Thất-tình có thể lay chuyển được mình, thì định lực sẽ bị tiêu ma, ta sẽ bị làn gió của các loại hoàn cảnh làm cho phiêu bạt, tâm bị lay động, không còn làm chủ được nữa và, khi không có chủ tức thành điên đảo.

Chúng sanh tại địa ngục làm bất cứ chuyện gì cũng là làm trong sự điên đảo, bởi lý do quá si mê và thiếu trí huệ. Làm cái gì cũng là sai quấy. Chúng ta ở thế gian nếu làm sai quấy thì cũng chẳng khác gì chúng sanh trong

địa ngục, nghĩa là làm những gì không đúng với pháp, có mục đích ích kỷ tự lợi thì đó là địa ngục. Hoan hỷ điều này, hoan hỷ cái kia, buồn giận vì điều này, buồn giận vì điều nọ. Còn làm việc với những loại tình cảm đó là còn sống trong cảnh địa ngục. Các vị hãy chú ý! Hãy nhớ kỹ! Phải đoạn trừ Thất-tình và Lục dục. Lục dục tức là sáu thứ dục do sáu căn mang lại. Sáu căn còn có tên là sáu tên giặc, vì chúng chuyên ăn cướp tự tánh trân quý của chúng ta. Bởi vậy chúng ta phải cẩn thận giữ gìn các cửa của sáu căn kéo đồ châu báu bị cướp mất.



CHÍN PHÁP GIỚI CHÚNG SANH ĐỀU ĐIÊN ĐẢO

Điên đảo nghĩa là gì? Đó là thấy khổ cho là vui, cho phải là trái, cho vô thường là thường tồn. Còn có nghĩa như trường hợp tâm tư bất định, trong đầu thì loạn tưởng, thấy việc nghĩa chẳng làm, thấy lợi thì chạy theo. Nói tóm lại, không phân biệt trắng đen, không rõ điều chân giả, đều gọi là điên đảo.

Câu nói: *“Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo”* chính là định luật của nhân quả. Đầu tiên là sự mê hoặc, khởi tâm sai lầm rồi theo đó tạo nghiệp. Tạo xong nghiệp thì nhận kết quả – quả báo, đó là lẽ tự nhiên. Quả báo là chẳng thể nghĩ bàn, mà chúng sanh tạo nghiệp cũng là điều chẳng thể nghĩ bàn. Lúc đầu tiên sanh ra mê hoặc, cũng là điều chẳng thể nghĩ bàn. Lý do là các loại sự vật, tất cả đều chẳng thể nghĩ bàn, do đó khiến cho chúng sanh thấy đều quay cuồng, bối rối, không biết đâu là đầu mối, như thế nào là thích đáng.

Trong số các chúng sanh tại chín pháp giới (tức pháp giới của hàng Bồ-tát, của Duyên-giác, Thanh-văn, trời, a-tu-la, người, súc sanh, quỷ đói, địa ngục), có chúng sanh thông minh và có chúng sanh ngu si. Chỉ riêng Phật, vì có trí huệ đại viên kính nên hoàn toàn là thông minh và không có ngu si vô minh.

Từ nhãn quan của pháp giới Phật mà nhìn xuống thì các chúng sanh trong pháp' giới Bồ-tát rất điên đảo. Những hành động mà hàng Bồ-tát làm và tự cho là đúng, cũng chỉ là điên đảo dưới cặp mắt của Phật.

Từ pháp giới của hàng Bồ-tát nhìn xuống pháp giới duyên giác thì họ thấy giống như đám con trẻ, hành động gì cũng chẳng chân chánh, cũng đều điên đảo cả. Nhìn lên thì Bồ-tát lại chẳng biết gì trong pháp giới Phật, họ chỉ biết tường tận về pháp giới Duyên-giác, cho nên mới có câu nói: "*Sơ địa không biết nhị địa, thập địa không biết đẳng giác,*" nghĩa là không biết được tầng pháp giới cao hơn mình. Gọi là biết nhưng chỉ là hiểu tình hình một cách sơ lược, tường tận thì không biết nổi.

Tại pháp giới Duyên-giác mà nhìn vào tầng Thanh-văn, thì chúng sanh ở đây là điên đảo. Nhưng nhìn lên các tầng Phật và Bồ-tát thì họ lại không biết rõ. Tại sao? Bởi họ chưa đủ định lực. Định lực của Duyên-giác chỉ đủ để quan sát được các nhân duyên trong phạm vi của tám vạn đại kiếp trở về, còn nhân duyên ngoài tám vạn đại kiếp thì họ không thể nào quan sát tới.

Tại pháp giới Thanh-văn mà nhìn về chư thiên thì ở đây là điên đảo. Chư thiên được hưởng phước trời nhưng đối với nhân quan ở bậc trên thì họ vẫn hành sự một cách điên đảo.

Tại pháp giới trời nhìn cảnh a-tu-la thì a-tu-la điên đảo, chúng sanh ở đây không tu tập đức hạnh, chỉ biết đấu tranh. Đấu tranh là chẳng phải điên đảo thì còn là gì nữa?

Từ pháp giới của a-tu-la mà nhìn về chư thiên thì họ không hiểu biết gì nhiều, nhưng về thế gian nhân loại thì họ biết một cách tường tận. A-tu-la thấy loài người điên đảo, trôi nổi trong sanh tử mà không biết khổ, lấy khổ làm vui, tham luyến không muốn bỏ, trông thật đáng thương.

Tại pháp giới của loài người, thì không ai biết được cảnh giới của a-tu-la ra sao, cũng không biết gì về đời sống của chư thiên, hay pháp giới của các bậc thuộc hàng Tứ thánh, nhưng đối với pháp giới của loài thú thì lại biết rõ rệt. Họ thấy súc sanh quá hồ đồ, điên đảo, không biết sự việc gì khác ngoài các vọng tưởng về ăn và dục.

Súc sanh nhìn về quỷ đói thì nhận thấy quỷ đói điên đảo, chúng vì miếng ăn mà khổ não, nhưng tới khi ăn thì đồ ăn là lửa, chúng không nuốt được.

Tại pháp giới quỷ đói nhìn sang pháp giới địa ngục thì thấy chúng sanh ở địa ngục điên đảo. Chúng sanh ở đây đã tạo ác nghiệp phải thọ ác báo, mà lại không biết sửa đổi, cải ác ra thiện.

Tại pháp giới địa ngục thì chúng sanh hoàn toàn không hiểu biết gì, sống trong mê, chết cũng trong mê, chỉ biết riêng lấy mình, không biết tới ai khác. Địa ngục là biển khổ mênh mông, không còn có đường nào sáng sửa.

Tất cả chúng sanh trong chín pháp giới thấy đều điên đảo. Chỉ có Phật là đi đến rốt ráo, thành tựu Phật quả, nên không còn điên đảo nữa. Bởi các lý do này, chúng ta tu học Phật pháp là cốt chứng được trí huệ chân chánh, để khỏi phải lên xuống trong phạm vi chín pháp giới nói trên, và để vượt lên trên nữa, tới cõi Tịnh độ Thường Tịch Quang, để được cùng trú chung một nơi với chư Phật.

Tại pháp giới địa ngục, mỗi ngày có hàng vạn chúng sanh được sanh ra rồi chết đi, trăm ngàn sự điên đảo, khổ sở không thể nói hết. Tại sao vậy? Ở đây ác nghiệp ngập trời nên chúng sanh phải đền tội. Trong cảnh vạn phần điên đảo không có được nửa phần không điên đảo, do đó lìa khỏi được pháp giới này thật là khó khăn vô kể.

So với cảnh quỷ đói thì tuy quỷ đói ăn không đủ no, lúc nào cũng đói, nhưng địa ngục còn khổ hơn nhiều. Trong vạn phần điên đảo của quỷ đói, hoặc có thể có nửa phần, hay một phần không điên đảo (các con số này đưa ra để so sánh, chứ không có nghĩa tuyệt đối).

Tại pháp giới của loài súc sanh thì trong vạn phần điên đảo có một phần hay một phần

rười không điên đảo, tỷ như loài dê còn biết chút tình quý xuống khi bú, loài quạ còn có cái nghĩa bú mớm cho con, súc sanh mà biết hiếu đạo. Loài thú nào được mười phần không điên đảo, có thể gặp cơ hội đi lên theo nẻo đường thiện. Hơn nữa như loài chó biết giữ nhà, gà gáy sáng, con tằm nhả tơ, ong gây mật, ngựa kéo xe, trâu kéo cày, cũng là giúp ích cho nhân loại, có chút ít công lao, thì tương lai có thể thoát khỏi được kiếp thú.

Tại pháp giới của loài người trong vạn phần điên đảo, thiện hoặc có mười phần hay năm mười phần, tối đa không quá một trăm phần, là không điên đảo. Trong lúc không điên đảo, người ta làm việc công đức, hoặc lay Phật, hoặc niệm Phật. Khi điên đảo thì vọng tưởng lăng xăng, ham danh đoạt lợi, đấu tranh kiên cố. Tại sao trong vạn phần điên đảo lại chỉ có trăm phần không điên đảo? Đại khái như khi lay Phật chẳng hạn, lúc đó không điên đảo. Nhưng có những lúc thân đương lay Bồ-tát mà tâm lại cầu Bồ-tát gia hộ, mong Bồ-tát ban cho trúng số, phù hộ cho được bình an; thậm chí, có kẻ chẳng chịu học hành mà cũng

cầu Quán Thế Âm Bồ Tát phù hộ cho đỡ trạng nguyên, đó chính là điên đảo.

Tại pháp giới của a-tu-la, chúng sanh cũng có khoảng trăm phần không điên đảo, có thể trên dưới số đó chút đỉnh, bởi vì a-tu-la tuy được hưởng phước trời, nhưng lại tự cho là chưa đủ, và vì tâm tham nên thường đấu tranh phương hại tự do của kẻ khác.

Tại pháp giới chư thiên, thì ở đây có thể có một ngàn phần không điên đảo. Họ có công phu thiền định, một đường hướng đi lên, nghĩ tới ăn là có đồ ăn, nghĩ tới mặc là có quần áo mặc, tâm tưởng tới cái gì là có cái đó, do đó ít có sự điên đảo.

Tại pháp giới Thanh-văn, trong vạn phần điên đảo thì có khoảng hai ngàn phần không điên đảo, nhân vì các bậc này tu Tứ-đế – khổ, tập, diệt, đạo – họ hiểu thấu các lý vô thường, không, vô ngã, do đó ở đây ít điên đảo hơn.

Tại pháp giới Duyên-giác, trong vạn phần điên đảo có thể có tới ba ngàn phần không điên đảo. Ở đây các vị Duyên giác vì quán thập nhị nhân duyên mà ngộ đạo, hiểu hết

thấy mọi thứ là như huyền, cho nên các vị này hoàn toàn không chấp trước vào một thứ gì.

Tại pháp giới Bồ-tát, trong vạn phần điên đảo, có thể có năm ngàn phần không điên đảo, do đó vẫn còn năm ngàn phần kia điên đảo. Bồ-tát chuyên tu lục độ vạn hạnh, nhưng vẫn còn một phần vô minh nên chưa tới độ rốt ráo.

Tại pháp giới chư Phật, cả vạn phần điên đảo đều không có, bởi Phật đã viên mãn ba giác ngộ, vạn đức tròn đầy; chẳng có vọng tưởng, không có điên đảo, Phật là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Quý vị phải nghiên cứu kỹ đi! Tại sao chúng ta ở thế giới này chưa thanh toán được phiền não, mà vẫn còn ở nơi hỗn tạp đợi chết? Kẻ xuất gia không ra vẻ người xuất gia, tại gia thì không chịu tu hành! Còn chờ đợi tới thời điểm nào nữa mới chịu tu? Đời này là ngũ trước ác thế, lưu luyến sanh tử có ích lợi gì?

Quý vị! Hãy tha thiết vấn đề sanh tử, hãy mau phát tâm Bồ-đề, đừng tạo thêm những chuyện điên đảo nữa. Quay đầu lại đi! Ráng lên, “*biển khổ không bờ, quay đầu là bến.*”

HỌC THÂN THÔNG ĐỂ BÁO THÙ

Milarepa là người Tây Tạng. Động cơ khiến y tu đạo chẳng phải để cứu độ chúng sanh mà để báo thù cho cha mẹ. Cũng vì lúc khởi đầu mục tiêu không chánh đáng nên y mới lạc vào đường trắc trở, khiến cho tư tưởng và hành vi chẳng khác gì a-tu-la. Ý muốn thường xuyên của y là tiêu diệt người ta, trừ mình y ra, đó là điều trái hẳn với đạo. Người tu đạo không thể mang tâm sân hận, nuôi chí báo thù, nếu không sẽ biến thành quyến thuộc của Ma Vương.

Về sau, do công tu mang lại chút ít thành tựu, y dùng mật chú và thần thông để báo thù rửa hận. Kết quả thì thù đã trả xong, hận đã được rửa sạch. Có điều những hành vi của y không những làm trở ngại việc tu đạo, mà còn phản lại tinh thần từ bi của người tu. Phàm là người tu đạo, phải lấy từ bi làm gốc, mà tùy nghi hành động. Y thì trái ngược hẳn lại, trong tâm chỉ có sự cố gắng cao ngā mạn, không coi ai

ra gì, chẳng riêng đối với người tại gia mà còn khinh thị đối với hạng xuất gia nữa. Cái đó là do y chỉ biết một mình y, ngoài ra không biết tới ai khác. Y đã có những loại ý tưởng đó thì chẳng ai nói gì cho y hiểu được.

Dụng công tu đạo bằng tâm oán hận thì dù tu trong bao lâu cũng vẫn còn tư tưởng thù hận. Y dùng mật chú và thần thông để làm công việc báo cừu và rửa hận, nhưng có biết đâu như vậy là đã sai lầm nhân quả, tương lai sẽ phải chịu quả báo. Hành động như vậy là do quan niệm sai lầm, và tôi nghĩ rằng y cũng biết điều đó. Tuy nhiên, biết thì có biết, mà tâm tưởng đã bị sân hận chi phối rồi, đâu còn tự mình làm chủ được nữa, do đó mới hành động điên đảo, và kết quả đã đưa y vào cảnh giới ma vương, thật là nguy hiểm.

Ai ai cũng biết làm việc thiện là đúng, nhưng không ai muốn làm. Tại sao? Bởi làm việc thiện thì chẳng thấy gì hay. Như giữ giới chẳng hạn, là một điều tốt, nhưng không ai giữ giới cả. Theo đúng quy củ là tốt, nhưng mọi người không theo. Tất cả đều biết rõ không giữ giới, không giữ quy củ là không đúng, nhưng

cứ phạm lỗi hoài, hết thấy mọi thứ đều như vậy, suy ra khắc biệt. Chẳng qua cái đó là do căn cơ hạ liệt và lưỡi biếng mà phát sanh ra. Cái đó nói cho ngay, không có gì là cao thượng là đạo đức cả. Có câu nói: “*Quân tử thượng đạt, liêu nhân hạ đạt*,” hạng người nói trên không muốn đi lên, mà chỉ muốn đi xuống (hạ đạt), đúng là không có thuốc chữa.

Tôi thường nói:

*Tu đạo như đăng bách xích can
Hạ lai dung dị thượng khứ nan.*

Nghĩa là: Tu đạo cũng giống như leo lên cây sào cao trăm thước, leo xuống thì dễ, leo lên thì khó. Hôm nay tôi nêu ra tà tri tà kiến của Milarepa để chúng ta cảnh giác. Nói tóm lại, tu đạo phải có lòng “*vô duyên tử*,” có tư tưởng “*đại bi đồng thể*,” học hỏi tinh thần của Tiên Nhân-nhục (một trong những tiền thân của đức Phật), khoan thứ mọi người mới xứng đáng là đệ tử Phật.



BỐN KIẾP THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG CỦA THẾ GIỚI

Thế giới nhiều vô kể, vô lượng, vô biên. Mỗi thế giới (tinh cầu) đều trải qua bốn kiếp là thành, trụ, hoại, không. Chẳng qua, trí huệ của chúng ta hạn hẹp, chưa tới trình độ để biết tận cội hư không, cùng khắp pháp giới, chúng ta chỉ biết thế giới này mà không biết tới vô số các thế giới khác nữa.

Hiện nay, tuy khoa học có nhiều sự tiến bộ, đã đưa người lên được mặt trăng, một thế giới khác, nhưng cũng không thấu hiểu hết tình huống của nó. Cái thế giới nguyệt cầu với thế giới địa cầu của chúng ta không giống nhau. Thế giới của chúng ta trải qua bốn tướng là thành, trụ, hoại, không và các thế giới khác cũng có bốn tướng như vậy, chỉ có khác là bốn tướng đó không phát sanh đồng thời với nhau. Tại thế giới này thì tướng hiện tại là thành, thì thế giới kia đương có tướng trụ, thế giới kia nữa là tướng hoại, hoặc là tướng không; do đó, không cùng chung một tướng, nên chúng ta không biết rõ tình huống của các thế giới khác.

Không những không biết rõ các thế giới khác ra sao mà ngay thế giới này, chúng ta cũng không có sự hiểu biết minh bạch. Khi ông Kha-luân-bố chưa phát hiện ra “Tân thế giới,” nghĩa là chưa ai biết tới Tây bán cầu này chẳng hạn, người ta chỉ nghĩ rằng trời thì tròn, đất thì vuông. Sau khi khám phá ra Tân thế giới, người ta mới chứng minh được quả đất là tròn, do đó người ta mới gọi nó là địa cầu.

Bây giờ, ai ngồi trong phi thuyền không gian mà ngắm cảnh địa cầu, thấy nó cũng giống như trái banh lơ lửng giữa không trung, xem cũng lý thú!

Gọi là “Tân thế giới” nhưng nó chẳng phải “tân” (mới) mà là “cựu” (cũ). Chưa phát hiện ra thì tưởng nó không có, khi phát hiện rồi thì gọi là tân, đó chẳng qua bởi sự chấp trước vào tâm phân biệt của mọi người mà thôi. Con người ta, trong tư tưởng, trong nhãn quan có sự phân biệt mới cũ, kỳ thực mọi sự đều nằm trong sự biến hoá của bốn tướng thành, trụ, hoại, không.

Thế giới có thành, trụ, hoại, không, thì con người cũng có thành, trụ, hoại, không, đủ cả

bốn tướng. Từ lúc sanh ra có mặt với đời, đến khi đi học, đó là thời kỳ thành. Học hỏi xong thì thực hành theo chí hướng, đó là thời kỳ trụ. Về sau thì già yếu, đó là thời kỳ hoại. Hết già là chết, chết tức là thời kỳ không. Thành, trụ, hoại, không tức là sanh, lão, bệnh, tử.

Sau thời kỳ sanh đến thời kỳ bệnh. Ai cũng có bệnh của người ấy. Có người bảo: “Pháp sư ơi! Không thể nói chung chung như vậy được. Có người thân thể không được khoẻ mạnh, họ có bệnh, nhưng có người thân thể khang kiện, họ đâu có bệnh gì?” Quý vị thấy thân thể họ không có bệnh, nhưng trong tâm họ có bệnh, nói tóm lại không có ai mà thân tâm lại không có bệnh. Cứ cho rằng thân và tâm cả hai đều không bệnh, nhưng đâu phải vĩnh viễn như vậy. Về phương diện sinh lý có thể chắc là không bệnh, nhưng tâm lý thì có chắc hay không? Ít nhiều cũng phải có, chẳng có bệnh nhỏ thì cũng là loại bệnh do tập khí, do chấp trước mà sanh ra, những thứ không nhận ra chúng, không xả bỏ chúng được, như vậy là bệnh rồi. Nhận không ra, buông xả không được tức chẳng thể giải thoát.

Đi về không tự chủ, sanh tử không tự do, tức là có bệnh. Không làm chủ được mình, không giữ cho mình được trẻ mãi không già, không bao giờ chết, đó cũng là bệnh. Nếu mà làm chủ được chính mình, nghĩa là có thể bảo thân này phải luôn luôn trẻ trung khoẻ mạnh, không bao giờ mất bị hoa, tai bị điếc, tóc bị bạc, răng bị long. Quý vị có làm được vậy không? Nếu không làm được là có bệnh.

Có người nói: “Ngày nào tôi cũng vận động, thân thể rất khoẻ mạnh, tay chân nhanh nhẹn, đi mau lẹ như bay, chẳng đau bệnh gì.” Vậy anh có dám bảo đảm sẽ trẻ mãi, sẽ sống mãi không già? Sợ rằng không giữ được như vậy đâu! Vì sao? Vì trong tâm anh có bệnh. Bệnh gì? Bệnh tham, bệnh sân, bệnh si. Tham không biết chán, càng nhiều càng tốt. Tham cầu mà không được bèn nổi nóng, lúc đó trí huệ không lặn át được tâm tình, đầu óc thành hồ đồ. Những vụ giết người, đốt nhà cửa cũng từ chỗ đó mà ra, như vậy chẳng phải bệnh là gì?

Thời gian niên thiếu báo hiệu một sự bắt đầu của già nua. Cũng như thế, bệnh chính là khởi thủy cho sự chết. Nói chung, con người là

một tiểu thiên địa, nên cũng có bốn tướng. Hiểu thấu được ý nghĩa này thì không còn chấp trước vào cái túi da hôi này, không âu yếm nó như một thứ quý giá. Nếu thật tình không chấp vào thân thể này thì đó là vô ngã chân chánh, vậy là thiên hạ thái bình, chẳng còn chuyện gì phiền phức.

Con người ở trên thế gian này, chỉ biết có cái thế giới nhỏ nhoi này mà thôi, cho nên muốn tìm hiểu cho đến tận cùng nó như thế nào. Nhưng, nghiên cứu đi nghiên cứu lại, rồi cũng thế, khi đến thì hồ đồ, ra đi cũng hồ đồ. Vừa hiểu được minh bạch thì đã ôi thôi! Ra đi! Chờ kiếp sau vậy! Tới kiếp sau lại tiếp tục nghiên cứu, nhưng nghiên cứu thêm chẳng được bao nhiêu thì quý vô thường đã tới, lại mời đi gặp Diêm Vương. Kiếp này mà việc sanh tử không lo nghiên cứu cho xong thì thử hỏi còn chờ đến bao giờ nữa? Tôi hy vọng quý vị coi trọng vấn đề này để dụng công nghiên cứu một phen, chớ để nó trôi qua uổng phí, phải nhớ rằng:

Nhân thân nan đắc kim di đắc

Phật pháp nan văn kim di văn

*Thử thân bất hướng kim sanh độ
Cánh hướng hà sanh độ thử thân?*

Dịch nghĩa là: Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó được nghe nay đã được nghe, kiếp này nếu chẳng độ được thân này, thì đến kiếp nào mới độ được?

Chúng ta phải coi đó là điều cảnh giác, thường xuyên lấy đó làm cái gương soi lại chính mình.

Nói xa xôi hơn thì có vô lượng thế giới mà chúng ta không thể biết được rõ ràng, điều này chẳng cần phải nhắc lại. Riêng giữa người với người, còn biết bao nhiêu vấn đề mà chúng ta cũng chẳng hiểu thấu. Tại sao vậy? Vì vọng tưởng quá nhiều. Lý do gì mà vọng tưởng lại nhiều như vậy? Vọng tưởng từ đâu mà tới? Không ai biết. Thậm chí sự nóng giận, tham sân si, cũng ở đâu mà tới vậy? Nói chung không thể biết. Tự chúng ta có vấn đề gì, có nhiều hay ít? Hiểu thấu tới đâu? Tất cả đều không biết.

Những điều nói trên chẳng phải dễ gì mà biết cho tường tận, mà chính chúng ta cũng

chẳng muốn biết chúng cho tường tận. Vì có gì? Bởi vì cả ngày chúng ta chỉ biết tranh danh đoạt lợi, nên chẳng có thời giờ nào nghiên cứu các vấn đề đó. Thản hoặc có người tình ngộ muốn nghiên cứu mình ở đâu mà đến, chết rồi đi về đâu, nhưng do không gặp được thiện tri thức hướng dẫn, chỉ biết tu trong sự mù quáng, không nắm được yếu lý của sự tu hành, nên cuối cùng đã uổng phí công phu, tệ hơn còn bị tẩu hỏa nhập ma nữa. Cho nên tu đạo chẳng phải là một chuyện dễ dàng.

Chẳng cần nói qua phạm vi các thế giới khác, chỉ riêng thế giới này, giữa người với người mà cũng toàn là những vấn đề chúng ta không nắm vững. Vấn đề của bản thân chúng ta, chúng ta cũng chưa nghiên cứu rõ thì làm sao nghiên cứu được vấn đề của người khác? Vấn đề của ta và của người chưa minh bạch thì vấn đề về các thế giới làm sao cho minh bạch? Làm sao mà giải quyết được? Vậy thì chẳng giải quyết nữa ư? Không phải vậy! Nhất định là phải giải quyết! Nếu không, thế giới sẽ bị huỷ diệt. Giải quyết cách nào? Cách duy nhất là chuyên tâm tu đạo, chứng quả ngũ nhân, lục thông, thì tự nhiên sẽ hiểu hết những điều bí ẩn

của vũ trụ, thông suốt luôn một lần. Khi đã biết rõ nội tình, thì có thể cải thiện nhân tâm, trừ bỏ ba độc tham, sân, si. Lúc đó mọi vấn đề đều được giải quyết trực tiếp, thế giới sẽ hoà bình, vĩnh viễn không còn tranh chấp, thế giới sẽ không bị huỷ diệt. Nếu ai không tin, xin hãy nhắm mắt lại rồi nghiền ngẫm. Nếu chiến tranh thứ ba trên thế giới mà bùng nổ, thử hỏi hậu quả sẽ ra sao? Mọi người ắt hiểu rằng kết quả là tình trạng “đồng quy ư tận”, cùng về chỗ tận diệt. Lúc đó chính là thời kỳ không kiếp.



XUẤT GIA - BỐ THÍ MỘT CÁCH TRIỆT ĐỂ

Trong hàng Bồ-tát có Đại Bồ-tát, giàu có sang trọng, có nhà cửa trang hoàng lộng lẫy, với đủ các loại vật dụng tinh mỹ phục vụ cho đời sống. Giàu sang như vậy, nhưng nếu có ai muốn đến cầu xin thứ gì, Đại Bồ-tát bèn cho ngay không chút ngần ngại. Bồ-tát tu pháp môn bố thí thì hoàn toàn không để ý gì đến gia đình của mình, vì trong tâm đã sớm lìa hẳn quan niệm về gia tộc. Bồ-tát đã hiểu thấu ý niệm không về gia đình, vì gia đình chẳng qua là do nhân duyên hòa hợp mà có, duyên hết thì lại phân ly, có gì đâu mà phải chấp trước? Bồ-tát vốn đã nhàm chán tất cả của cải trong nhà, từ động sản đến bất động sản, cùng những thứ vật dụng hàng ngày. Trong sự sanh hoạt thường ngày, vốn đã không ham thoả mãn ngũ dục, không mặc đồ đẹp, ăn đồ ngon, cho nên trong tâm không bị ràng buộc về các nhu cầu vật chất. Vốn hiểu rằng gia đình cũng sẽ tới lúc phân tán, chớ không thể tồn tại mãi, do đó Đại Bồ-tát thường tỏ ra lạnh nhạt trong

tình cảm đối với gia đình, chỉ muốn ly khai hẳn với cuộc đời thế tục, để xuất gia tu đạo, cầu giải thoát khỏi vòng tam giới. Đến người thân trong gia đình, như vợ thì coi như cái gông đeo cổ, con là cái xích buộc chân. Tình nhi nữ chính là cái còng, một khi tay bị khoá thì còn nhúc nhích gì được? Thân thể mỗi cá nhân đều bị trói buộc như vậy, ngay cả hít thở cũng không tự do, còn nói gì đến ước mong được tự tại? Tình huống như vậy có cái gì để chúng ta luyện tiếc nữa?

Bồ-tát khám phá ra điều đó, bèn buông bỏ hết, và để thoát ra khỏi cảnh bức bách của gia đình nên mới xa lánh cuộc đời thế tục và tu học hạnh Bồ-tát. Tám vạn bốn ngàn pháp môn mà đức Phật dạy cho thế gian để tu tập là con đường dẫn tới đạo quả Bồ-đề, và để trang nghiêm tự thân. Vứt bỏ những vật ngoại thân như tiền tài mà chẳng hối tiếc. Những tác phong như vậy của Bồ-tát đều được mười phương chư Phật tuyên dương và tán thán như sau: “Hay lắm! Hay lắm! Thiện nam tử! Ông thật là tinh tấn, phát tâm Bồ-tát rộng lớn như vậy, làm những việc người ta không làm được, vứt bỏ gia tài nhà cửa, những cái người đời

không vớt bỏ được, hết thảy mọi thứ mình có đều mang bố thí cho người mà không hối hận, không luyến tiếc, không chấp trước, những việc thật khó làm.” Bồ-tát thấy có người đến cầu xin mình thì cảm thấy trong lòng hoan hỷ vô cùng, cho là mình hết sức may mắn mà gặp được cơ hội để thực hiện đại bố thí.

Xuất gia là một việc khó. Xá kể chỉ việc cắt tóc cạo râu, đắp áo cà-sa, nói vài câu “cơ phong,” mở miệng ra nói về Phật về Pháp, nói đạo lý trong kinh sách, hoặc ngồi yên nhắm mắt tham thiền. Những hành vi đó có thể gọi là mặc áo Phật, ăn cơm Phật, biểu diễn vai trò của kẻ xuất gia. Nếu quả như lời nói đi đôi với việc làm, một lòng tha thiết từ bi đối đãi với người với vật, trước mặt sau lưng lúc nào cũng vậy không sai trái đạo, được như vậy mới đúng là kẻ xuất gia.

Xuất gia có ba loại:

1. Thân xuất gia, tâm không xuất gia.
2. Tâm xuất gia, thân chưa xuất gia.
3. Thân tâm đều xuất gia.

Trong số xuất gia cũng ba loại trình độ, tùy theo công phu tu trì mà đoán định.

1. Xuất thế tục: Đây là nói chung về các đệ tử xuất gia; các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni.

2. Xuất phiền não vô minh: Đây là nói về cảnh giới tu trì của quý vị đã xuất gia, tự mình tu tự mình biết chứng tới đâu, có điều xuyên qua tác phong nói, nín, động, tĩnh của mình, người ngoài cũng có thể biết được. Một cá nhân xuất gia tu tập thì mỗi ngày tập khí càng giảm thiểu, sự biểu hiện của tham, sân, si cũng bớt dần, như lời cổ đức nói: “Từng phần phá vô minh, từng phần chứng pháp thân”. Quý vị này đều tỏ ra cố gắng xông ra khỏi vô minh phiền não và hướng tới con đường Bồ-đề.

3. Xuất khỏi tam giới: Đây là mục tiêu tối hậu của người xuất gia và cũng là của hết thảy bảy chúng trên đường tu học Phật đạo. Mục tiêu đạt được chính là thời điểm đoạn trừ sanh tử một cách vĩnh viễn, rồi sau đó do nguyện lực của mình mà tự do đi về trong chín pháp giới để độ hoá chúng sanh, đạt được cái an lạc đệ nhất của người xuất gia.

Bồ-tát còn phát nguyện rằng tất cả chúng sanh có thể thoát ra ngoài sự trói buộc của gia đình, để nhập vào gia đình của chư Phật, tu học các pháp môn do Phật chỉ dạy, và siêng năng tu phạm hạnh. Bồ-tát lại nguyện rằng hết thảy chúng sanh từ bỏ hết tâm tham lam keo bần, biến thành tâm hoan hỷ ưa hỷ xả bố thí, lấy sự ban bố tài vật làm niềm vui, vĩnh viễn không sanh tâm thối chuyển. Lại nguyện cho hết thảy chúng sanh lìa những quan niệm về gia đình thế tục, không màng tới những gì gọi là thăng quan tiến chức, dương danh hiển thân, cùng những pháp thế gian về nối dõi tông đường, lại càng không tham đồ bất nghĩa, tích trữ đầy nhà, của quý đầy kho, những thứ đó đều là mầm mống sanh ra tai ương ác nghiệp. Người xưa nói: “Đa tàng tất hậu vong.” Chứa cho nhiều, mất càng thảm. Lại có câu: “Thân biên vô ái vật, tự vô phiền não sanh,” bên mình không có vật quý, phiền não vốn chẳng sanh. Người xưa nói quả là không sai, cuối cùng lúc ra đi cũng chỉ hai bàn tay không. Bồ-tát dạy cho chúng sanh nên bớt dục vọng, sống cho hồn nhiên trung thực, tự nhiên niềm vui sẽ phát sanh.

Bồ-tát lại nguyện hết thảy chúng sanh mau mau vượt ra ngoài phiền não do đời sống thế tục trói buộc, học Phật pháp tu hạnh thanh tịnh, để mai sau được hội nhập trong nhà của Phật, cùng ở với Phật một nơi. Lại nguyện hết thảy chúng sanh học được pháp cứu cánh viên dung vô ngại, loại trừ hết sự chướng ngại của các pháp ô nhiễm, và được thanh tịnh tự tại. Lại nguyện hết thảy chúng sanh, lìa khỏi tình cảm yêu thương của gia đình, tuy thân còn tại gia, nhưng lòng không còn chấp vào tình cảm quyến thuộc. Lại nguyện hết thảy chúng sanh, biết khéo léo khuyên răn và hướng dẫn những ai còn đắm đuối trong tình cảm gia đình, khiến họ hiểu được gia đình chỉ là một tổ hợp giả tạm do nhân duyên tạo nên để lòng họ bớt sự chấp trước. Bồ-tát nêu lên đạo lý về nhân sanh mà Phật đã giảng dạy để chỉ dẫn cho số người mê lầm không ra khỏi được các pháp thế tục về gia đình, khiến họ tin theo Phật pháp, tu học Phật pháp, minh bạch Phật pháp, không còn vướng mắc sự trói buộc của gia đình. Lại nguyện hết thảy chúng sanh, tuy thân còn gởi lại với gia đình, nhưng tâm thường tùy thuận theo trí huệ của chư Phật, thực hành làm việc

đạo, an trú trong bất động. Lại nguyện hết thấy chúng sanh, tuy nay chưa xuất gia, còn sống đời cư sĩ, nhưng tâm nguyện của họ đã đặt vào nơi chư Phật, và có thể phổ cập tới vô lượng vô biên chúng sanh, để tất cả đều phát tâm hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề rộng lớn. Đó là đại Bồ-tát trong hàng Bồ-tát, khi bố thí nhà cửa đã vì chúng sanh mà thực hiện hồi hướng thiện căn. Chính là mong cho chúng sanh thành tựu được những điều trong các đại nguyện của Bồ-tát, cùng với các loại thần thông và trí huệ.

(Lược trích từ Hoa Nghiêm Kinh Đệ Lục Hồi Hướng Giảng Từ)



LÒNG BỒ TÁT NHƯ LÒNG MẸ THƯƠNG CON

Quý vị thiện tín! Quý vị thử nghĩ xem làm Bồ-tát khó hay không khó? Bồ-tát sống trong cảnh giới thần thông, xả thân mình, lấy da thịt xương tủy của mình để làm của nội tài bố thí, cùng lấy thành trì, vợ con, các đồ bảy báu để làm ngoại tài bố thí, thì như vậy chẳng phải là việc dễ làm. Không nói rằng người đời coi chuyện chia xẻ tiền của cũng khó khăn chẳng khác cắt da thịt của mình, đàng này Bồ-tát lại còn tự nguyện xả thân mình cam tâm làm nô bộc cho người khác, cái đó mới thật là khó. Nếu bất cứ ở đâu chúng ta cũng không chiếm phần lợi về cho mình, mọi hành vi cử chỉ đều phát ra từ lòng từ bi, không phải từ các tâm tham, sân, si mà hoàn toàn vì lợi ích của người khác, thì đó là việc làm của các Bồ-tát sống. Cái này chẳng phải là dễ dàng hay sao? Nhưng, việc dễ như vậy mà có một số không muốn làm, việc khó càng không muốn làm. Quý vị nghĩ xem, Bồ-tát có đáng thương hay

không? Các Ngài phát trăm ngàn vạn lời nguyện lớn, xả hết các căn lành đầu, mắt, nảo, tủy, để hoàn toàn hồi hướng cho các chúng sanh, từng ngày từng khắc đều mong mỗi chúng ta nhận được lợi ích hồi hướng đó để thành Phật thành thánh. Vậy mà chúng ta vẫn còn thản nhiên vui hưởng trong nhà lửa tam giới, trong biển khổ thế gian, vậy thì quý vị thấy Bồ-tát vẫn quyết tâm, không thoái chí, vẫn làm việc cứu độ chúng sanh, giáo hoá chúng sanh, đem sanh mạng và tài sản bố thí cho chúng sanh, mang công đức căn lành để hồi hướng đến chúng sanh, với hy vọng chúng sanh được thành Phật, thành Thánh, thành Tổ.

Quý vị! Nếu quý vị đã từng làm mẹ, thì có thể thể hội được lòng dạ của Bồ-tát, cũng giống như sự ân cần, tha thiết, và tế nhị của các bà mẹ khi chiều lòng con cái. Ai làm mẹ cũng chẳng quản thân mình yếu ớt; khi phải lo cho con cái vẫn hết lòng hết sức, quyết dấn thân vì lợi ích của con mình. Trong thời kỳ thai nghén, người mẹ đã bắt đầu tính toán, xây mộng về đứa con tương lai với mọi điều tốt đẹp, nào là nó sẽ được đủ về thông minh tài trí hơn người, nào là nó sẽ làm cho vẻ vang dòng

họ, tổ tiên, vượt lên trên cả trăm vạn người khác. Đến khi đứa bé ra chào đời, nghe thấy tiếng khóc oe oe đầu tiên của nó, rồi thấy được mặt mũi nó bé nhỏ, đỏ hồng, thì ngay trong cái sát-na đau đớn phải chống trả trước sự hiểm nghèo thập tử nhất sinh, chỉ một tiếng khóc đó đã có thể xóa hết biết bao nhiêu hình ảnh gian khổ của người mẹ trong khoảng thời gian mười tháng mang thai. Sau đó, ngày tháng đắp đổi, ba năm bú mớm, bông bế chăm chút, sợ con khó nuôi, mới cầu thần bái Phật, đốt hương thỉnh nguyện, cầu cho nó không nạn không đau, mong nó sớm thành người. Tới lúc con trưởng thành, đứa con nào không phụ lòng cha mẹ thì một nhà hoan hỷ. Tuy nhiên cũng có đứa ngỗ nghịch bất hiếu, phạm thượng, hành hung tôn trưởng, gian tà, phạm pháp, để lụy cho cha mẹ. Ấy vậy mà, làm mẹ thì lúc nào cũng thương con, không thất vọng vì con, vẫn cứ coi con mình là hay, không thua con nhà khác. Quý vị! Lòng người mẹ như vậy đó! Lòng thương của Bồ-tát đối với chúng sanh cũng giống như vậy. Phật nói ơn cha mẹ khó đền đáp, vậy ơn của Bồ-tát đối với chúng ta làm sao có thể báo đáp trong muôn một? Mỗi

người trong chúng ta cũng phải từng giờ từng khắc ghi nhớ hai tầng ân đức này. Bất cứ kẻ tại hay xuất gia phải biết học tập từ bi làm đầu, và đối xử với người bằng tâm khoan hậu. Nếu các điều căn bản này mà không làm được, thì sợ rằng trên đại lộ Bồ-đề, không ai thấy vết chân của quý vị.

(Lược trích từ Hoa Nghiêm Kinh Đệ Thập Hồi Hướng Giảng Từ)



ZERO: ĐẠI QUANG MINH TẠNG CỦA TỰ TÁNH

Từ kiếp vô thủy cho đến nay, các chúng sanh cứ lưu chuyển trong vòng luân hồi, hết đi lên rồi đi xuống mà không ra khỏi vòng sanh tử, chẳng khác gì một hạt bụi nhỏ, phiêu dạt bất định, khi bay lên trên trời khi rơi xuống đất. Chúng sanh thì khi làm thân người, khi là a-tu-la, khi là thú, khi là quỷ đói, chẳng có sự bắt đầu và chẳng có sự chấm dứt.

Khi nào chúng quả thành Phật thì lúc đó mới thoát ly cái khổ của luân hồi. Khi chưa thành Phật thì vẫn còn phải luân chuyển trong vòng lục đạo. Hàng Bồ-tát vẫn còn phải vượt cái si mê “cách ẩm,” hàng la-hán còn si mê vì “thai trụ,” hàng pháp thân đại sĩ thị hiện ở thế gian, độ khắp chúng sanh, có lúc còn vương vào sanh tử, đầu óc hôn mê không biết đường ra khỏi.

Vô thủy tức là không có khai thủy – bắt đầu, vô chung là không có sự chấm dứt. Tỷ dụ như chữ Q, chữ này không có chỗ nào là chỗ

bắt đầu, và chỗ nào là cuối, nguyên nó là như vậy. Nếu cắt chữ O ra thì lúc đó nó thành chữ nhất (-), và chữ này có chỗ bắt đầu. Bắt đầu cái gì? Bắt đầu số mục. Đã có nhất là một, thêm một gạch nữa thành hai, lại thêm nữa thành ba. Cứ như vậy thêm nữa sẽ lên đến mười, rồi một trăm, rồi một vạn. Từ vạn đến ức, từ ức đến triệu, cho đến những con số vô cùng tận.

Bây giờ đương trong thời đại khoa học, mỗi ngày, mỗi tháng một khác, đổi thay rất nhanh theo độ gia tốc. Người ta dùng hỏa tiễn bắn vệ tinh lên không trung, cho vào quỹ đạo để chúng tự vận hành không ngưng nghỉ. Rồi phi thuyền này gặp gỡ phi thuyền kia trên không gian, đâu chẳng phải là sự diễn tiến từ sự bắt đầu của số mục? Phải dùng con số mới có thể tính toán, có tính toán mới có kỹ thuật ráp nối, và có con số tính toán mới có thể điều hợp các thời điểm ráp nối. Cứ phát triển số mục như vậy thì trong tương lai chẳng lúc nào chấm dứt.

Khi nào là lúc chấm dứt? Hiện tại không ai biết. Thời điểm chấm dứt thì phải chờ cho hết

bốn kiếp thành , trụ, hoại, không, tức là đến không kiếp. Thành là bắt đầu, không là chấm dứt. Kiếp thành có hai mươi tiểu kiếp, trụ có hai mươi tiểu kiếp, hoại có hai mươi tiểu kiếp, không có hai mươi tiểu kiếp. Tám mươi tiểu kiếp thành một đại kiếp. Đời sống của trái đất chỉ kéo dài trong thời gian một đại kiếp.

Trong số chúng sanh từ thời vô thủy, đàn ông có trước hay đàn bà có trước? Ta cứ cho rằng đàn ông có trước chẳng hạn, vậy nếu không có đàn bà thì lấy đâu ra đàn ông? Lại thí dụ đàn bà có trước, nếu vậy không đàn ông thì lấy đâu ra đàn bà? Vô thủy là như vậy, chẳng biết bắt đầu từ đâu.

Hoặc giả lấy thí dụ như gà có trước hay trứng có trước? Điều này cũng không ai nghĩ ra được, vậy rốt cuộc nó như thế nào? Ý nghĩa của nó có thể tóm tắt trong chữ O. Cho nên chữ O này, vốn không có bắt đầu, không có cuối, không ở trong không ở ngoài, không lớn không nhỏ. Thâu gọn nó lại, nó là một hạt vi trần, cho nó phình ra thì nó là một pháp giới, cho đến tận cùng hư không, khắp pháp giới cũng không vượt quá phạm vi của chữ O. Chữ

O là nguồn gốc của sự sanh hóa bất tận, nó là chân không diệu hữu của vô thủy và vô chung. Chữ O phóng đại ra là chân không, thu nhỏ lại là diệu hữu.

Chân không diệu hữu chính là chân không bất không sinh diệu hữu. Diệu hữu phi hữu không có chướng ngại với chân không. Không và hữu là chẳng phải hai, không tức hữu, hữu tức không, đó là nghĩa của trung đạo rốt ráo, và cũng là chân thật nghĩa của pháp Đại thừa.

Lúc vô thủy, chữ O này là chân không diệu hữu. Chân không chẳng phải là ngoan không, còn diệu hữu chẳng phải là thực hữu, mà lại viên dung vô ngại, là nghĩa của trung đạo không thiên lệch bên nào. Quý vị! Nếu ai hiểu rõ được đạo lý này thì hiểu được pháp chân thật. Người nào không hiểu thức là người hồ đồ, không phải là người có trí huệ chân chánh.

Đối với người khai ngộ, chữ đó là vô minh đại hắc ám. Vô minh cũng là cái O, mà trí huệ cũng là cái O. Chữ O có khi rất lớn, đến độ không có gì ở ngoài nó, đại nhi vô ngoại, có khi rất nhỏ, nhỏ tới độ không có cái gì ở trong

nó, tiểu nhi vô nội. Nói về lớn, không có gì lớn hơn nó; nó về nhỏ, không có gì nhỏ hơn nó. Chữ O này, nếu như lớn mà hoá, biến đổi vô hình, thì nó là nguồn gốc của thanh tịnh, tính chất của diệu chân như; như nó nhỏ mà ẩn tàng thì nó là một niệm vô minh lúc ban đầu. Đó là nghĩa của vô thủy.

Tại sao chúng sanh cứ luân hồi trong sanh tử? Bởi không thể hội được pháp chân thật. Do đó chư Phật thấy chúng sanh rất đáng thương, và vì thương xót chúng sanh nên mới phát tâm đại từ bi, xuất hiện nơi thế gian giáo hóa chúng sanh lìa khổ để tới cảnh an lạc. Phát tâm Bồ-đề, trên thì cầu Phật đạo, dưới thì hóa độ chúng sanh, tức là tu con đường giác ngộ vô thượng.

Chúng ta thọ quả báo trong sáu nẻo luân hồi bởi vì trong tâm chúng ta đã tạo nên những nghiệp, tạo nghiệp loại gì thì thọ nghiệp báo về loại đó. Nói rộng ra, nếu kiếp trước khởi vọng tưởng thuộc loại về các tầng trời thì có thể sanh trong cảnh giới trời; có vọng tưởng địa ngục thì đọa địa ngục. Nếu tạo nghiệp xấu, thì sanh vào ba nẻo ác. Nếu tạo nghiệp có công đức thì sanh vào ba nẻo thiện. Ấy là đại lược như vậy, nếu

muốn nói thật chi tiết thì nói tới kiếp sau cũng không hết.

Thế giới này là do vọng tưởng của chúng sanh mà cấu tạo nên. Nếu chúng sanh không có vọng tưởng, thì thế giới này là không. Cũng vì chúng sanh không thể hội được pháp chân như thật tướng, pháp chân không diệu hữu, nên thế giới mới tồn tại.

Pháp chân không diệu hữu chính là chữ O. Thế giới do chữ O mà có, chúng sanh do chữ O mà sanh. Hết thấy mọi thứ đều sanh từ chữ O, bởi lẽ chữ O không nằm trong số mục, nó phóng đại ra thì trọn cả lục hợp, nó co rút lại thì ẩn tàng. Đó cũng là cảnh giới của vô thủy vô chung, của cái không trong không ngoài, không lớn không nhỏ.

Pháp chân thật này chính là chân không diệu hữu. Chân không nhưng chẳng không, tại sao vậy? Bởi chân không có diệu hữu. Diệu hữu nhưng chẳng phải hữu, tại sao? Bởi nó có chân không. Cho nên có câu: *“Chân không chẳng chướng ngại diệu hữu, diệu hữu không chướng ngại chân không.”* Tất cả ý nghĩa trên

mang lại đáp số cho các vấn đề nam trước hay nữ trước, gà có trước hay trứng có trước. Chỉ có chữ O mới trả lời thẳng vào các vấn đề nan giải như đã nói trên.

Tại sao chân không lại có thể sanh ra diệu hữu? Nó hiển hiện ra hết thảy mọi thứ? Trong khi đó diệu hữu chưa từng rời khỏi chân không? Cảnh giới thuộc loại này không phải ai cũng tới được, trừ phi đã được khai ngộ pháp môn tâm ấn tâm của chư Phật.

Loại pháp chân thật này vốn đã sẵn có trong tự tánh, chẳng cần phải tìm kiếm đâu ở bên ngoài. Nếu cứ kiếm bên ngoài thì cả tám vạn đại kiếp kiếm cũng không ra. Như biết hồi quang phản chiếu thì ngay đó là nó, cho nên mới có câu: *"Biển khổ không bờ, quay đầu là bến."* Nói một cách đơn giản, nếu chạy ra ngoài tìm kiếm thì đó là biển khổ không bờ. Nếu biết quay vào trong, dụng công trên tự tánh của mình thì ngay đó, quay đầu thấy bến.

Chúng ta từ sớm đến tối, xuôi ngược điên đảo, đuổi theo các vọng duyên, rong ruổi chạy theo sáu trần, bởi không hiểu diệu pháp chân thật. Trong khi ấy tại cõi Tịnh độ Thường Tịch

Quang, chư Phật trong tứ thế kiết-già, nhìn khắp hết thấy các chúng sanh, thấy chúng sanh quá ngu si, rất là đáng thương, suốt ngày chấp đông chấp tây, lấy khổ làm vui mà không biết quay về đường giác, không biết dùng cái giả để tu cái thật, không biết bỏ vọng quy chân, không biết quay về cái chính mình. Bởi vậy từ trong định, chư Phật rủ lòng từ bi, thị hiện tới các thế giới hữu duyên để chỉ vẽ cho chúng sanh sự mê lầm và dạy chúng sanh mau quay đầu về bến giác. Rất tiếc chúng ta đã đuổi theo vọng duyên mà không nhận ra pháp chân thật. Phật thuyết pháp vì lòng thương xót chúng ta, giáo hóa chúng ta mà không nhằm chán, nhưng chúng ta đã vì ngu si không chịu nghe lời, chẳng những không y pháp tu hành, mà còn chùn bước thoái lui, không theo những lời chỉ dạy vàng ngọc. Phật lại còn nghĩ ra các biện pháp chạy theo chúng ta, chặn bước chân những chúng sanh cứng đầu bướng bỉnh, cố làm sao điều phục những kẻ khó giáo hóa. Đó là lý do mà Phật đã thị hiện tại thế gian.

Pháp chân thật này không bao giờ bị phá hoại, thiên ma ngoại đạo không có cách gì phá

hoại nó. Tại sao? Bởi chánh pháp vốn kiên cố như kim cương bất hoại. Nếu có thể hoại được nó thì nó chẳng phải là pháp chân thật.

Loại đại tự tại đại quang minh này có thể thị hiện khắp hết thế gian. Đại tự tại tạng là pháp liễu sanh thoát tử, phá trừ vô minh, là pháp môn có thể hiển hiện ánh sáng của pháp tánh.

Quý vị! Nếu quý vị không tin, hãy thử cho biết. Sẽ tới lúc mà quý vị không thể không tin, không tin rồi cũng sẽ tin, bởi pháp nó là như vậy, chẳng có cách gì mà không thể tin được!

Cái đại quang minh tạng này vốn tự mình có sẵn, không phải do người khác bố thí cho mình, mà cũng không phải do chư Phật đã ban cho. Đại quang minh tạng chính là thật tánh chân như. Nếu tu pháp chân thật này, thức a-lại-da (thức thứ tám) sẽ chuyển thành trí Đại viên kính, tức là dứt đường sanh tử. Nếu như không tu hành nghiêm chỉnh, các hạt giống trong a-lại-da sẽ tùy theo nhân duyên mà chuyển thành sanh, sanh mãi bất tận, không có hạn kỳ, như vậy sẽ không giải thoát được.

(Trích giảng từ Phẩm hai mươi bốn, Kệ Tán Cung Đâu Suất, Kinh Hoa Nghiêm)

BẠN ĐỒNG “THAM” PHẢI ĐỒNG VIÊN NHAU TU

Những người có căn lành sâu dày, tới chỗ nào họ cũng làm điều thiện. Châm ngôn của họ là vi thiện tối lạc, lấy việc thiện làm điều vui, và thường xuyên họ đĩnh ninh ghi nhớ. Trái lại, những kẻ có nghiệp chướng sâu dày lại thường ham nghe những chuyện bất thiện, những chuyện trái đạo lý, mà họ cho là mẩu mực để noi theo. Thảng hoặc có những thiện tri thức chỉ bảo cho họ những điều hay lẽ phải, họ cũng bỏ ngoài tai, nhưng đối với lời xúi dục của các ác tri thức bảo họ làm những điều không hợp lý thì họ lại nghe theo. Tại sao vậy? Bởi những gì hợp lý thì đi ngược lại tâm tưởng của họ, còn những gì bất hợp lý lại đáp ứng đúng ý muốn của họ. Bệnh của hạng người này là như vậy.

Nói chung bất cứ ai, cứ xem kỹ họ ham thích thứ gì là chúng ta có thể biết được căn tánh của họ ra sao. Kẻ lười biếng thích nghe người ta nói về các mảnh lời lười biếng. Người

tinh tấn lại ham nghe những câu chuyện về công phu tinh tấn tu hành. Có trường hợp người ta không chịu tinh tấn tu hành, chỉ chờ dịp để lười biếng cầu được an thân, nhưng bên cạnh các bạn đồng tham tu hành tinh tấn, họ cũng bị ảnh hưởng mà tinh tấn theo. Cũng có trường hợp người ta vốn tinh tấn nhưng vì ảnh hưởng các bạn xung quanh mà biến thành giải đãi. Bởi vậy đạo hữu cùng tham thiền với nhau phải động viên cho nhau, khuyến khích nhau để tất cả cùng tinh tấn hướng tới mục tiêu – đó là phát đại Bồ-đề tâm, tu đạo vô thượng giác, cùng chứng thánh quả Bồ-tát.

Người xưa nói rằng: *Cư lân tất trạch, giao hữu tất thận*, láng giềng ắt phải chọn, bạn chơi ắt phải thận trọng. Chọn bạn chúng ta cũng phải tìm nơi bạn tốt, chớ không thể giao du bừa bãi với hạng gian manh. Nếu không sẽ theo cùng với những kẻ hạ lưu làm chuyện xấu xa để thân bại danh liệt, vô phương cứu vãn, cuối cùng phảiọa địa ngục. Đó là một điều nguy hiểm vô cùng, không thể không thận trọng!

Tại đạo tràng, tệ hại nhất là không chịu tu hành, đáng quý nhất là sự nghiêm chỉnh tu tập.

Ai không tu thì tương lai kẻ đó bị đi xuống; ai tu hành thì tương lai sẽ đi lên. Người ta nói: “*Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt,*” nên chúng ta tu tập ở đạo tràng, phải từng giờ từng khắc thận trọng, phải dẹp bỏ những ý nghĩ tà tri tà kiến giống như những hạng đầu cơ chỉ biết mảnh lời để an thân. Tu hành phải dựa vào công phu thật sự của mình, thì mới có giá trị chân thật, tức là khai mở trí huệ. Nếu công phu chẳng chân thật, thì chẳng có gì là thành tựu được, bất kể kẻ đó là ai.

Tại đạo tràng, ai giải đãi, ai tinh tấn, người tinh tấn trông thấy hết. Người nào giải đãi sẽ không có hy vọng gì thành tựu, bởi lẽ người đó không để tâm vào tu hành. Giả sử lúc đó có người khác phụ họa theo thì rất là tai hại. Người thiện tri thức không chiều theo thị hiếu người khác, mà sẵn sàng phê bình sửa sai khi nhận thấy người nào làm sai trái. Giữa bằng hữu với nhau cũng vậy, nếu thấy bạn làm sai quy củ, vẫn phải dùng lời lẽ hơn thiệt để khuyên răn, mong cho bạn cải tà quy chánh. Người ta nói: “*Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng,*” đó mới đúng là bốn phận đối với bằng

hữu, chớ không phải thương bạn mà để cho bạn mê lầm không nhận ra chân lý. Chúng ta tất cả cùng nhau tu hành, nên động viên nhau, khuyên bảo nhau, chớ không tỏ lòng đố kỵ ngăn trở nhau. Điều đó phải ghi nhớ! Từ nay về sau sẽ không bao giờ mắc lại thứ tệ bệnh này, nếu không tất cả sẽ bị đọa cùng với nhau xuống địa ngục.

Trách nhiệm của chúng ta đối với bằng hữu chính là khuyên làm lành, tránh điều quấy. Thấy bạn sai lầm, cố gắng khuyên can, để bạn sửa đổi, chớ không phải hùa theo để cho bạn làm điều sai trái, khiến mỗi ngày mỗi sa đọa. Quý vị cùng là sư huynh sư đệ với nhau, như trong một gia đình, phải nên chiếu cố cho nhau. Ai làm điều gì sai với giới luật, phải thành khẩn khuyên nhủ để bạn trở về quy củ. Nếu chẳng được như vậy thì bạn đồng “tham” có ý nghĩa gì? Là đọa hữu, chẳng phải là kết bè với nhau để lừa gạt nhau, có những tư tưởng đó là sai lầm vô cùng.

Chúng ta là người tu hành nên đối xử thực thà với nhau, khuyên nhau làm điều lành, đi theo đường chánh đạo quang minh, và không

thể dung túng những chuyện gian dối. Như thói xấu chuyên nịnh hót, nói theo người, đều có tác dụng tai hại. Khi không, người ta đâu dám bạo gan làm những điều quá ư phóng túng, phá bỏ quy củ. Bởi ta a dua theo, kết bè với họ, họ cho là có chỗ nương tựa nên mới dám hoành hành ngang ngược, coi thường nhân quả, đó là một điều thương tâm. Các bạn đồng tham phải giúp đỡ nhau trên đường tu hành, động viên nhau hướng tới đạo Bồ-đề, chớ không phải là anh lôi kéo tôi, tôi kéo anh cùng nhau đi xuống, làm tổn hại nhau, như vậy chẳng phải là giúp nhau.

Các bạn đồng “tham” phải giúp đỡ nhau như thế nào? Bằng cách nói chuyện kinh sách với nhau, cùng nhau nghiên cứu lẽ đạo. Anh có chỗ không hiểu rõ, tôi đến nói chuyện với anh; tôi có điều này chưa minh bạch, anh đến chỉ điểm cho tôi. Chúng ta cùng nhau nghiên cứu, học tập kiên thành. Xin nhớ kỹ chỗ này! Tránh cái gì phi lễ nghĩa! Mắt không nhìn, tai không nghe, miệng không nói, thân không làm những gì phi lễ nghĩa! Tại các cửa lục căn, phải kiểm soát vọng tưởng, phải thường xuyên, từng giờ từng khắc khắc thân nhiếp thân tâm, tiêu trừ tạp

niệm. Tiêu trừ cách nào? Rất đơn giản, chỉ cần tu giới định huệ, dập tắt tham sân si.



TU ĐẠO PHẢI HỌC PHÁP CƠ BẢN

Trong Phật giáo có hiển giáo và mật giáo. Hiển giáo tức là giáo lý minh hiển, ai có tâm Bồ-tát, tu đạo vô thượng đều có thể thành Phật. Mật giáo là giáo lý bí mật, nói cho anh thì tôi không biết, nói cho tôi thì anh không biết, anh và tôi không biết nhau. Hiển giáo chủ trương minh tâm kiến tánh, mật giáo chủ trương tức thân thành Phật. Nói chung, kiếp trước chúng ta đã từng gieo căn lành nên kiếp này mới có cơ hội tu học Phật pháp. Kiếp này tinh tấn tu hành, hy vọng kiếp sau sẽ đạt thành lợi nguyện.

Trong hiển giáo có chia ra Đại thừa và Tiểu thừa. Tiểu thừa cũng gọi là Nhị thừa, tức Thanh văn thừa và Duyên giác thừa. Đại thừa

là Bồ-tát thừa. Nay xin giới thiệu tóm tắt các pháp của ba thừa để quý vị mới tu học tham khảo.

I. Pháp Tứ đế của hàng La-hán

Thanh văn, hai chữ này nghĩa là nghe lời thuyết giảng của Đức Thích-ca về pháp Tứ đế mà ngộ đạo (thanh là thanh âm, văn là nghe). Thanh văn hay quả A-la-hán, gồm bốn quả vị. Thứ nhất là sơ quả a-la-hán, quả này đã đoạn trừ kiến hoặc của tam giới, nhập vào “dòng pháp tánh của thánh nhân, nghịch với dòng lục trần của phàm phu;” quả này còn phải chịu bảy lần sanh tử nữa.

Quả thứ nhì a-la-hán thì đã đoạn trừ kiến hoặc của tam giới, cũng đoạn trừ luôn sáu phẩm đầu về tư hoặc của tam giới. Quả này phải chịu hai lần sanh tử nữa, một lần sanh ở tầng trời, một lần ở thế gian.

Quả thứ ba a-la-hán thì đoạn trừ được ba phẩm sau về tư hoặc của lục giới, và hãy còn một lần sanh tử nữa, nhưng không sanh vào tầng dục giới mà sanh vào các tầng sắc giới hay vô sắc giới.

Quả thứ tư a-la-hán thì đoạn trừ hết tám mươi mốt phẩm tư hoặc của tam giới, không còn bị sanh tử nữa; nói cho đúng là không bị phân đoạn sanh tử, nhưng vẫn còn trong biến dịch sanh tử.

Hàng Thanh văn tuy gọi là ngộ đạo, nhưng ngộ đạo cũng có loại nông sâu khác nhau, có loại rốt ráo có loại không rốt ráo, nghĩa là trình độ không đồng đều. Pháp tu của hàng Thanh văn là khổ, tập, diệt, đạo. Quán về khổ thì hết thấy là khổ. Khổ chia ra tam khổ và bát khổ. Pháp tu của họ là đoạn tập, mộ diệt, tu đạo (đoạn tập khí, mền mộ Niết-bàn và tu đạo). Ba yếu tố này liên quan mật thiết với nhau, như khổ thì sanh ra phiền não và có phiền não thì phải đoạn trừ. Đoạn trừ như thế nào? Phải đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc và các phiền não lâu nay tích tụ lại. Phải hãm mộ pháp Niết-bàn, tức bốn tánh của nó là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh (Niết-bàn tứ đức). Từ bến sanh tử qua dòng phiền não để đến bờ bên kia, là cả một quá trình tu tập ba mươi bảy phẩm đạo mới thành công được. Trong các pháp này có bát chánh đạo, gồm:

1. Chánh kiến,

2. Chánh tư duy,
3. Chánh ngữ,
4. Chánh nghiệp,
5. Chánh mạng,
6. Chánh tinh tấn,
7. Chánh niệm,
8. Chánh định,

Những pháp này chung cho cả Đại Tiểu thừa.

II. Pháp quán Thập nhị nhân duyên của Bích-chi Phật

Bích-chi Phật có hai loại là Độc giác và Duyên giác.

Khi Phật không xuất thế, có người tự mình giác ngộ, tại nơi hang sâu núi thẳm ngồi tĩnh tọa, xem hoa nở mùa xuân, thấy lá vàng rơi mùa thu mà ngộ đạo, loại này gọi là Độc giác. Khi có Phật xuất thế, có người quán Thập nhị nhân duyên mà giác ngộ, thì loại này gọi là Duyên giác. Đầu tiên là quán vô minh. Vô minh là gì? Là không sáng suốt một thứ gì, nói cho vắn vể một chút là ngu si, còn nói thẳng ra chính gốc nó là tâm dâm dục, cái tâm khiến

cho con trai cầu con gái, con gái cầu con trai. Hỏi anh, hỏi chị tại sao muốn như vậy, thì, hoặc đáp rằng tôi thấy cô ấy xinh đẹp, hoặc đáp anh ấy đẹp trai. Lại hỏi tại sao yêu cô (anh) ấy, cái dễ thương của cô (anh) ấy ở chỗ nào? Hỏi tới hỏi lui, chị hay anh đều không biết. Đã không biết mà còn cứ chạy theo, đó chính là vô minh, một sự kỳ quái, chẳng ai hiểu nổi. Không ai hiểu nổi mà sao vẫn phải chui đầu vào. Tại sao vậy? Bởi vì con người vì sắc dục mà sanh ra đời, do đó cũng phải chết vì sắc dục, đúng với câu nói:

Sanh ngã chi môn tử ngã hộ

Kỷ cá tô tình kỷ cá ngộ?

Dạ lai thiết hán tự tư lương

Thành Phật tổ Tổ do nhân tổ.

Dịch nghĩa là: Cửa mà ta vào đời cũng là cửa ta ra khỏi cuộc đời, mấy ai sống tỉnh, mấy ai ngộ? Kẻ hạo hán đêm nằm suy nghĩ; thành Phật hay làm Tổ sư cũng là người cả (người làm nên).

Phật hay Tổ sư cũng từ người tu tập mà thành. Ai sanh ra như thế nào, thì chết cũng như vậy. Chẳng nguyên cớ dứt luân hồi,

chẳng nguyện dứt đường sanh tử, mà ngược lại, nguyện thuận theo dòng đời mà lưu chuyển, chẳng nguyện đi ngược dòng sanh tử, bởi vậy mới có vô minh.

Sau vô minh thì đến hành vi. Hành vi gì? Là hành vi thuộc về tính nam và nữ. Bởi không sáng suốt nên tạo nghiệp, rồi điên đảo. Từ sự điên đảo nên phát sanh ra hành vi, hành vi phát ra rồi bèn có thức. Có thức rồi (cùng tinh cha huyết mẹ tạo thành thai nhi) thì có danh, sắc (danh thuộc tâm lý, sắc thuộc sinh lý). Sau danh sắc có lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Có đủ sáu căn, sau mười tháng thì ra đời, và từ lúc này có xúc – cảm giác của sự tiếp xúc, biết phân biệt lạnh, nóng, cứng, mềm. Cảm xúc gây ra tác dụng lãnh thọ, và lãnh thọ trong thuận cảnh làm thành khoái lạc, nếu nghịch cảnh thì gây thành thống khổ, như vậy tùy lúc, tùy trường hợp mà có cảm tình yêu ghét. Có tâm lãnh thọ rồi sẽ có tâm ái. Có ái thì ắt có tâm riêng tư chiếm hữu cho mình. Con người tham luyến ái của cải, nữ sắc, mới có dục vọng. Có tâm ái tức sẽ kiếm mọi phương cách để lấy về (thủ), làm của riêng, tức là hữu. Vì mục đích phải đạt cho được nên có khuynh

hướng không từ bỏ bất cứ phương tiện nào, do đó mà tạo thành ba nghiệp không thanh tịnh, tức là các nghiệp về thân, khẩu và ý.

Bởi tạo nghiệp nên có quả thọ sanh kiếp sau, rồi lại tới lão, tử và chúng sanh cứ như thế mà tiếp tục lưu chuyển không thể dứt, không cách gì ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Muốn vượt qua sanh tử, đầu tiên phải đoạn trừ vô minh. Giải quyết được vô minh thì không còn cái gì để sanh ra mười một nhân duyên sau nữa, đó là phương pháp chân chánh để đoạn trừ sanh tử.

Người tu hành phải đoạn trừ ái và dục, mới có thể giải quyết chuyện sanh tử của mình, nếu không, tu cho hết các kiếp vị lai cũng không giải thoát được. Phá cái gốc vô minh đi, thì đoạn trừ được dâm dục, lúc đó không còn dục vọng, không còn phiền não, đó là giải thoát.

Xuyên qua pháp Độc giác, người tu đạo phải sống cô độc, không nên có bằng hữu, kết bè đảng. Có câu nói: *"Quét hết mọi pháp, ly hết mọi tướng,"* phá trừ hết thấy mọi thứ chấp trước, mới có thể giải thoát được. Nếu đi tu mà

còn sợ cô độc, thì chưa tu được. Tu đạo phải tự mình đứng lên, không theo mọi người, đó mới là bản sắc của người tu.

Người tu phải nhớ cho kỹ, không thể hoà mình với các phần tử ô nhiễm, để vàng thau lẫn lộn, cái đó chỉ khiến cho mình bị đọa. Người tu cũng phải tự mình giải quyết cho mình, ai ăn người ấy no, chớ không thể nhờ cậy vào người khác. Lẽ dĩ nhiên, người tu cũng cần có thiện tri thức khai sáng cho, dẫn cho ta vào đường ngay, nếu không thì người mù dẫn người mù, không tìm ra lối.

Người tu đạo phải biết nhẫn những điều khó nhẫn, nhường kẻ khác những gì người khác không nhường được, ăn những thứ người khác không ăn được, mặc những thứ người khác không muốn mặc, nói tóm lại người tu phải ráng chịu đựng những gì người khác không chịu nổi. Người tu phải giữ giới, giữ quy củ, nếu chẳng như vậy chẳng phải là người tu.

III. Pháp tu Lục độ của hàng Bồ-tát

Chữ Bồ-tát là tiếng Phạn, nói cho đủ là Bồ-đề tát-đỏa, dịch nghĩa là giác hữu tình hay

hữu tình giác. Giác là giác ngộ, hữu tình là chúng sanh; vậy danh từ trên có nghĩa là giác ngộ hết thấy chúng sanh hữu tình, và còn nghĩa nữa là một vị giác ngộ trong số hữu tình. Chúng sanh hữu tình đạt được giác ngộ, rồi dùng trí huệ giác ngộ độ hết thấy chúng sanh đi đến giác ngộ và đây cũng là nghĩa của hữu tình giác.

Bồ-tát là tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác tha, nghĩa là lợi mình lợi người, độ mình độ người, giác ngộ cho mình giác ngộ cho người. Mình đã được sáng suốt, lại dẫn người khác sáng suốt, mình đã được giải thoát, lại nguyện dẫn người khác đến giải thoát. Đó là tinh thần Bồ Tát. Tâm lượng của Bồ-tát thì rộng mở, không giống như tâm tưởng của hàng A-la-hán, như trong câu: *“Ma-ha-tát bất quản tha, Di-dà Phật các cố các,”* Ma-ha-tát cũng mặc, Di-dà Phật cũng mặc. Tâm tưởng của Bồ-tát là từ bi, *“vô duyên đại từ, đồng thể đại bi,”* một lòng cho chúng sanh, không nhằm chán lo sao hết thấy chúng sanh được an lạc là khổ ách.

Bất kể tu pháp môn nào, chúng ta cần phải dụng công một cách chân thật, đừng ham

đi tắt, đi mau, để cố chọn cách nào cho hay, cho dễ, đó chỉ là những hành vi mảnh lỏi. Người tu cần phải tu thật sự, chớ không phải ngày nay tu, ngày mai nghỉ, không bao giờ thành tựu được gì, mà phải ngày ngày dụng công, ngày ngày cố gắng tinh tấn, mới hòng có được kết quả. Nói cho ngay, ngày ngày dụng công, mà tiến bộ cũng chưa hẳn là được bảo đảm. Người ta nói: *"Tu đạo như đang bách xích can, hạ lai dụng dị thượng khứ nan,"* tu đạo giống như leo cái sào cao trăm thước, đi xuống thì dễ, lên thì mới khó.

Thế nào gọi là lục độ?

1. Bố thí,
2. Trì giới,
3. Nhẫn nhục,
4. Tinh tấn,
5. Thiền định,
6. Trí huệ.

Bố thí độ tham lặn, trì giới độ phạm lỗi, nhẫn nhục độ giận hờn, tinh tấn độ lười biếng, thiền định độ tán loạn, trí huệ độ ngu si. Phạm những ai phát Bồ-đề tâm, hành đạo Bồ-tát đều phải tu sáu pháp môn này; khi công đức viên mãn thì tới được bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).

1. **Bố thí:** Lấy tiền tài và pháp cho người thì gọi là bố thí. Bố thí có ba loại: một là tài thí, hai là pháp thí, ba là vô úy thí. Tài thí còn chia ra nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu, mắt, não, tủy. Ngoại tài là thành trì, đất nước và vợ con. Như thân thể của mình, bất cứ bộ phận nào trên thân này, đem ra cho những ai cần tới; đất nước của mình, vợ đẹp con khôn của mình, cũng mang ra bố thí cho người khác, nội tài cũng bỏ, ngoại tài cũng bỏ, như vậy gọi là chân bố thí. Chân bố thí là bỏ những cái của mình mà tạo công đức lành, gọi là “tùy hỷ công đức,” đó là tài thí.

Pháp thí là đem Phật pháp bố thí, như giảng kinh thuyết pháp, in kinh, lưu hành kinh sách, phiên dịch kinh điển, những loại công đức như vậy. Như chúng ta nếu không lười biếng cầu an, thì có thể lấy pháp bố thí. Nếu không đủ sức lực về trí huệ thì chúng ta lấy sức lao động ra bố thí, như bỏ sức ra làm những việc giúp người khốn cùng, cái đó cũng coi là pháp thí. Tóm lại, có tiền thì giúp tiền, có sức lực thì giúp đỡ bằng sức lực, để cống hiến một phần đóng góp của mình cho công cuộc phát triển chung của Phật giáo.

Vô úy thí là giúp đỡ những ai đương trong trạng huống sợ hãi, hoặc bị hoàn cảnh bức bách, ăn ngủ không an. Lúc đó điều cần thiết là làm sao giúp họ tìm ra con đường sáng, khiến cho họ thoát khỏi sự sợ hãi, có thể bằng những lời an ủi, hoặc bằng sự can thiệp để giải quyết thẳng vấn đề gây ra sợ hãi.

Biết bố thí tức là không có lòng tham lận. Tham lận là keo bẩn, không dám xả bỏ một thứ gì. Người ta nói: “Có xả thì lại có, không xả không có.” Quý vị hãy coi trên thế giới bao nhiêu người giàu có, bao nhiêu tài phiệt, vì có gì họ có nhiều tiền như vậy? Bởi vì kiếp trước họ chịu bố thí, giúp đỡ kẻ khác trong cơn nghèo khó, nay công đức tích tụ lại nên trong kiếp hiện tại họ được hưởng sự giàu có.

Lúc xưa, Tổ sư Đại Ca-diếp, mỗi khi đi khất thực thường đến các nhà nghèo để hóa duyên. Vì lý do gì vậy? Tổ sư cho biết: “Đối với những người nghèo, cần phải dạy họ hạnh bố thí. Cho họ cơ hội gieo ruộng phước (phước điền) để kiếp sau họ được hưởng quả báo giàu có.” Tôn giả Tu-bồ-đề lại chuyên đến các nhà giàu để hóa duyên mỗi khi đi khất thực. Tại

sao? Lý do của Tôn giả như sau: “Đối với người giàu, ta phải làm sao giúp họ tiếp tục gieo căn lành. Nếu không thế, phước báo của họ sẽ giảm đi và kiếp sau sẽ chịu cảnh nghèo hèn. Nếu họ vẫn cúng dường Tam bảo, thì phước báu của họ sẽ mãi mãi không hết.” Hai vị Tôn giả vừa kể, mỗi người một ý khác nhau, thành mỗi người có một phương pháp riêng để giáo hóa chúng sanh. Tóm lại, khi nào không có ý đồ gì cho mình tức là chân bố thí.

2. Trì giới: Người tu hành quyết phải nghiêm trì giới luật. Giới là năm giới:

(A) Không sát sanh. Người không sát sanh thì được quả báo về sự trường thọ, ít ốm đau.

(B) Không trộm cướp. Quý vị không lấy trộm đồ của kẻ khác thì kẻ khác sẽ không lấy trộm đồ của quý vị. Đó là luật vay trả của nhân quả.

Bồ-tát-Văn-thù-sư-lợi có một đôi giày, một hôm Bồ-tát nói với mọi người như sau: “*Từ thời vô lượng kiếp, ta chưa từng lấy của ai một cọng cỏ, một cái cây, một cây kim, một sợi chỉ. Cho nên, ta có thứ gì cũng chẳng ai dụng*

tới. Nếu không tin, ta hãy để đôi giày này ngoài cửa thành, trong ba ngày, nếu có ai lấy mất thì điều này sẽ chứng minh ta nói dối.” Quả nhiên, ba ngày sau đó, đôi giày vẫn còn nguyên ngoài cửa thành. Như vậy, chúng ta thấy sự trì giới trộm cướp của Bồ-tát thanh tịnh biết là dường nào!

(C) Không tà dâm. Người tu hành không thể có niệm tà dâm, tức là ý tưởng dâm dục. Nếu còn chút niệm dâm dục, thì quyết không bao giờ vượt khỏi tam giới, vẫn phải lưu chuyển hoài hoài trong luân hồi sanh tử, vì niệm dâm dục chính là gốc rễ của sanh tử. Nếu đoạn trừ được nó, thì mới có thể ra khỏi tam giới mà chứng quả Phật. Bởi vậy người tu hành nhất định phải dứt hết ý tưởng dâm dục. Làm sao dứt được? Trước hết là không nên ăn những thứ giàu chất dinh dưỡng, bởi lý do bốn thân người tu không thiếu chất dinh dưỡng, cho nên không cần tiêu nạp thêm dinh dưỡng nữa. Ăn nhiều, lòng dục nhiều; chất bổ dưỡng nhiều, tức sanh những ý niệm dâm dục. Muốn không có ý dâm thì phải tiết chế vấn đề ẩm thực, không ham ăn ngon, không ham ăn nhiều, phải luyện tập sao đủ duy trì sanh mạng là được rồi,

đó là bí quyết của người tu. Nếu không chúng ta mang các món ngon gồm sơn hào hải vị để cúng cho cái đền thờ ngũ tạng, thì đâu quả là cái họa dẫn tới phá giới về dâm dục.

(D) Không nói dối. Không nói thì thôi, nếu nói ra thì phải nói những lời chân thật, tuyệt đối không nói dối gạt người. Bất luận ở trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng phải nói lời thật thà, thường xuyên kiểm soát lời nói của mình, để không nói dối.

(E) Không uống rượu. Người tu hành không thể uống rượu (kể cả những loại độc dược, chất ma túy, thuốc hút). Lý do là rượu có tác dụng làm mất lý trí, khiến cho người ta không kiểm soát được tình cảm, tạo ra những nghiệp điên đảo. Thuốc độc hại cũng có tác dụng là cho đầu óc mơ hồ, tức là mất chánh tri chánh kiến. Đó là sự tai hại của rượu và thuốc hút.

Vạn Phật Thánh Thành là một nơi cống hiến nhiều phương tiện giúp người tu đạo. Nếu không có tâm tham thì sẽ không có khổ. Nếu không tranh, tranh danh, tranh lợi, tranh tài, tranh sắc, chẳng tranh thứ gì, thì sẽ không có

phiền não. Nếu không cầu, không cầu điều gì, thì sẽ không có vọng tưởng. Dục vọng của con người không bao giờ dừng lại, càng cầu càng nhiều. Nếu đạt được trình độ “không cầu không lo” thì an lạc biết chừng nào! Như trong câu: “Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.” Nếu không tự tư, lo cho riêng mình, thì bất cứ hành động gì cũng là lo cho người khác. Nếu không tự tư, thì hết thấy mọi thứ đều hướng về lợi ích của người, không phải lợi ích cho mình, và dụng công như vậy để tu đạo thì tương lai sẽ chứng thành Phật quả.

Quý vị phải theo các pháp đó mà dụng công tu hành! Đừng bỏ gốc theo ngọn, chạy đi kiếm, nào diệu pháp nào mật pháp. Càng tìm kiếm pháp càng xa, nghĩa là “bội đạo nhi tri”, quay lưng với nhà đạo mà chạy. Pháp đương ở trước mắt mình, hà tất quý vị bỏ cái gần gũi chạy đi kiếm cái xa xôi? Nếu biết thì ngay đó, chỗ nào, lúc nào cũng là diệu pháp, cũng là mật pháp. Nếu chẳng chịu tu, thì dù có kiếm đâu đâu cũng không có được chân pháp, chỉ phí thời giờ mà không mang lại điều gì hữu ích.

Cổ đức nói:

*Nhân thân nan đắc kim dĩ đắc
Phật pháp nan văn kim dĩ văn
Thử thân bất hưởng kim sinh độ
Cách hưởng hà sinh độ thử thân?*

Dịch nghĩa là: Thân người khó được nay đã được. Pháp Phật khó được nghe, nay được nghe. Kiếp này chẳng lo độ cho thân này. Vậy đến kiếp nào mới độ thân này?

Nay chúng ta có được thân người, nếu không mượn thân này mà tu thì còn chờ tới khi nào nữa? Chờ tới khi mất kiếp mang thân người, lúc đó muốn tu thì đã muộn rồi. Chúng ta phải tu thực sự, tu nghiêm chỉnh, với tất cả sự gần bó thiết tha, tâm trạng phải khẩn trương như thể thân mình dưới đáy vực, như tâm tình của kẻ dò từng bước chân trên lớp băng mỏng. Sanh tử chưa liễu thì đâu còn thời giờ cho sự lười biếng ngủ nghỉ; khi chưa khai ngộ thì bất cứ ai cũng không có quyền tùy tiện buông thả, bỏ hết quy củ. Chẳng giữ giới luật tức là phản lại quy chế của Phật. Khi sửa soạn vào Niết-bàn, Phật nói với các đệ tử như sau:

“Sau khi ta nhập niết-bàn, tất cả đệ tử của ta phải lấy Ba-la-đề mộc-xoa (tức giới) làm thầy.”

Nếu không nghiêm trì giới luật thì làm gì có được sự thành tựu! Chúng ta quyết giữ tròn quy củ từng giờ từng khắc, không thể cười cười nói nói, tác phong không thể cầu thả, càng không thể tùy tiện, bạ đâu làm đó, phải lấy giới là thầy của mình.

Người đời tạo nên ác nghiệp chung quy vì không giữ giới. Không giữ giới luật thì việc gì cũng không từ, chẳng sợ nhân quả, chẳng sợ báo ứng. Thậm chí còn cho rằng nhân quả báo ứng là không có, nên tha hồ phóng túng làm điều càn rỡ, tạo nên nghiệp ác, như tùy tiện sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, hết thấy đều không kiêng dè, tạo nên bao nhiêu nghiệp tội, rồi cuối cùng lãnh đủ quả báo.

Tại sao người ta tạo nên nghiệp ác? Do sự dẫn dụ của xã hội trong lớp vỏ hào nháng bề ngoài. Thấy người ta giàu sang, sống đời hưởng thụ, liền sanh lòng ham muốn tham lam. Có biết đâu rằng sự phú quý đó là do sự tu tạo của người ta mà có, còn người tham thì chẳng chịu tu, không hề gieo căn lành, chỉ một lòng nghĩ quấy muốn được hưởng thụ. Từ lòng ham

muốn hưởng thụ nên chẳng từ một mảnh lỗi nào để chiếm đoạt, do đó mà sanh ra nghiệp tội. Khi đã gây nghiệp, thì chẳng những không được hưởng thứ gì mà còn lãnh đủ quả báo, thậm chí khi bị quả báo mà vẫn không biết hối lỗi. Không có tâm hổ thẹn đã đành, còn đem lòng oán trời trách người, nói nào trời không công bằng, nào người không công bằng, đổ hết tội lỗi lên đầu người khác. Những loại người như vậy, không biết phản tỉnh, không biết xét mình, thật đáng thương xót!

Người trì giới thì “chư ác bất tác, chúng thiện phụng hành,” còn người không trì giới thì đi ngược lại. Thiện ác là ở chỗ đó. Làm trái quy củ, gạt bỏ nhân quả, không tin Tam bảo, phá hoại Đại thừa – đó là những nghiệp tội gây ra bởi sự không trì giới. Xem như vậy thì ta thấy trì giới là quan trọng như thế nào. Người tu hành, bất luận tu ra sao, nếu không trì giới, thì miễn bàn, vì như vậy không hy vọng thành đạo được.

3. **Nhẫn nhục:** Bất cứ lúc nào, tại bất cứ nơi nào, đều phải giữ hạnh nhẫn nhục. Đối với bất cứ ai, về bất cứ việc gì, đều phải nhẫn nại.

Nhẫn nhục nghĩa là không nóng giận, không sanh tâm phiền não. Bất luận trong hoàn cảnh nào, phải giữ tâm không chấp trước và thuận với tự nhiên.

Nhẫn có ba loại:

❖ **Sanh nhẫn:** Dù gặp thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất cứ lúc nào cũng không động tâm. Được như vậy nhờ có định lực. Nếu đạt tới trình độ như như bất động, liễu liễu thường minh, thì công phu nhẫn nhục đã tới được trạng thái lô hỏa thuần thành (lò lửa mà xanh rờn).

❖ **Pháp nhẫn:** Học Phật pháp thì phải có tâm nhẫn nại: Không phải vừa nghe nói Phật pháp rất rộng mà đã than rằng Phật pháp rộng như biển, thì học đến đời nào mới xong? Rồi vì đó mà nản chí, pháp nào cũng không chịu học. Thật ra, chẳng kể pháp môn nhiều hay ít, ta hãy nhẫn nại, cứ học dần dần. “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,” phải như vậy đó! Đừng nghĩ rằng kinh điển có tới ba tạng mười hai phần kinh, pháp môn thì tính cả tám vạn bốn ngàn, rồi từ đó chẳng học pháp môn nào, bỏ luôn cơ hội để thành Phật. Đây là sự

biểu hiện của tâm không có pháp nhãn. Đúng ra phải có tinh thần như sau: Chẳng kể pháp môn có nhiều hay ít, có thể học được bao nhiêu thì học bấy nhiêu, có thể hiểu được chừng nào thì hiểu chừng ấy, phải hết sức mà theo, không làm một cách miễn cưỡng. Không ai bảo ta phải học tập hết, không bảo ta phải hiểu hết vậy có gì mà phải hãi sợ? Nếu chẳng học tập, bỏ pháp không thương tiếc để cam tâm đọa lạc thì thật là đáng tiếc lắm thay!

❖ **Vô sanh pháp nhãn:** Không thấy có pháp sanh, không thấy có pháp diệt, trong tâm là nhãn, đối cảnh vô tâm, đối pháp vô tâm, tức là chứng được vô sanh pháp nhãn. Pháp là chẳng sanh chẳng diệt, Phật là chẳng sanh chẳng diệt. Chúng ta tu hành đến chỗ viên mãn, được giải thoát, tức là tới chỗ chẳng sanh chẳng diệt, do đó mà cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Pháp môn nhẫn nhục dùng để khảo nghiệm công phu nhãn của ta ra sao. Người tu đạo, không phải chỉ riêng có khả năng nhãn, mà còn trong những trạng huống không thể nhãn được, mà cũng nhẫn chịu được, đó mới gọi là chân nhãn nại.

4. **Tinh tấn:** Nghĩa là không giải đãi, không lười biếng. Người tu đạo phải thường xuyên tinh tấn, từng giờ từng khắc dụng công. Ngày tinh tấn, đêm cũng tinh tấn, ngày đêm sáu thời đều tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, tuyệt đối không giải đãi, cũng không phải khi thì hăng hái khi thì chán nản.

Người thế gian phần đông đều không có tinh thần tích cực, thường dễ lãng phí thời gian. Mỗi cá nhân, từ sáng sớm, bắt đầu từ lúc ngủ dậy, đã tắt tưở ngược xuôi cho đến tối, cốt lo cho đủ ba bữa ăn. Nếu chỉ có vậy thì giá trị cuộc sống chẳng có bao nhiêu, ý nghĩa cuộc sống cũng chẳng có gì, sống cũng như chết chẳng có gì phân biệt. Đúng là “hành thi tẩu nhục,” chỉ là cái thân và đồng thịt đi lại. Quý vị hãy nghĩ thử! Chúng ta sống để làm gì? Để dùng trí huệ của chúng ta giúp đỡ những ai không có trí huệ; lấy sức của chúng ta giúp đỡ những ai không có sức; lấy sáu căn đầy đủ của chúng ta giúp đỡ những ai mà sáu căn không toàn vẹn. Chúng ta không những phải thương các chúng sanh đồng loại, còn phải thương cả chúng sanh không cùng chủng loại.

Chúng ta sáng suốt trước, phải giáo hóa những ai không sáng suốt, để họ đừng làm chuyện hồ đồ. Để phục vụ chúng sanh mà chúng ta sống ở đời. Ôi! Tinh thần đó quả là vĩ đại!

Tâm tinh tấn, để cầu Phật đạo; thân tinh tấn để cứu độ chúng sanh. Người tu đạo phải tinh tấn như vậy đó! Còn như tinh tấn để tự tư, tinh tấn để tự lợi, thì không thể thành Phật đạo. Quý vị hãy nhớ cho kỹ! Không thể tùy tiện để cho thời gian trôi qua một cách vô vị, cũng không nên có mặc cảm và thừa nhận rằng chúng ta không thể tới đích, mà phải hiểu ý nghĩa: “một phần cày cấy, một phần thu hoạch.”

Người tu hành không bàn tới sự thoải mái, không nói tới hưởng thụ, chỉ chuyên tâm tu một cách dưng mãnh, tinh tấn, đối với ai cũng hết sức tích cực không bao giờ tỏ ra tiêu cực. Cũng không tham đồ hưởng thụ, mà phải gánh vác gian lao, vì Phật giáo mà nỗ lực. Bởi vậy, Kim Sơn Thánh Tự là cái tử lạnh, Vạn Phật Thánh Thành là cái kho băng. Tử lạnh thì nhỏ, kho băng thì lớn. Tu hành trong kho băng, phấn chấn tinh thần, dẫn đầu mọi người, chớ

không phải tụt lại phía sau. Nếu như ngay tại đạo tràng mà lưỡi biếng thì bao nhiêu công đức đều tiêu ma. Tà tri tà kiến là một thứ tội lỗi, biết rõ mình sai quấy mà còn tìm đường để biện hộ thì thật là một điều không thể khoan thứ được. Có tà tri tà kiến chỉ vì thiếu tinh tấn, bao nhiêu thời gian quý báu hóa ra đã được dùng để nuôi vọng tưởng!

Tinh tấn, tức chẳng phải bảo quý vị ăn cho tinh tấn. Khi ăn thì ăn nhiều hơn mọi người, khi công tác thì làm thua mọi người! Tinh tấn đây, chẳng phải bảo quý vị ngủ cho tinh tấn. Người ta chưa đi ngủ, quý vị đã đi ngủ trước, người ta đã tỉnh dậy, quý vị tỉnh dậy sau cùng! Cũng chẳng phải bảo quý vị tinh tấn cầu danh, tinh tấn cầu lợi. Tinh tấn thật sự là tinh tấn phát tâm đại Bồ-đề, tinh tấn hướng tới đạo vô thượng Bồ-đề. Quý vị phải tinh tấn cho đúng chỗ, chớ không thể tùy tiện mà chỉ tinh tấn cái gì lợi cho mình, đó là một sự lầm lẫn rất lớn. Về điểm này, chúng ta hãy nhận định cho rõ kéo lại di hận suốt đời.

5. **Thiền định:** Tiếng Phạn là thiền-na, dịch nghĩa là tĩnh lự. Tĩnh là lặng lẽ, dừng lại, lự là

tư lự. Tĩnh lự là lắng lại các vọng tưởng của ý thức, khôi phục sự thanh tịnh vốn có của chân tâm. Thiền-na còn được dịch là tu tư duy; tư duy nghĩa là tư tưởng, tư tưởng đình chỉ lại gọi là định. Thiền là tiếng Phạn, định là tiếng Hán, đó là một danh từ ghép lại từ hai chữ gốc Phạn và Hán.

Vọng tưởng của chúng ta, niệm niệm dời đổi, niệm niệm kế tục không ngừng, nếu chẳng phải là thiện niệm thì là ác niệm; chẳng phải chánh niệm thì lại là tà niệm, hai thứ đối chọi nhau. Như vậy bên trong đã có chiến tranh, thì tất sẽ ảnh hưởng ra bên ngoài, thành chiến tranh giữa người với người, giữa nhà nọ với nhà kia, giữa nước nọ với nước kia, thậm chí giữa thế giới này với thế giới kia, giữa tinh cầu này với tinh cầu kia. Nói rộng ra nữa, giữa hệ ngân hà này với hệ ngân hà kia cũng có thể có chiến tranh. Phân tích cho thật kỹ, chiến tranh phát sinh là do vọng tưởng của chúng ta tạo thành. Vọng tưởng đó là các niệm, “niệm khởi bách sự thành, niệm chỉ vạn sự vô,” hoặc như cổ đức có câu: “Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý, tư dục đoạn tận chân phước điền,” rõ rệt là như vậy, ấy là do kinh nghiệm mà nói.

Tại sao chúng ta khởi lên vọng tưởng? Bởi vì cái “ngã” nó tác quái. Có ngã mới sanh ra ý niệm tự tư. Có tự tư nên có tự lợi, hai cái này đều là hạng lang sói ngang nhau, chúng là cặp bài trùng. Bởi có tự tư và tự lợi nên mới sanh tâm cầu. Khi có cầu, lòng tham liền nảy sanh, và theo sát nó là tâm sân, theo sát sân là si, chúng cứ theo nhau không rời một bước. Chính chúng là những thứ gây nên phong ba bão táp, làm mịt mù mây khói, bày ra một cục diện hết sức hỗn độn hồ đồ, khó có thể cứu vãn.

Chúng ta là kẻ tu hành phải lắm sao ngăn chặn các tâm tranh, tâm tham, tâm cầu, tâm tự tư (ích kỷ), tâm tự lợi, tâm nói dối, không thể để chúng hoạt động tự do. Lúc đó, trí huệ hiện tiền, hào quang của nó chiếu sáng tiêu hết vô minh và hắc ám, tức là trạng thái minh tâm kiến tánh, mục đích tu hành của chúng ta.

Tĩnh lực chính là lắng dừng tạp tâm, tư duy tu tức là niệm niệm không rời, không quên tham cứu. Như tham một câu thoại đầu, thì từng giờ từng khắc tham, không có giờ nào, khắc nào mà không phải đương tham. Thoại đầu không phải dùng để niệm mà dùng để

tham. Tỷ như tham câu “niệm Phật là ai?”, chính là tham cái chữ “ai.” Rốt cuộc là ai đó? Kiểm cái “ai.” Khi nào kiểm được “ai” thì khi đó ngộ đạo. Nếu kiểm chưa ra, cũng không vì vậy mà nhụt chí, cứ tiếp tục cố gắng kiểm mãi. Khi kiểm được “ai,” thì trong không còn biết tới thân và tâm này, ngoài chẳng biết tới thế giới nữa, tất cả đều là không.

Cuối cùng cái không cũng không còn, vậy thì còn chấp vào đâu nữa? Lúc đó hốt nhiên quán thông hết cả, đại triệt đại ngộ, nước chảy đá hiện ra, thấy tận bản sắc của mọi sự vật. Nhớ kỹ điều này! Đừng để xảy ra cảnh giữa đường mà bỏ cuộc, không chịu tiến lên, mà phải dần bước đi tới, miệt mài công phu cho đến chỗ sơn cùng thủy tận, lúc đó một sự chuyển mình xảy ra, đưa hành giả về tận nơi quê hương muôn thuở.

Tham thiền chính là “tham” cái gốc rễ của sanh tử. Hốt nhiên gốc rễ bị đoạn trừ, hành giả liền bước qua ngưỡng cửa sanh tử để đi về tự tại. Trong lúc tham thiền, dầu cho gió nổi mưa rơi, hành giả vẫn chuyên nhất một tâm, tập trung hết tinh thần vào “tham” chữ “ai.” Công

phu đầy tới cực điểm thì sẽ tiến tới cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh. Đó là lúc tà tri tà kiến lần khuất để nhường chỗ cho chánh tri và chánh kiến xuất hiện. Đó là công năng của tu thiền, diệu dụng của nó thật không thể nghĩ bàn.

Mỗi cá nhân chúng ta đều có vô lượng vô biên vọng tưởng. Vọng tưởng lao xao giống như các hạt bụi trong hư không: lúc bình thường mắt ta không thấy, nhưng khi có ánh sáng mặt trời xuyên qua thì ta thấy rõ từng hạt bụi, thấy chúng hốt nhiên bay lên, hốt nhiên bay xuống, không có gì nhất định. Vọng tưởng của chúng ta cũng vậy, chúng ta không quan sát chúng được, nhưng với ánh sáng của Phật pháp chiếu soi, chúng sẽ lộ hết nguyên hình. Có vọng tưởng thì phải làm sao? Phải cần quét chúng cho sạch. Dùng phương pháp gì? Dùng thiền định. Công phu thiền định sẽ giúp ta thanh toán vọng tưởng. Tu thiền định cần phải có tinh tấn và nhẫn nhục giúp đỡ. Sau đó thì cần có bố thí, trì giới giúp thêm nữa mới có thể hoàn thành được sứ mạng. Những thứ này đều phải hỗ trợ cho thiền định, thì hành giả mới có thể thâm nhiếp thân tâm, mà không khởi lên

vọng tướng. Tuy là sáu món, lục độ, nhưng chúng có quan hệ liên đới với nhau, cái nọ phải hỗ trợ cho cái kia mới được.

Người tu đạo phải có con mắt trạch pháp, biết rõ cái nào là thiện pháp, cái nào là ác pháp. Điểm này phải nắm cho vững. Đối với pháp thiện thì “chúng thiện phụng hành,” với pháp ác thì “chư ác mạc tác.” Nếu không phân biệt rõ, thì phải trái không minh bạch, tức là trái với đạo. Làm sao để có con mắt trí huệ trạch pháp? Điều cốt yếu là tọa thiền tu định, dụng công tới chỗ cực điểm thì tự nhiên trí huệ hiện tiền. Có Diệu quan sát trí thì cái gì cũng phân biệt được.

6. Trí huệ: Đầu tiên là trì giới, sau đó tu định. Có thiền định mới có trí huệ chân chánh. Phàm những ai thành tâm tinh tọa tham thiền, trí huệ của họ phần đông đều có chánh tri và chánh kiến. Người không dụng công tham thiền, ngồi tĩnh tọa chỉ là lấy lệ, họ cũng có chút ít trí huệ, nhưng phần đông là tà tri tà kiến. Tại sao? Bởi thiếu cơ sở của trí huệ. Tà tri tà kiến là trí biện thông của thế gian, chánh tri chánh kiến chính là Phật tri Phật kiến.

Có cách gì để phân biệt hạng tà tri tà kiến. Có sáu tiêu chuẩn sau đây:

A. Trước hết thử xem người nào đó có tâm tranh danh tranh lợi hay không. Dụng công cho danh lợi, lại tham tài tham sắc, tham lam không biết chán.

B. Để ý xem họ có tự “đánh bóng” cho họ không? Họ có tự mình xưng tán không? khoa trương mình không?

C. Họ có hạ giá người khác để đề cao thân phận của họ không? Đối với những hạng này, chẳng cần hỏi cũng biết, nhất định là hạng tà tri tà kiến.

D. Lại xét xem họ có tham cầu gì không? Nói về người xuất gia thì mỗi ngày ăn một bữa, nhưng cũng có người không theo quy điều này, tự động đến tiệm để mua thức ăn. Người đó đương có dục niệm về ăn, vậy dục niệm về sắc chắc cũng không bỏ được. Cứ nghĩ cũng biết, những hành động đó đều là vị kỷ. Nói chung, phạm là vị kỷ tức đã có sự tham cầu.

E. Sau đó thử xem họ có tâm tự tư tự lợi không?

F. Xem thử họ có thích nói dối không? Nếu có, họ thuộc về hạng tà tri tà kiến, không còn nghi ngờ gì nữa.

Lấy sáu tiêu chuẩn trên để trắc nghiệm có thể biết người nào đó có chánh tri chánh kiến, hay thuộc hạng tà tri tà kiến. Nói tóm lại, nếu hết thấy mọi thứ đều kéo về cho riêng mình, thì đó là hạng tà tri tà kiến. Nếu hết thấy đều vì hạnh phúc của đại chúng thì người đó có chánh tri và chánh kiến.

Muốn nhận ra thật minh bạch sáu điều kiện này, thì phải có con mắt trí huệ biết trạch pháp. Do định mà trí huệ phát sanh, có trí huệ rồi mới tin chân lý. Hợp chân lý thì theo, không hợp chân lý thì vô luận người nói đó là ai cũng không đáng tin. Có câu: “Thị đạo tắc tiến, phi đạo tắc thoái.” Chớ nên theo mù quáng, chớ nên tu mù quáng, nếu không chẳng những không có ích mà còn có hại.



THẾ GIỚI TÔN GIÁO ĐẠI ĐỒNG, KHÔNG NÊN PHÂN TRANH

Tôi đến nước Mỹ để hoằng dương Phật pháp, để cứu chúng sanh lìa khổ tới chỗ an vui, cho nên ngày ngày giảng kinh thuyết pháp, để quý vị khai mở trí huệ, hiểu lẽ nhân quả báo ứng, một sự thật trăm vạn lần đích xác. Hãy nhớ kỹ, không thể đi sai nhân quả, nếu không ắtọa địa ngục, vĩnh viễn không lấy lại được thân người. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa giảng cho quý vị về lợi ích của nghe kinh. Nghe kinh để hiểu chân lý một cách minh bạch, đạo lý nào chưa hiểu sẽ được sáng tỏ. Hiểu rồi, lúc đó mới theo pháp mà tu hành và đạo được sự an vui chân chánh. Tuân tự theo bốn bước Tín, Giải, Hạnh, Chứng mà tiến tới sẽ có cơ đạt tới cứu cánh.

Chúng ta nếu hiểu được vấn đề này, ắt phải coi trọng Phật giáo, ắt phải ủng hộ Phật giáo, khiến Phật giáo mỗi ngày một lớn mạnh huy hoàng. Kế tục huệ mạng của Phật giáo chính là trách nhiệm của Phật giáo đồ.

Bất cứ tôn giáo nào cũng nhằm vào hạnh phúc của chúng sanh, chớ không gây sự phiền hà. Đối với bất luận tôn giáo nào chúng ta cũng không mang thanh kiến, không bao giờ phê phán các tôn giáo khác là không cao minh bằng Phật giáo. Chúng ta phải lấy câu “đạo tịnh hành, bất tương bội” làm nguyên tắc, phải nghiên cứu ý nghĩa các thứ tôn giáo, để biết chỗ nào là sở trường chỗ nào là sở đoản, chọn lấy cái gì hay để phát huy, để noi theo, nếu không sẽ bị thời gian đào thải.

Có người hỏi tôi: “Ông thuộc tôn giáo nào?” Tôi bảo tôi thuộc tôn giáo của chân lý, tôn giáo của người, tôn giáo của chúng sanh, tôn giáo của đại chúng. Bởi chúng sanh là người, người có thể thành Phật, cho nên Phật giáo là tôn giáo của người, tức là tôn giáo của chúng sanh.

Phật giáo bao trùm cùng tận hư không, khắp các pháp giới. Chúng ta phải nhận rằng hết thảy mọi thứ tôn giáo đều nằm trong Phật giáo, là một bộ phận của Phật giáo. Có điều, các tôn giáo họ không thừa nhận như vậy, đó là chuyện riêng của họ, chúng ta bất tất phải

bàn đến. Điều cần là chúng ta hãy mở rộng bao la cái tâm lượng của chúng ta, bao quát cả vạn hữu. Tận hư không, biến pháp giới, đều là sự biểu hiện của chân lý. Xin quý vị lưu ý cho! Từ nay về sau chúng ta sẽ không phân biệt tôn giáo này tôn giáo kia. Họ phân biệt nhưng chúng ta không phân biệt, phải có lòng như vậy mới có sự vui vẻ mọi đảng, nếu không, “ông nói ông hay, bà nói bà hay,” cùng nhau tranh luận, chẳng hay ho gì. Chân lý là không sợ thử thách, khoa học càng tiến bộ càng chứng minh rõ chân lý của Phật giáo. Người ta thường nói: “Vàng ròng không sợ lửa lò”, càng luyện càng sáng nước, càng đẹp mắt.



NƠI CHÁNH PHÁP TRỤ THỂ

Nước sông Ni-la vẫn chảy hàng ngày; Vạn Phật Thánh Thành vẫn hàng ngày giảng pháp. Bởi nguyện cho chánh pháp trụ thể, nguyện chuyển thời mạt pháp trở thành chánh pháp cho nên ngày ngày phải giảng kinh thuyết pháp không có lúc nào là ngưng nghỉ. Để tiếp tục huệ mạng Phật, để hoằng dương Phật giáo cho huy hoàng, để cho pháp âm truyền bá khắp thế giới, khiến cho đông đảo chúng sanh được nhiều lợi lạc, mà Vạn Phật Thánh Thành phải đứng ra làm Phật sự, nhận lãnh trách nhiệm này. Do đó Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của chánh pháp trụ thể.

Phàm những ai trú tại Vạn Phật Thánh Thành đều phải có thiện căn thâm hậu, nếu không sẽ không trú được chỗ này. Có được hoàn cảnh tốt đẹp như vậy, ắt chúng ta phải cố gắng tu đạo, dụng công làm việc đạo. Phải ráng chịu khổ, chịu cực, phải có tâm khí không lay chuyển, phải có ý chí sắt đá, mới đủ khả năng gánh vác việc đạo, và hoằng dương chánh pháp tại các nơi, cải thiện lòng người, đó là sứ mạng của Phật giáo đồ vậy.

Có người do đức hạnh chưa đủ, thiện căn còn mỏng, nên sau khi đến Vạn Phật Thánh Thành thì ngày ngày chất đầy vọng tưởng, thấy ở đây quá khổ sở, mỗi ngày ăn một bữa, cơm nước đạm bạc, công khóa nặng nề, quy củ nghiêm ngặt, tự cảm thấy không chịu nổi và cuối cùng không qua được thử thách, bèn đổi ý không ở nữa, phải bỏ nơi thanh tịnh này.

Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng chuyển bánh xe chánh pháp tại Tây phương, không có ngày nào mà ở đây không dụng công. Mưa to gió lớn cũng vẫn dụng công làm việc đạo, không bao giờ gián đoạn. Người có đạo tâm, đến đây thì cảm thấy đúng là chỗ họ phải tới, còn người không có đạo tâm đến Vạn Phật Thánh Thành như cảm thấy như ngồi trên tấm thảm đinh, không lúc nào an ổn. Cùng một nơi mà hai cảnh giới, chẳng qua vì thiện căn khác biệt, có nông có sâu.

Người ở Vạn Phật Thánh Thành đều có khả năng chịu khổ chịu cực, ai ai cũng phát Bồ-đề tâm, vì đều là những Phật giáo đồ chân chánh. Ngày ngày họ chiến đấu với gian khổ, vì pháp quên mình. Người chuyên về phiên

NƠI CHÁNH PHÁP TRỤ THỂ

Nước sông Ni-la vẫn chảy hàng ngày; Vạn Phật Thánh Thành vẫn hàng ngày giảng pháp. Bởi nguyện cho chánh pháp trụ thế, nguyện chuyển thời mạt pháp trở thành chánh pháp cho nên ngày ngày phải giảng kinh thuyết pháp không có lúc nào là ngưng nghỉ. Để tiếp tục huệ mạng Phật, để hoằng dương Phật giáo cho huy hoàng, để cho pháp âm truyền bá khắp thế giới, khiến cho đông đảo chúng sanh được nhiều lợi lạc, mà Vạn Phật Thánh Thành phải đứng ra làm Phật sự, nhận lãnh trách nhiệm này. Do đó Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của chánh pháp trụ thế.

Phàm những ai trú tại Vạn Phật Thánh Thành đều phải có thiện căn thâm hậu, nếu không sẽ không trú được chỗ này. Có được hoàn cảnh tốt đẹp như vậy, ắt chúng ta phải cố gắng tu đạo, dụng công làm việc đạo. Phải ráng chịu khổ, chịu cực, phải có tâm khí không lay chuyển, phải có ý chí sắt đá, mới đủ khả năng gánh vác việc đạo, và hoằng dương chánh pháp tại các nơi, cải thiện lòng người, đó là sứ mạng của Phật giáo đồ vậy.

dịch thì suốt ngày cặm cụi, chẳng vì danh hay vì lợi. Nay đương thời pháp hội Hoa Nghiêm, buổi tối nào cũng có khóa giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (pháp sư Hằng Thật chủ giảng), chưa có lúc nào ngưng nghỉ. Đó chính là hiện tượng chánh pháp trụ thế.

Có người đến Vạn Phật Thánh Thành bèn có cảm tưởng quen thuộc như khi trở về nhà của mình, không muốn bỏ đi nơi khác. Ấy cũng vì Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của chánh pháp, là nơi pháp hỷ sung mãn. Vị thân sinh của một vị tu ở đây (Liêu cư sĩ) đã từng nói như sau: “Người đến Vạn Phật Thánh Thành này, xấu đến đâu cũng thành tốt. Muốn xấu lại cũng không được nữa.” Phải là người đã từng trải trong xã hội, mới có những nhận định như vậy, thật là đáng quý!

(Từ ngày 3 đến ngày 9 tháng 4 năm 1982, tại
Điện Vạn Phật)



NIỆM KHỞI TỨC GIÁC, GIÁC RỒI TỨC KHÔNG

Người nào trụ tại Vạn Phật Thánh Thành nhất định phải thật lòng tu đạo, từng thời từng khắc phải hồi quang phản chiếu, kiểm thảo thân tâm mình, coi có phạm vào năm giới cơ bản là sát, đạo, dâm, vọng, tửu chăng? Phải cẩn thận giữ giới, từng giờ từng khắc, phải khẩn thiết tu và lấy chuyện của hai vị hành giả tam bộ nhất bát, ba bước một lạy, để làm gương học hỏi. Từng thời từng khắc quý vị này tự xét về mình, không để vọng tưởng dấy lên. Cũng có lúc vọng tưởng đến, nhưng họ tỉnh ngộ tức thì, biết là sai, bèn thâu hồi ngay vọng tưởng. “Niệm khởi tức giác, giác rồi tức không,” khi đã giác, đã biết, thì chẳng có gì nữa.

Tại sao có vọng tưởng? Bởi chưa phá được cánh cửa của cảnh giới sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Do đó mắt bị sắc trần ô nhiễm, tai bị thanh trần mê hoặc, mũi bị hương trần dụ, lưỡi bị vị trần sai khiến, thân bị xúc trần làm say đắm, ý bị pháp trần động, tất cả đều bị điên đảo bởi sáu trần. Nếu như tâm giác ngộ thì có thể lấy ra được

gốc rễ của vọng tưởng. Nếu tâm không bị sáu trần làm cho rối loạn thì chứng được sơ quả A-la-hán.

Người chứng được sơ quả, mắt thấy sắc nhưng chuyển được sắc trần, tai nghe âm thanh nhưng chuyển được thanh trần, và cũng như vậy đối với các căn khác. Câu nói “bất nhập thanh hương vị xúc pháp” là nghĩa không hề bị một trần nào dao động. Lúc đó, danh không lay chuyển được, lợi không lay chuyển được; đối với hết thấy mọi thứ, lòng không bị động, cũng như ý nghĩa câu: “Nhân quan hình sắc nội vô hữu, nhĩ thính trần sự tâm bất tri,” tức là mắt nhìn hình sắc nhưng bên trong không có gì, tai nghe chuyện mà tâm không hay biết. Có câu: Na-già thường tại định, vô hữu bất định thời, không có lúc nào mà ngoại vật làm cho tâm dao động, không có khắc nào bị mê hoặc trước ngoại cảnh.

Khi nào đạt được cảnh giới này vẫn phải nỗ lực dụng công, không thể giải đãi. Nếu có chút lười biếng, căn bệnh cũ lại tái phát, cho nên người tu đạo, phải tiếp tục gắng gỏi, dũng mãnh tinh tấn, chỉ biết tu hành, không

sanh vọng tưởng, đó mới là cách dụng công chân chánh.

Có người ở đây không dụng công tu hành, chỉ làm theo người khác. Đó chỉ là sự a-dua. Thấy người ta niệm Phật mình cũng niệm Phật. Tại sao phải niệm Phật? Không biết. Thấy người ta lạy Phật, mình cũng lạy Phật, rồi cũng không biết vì sao mà lạy. Cho đến tụng kinh, trì chú, ngồi thiền, đại khái không hiểu nghĩa lý gì hết. Hồ đồ như vậy, đúng là “thực bất tri kỳ vị,” quả là uổng phí thời gian. Tu đạo như vậy, thật đáng thương!



TỘI NGẬP TRỜI, SÁM HỐI THÌ TIÊU

Sám hối là cơ hội để kẻ phạm giới biết hối lỗi và sửa đổi. Có câu:

*Tội tông tâm khởi tương tâm sám
Tâm nhược diệt thời tội diệt vô.
Tâm vong tội diệt lưỡng câu không.
Thị tắc danh vi chân sám hối.*

Dịch nghĩa: Tội từ tâm khởi, lấy tâm sám hối. Tâm mà diệt thì tội cũng không. Tâm quên, tội diệt, hai thứ đều không. Đó gọi là chân sám hối.

Sám hối xong, thì vĩnh viễn không tái phạm. Nếu sám hối rồi cứ phạm tội, lại sám hối lại phạm tội, thì chỉ là trò đùa của con nít, chẳng có ích lợi gì. Sám hối phải cho trịnh trọng, không phải cứ nói hai chữ sám hối trước mặt mọi người rồi tức khắc nghiệp tội sẽ tiêu ma. Không phải đơn giản như vậy, chỉ có kẻ si ngốc mới nghĩ lầm lẫn theo lối đó. Sau khi sám hối phải lập lời thệ nguyện: “Mọi sự từ trước coi như đã chết theo với ngày hôm qua, từ nay về sau mọi sự coi như đổi mới”, và sau này

tuyệt đối không tái phạm, phải như vậy tội nghiệp mới có thể tiêu được.

Nếu sám hối mà không có thành tâm và thiện ý, thì tội không hết mà còn nặng thêm nữa. Tại sao? Biết giới mà phạm giới, tội thêm một bậc. Nếu tội gia tăng đến cực điểm, tức bị đọa vào địa ngục vô gián để chịu vô lượng thứ khổ, muôn đời không chuyển được thân, rất là nguy hiểm. Quý vị! Phải thành thật nhận lỗi của mình, và hết lòng sửa đổi. Mau mau hối cải những điều lỗi xưa, chớ không phải làm cho qua loa như trò chơi của con trẻ. Tôi ở đây không phải để họa theo quý vị để đùa rồn dàu! Phải hiểu rõ như vậy!



NƠI QUY Y CỦA CÁC TÍN ĐỒ TÔN GIÁO THẾ GIỚI

Vạn Phật Thánh Thành là nơi phát tích của Phật giáo thế giới, và cũng là nơi Phật giáo thế giới trở về nguồn. Kinh Hoa Nghiêm có nói: “Không có cái gì mà không phải từ Pháp giới này lưu xuất, không có cái gì mà không trở về với Pháp giới.” Một gốc tỏa ra hàng vạn ngọn ngành, vạn ngọn ngành lại trở về gốc, nên Vạn Phật Thánh Thành là nơi trở về của các tín đồ Phật giáo trên toàn thế giới. Chẳng kể họ thuộc Phật giáo, hay Thiên Chúa giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, ai đến chẳng ngăn, ai đi chẳng giữ, ai muốn đến cứ việc đến, ai muốn đi thì cứ đi, Vạn Phật Thánh Thành vĩnh viễn để cửa ngõ rộng mở.

Chữ “Vạn” của Vạn Phật Thánh Thành, nói lên ý nghĩa nhiều vô lượng. Vạn Phật Thánh Thành không sợ người đông, cũng không sợ người ít. Nay thì đã có vạn vị Phật quang lâm nơi Bảo Điện, trong tương lai các nhân sĩ tôn giáo thế giới cũng sẽ quang lâm Vạn Phật Thánh Thành, cho nên đã có sự trù liệu cho

trai đường chứa tới cả ngàn người. Hiện nay trai đường chỉ đủ chỗ cho năm trăm người cùng thọ trai một lúc, do đó khi có pháp hội lớn thường xảy ra hiện tượng không có chỗ để thọ trai (bởi quá ngộ không ăn). Bởi vậy, cần phải xây cất trai đường để có thể chứa khoảng hai ngàn người.

Công trình kể trên vẫn còn là nhỏ, tiếp theo sẽ có một công trình lớn. Trong chương trình thiết kế đương có dự tính xây cất Hoa Nghiêm Chánh Pháp đường, có thể chứa cả mười ngàn người nghe pháp, làm nơi tu đạo của vạn người. Lại có dự định kiến tạo Đại Hùng Bảo Điện cùng ngôi Bảo Tháp, với một cái hồ lớn để phóng sanh. Công trình của Vạn Phật Thánh Thành khai sơn tịch địa, làm nơi trở về nương tựa cho tất cả đồ chúng của tôn giáo thế giới.

Có người bảo: “Thưa pháp sư! Mở rộng theo cách ấy, thì kinh phí lớn lắm à! Có phải như vậy sẽ nhằm vào bọn cư sĩ chúng tôi để hóa duyên không?” Quý vị yên tâm! Từ trước tới nay tôi chưa hề hóa duyên ai, quý vị đừng sợ. Nếu không tin, cứ tùy tiện, kéo sau này lại

trách cứ. Ai không sợ lập công đức thì cứ ủng hộ Vạn Phật Thánh Thành. Tôi xin nói thẳng với các vị, tôi nói tôi làm chuyện gì thì tôi sẽ làm chuyện đó, tuyệt đối không nói suông. Ai sợ bị hóa duyên, thì xin rời khỏi Vạn Phật Thánh Thành sớm một chút, còn tôi, thì tôi nhất định kiến tạo một nơi cho đồ chúng của tôn giáo thế giới trở về nương tựa.



NHẤT NIỆM VÔ MINH TỨC ĐẠO LUÂN HỒI

Người trên thế gian đều ở trong cảnh sống mê chết mộng, không có lúc nào tỉnh ngộ để tìm ra lối thoát khỏi luân hồi. Từ thời vô thủy đến nay, chúng sanh bị vô minh đưa đẩy, đi trong sáu nẻo luân hồi, sống rồi chết, chết rồi sống, quần quanh lên xuống không có hạn kỳ.

Cuộc đời như một vở tuồng. Trong tuồng, khi thì đóng vai vua, vui thú với vinh hoa, phú quý; khi thì đóng vai ăn mày, chịu đủ thứ khổ nạn. Khi làm hoàng đế thì không biết cái lúc khổ làm thân ăn mày; làm ăn mày không biết cái vui khi làm vua. Những cảnh bi hoan ly hợp thoáng qua như trong nháy mắt, chẳng khác gì một giấc mơ xuân.

Nghiệp chướng của mình, tăng nhiều hay ít? Không hay biết. Đức hạnh của mình gieo trồng được bao nhiêu? Không hay biết. Không hay biết tức là vô minh, vô minh là gốc rễ của sanh tử. Nếu không vô minh thì đâu có còn bị khổ trong cảnh luân hồi. Mục đích của chúng ta

tu đạo là phá vô minh, chuyển thức thành trí, chuyển thức a-lại-da thành trí Đại Viên Kính.

Người có vô minh của người, thú vật có vô minh của thú vật, cho đến quỷ đói, chúng sanh địa ngục, mỗi loài đều có vô minh riêng. Trong chỗ vô minh, các chúng sanh tìm lối ra (ra khỏi tam giới), nhưng càng tìm càng hồ đồ, tìm không ra lối, vẫn chịu khổ sở trong luân hồi. Tại sao? Bởi vì vọng tâm tác quái, và không biết dùng chân tâm (trí huệ) để kiếm lối ra.

Vô minh tức không có trí huệ. Người không có trí huệ thì bất luận làm việc gì cũng làm trong sự điên đảo, lấy trái cho là phải và ngược lại. Biết rõ điều sai quấy mà vẫn làm, ấy chỉ vì vô minh che lấp khiến ta phải lầm đường “Chọn đường gai góc mà đi” thì vĩnh viễn không kiếm ra đường chánh.

Kẻ học Phật pháp, cần phải phá vô minh này, cho pháp tánh hiển lộ. Bởi có vô minh, nên vui vẻ mà làm chuyện hồ đồ. Có các loại tà tri tà kiến này nên tâm tự tư, ích kỷ mới nổi lên tác quái, mất hết cả sự công bằng và vô tư. Từ đó, mỗi kiếp sanh ra là mỗi lần đi xuống, cho đến tận cùng là kiếp súc sanh, hoặc làm

thân con kiến, hoặc làm thân con muỗi, lúc đó chỉ còn chút xíu tri giác mà thôi. Vậy mà vẫn tham, tham không biết chán, vẫn hành động trong hồ đồ. Quý vị coi! Các loại động vật đều có tánh cả. Các chúng sanh vốn sẵn có Phật tánh, nhưng không hoàn toàn, ấy bởi lý do “tánh hóa linh tàn”, cho nên chúng ngu si, thường xuyên sống trong vô minh.

Con người tuy gọi là vạn vật chi linh, có trí huệ, nhưng lại tạo ra nghiệp ác, cũng vì lý do vô minh che khuất trí huệ, nên mới lấy vọng tâm mà hành động. Có câu kệ tụng nói về tác dụng của cái ‘tâm’ (心), nay tôi lược giải ra như sau:

*Tam điểm như tinh bố
Loan câu tự nguyệt nha
Phi mao tông thủ khởi
Tác Phật dã do tha*

Dịch nghĩa:

*Ba chấm như sao bảy
Móc cong như trăng mới
Mang lông từ đây ra
Thành Phật cũng từ đây.*

Tam điểm như tinh bố: Trên đầu của chữ “tâm” là ba chấm, giống như mấy ngôi sao trên trời xếp thành một hàng.

Loan câu tự nguyệt nha: Ở dưới chữ “tâm” là một cái móc cong, giống như vầng trăng mới vào các ngày mỏng ba hay mỏng bốn âm lịch, nằm cong cong trên bầu trời.

Phi mao tòng thử khởi: Phi mao, đời giác, là mang lông đội sừng, chỉ các loài súc sanh. Tất cả đều do ảnh hưởng tâm lý mà tạo thành. Làm thân chó, thì có quả báo của loài chó, làm thân mèo có quả báo của mèo, cho đến thân ngựa, trâu, dê, rồi gà, vịt, ngỗng cũng như vậy.

Tác Phật dã do tha: Thành Phật, làm Tổ sư, cũng do tâm mà nên, cho nên nói “nhất thiết do tâm tạo.” Chịu khổ ở địa ngục, hưởng phước ở thiên đàng, tất cả đều từ cái niệm trong tâm mà tạo ra cả.

Nếu khởi lên một niệm thiện, thần cát tường sẽ hộ trì ta. Khởi lên niệm ác tức thì hung thần ác quỷ cũng sẽ bám sát ta. Người xưa nói: “Một lần lỡ bước hận thiên thu,” cũng như nói: “Một niệm sai là thiên cổ hận.” Thiện hay ác chỉ

cách nhau một niệm. Nghĩ thiện thì đi lên, nghĩ ác sẽ đi xuống. Tâm người như hạt bụi, bay lơ lửng trong không, bỗng chốc lên thiên đàng, bỗng chốc xuống địa ngục, bỗng chốc là thú vật, bỗng chốc là quỷ đói, chẳng bao giờ ngưng tạo nghiệp rồi chịu quả, chịu quả rồi tạo nghiệp, cứ vậy mà tuần hoàn luân chuyển.

Tới khi nào hiểu được “biển khổ vô bờ, quay đầu là bến?” Biết được biển nghiệp là mênh mông, không bờ không bến, mau quay đầu lại thì đến được bến bờ. Học Phật pháp là học điều này, ngoài ra chẳng có điều gì huyền diệu cả. Nói giản dị hơn, phá bỏ các tập khí, phá bỏ tâm tự tư, tự lợi, sống không tranh, không tham, không cầu, tức là nắm được yếu nghĩa của Phật pháp.

Ngày ngày nghe pháp, phải hiểu yếu nghĩa của pháp. Đầu là chỗ khẩn yếu nhất của pháp? Chính là các điểm không tranh, không tham, không cầu, không tự tư, không tự lợi, không nói dối. Sáu tiêu chuẩn này chính là mực thước dẫn dắt chúng ta hàng ngày trong mọi hành động. Nếu có gì không đúng với tiêu chuẩn chúng ta biết ngay để sửa đổi. Sửa làm

sao để không còn sai nữa thì toàn là công đức, lúc đó mới đúng là tín đồ Phật giáo. Đây cũng là sáu tôn chỉ của Vạn Phật Thánh Thành, hy vọng mọi người chúng ta đều tuân theo, mọi người đều giác ngộ, mọi người đều thành Phật.

CUỘC ĐỜI NHƯ MỘNG, NHƯ ẢNH

Có một bài kệ tụng, rất hợp đạo lý, nay xin đọc ra để tham khảo:

*Bất cầu đại đạo xuất mê đồ
Túng phụ hiền tài khởi trượng phu
Bách tuế quang âm thạch hỏa chước
Nhất sinh thân tự thủy bào phù
Thê tài phao hạ phi quân hữu
Tội nghiệt tương hình nan tự khi
Thí vấn đôi kim đẳng sơn nhạc
Vô thường mãi đặc bất lai hồ.*

Bất cầu đại đạo xuất mê đồ (Chẳng cầu đại đạo để ra khỏi đường mê): Cuộc đời của chúng ta như mộng ảo, như bọt nước, như làn sương, như điện chớp, phải quán nó là như

vậy. Mạng sống con người là vô thường, sự nghiệp vô thường, phú quý vô thường, cho nên “niềm vui là nhân của khổ.” Tất cả khoái lạc trong thế giới này cũng đều hàm chứa cái khổ. Muốn lìa khổ để an vui, tất phải lo tu đạo. Tu đạo thì trước hết phải trừ tập khí. Trừ như thế nào? Bên trong thì khắc kỷ phục lễ, bên ngoài thì đoạn dục khử ái, cả hai đang cùng dụng công, ắt sẽ thành công.

Con người sanh ra bởi sắc dục, chết bởi sắc dục, đó là lẽ thường của thế tục, và thuận theo thế tục thì cứ sống đi chết lại không ngừng. Kẻ xuất gia thì đi ngược lại, có đi ngược mới thành thánh, nên cái gì hay với thế gian thì lại không hay với người xuất gia; người thế gian tham, chúng ta không tham; cái gì người thế gian yêu thích, chúng ta không yêu thích; cái gì người thế gian mê, chúng ta không mê. Muốn cầu đại đạo ắt phải ra khỏi đường mê.

Thế nào là đường mê? Chính vì vô minh tác quái nên bất cứ đi hướng nào cũng là hồ đồ, rút cuộc chẳng biết làm sao. Mê cũng là nghĩa mất phương hướng, con đường phải đi lại không nhận ra, mà đi lạc vào chỗ khác. Phải biết rằng

chẳng cầu đạo thì chẳng ra khỏi đường mê. Muốn ra khỏi đường mê tất phải tu đạo.

Tu đạo cần phải có thiện tri thức chỉ điểm cho sáng mắt. Thiện tri thức biết cách thức dạy ta tu sao cho được dứt đường sanh tử, giúp ta không trở lại với cảnh luân hồi. Cái thấy và cái biết của thiện tri thức là chính xác, trong đó không có chút nào gọi là tà tri tà kiến.

Túng phụ hiền tài khởi trượng phu? (Để phụ cái tài trí thì đâu phải trượng phu): Nếu chúng ta không cầu đạo, không ra khỏi đường mê, ắt là ta phụ cái hiền tài của ta, hiền tài cũng là cái trí huệ đức tướng của ta. Phật đã từng nói: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như-lai.” Nếu quả chúng ta không tu hành, ắt ta chẳng thành tựu được gì. Như vậy chúng ta đã cô phụ cái trí hiền tài, tức đâu còn là kẻ trượng phu nữa?

Bách tuế quang âm thạch hỏa chước (Quang âm của trăm năm qua đi như lửa lóe ra – từ đá đánh lửa): Tỷ dụ có thể sống tới trăm năm thì ngày tháng cũng qua nhanh như tia lửa chớp, trong thoáng qua đã tắt.

Nhất sinh thân tự thủy bào phù (Một đời, thân xác giống như bọt nước): Từ lúc sanh ra cho đến lúc chết, gọi là một đời người. Thân thể này giống như một cái bọt trên mặt nước, nổi trôi bồng bềnh, thật là hư vọng chẳng có gì là thực chất, chỉ trong một sát-na đã thấy nó biến mất. Vậy thì lưu luyến nó làm gì? Hà tất chấp trước vào nó?

Thê tài phao hạ phi quân hữu (Tài sản và vợ bỏ lại, anh chẳng có gì): Tới khi lâm chung, dù anh có bao nhiêu tiền cũng không đổi được cái chết. Hết thầy nào vàng bạc, châu báu, anh đều bỏ lại, một đồng cũng không mang đi. Lúc đó, vợ và tài sản đều không còn là của anh, anh chỉ còn hai tay buông xuôi về chầu Diêm vương.

Tội nghiệp tương hình nan tự khi (Tội và đi theo như hình, không thể tự dối): Bất cứ loại nghiệp nào, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, đều theo ta như hình với bóng, như câu nói: “Mọi thứ mang chẳng được, chỉ có nghiệp tùy thân.” Nghiệp tội thì không thể dối gạt được, bởi chính ta tạo ra thì nhất định ta phải lãnh quả báo, chẳng ai có thể thay ta lãnh giùm.

Thí vấn đôi kim đẳng sơn nhạc (Thử hỏi vàng chất lên thành núi): Chất đầy vàng bạc, cao như núi, thành vua kim tiền, giàu bậc nhất thiên hạ, thử hỏi khi chết những thứ đó có ích gì? Để lại con cháu, thì con cháu nào hay chúng chẳng cần tới, con cháu nào xấu thì lấy tiền tạo nghiệp xấu, còn nặng tội hơn.

Vô thường mãi đắc bất lai hồ (Liệu có mua được luật vô thường chăng?): Tuy vàng bạc chất lên cao bằng núi, nhưng liệu chúng ta có mua nổi quỹ vô thường không? Không thể mua được. Quỹ vô thường rất là công bình, không thiên lệch, không nói chuyện ân tình, cũng không nhận quà cáp.

Cảnh ngộ của người ta tại thế gian là như vậy. Chúng ta là người xuất gia, chính là vượt qua thói tục, không chịu để thói tục giam hãm. Nay lại không tu hành nghiêm chỉnh thì còn chờ tới lúc nào nữa? Phải nhớ rằng mục tiêu của kẻ xuất gia là dứt đường sanh tử, vượt qua luân hồi, chớ không thể sống như thế tục. Quý vị! “Tướng quân bất hạ mã, các tự bỏ tiền trình,” quý vị hãy ráng sức tu hành!

RỐT CUỘC ĐẠO LÀ THẾ NÀO?

Đạo, rải ra thì trùm lục hợp, cuốn lại thì nó ẩn tàng. Đạo lớn, không có gì ở ngoài nó và nhỏ thì không gì ở trong nó. Không có cá nhân nào mà không nằm trong đạo, không chúng sanh nào có thể chạy ra ngoài đạo. Đạo chính là tánh mà tánh là bốn thể của chúng sanh. Phật nói: “Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật.” Chẳng kể loại gì, thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, chim, cá, động vật, thực vật, trong bốn loài sanh trên hay trong chín pháp giới chúng sanh (tứ sanh cửu hữu), tất cả đều có đầy đủ đạo này.

Đạo Đức Kinh nói: “*Thượng sĩ văn đạo, động nhi hành chi. Trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong. Hạ sĩ văn đạo, đại tiểu chi. Bất tiểu bất túc dĩ vi đạo.*” Lão tử nói về nghĩa đạo như vậy, nghiên cứu thấy nó thật là đến lý. Giải thích sơ lược như sau:

Thượng sĩ văn đạo, động nhi hành chi (Hàng thượng sĩ nghe đạo, cảm thấy và làm theo): Thượng sĩ là hạng người có trí huệ, hàng

có thiện căn sâu dày, hạng người thượng đẳng. Nghe đạo chính là nghe cách thức để tu hành đạo. Đức Khổng-tử đã nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ*” sớm nghe đạo, tối chết cũng được rồi, chẳng hận gì nữa. Tại sao? Bởi nghe đạo mà khai ngộ, mà thấu hiểu được đạo này, ai ai cũng có nó, không ai không có, không bao giờ lìa đạo. Chẳng qua, chúng ta quay lưng với đạo mà chạy, càng chạy càng xa đạo. Đạo này là gì vậy? Chính là quy củ. Theo đúng quy củ mà đi, nghĩa là tu đạo. Không theo quy củ mà đi tức không phải tu đạo. Quy củ là gì? Đó là giới luật. Ý theo giới luật tu hành, chính là tu đạo.

Nói từ gốc rễ thì đạo là con đường dẫn tới liễu sanh thoát tử. Tu đạo là khép cánh cửa sanh tử. Cửa sanh tử là gì? Chính là dục niệm. Mang tâm dâm dục là mở cửa sanh tử, đoạn trừ tâm dâm dục là khép cửa sanh tử. Hạng người thượng đẳng khi nghe qua đạo này bèn nghĩ rằng: “À! Vốn nó là như vậy!” Do đó cảm thấy mà làm theo, để trở về nguồn cội, quay chiếu lại mình, xoay lưng với trần cảnh mà hướng về giác ngộ (bội trần hiệp giác), và dụng công tu đạo. Từ sáng đến tối ở đó tu hành, như

tình trạng gà ấp trứng, như rồng nuôi ngọc, như mèo rình chuột, tập trung tinh thần để dụng công. Chỉ một lòng tu đạo, không còn vọng niệm gì khác.

Trung sĩ văn đạo, nhược tồn nhược vong (Hạng trung sĩ nghe đạo, lúc còn lúc mất): Đây là bậc trung đẳng, cũng là hạng người bình thường. Đầu óc loại này thì một nửa trí huệ, một nửa ngu si. Nghe xong đạo này thì tựa hồ nhớ được chút ít, cũng tựa hồ quên chút ít, tóm lại vừa đúng vừa sai, chẳng có gì là chắc chắn. Có khi họ chấp không có khi chấp có, không dứt khoát.

Hạ sĩ văn đạo, đại tiểu chi. Bất tiểu bất tức dĩ vi đạo (Hạng hạ sĩ nghe đạo, bật cười lớn. Chẳng cười chẳng gọi là đạo): Hạ sĩ để chỉ hạng ngu si. Nếu chúng ta bảo họ trừ dục cất ái là tu đạo, hay giữ quy củ là tu đạo, thì họ sẽ trả lời ngay: “Ấy! Vậy là ngốc quá! Các người tu hành đúng là ngu si hết mức, cớ gì mà không ham tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ? Đó là khoái lạc về ngũ dục, thú biết mấy!” Bởi vậy, nghe đạo thì họ bật cười, cho rằng tu đạo là ngu ngốc. Nếu họ không cười như vậy, thì không phải là đạo.

Hàng ngày tôi giảng kinh thuyết pháp cho các quý vị, điều khẩn yếu vẫn phải nhấn mạnh về đoạn trừ các niệm dâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Lòng dâm không trừ, thì không ra khỏi cõi trần.” Nhất định phải trừ các niệm về dâm dục, mới mong lìa khỏi cảnh hồng trần, cho nên có câu: “Lòng dâm không đoạn, nấu cát ra cơm, chẳng thể có việc này.” Quý vị! Người tu hành không giống người trong thế tục. Cái gì người đời tham, ái, mê, thích thì chúng ta cần phải diệt trừ. Có câu nói: “Thoát trần ly tục,” nghĩa là hết thấy các thứ từ lời nói đến tư tưởng, người tu và người tục không giống nhau. Điểm này quý vị phải chú ý, không thể bị nhiễm ô theo dòng thế tục.

Phàm những ai trú tại Vạn Phật Thánh Thành, quyết phải tu hành, phải giữ quy củ, phải trì giới luật. Người xuất gia không giữ quy củ và giới luật thì còn ý nghĩa gì nữa? Xuất gia và tại gia không giống nhau. Như đã xuất gia lại còn giữ tập quán của thế tục, thì xuất gia làm gì? Về điểm này cũng phải hiểu cho rõ.

Tại sao có thời mạt pháp? Bởi phước báo của người mỏng, nên không có thánh nhân ra

đời, không có chánh pháp trụ thế. Tôi vốn không tự lượng sức mình, quyết một lòng giữ chánh pháp trụ thế, kiên trì không đổi, không chịu đầu hàng trước mọi hoàn cảnh. Kiên trì như vậy tổn hao công sức, nhưng đó là lòng quyết tâm của tôi. Bất kể gặp gian nan ra sao, tôi vẫn phải hoàn thành sứ mạng.

Quý vị! Quý vị đều là đệ tử theo tôi học đạo, nên hiểu rằng thời đại này là thời đại gì? Phải cố gắng thành người xuất gia gương mẫu, là người lãnh đạo siêu quần, không thể bị nhiễm ô theo thông tục, nếu không, kẻ xuất gia không thể ngóc đầu lên được.



THƯỢNG ĐỨC BẤT ĐỨC HẠ ĐỨC CHẤP ĐỨC

Cổ đức nói: “*Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trước chi đức, bất minh đạo đức.*” Nay xin giải nghĩa như sau:

Thượng đức bất đức: Thực hành đạo Bồ-tát, nhưng không chấp vào hình tích gì, làm việc thiện nhưng không ghi lại hình tích của hành động thiện. “*Vì thiện tu đức,*” là chuyện tự nhiên, là bổn phận của mình, do đó không có gì làm cho mình thêm kiêu ngạo, thêm tự mãn. Không nên nói rằng: “*Tôi làm điều phước đức, tôi làm điều thiện, tôi làm những việc hay,*” và ngay những ý nghĩ như vậy cũng không nên có nữa.

Người ta nói: “*Thiện, mà muốn cho người ta thấy thì chẳng phải là chân thiện; ác mà muốn cho người ta không biết, là điều đại ác.*” Kẻ chân chánh thực hành Bồ-tát đạo thì làm việc gì cũng như không làm, hết thấy mọi thứ đều không chấp trước. Bất cứ làm công đức gì, không có tâm chấp, không thừa nhận một công đức nào và đối với mọi người không hề

có tâm kiêu ngạo hay tự mãn. Đó là nghĩa của “thượng đức bất đức.”

Người có trí huệ chân chánh, không nhận mình là người có trí huệ. Người có đạo đức chân chánh không thừa nhận mình có đạo đức. Người có học vấn chân chánh, không có tâm kiêu ngạo, không coi thường kẻ khác. Người tu trì một cách chân chánh, không sanh tâm tự mãn, tự mình tuyên truyền cho mình.

Hạ đức chấp đức: Một số phàm phu tục tử, làm được chút ích công đức đã cho là nhiều, đi đâu cũng quảng cáo việc mình làm, nào tôi làm điều thiện này, tôi làm công đức kia, đi đâu cũng nêu ra để lừa dối người, hy vọng người khác sẽ quý trọng mình.

Kẻ thượng đức, tuy làm công đức nhưng không chấp trước công đức. Kẻ hạ đức, tuy làm chút ít công đức lại chấp vào công đức, tới đâu cũng thừa dịp để tuyên truyền, nào tôi tạo nên cái chùa này, nào xây cái tháp kia, in kinh này, thuyết pháp như thế kia, tóm lại, nói hoài không hết công đức. Đó là tác phong của kẻ hạ đức chấp đức.

Chấp trước chỉ đức: Nghĩa là chấp trước những việc, đại khái như: tôi bắc cái cầu trên sông này, tôi lát con đường kia v.v.

Bất minh đạo đức: Như trên là không có công đức. Người nào có những ý nghĩ như vậy tức là không thấu hiểu nghĩa thật của đạo đức.

Tự mình tuyên truyền của mình, tự mình mừng cho mình, đây chính là vọng tâm tác quái. Có câu nói: “Chúng sanh không có chân tâm, vì có vọng tâm,” vọng tâm chính là vọng tưởng. Một niệm động, thí dụ như niệm về sát sanh nổi lên, hay có một ý nghĩ về trộm cướp chẳng hạn, tức là vọng tưởng. Động một niệm về dâm, về nói dối, về uống rượu, đều là vọng tưởng cả. Nói chung động niệm nổi lên là vọng tưởng. Vọng tưởng là chướng ngại đối với kẻ tu hành. Làm sao để vọng tưởng không nổi lên? Phải tham thiền, tụng kinh trì chú, tinh thần tập trung, trong tâm không có hai niệm, đó chính là cách canh giữ vọng niệm.



BỞI ĐÂU KHÔNG TƯƠNG ỨNG VỚI ĐẠO?

Tu hành lâu rồi mà vẫn không tương ứng với đạo là do nguyên nhân gì vậy? Là vì vọng tưởng tác quái. Nếu tâm còn vọng tưởng thì nó sẽ phá hoại giới, phá hoại định, phá hoại huệ. Tâm có vọng tưởng thì trì giới không kiên cố, tu định cũng không kiên cố, còn nói gì tới huệ. Vọng tưởng nổi lên thì tâm chạy ngay theo duyên, nhân đó mà chuyển theo với vạn vật. Sắc trần do mắt tiếp nhận, thanh âm do tai nghe được, hương do mũi nhận ra, vị do lưỡi nếm, xúc do thân đụng chạm, và pháp do ý nhận thức, tất cả những thứ này hợp lại tạo thành vạn vật. Nếu cứ trụ vào các cảnh giới của các thứ trên tức là chạy theo vạn vật, nên từ đó mà tâm tham cầu sẽ nổi lên.

Trước một sự việc gì mà chúng ta cảm thấy hoan hỷ trong tâm, thì lòng tham cầu sẽ phát sanh. Một khi có tham, tức sẽ nghĩ ra cách chiếm lấy. Chiếm được rồi vẫn chưa biết đủ, nên lòng tham vẫn còn nguyên. Lòng tham không có đáy, chẳng bao giờ chất đầy lòng tham, cho nên nói: “Dục vọng không có chỗ

ngừng.” Người tham tiền, khi đã có tiền rồi thì lại tham danh, có danh rồi, đến tham các thứ khác, tham nhà, tham xe hơi, tham máy bay, tham thuyền máy v.v.. tất cả đều do sự tham cầu. Cầu mà không được toại nguyện thì phiền não phát sanh.

Khi có phiền não thì bao nhiêu vọng tưởng ùn ùn kéo đến. Có vọng tưởng tức có sự ưu sầu làm cho thân khổ, tâm khổ, bày ra trước mắt nào những thứ tạp nhạp, những ý tưởng không thanh tịnh. Những quan hệ vừa kể dẫn tới tình trạng không hợp với đạo, không đưa tới sự dứt đường sanh tử, nên cứ quẩn quanh trong sáu nẻo luân hồi mà không nghĩ ra lối thoát. Càng luân chuyển nhiều thì càng đi xa hơn, lạc sâu vào biển khổ không rút chân ra được.

Bốn thể của tự tánh là đạo chân thường. Thế nào gọi là đạo chân thường? Nó là vô hình vô tướng, không hình tích cụ thể. Hiểu được như vậy thì có thể tới được đạo đó. Không hiểu như vậy thì mỗi ngày một đi xuống. Nếu lại giác ngộ đạo này thì trí huệ luôn luôn hiện tiền, tánh diệu chân như cũng hiện tiền, lúc đó gọi là tương ứng với đạo.

THẦN THÔNG CỦA NGƯỜI TẠI SAO KHÔNG HIỂN HIỆN?

Thần thông là gì? Có câu nói: *“Diệu dụng khó lường là thần, tự tại vô ngại là thông.”* Thần thông là một lực tự tại, không bị ngăn ngại, không thể lường được, nó là cảnh giới thiên biến vạn hóa, chẳng thể nghĩ bàn. Thần thông từ đâu mà sanh ra? Nói đơn giản là người tu pháp tiểu thừa, chuyên tu tứ đế và quán thập nhị nhân duyên, khi đạt tới mức độ viên mãn thì lúc đó chứng được thần thông.

Thần thông của hàng La-hán và cũng hàng Bồ-tát có chỗ không giống nhau. Thần thông của La-hán có hạn định, chỉ biết được nhân duyên trong phạm vi tám vạn đại kiếp trở lại. Hơn nữa họ phải chú tâm quán sát mới thấy được. Thần thông của Bồ-tát thì không có giới hạn, có thể thấy được cả quốc độ của vi trần, vi trần trong quốc độ, các chư Phật trong vô lượng quốc độ (nhiều như vi trần) có thể nghe chư Phật ở khắp các quốc độ trùng trùng đang diễn nói pháp mầu; có thể biết hết thảy ý nghĩ của các chúng sanh trong vô số quốc độ

như vi trần; có thể biết các nhân duyên ngoài phạm vi tám vạn đại kiếp, khỏi cần vào trong định, chỉ cần tâm khởi lên ý tưởng quan sát là đủ.

Quý vị Bồ-tát thực hành Bồ-tát đạo, khi nào công đức viên mãn sẽ có các loại thần thông trên. Nếu chúng ta phát Bồ-đề tâm, thực hành Bồ-tát đạo cũng có thể đạt được mức thần thông này. Chỉ cần tu đến chỗ viên mãn, chẳng cần phải mong cầu, vẫn có thần thông.

Khi có thần thông rồi, có phải Bồ-tát không nên hiển lộ thần thông chăng? Không phải vậy. Nếu Bồ-tát có thần thông, mà lại không hiển lộ thì thần thông đó dùng làm gì? Có khác gì một người có hạt châu quý, lại mang dấu nó đi trong áo, không biết nó là một của quý vô giá. Cam phận nghèo khổ, không có cơm ăn, không có áo mặc, không có chỗ trú, mà vẫn không biết đổi hạt châu đi lấy tiền độ nhật. Nếu có thần thông mà không sử dụng thì cũng giống như vậy đó.

Không có thần thông mà muốn sử dụng thần thông thì không được rồi. Cái đó có khác gì leo cây mà bắt cá, chỉ là mộng tưởng của kẻ

si gốc mà thôi. Tuy nhiên, nếu có thần thông thì phải tận dụng thần thông. Giáo hóa chúng sanh, lấy thần thông ra hiển lộ, làm gia tăng tin tưởng của chúng sanh, như vậy hiệu quả tăng gấp bội. Cái đó cũng gọi là dùng phương tiện thiện xảo.

Hiện nay có một số người thiếu hiểu biết, tín đồ của Phật giáo mà không am hiểu gì, thấy người ta nói làm sao thì nói theo làm vậy. Về yếu lý của Phật pháp thì họ tựa hồ biết mà chẳng biết, không biết đến ngọn nguồn, hễ chứng kiến thấy có người thị hiện thần thông liền kêu lên kinh ngạc rằng: “Vào thời mạt pháp, người ta không thể có thần thông như vậy!” Nói như vậy thì thật là quá ấu trĩ! Nói thẳng ra đó là cái nhân đọa địa ngục, đối với Phật pháp chẳng hiểu một tí gì. Quý vị hãy chú ý! Đối với bất cứ sự việc gì hễ ta chưa biết cho rõ ngành ngọn, ta không nên phê phán bậy bạ, không thể tùy tiện quyết đoán nọ kia. Đi sai nhân quả thì phải đọa địa ngục.

Phật giáo có đạo lý chân chánh, có định luật bất biến từ ngàn xưa, có ngàn vạn lời vàng ngọc do chính đức Phật nói ra, phát xuất

từ chính kinh nghiệm của Ngài, chứ không phải là thứ đạo lý đối mình đối người. Giáo lý do Phật nói ra là Kinh tạng, giáo lý do thân Ngài biểu hiện là Luật tạng, phần do các đệ tử của Phật chú giải là Luận tạng, Ba tạng và mười hai phần kinh là giáo lý của chân lý, ý nghĩa toàn là chân thực không ngoa.

Chân lý ở đâu thì mười phương chư Phật đều tới đó ủng hộ. Chân lý ở đâu thì mười phương chư Bồ-tát đến đó ủng hộ. Chân lý ở đâu thì thiên long bát bộ cũng đều tới để ủng hộ. Hiểu thấu chân lý mới là Phật giáo đồ chân chánh, không hiểu chân lý thì đó là Phật giáo đồ lầm lạc. Quý vị phải nhận cho rõ chân lý, phải phân biệt cho rõ phải trái, chứ khá hồ đồ, ai nói ra sao thì tin làm vậy, điều đó không thể chấp nhận được.

Bồ-tát có các loại thần thông, và các Ngài dùng như thế nào? Nói chung, lấy thần thông làm phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sanh, khiến họ phát Bồ-đề tâm để không bị nhiễm ô theo dòng thế tục. Như nghe nói sao thì nói làm vậy, đó là kẻ hồ đồ, không những không nghiên cứu chân lý, mà còn chạy theo đường tà, nghe

theo pháp tà, phỉ báng chánh pháp, những loại Phật giáo đồ đó thật đáng thương.

Hiện nay là thời mạt pháp, có rất nhiều pháp thân đại sĩ, dạo trên thuyền từ bi, tới thế giới Ta-bà để giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh thức tỉnh, xa lìa tà tri tà kiến, và gần gũi với chánh tri chánh kiến. Phật nói pháp là chánh pháp, ma nói pháp là tà pháp. Y theo lời dạy để phụng hành, y theo pháp để tu hành, nghiêm trì giới luật, thực hành giới luật, đó là chánh pháp, còn ngược lại là tà pháp. Hễ điều gì đi ngược lại giới luật thì không làm; hợp với giới luật thì hết sức thi hành, đó là con đường của các Bồ-tát.

Tâm của Bồ-tát thì tuyệt đối không tự tư tự lợi, tuyệt đối không màng tới danh vọng. Bồ-tát với tâm từ bi tha thiết, ngọt ngào dỗ dành giáo hóa chúng sanh lìa khổ tới chỗ an vui. Bồ-tát lấy lợi ích chúng sanh làm khởi điểm, chứ không phải vì ý nghĩ lợi ích của riêng mình. Đó là tinh thần Bồ-tát đạo. Bồ-tát hành đạo chẳng phải xuất phát từ cảm tình riêng mà do lòng từ bi, từ của Bồ-tát là vô duyên từ, bi là đồng thể đại bi, trong lòng tuyệt

đối không có sự phân biệt. Bồ-tát độ hết thấy mọi chúng sanh, không ngại khó nhọc, không kể ngày đêm, ra tay cứu vớt chúng sanh ra khỏi biển khổ để được an vui. Bồ-tát coi việc độ chúng sanh là việc phải làm, thành ra Bồ-tát có thần thông.

Bồ-tát có thần thông, có thể hiển lộ, vậy có sao người ta không thể hiển lộ thần thông được? Đây là một sự ngộ nhận. Người nào chỉ trích như vậy, trong lòng phải có một dụng tâm khác. Người ta muốn cho chánh pháp chẳng tồn tại, chẳng muốn cho quý vị siêu phàm trong hàng tín đồ Phật giáo tồn tại.

Hiện nay có một số tín đồ Phật giáo không có trí huệ, đi đến đâu cũng nói rằng thời mạt pháp này không nên hiển lộ thần thông, mà cũng không ai có thần thông mà hiển lộ. Vì có gì họ lại tuyên truyền như vậy? Bởi họ ngu si, không chịu dụng công tu hành, lại thường có tâm đố kỵ. Họ chẳng có thần thông, bèn cho rằng người khác cũng không có thần thông. Chẳng những vậy, gặp những người có thần thông họ cũng không nhận ra. Bồ-tát nếu gặp tín đồ nào có chánh tri chánh kiến, lại

đương dụng công tu hành, lúc đó mới hiển thần thông, để cho tín đồ thêm tín tâm, khiến cho họ nỗ lực tu đạo tới chỗ giải thoát.

Quý vị thiện tri thức! Có vị nào có thần thông, chẳng cứ ai, nếu hiển lộ được thần thông thì tôi rất hoan nghênh. Nếu quả nói như vậy là có tội, tôi xin một mình chịu tội, có bị đọa địa ngục tôi cũng cam lòng, một mình tôi chịu không dính dáng gì tới quý vị cả, quý vị khỏi lo. Chỉ ngại là quý vị chẳng có thần thông, không hiển lộ được. Còn như có thể biểu diễn thần thông ra, tôi xin hết lòng ủng hộ.

Thời mặt pháp rất cần có quý vị thật tâm tu đạo, rất cần quý vị khai ngộ, rất cần những người chứng quả. Sau khi chứng quả lại trở về dẫn dắt các bạn hữu duyên, hướng dẫn họ ra khỏi tam giới để tới cõi tịnh độ Thường Tịch Quang, đó là kỳ vọng của tôi đặt vào các vị.

KINH LĂNG NGHIÊM: BIỂU TƯỢNG CỦA CHÁNH PHÁP

Các kinh điển của Phật giáo đều là trọng yếu cả. Kinh Lăng Nghiêm lại càng đặc biệt. Nơi nào có kinh Lăng Nghiêm tức nơi đó có chánh pháp. Kinh Lăng Nghiêm mà không còn thì lúc đó là mạt pháp. Tin đồ Phật giáo chúng ta phải mang hết tâm trí, và mồ hôi nước mắt để ủng hộ bộ kinh này.

Kinh Pháp Diệt Tận có nói: “Tới lúc mạt pháp, kinh Lăng Nghiêm diệt đầu tiên, sau đến các kinh khác.” Nếu quả kinh Lăng Nghiêm không bị diệt, thì chánh pháp hiện tiền, cho nên Phật giáo đồ chúng ta quyết lấy mạng sống ra để hộ trì, lấy mồ hôi nước mắt để hộ trì, lấy chí nguyện để hộ trì kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng nghiêm mà tồn tại mãi với thế gian, được phát huy rộng lớn, lưu thông tới tận từng hạt bụi vi trần, phổ biến khắp mọi nơi trên thế giới, và tới tận cùng hư không khắp các thế giới, nếu được như vậy thì chánh pháp quả là sáng sủa rực rỡ.

Tại sao lại nói rằng kinh Lăng Nghiêm diệt đầu tiên? Bởi kinh này giảng đạo lý rất là chân thật. Thiên ma ngoại đạo chịu không nổi mới tìm đủ mọi cách để phá hoại kinh, tiêu diệt cho được kinh này. Trước hết, chúng rêu rao rằng Kinh Lăng Nghiêm không phải do chính kim ngôn của đức Phật nói ra, mà do người đời sau ngụy tạo, như vậy kinh Lăng Nghiêm là kinh giả, là ngụy kinh. Đó là những thủ đoạn xấu xa của bọn ngoại đạo, cốt dùng cường từ đoạt lý để phá hoại kinh Lăng Nghiêm.

Kinh Lăng Nghiêm là thân của Phật, là xá-lợi của Phật, là tháp miếu của Phật. Trong kinh Lăng Nghiêm có bốn loại giáo huấn thanh tịnh, có hai mươi lăm vị thánh thuật lại kinh nghiệm viên thông và có nói tới năm mươi cảnh giới ám ma. Những pháp này có thể ví như cái kính chiếu yêu, khiến cho bầy môn ngoại đạo phải lộ hết nguyên hình, yêu ma quỷ quái hết chỗ ẩn náu, do đó để tự vệ chúng phải rêu rao rằng kinh Lăng Nghiêm là kinh ngụy tạo, không nên tin theo.

Một số người khác, chẳng hiểu biết gì, không đủ trí huệ để phân biệt thật giả, ai nói

sao thì nói theo làm vậy, cũng phụ họa với chúng mà bảo rằng Lăng Nghiêm không phải do Phật nói. Kinh Lăng Nghiêm nói về đạo nghĩa thì thật là chính xác, thật là hợp lý, nên yêu ma quỷ quái, cũng như hạng bàng môn tả đạo không còn chỗ ẩn náu, chúng phải dùng những thủ đoạn xấu xa như vậy để hòng phá hoại kinh. Làm như vậy ắt phải đọa địa ngục.

Gần đây, một số học giả thiếu hiểu biết, rồi một số Phật giáo đồ ngu si, không nhận thức đúng về Phật giáo, không hiểu minh bạch về Phật học, tóm lại là biết nửa mùa, đem lời của thánh nhân ra để phê phán, rồi phát biểu một cách càn rỡ.

Người học Phật pháp nên hiểu thấu đáo nghĩa lý kinh Lăng Nghiêm, để có thể đề xướng kinh này ở khắp mọi nơi, tuyên dương, giải thích và hộ trì kinh này, ngõ hầu giữ cho chánh pháp trụ thế, cho tà pháp bị tiêu diệt. Đó chính là trách nhiệm của tất cả Phật giáo đồ.

Ngày hôm nay tôi xin bảo đảm với tất cả quý vị rằng kinh Lăng Nghiêm là kinh chân chánh. Nếu quả không phải như vậy, tôi xin

nguyện xuống địa ngục, bởi lý do tôi không có nhận định đúng về Phật pháp, lấy giả cho là thật, tôi xin cam lòng chịu quả báo đó. Như Lăng Nghiêm là kinh thật, tôi còn phát nguyện rằng đời đời kiếp kiếp tôi sẽ hoằng dương pháp Lăng nghiêm, và tuyên giảng chân lý trong Lăng nghiêm. Quý vị thử nghĩ coi, nếu kinh này không phải do Phật nói ra, thì ai có thể nói được một loại pháp chính xác như vậy? Tôi hy vọng người nào đó phê phán kinh Lăng Nghiêm và bảo nó là kinh giả thì hãy mau mau sám hối, sửa lại sự sai trái của mình. Nếu không, ắt bị dọa địa ngục rút lưỡi. Tôi mong cầu những ai niệm kinh Lăng Nghiêm, giảng kinh Lăng Nghiêm, tuyên dương kinh Lăng Nghiêm, lưu thông kinh Lăng nghiêm, tất cả đều sớm thành Phật đạo.



TU ĐẠO PHẢI ĐOẠN DỤC KHỬ ÁI

Tại sao chúng ta có phiền não? Bởi lòng tự tư (ích kỷ). Tại sao có tự tư? Bởi có dục tâm, mới tìm hết cách để giữ lấy nó, sợ nó đi mất. Nếu nó bị thương tổn thì sẽ phát ra nóng giận. Tại sao nóng giận? Chính là do vô minh và tình ái tác quái. Giả thử, không có vô minh, không có tình ái, thì tâm nóng giận sẽ chạy xa cả mười vạn tám ngàn dặm, muốn kiếm nó cũng kiếm không được.

Nếu có tình ái tất có tự tư. Có tâm tự tư rồi thì chẳng còn từ một thủ đoạn nào để tiến tới mục đích, thậm chí có thể hy sinh cả mạng sống mà không tiếc thân. Truy ra tận gốc là vì dục niệm. Nếu quả không có dục niệm, tất không có tâm tự tư. Không có tự tư thì không có phiền não.

Có phiền não, tất có sanh tử; nếu không có phiền não, thì không có sanh tử. Ý nghĩa này, ai ai cũng biết, có điều không thực hành mà thôi. Phải biết rằng, không có dục thì không có vô minh. Phá được vô minh thì pháp tánh hiển hiện. Chúng ta học Phật, đầu tiên là

trừ vô minh, đoạn phiền não. Dụng công tới chỗ viên mãn thì chứng được giải thoát.

Tại sao chúng ta không có trí huệ? Bởi vì vô minh. Vô minh sanh ra dục, dục sanh ra tự tử, tự tử sanh ra phiền não. Tham cầu mà không được thì có phiền não, người đối với ta không tốt cũng là nguyên nhân của phiền não. Tại sao có phiền não? Bởi có cái Ngã. Nếu quả là vô ngã, thì không có phiền não. Nếu có thể tới được chỗ không có vô minh, không có tự tử, thì phiền não sẽ biến mất. Quý vị tin hay không tin, cái lý nó là như vậy. Thiên kinh vạn điển, nói tới nói lui cũng chỉ có thế. Cho cái ngã không còn, phá cái vô minh, tiêu diệt cái dục, thì sẽ không có tự tử, không có phiền não, kiếm phiền não cũng không kiếm ra được. Tại sao? Bởi gốc gác của vấn đề đã được giải quyết.

Quý vị phải chú ý! Năm thứ dục, tài, sắc, danh, thực, thụ (ngủ), đều do vô minh và tình ái mang đến. Nếu như không có tình dục, ta sẽ thấy không có gì là trọng yếu. Bởi có tình dục nên mới cảm thấy cái này không tốt, cái kia cũng không tốt, cái gì cũng không đúng, đó

chính là con quỷ tình dục nó tác quái. Nếu chúng ta hàng phục được quỷ tình dục này, thì chúng ta vào nhà của Như Lai một cách mau chóng, lên tòa Như Lai, mặc áo Như Lai và thuyết pháp Như Lai.



THIÊN THẤT KHAI THỊ

Thế nào là tự tại?

“Quán-Tự-Tại Bồ-tát, hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.”

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã giảng xong ngày thứ ba vừa qua. Hôm nay, nhân dịp khai mạc khóa Thiền thất mùa đông, tôi xin giảng cho đại chúng nghe câu mở đầu của Tâm kinh, mà cũng là tinh yếu của kinh này.

Bồ Tát Quán Tự Tại chính là Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài chứng được nhĩ căn viên thông. Ngài chứng như thế nào? Ngài vốn tu pháp “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo.” Nguyên do bởi Ngài biết cách lắng nghe trở lại cái tự tánh nên Ngài mới được tự tại.

Gọi là tự tại khi nào người ta tới được cảnh giới không người, không ta, không chúng sanh, và không thọ giả. Cảnh giới đó ở đâu? Nơi nào thì có tự tại? Nơi nào thì không có?

Ở địa vị các bậc thánh thì có tự tại, còn ở địa vị phàm phu thì không có tự tại. Tại sao vậy? Tại vì các vị thánh không còn vướng vào bốn tướng, tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, nên các vị thánh được tự tại. Phàm phu thì hãy còn vướng vào các tướng này, do đó mới không có tự tại.

Chúng ta là kẻ tu hành, như nếu không thực hiện được bốn không đối với các tướng đó, thì chẳng bao giờ có thể chứng được sự tự tại, và dứt khoát chúng ta phải quét trừ ba tâm và bốn tướng. Ba tâm là nói về tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai. Cả ba tâm đều bất khả đắc. Tâm quá khứ bất khả đắc! Tại sao lại chẳng thể nắm bắt được? Tại vì nó đã qua rồi, đâu còn nữa mà nắm bắt? Tâm hiện tại, thì khi ta vừa nói xong về cái tâm đó, nó đã trở thành quá khứ rồi, chẳng thể nắm bắt được nữa. Còn tâm vị lai, thì vì nó chưa tới, nên nó chưa hiện hữu, vậy làm sao nắm bắt được nó? Vậy là cả ba tâm đều chẳng thể nắm bắt. Rồi đối với bốn tướng, quý vị cũng thực hiện được bốn không, tức quý vị đã có thể quán tự tại.

Thiền thất cốt để làm gì? Để quán tự tại! Ai ai cũng phải quán tự tại. Ai có thể tự tại thì

người đó quán tự tại. Ai chẳng tự tại thì người đó chẳng phải quán tự tại. Quán tự tại chẳng phải là của riêng của Bồ-tát Quán Thế Âm, hết thảy mọi chúng sanh đều có thể là Quán Tự Tại.

Chúng ta ngồi thiền là để quán sát mình có thể tự tại hay không. Nếu là tự tại quý vị sẽ soi thấu năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không, tức là thực hành sâu xa bát-nhã ba-la-mật. Một khi thực hành sâu xa bát-nhã ba-la-mật, quý vị mới có thể soi thấu năm uẩn đều không. Có như vậy quý vị mới vượt qua được mọi khổ ách. Mọi khổ ách đã vượt qua, lúc đó mới chúng đắc tự tại.

(Nhân khóa Thiền thất 98 ngày tại Phật Giáo Giảng Đường San Francisco (tiền thân của Kim-sơn Thánh Tự), từ ngày 15 tháng 11 năm 1970 tới ngày 23 tháng 2 năm 1971.)

HÃY TRỞ VỀ QUÊ HƯƠNG CỦA CHÚNG TA

Chẳng riêng ngài Quán Thế Âm với chúng ta là cùng một thể, mà cả chư Phật mười phương và chư vị Bồ-tát trong mười phương với chúng ta là cùng một thể. Tuy nhiên, chúng ta với chư Phật chẳng phải là một thể. Tại sao như vậy? Nghĩa này giống như đoạn sau đây trong kinh Pháp-Hoa:

“Có một anh chàng hết sức nghèo khó. Cha anh thì lại là một trưởng giả giàu có vô cùng. Nhưng anh đã bỏ nhà đi lưu lạc tha phương, và không nhận ra lối trở về quê quán, do đó, có một ngày, anh gặp cha anh mà không nhận ra đó là cha mình. Tại sao vậy? Bởi vì anh đã xa cha anh một thời gian quá lâu rồi đến nỗi khi gặp lại anh không biết đó là cha mình.”

Lý do chúng ta không hợp cùng một thể với chư Phật và chư Bồ-tát cũng giống như trường hợp anh chàng nghèo khổ không nhận ra cha của mình, như vừa kể. Chúng ta tu đạo, thay vì phải xa lìa mộng tưởng điên đảo, hướng

tới Niết-bàn rốt ráo, chúng ta lại xa lìa pháp thân là cha mẹ chúng ta, rồi hướng ra ngoài lang thang ăn xin, để không tìm ra được lối trở về quê, thật là đáng thương biết bao!

Phải nhớ rằng chúng ta với Phật và Bồ-tát là người trong nhà, cho nên Phật mới nói: “Hết thấy chúng sanh, đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật.” Nay chúng ta ra ngoài cam làm người nghèo khổ, quên cha mẹ, quên quê nhà, cha mẹ chúng ta là pháp thân, chính là Phật và Bồ-tát. Họ đều mong mỗi chúng ta mau sớm trở về quê nhà – nơi cõi tịnh độ Thường Tịch Quang.

Bây giờ chúng ta ngồi thiền – thiền cái gì? Chính là tìm lại cha mẹ pháp thân. Gọi là: “Bể khổ vô biên, hồi đầu thị ngạn,” nghĩa là chỉ cần quay đầu lại là có thể trở về quê hương gốc cũ. Bởi ý nghĩa trở về quê quán nên mới có khóa thiền mùa đông 98 ngày này vậy.



MỘT TRĂM NGÀY THIỀN THẤT

Một khóa thiền kéo dài 98 ngày, ở một nước phương Tây này, tuy trong tương lai chưa hẳn là vô song, nhưng tính đến nay phải nói là chưa từng có. Chính là: chúng kiến một chuyện chưa từng thấy, nghe một chuyện chưa từng nghe! Mấy ngàn năm nay thực sự chưa hề có một cuộc tu tập nào khổ công như vậy! Sáng sớm, từ hai giờ đã bắt đầu ngồi thiền, xen vào giữa là một giờ nghỉ, cho đến đêm 12 giờ mới ngủ. Vậy là mỗi ngày dụng công trọn 21 tiếng đồng hồ. Bởi vậy mới nói là một khóa thiền chưa từng có.

Quý vị tham dự khóa thiền này, tất phải khảo nghiệm, cố gắng chịu đựng, để từ đầu thông suốt cho tới cuối, chớ không thể nửa chừng bỏ dỡ. Nếu không thì công phu bỏ ra sẽ thành uổng phí hết, chẳng được chút gì, lại cô phụ bao nhiêu tâm nguyện của mình lúc khởi thủy. Có câu nói: “Nếm mùi cực khổ trong cái khổ, mới trở thành kẻ thượng nhân.” Có như thế mới là kẻ siêu việt trong hàng Phật tử chân chánh.

Khóa thiền thất này lại khiến cho tôi vui mừng vì có mấy vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phát tâm “dạ bất đảo đơn,” nghĩa là tới giờ ngủ, họ không trở về phòng mà ngồi luôn tại ghế thiền nghỉ. Cách thức tu trì như thế thực quả tại Tây-phương chưa từng có. (Sách kỷ lục có ghi: Bảy giờ tất cả các pháp sư tại Vạn Phật Thánh Thành đều phát nguyện giữ đúng “mỗi ngày một bữa (ăn), đêm không ngả lưng” (nhật trung nhất thực, dạ bất đảo đơn). Tinh thần như vậy thật đáng ngưỡng mộ.

Khi ở Hương-cảng, tôi đã từng tham dự mười tuần thiền thất. Trong khóa tu, có cả một vị trưởng lão mang râu – Hòa-thượng Minh Quán, cũng có dự nữa. Đó là một vị lão tu hành, còn tôi thì không. Chúng tôi cùng nhau ngồi đủ bảy mươi ngày, kết quả giữa chúng tôi không ai hơn ai kém.



GIỮ ĐÚNG QUY CỬ THIỀN ĐƯỜNG

98 ngày Thiền thất sắp sửa bắt đầu. Trong số các vị xuất gia, mỗi ngày sẽ có một vị Duy-na, phụ trách các công tác khai tỉnh, chỉ tỉnh; lại có thêm một vị đương trị để lo cung cấp nước trà. Mỗi ngày ba lần dùng trà, hay bốn lần cũng được, tùy tiện theo tình hình, không nhất định, “vô định pháp” mà! Bởi mọi người tận lực dụng công thiền định, nên khí hỏa bốc lên, do đó uống trà nhiều có thể hạ hỏa xuống. Tuy nhiên, phải chú ý! Chớ có làm bể ly trà. Quý vị phải biết rằng Hoà-thượng Hư Vân khi xưa đánh rớt chén trà, nghe tiếng chén bể mà khai ngộ, đó chỉ là một việc không cố ý. Còn người nào cố ý làm bể ly trà thì vĩnh viễn không bao giờ có thể khai ngộ được, vì chính quý vị đã cố ý như thế. Cho nên nói: “hữu tâm thị vọng tưởng, vô tâm thị cảm ứng.” Quý vị không có lòng nghĩ làm bể mà hóa ra làm bể, vậy mới hay đó!

Trong lúc ngồi thiền, không người nào được nói chuyện. Mỗi người tự mình chiếu cố

thoại đầu của mình, tự mình dụng công. Trông thấy bất cứ ai, cũng mặc kệ. Tại sao! Bởi không người, không ta mà! Ai tới thì tới, ai đi thì đi, chỉ chuyên tâm chuyên chí tham câu “niệm Phật là ai?” trong thời gian 98 ngày ắt có kết quả.

Trong kỳ thiền thất mùa đông này, những ai chưa khai ngộ sẽ bị phạt một trăm ngày quỳ hương trước bàn thờ Phật. Còn đối với vị nào khai ngộ, tôi xin thiết một đại tiệc khai ngộ, muốn ăn thức gì sẽ có thức ấy, bảo đảm cả trăm vị đầy đủ. Có câu nói: “Thiên tru diệu cúng, thiên duyệt tô-đà.” Lúc ấy được coi là giờ phút quang vinh nhất trong đạo Phật. Quý vị nhớ! Muốn khai ngộ, ta phải giữ quy củ đó! Như không muốn khai ngộ, thì xin cứ tùy tiện, không ai bó buộc quý vị.



BỎ HẾT LÒNG ĐỐ KÝ VÀ KIÊU MẠN

Bây giờ thiên thất bắt đầu. Bao nhiêu thứ gọi là đố kỵ, kiêu mạn, quý vị phải bỏ xuống hết. Bây giờ tôi khảo nghiệm thử xem quý vị có thực lòng buông bỏ các thứ đó hay không. Khảo bằng cách nào? Đầu tiên là đánh bằng hương bản. Bị đánh mà không biết đau, thì cho là được, là đủ tư cách tham gia ban thiên thất mùa đông này.

Thế nhưng, không biết đau thì trở trở như cái bàn, không có tri giác; còn biết đau tức là không buông bỏ được. Vậy tại chỗ này, chúng ta hãy tham xem – làm cách nào đây?

Bây giờ kẻ bị đánh không bỏ chạy mới là kẻ đại trượng phu. Đã là đại trượng phu, thế tất phải có khí độ anh hùng, không sợ khốn khổ, không sợ gian nan, đầy tinh thần chịu đựng khắc khổ, trong thời gian 98 ngày, không thối chuyển, từ đầu thông suốt tới cuối. Phải có một niềm quyết tâm, coi chết nhẹ như không, như vậy mới thành công được. Trước khi vào thiên, tôi có bài kệ này:

*Đại địa xuân hồi bách vật sinh
Phấn toái hư không tự tại ông
Tòng thử bất lạc nhân ngã tướng
Pháp giới tuy đại tận bao dung*

Đại địa xuân hồi bách vật sinh: Kỳ thiên thất này chính là khí tượng của xuân về. Trăm loài hân hoan nảy sinh tươi tốt. Mọi người đều gặp cơ hội khai ngộ và ánh sáng tự tánh cùng xuất hiện.

Phấn toái hư không tự tại ông: Hư không vốn là vô hình, nếu quả hư không mà tan vụn (phấn toái) thì hư không cũng không có nữa. ‘Tự tại ông’ lúc đó, mới thật là đúng tư cách!

Tòng thử bất lạc nhân ngã tướng: Từ đó trở về sau sẽ chẳng còn vướng vào nhân tướng, chẳng vướng vào ngã tướng. Nhân không, pháp cũng không. Nhân pháp đều không, thế là tự tại, cũng không còn chấp ngã, chấp pháp. Không chấp trước, chính là giải thoát.

Pháp giới tuy đại tận bao dung: Tuy pháp giới là không bờ không bến, nhưng ta vẫn có thể ôm trọn pháp giới vào trong, nói cách khác, so với pháp giới ta còn to lớn hơn nữa. Thế mới là khả năng của kẻ đại trượng phu.

Tự mình phải dụng công của mình. Công phu gì? Đó là tham câu: “Niệm Phật là ai?” hay tham: “Trước khi cha mẹ sanh ra thì bốn lai diện mục ta là gì?” hoặc câu: “Thế nào là chẳng thể không có!” Nỗ lực dụng công, nhất định sẽ có tin hay (khai ngộ). Bây giờ bắt đầu vào thất! Vào! Vào! Vào! Thiền thất chính thức bắt đầu, cấm nói chuyện!



CÁC VỊ ĐỀU LÀ THIỆN TRI THỨC

Các vị thiện tri thức! Tại sao lại xưng hô quý vị là thiện tri thức? Nếu chẳng phải là thiện tri thức thì quý vị chẳng khi nào đến Bát-nhã đường (thiền đường). Phàm đến Bát-nhã đường để tu hành thì tất cả đều là thiện tri thức, do đó mới xưng hô quý vị là thiện tri thức.

Bát-nhã là tiếng Phạn (Prajna), dịch nghĩa thành trí huệ. Quý vị đều là bậc đại trí huệ mới đến Bát-nhã đường. Tại sao là đại trí huệ? Bởi

trong các kiếp quá khứ quý vị đã từng gieo nhiều căn lành, nhiều hạt giống Bồ-đề. Cũng chính là trong quá khứ, quý vị đã đời đời kiếp kiếp cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Đã tích lũy những công đức như thế, thì ngày nay nhân duyên thành tựu, mới tham dự khóa thiền. Đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, mà là nhân duyên to lớn, cũng là nhân duyên của việc liễu sinh thoát tử, mà cũng có thể nói là nhân duyên thành Phật. Bởi các lý do trên nên mới xưng hô quý vị là thiện tri thức.

Thiện tri thức chính là biết con đường thiện, không biết con đường ác. Nếu biết đường ác thì phải kêu là ác tri thức. Thế nào là thiện tri thức? Thiện tri thức là chánh tri chánh kiến, hành động hợp với Phật pháp, tu tập chiếu theo Phật pháp, từng hành động cử chỉ đều tương ứng với Phật pháp. Thế nào là ác tri thức? Ác tri thức thì tà tri, tri kiến, chuyện gì cũng đi ngược với Phật pháp, tức như câu nói “bội đạo nhi tri,” quay lưng với đạo mà đi.

Nay quý vị tụ hội tại Bát-nhã đường, nhất tâm thiền định để cầu khai ngộ và đại trí huệ.

Nếu thực sự sáng suốt, chân chánh giác ngộ, quý vị sẽ tuyệt đối không làm chuyện điên đảo nữa. Giác ngộ và sáng suốt như vậy nhất loạt đều do công phu tu hành mà thành tựu. Bởi vậy kẻ tu hành không nên sợ khổ, sợ khó khăn. Khi đã ngồi thiền thì chân đau cũng mặc, lưng mỏi cũng không quan tâm, phải giữ vững tinh thần đại vô úy, sống chết với thiền, sống chết với tu, tuyệt đối không thể vì đau mỏi mà đầu hàng, phải làm kẻ đại trượng phu, đại anh hùng.

Kẻ tu hành cần phải có một sự kiên nhẫn không lay chuyển, một ý chí không lùi bước, trước mọi nghịch cảnh tuyệt đối không cúi đầu, tuyệt đối không bị khuất phục. Chân đau lại càng cố chịu đựng, lưng mỏi càng cố gắng. Buồn ngủ ư? Mở to hai mắt, thách thức ma ngủ. Càng buồn ngủ càng tốt, đang nào cũng tham, tham cho tới lúc dương khí đầy đủ trở lại, thì ma ngủ phải bỏ chạy. Nếu như chúng ta không chiến đấu với ma ngủ, thì ta sẽ muôn đời làm nô lệ cho nó, nghe theo mệnh lệnh của nó và sẽ chịu nó sai khiến.

NHẬN RA BỎN LAI ĐIỆN MỤC

Mục đích chúng ta tham gia thiền thất là cầu khai mở trí huệ, trở về tận cùng gốc gác của mình, tuyệt đối phải nhận ra bốn lai diện mục.

Bốn lai diện mục của chúng ta ra sao? Cùng với chư Phật là một, chẳng sai khác. Có điều chúng ta là chúng sanh không có trí huệ nên không nhận ra nó, và cũng từ nguyên nhân đó mà trở thành điên đảo, quay đầu lộn đuôi, sanh tử trong cảnh mơ mộng hỗn độn, thậm chí còn biến hiện thêm, khiến cho đã mê càng thêm mê, đã ở trong mộng còn thêm mộng, trong chỗ điên đảo còn thêm điên đảo. Vì sao đến nỗi như vậy? Bởi vì không được gặp thiện tri thức, không được ai mách bảo lối về quê hương, tức con đường tìm bốn lai diện mục. Nay rất đông thiện tri thức tụ hội tại đây, cùng nhau hướng tới con đường rộng lớn, quang minh để tìm về bốn lai diện mục. Đúng là:

*Thập phương đồng tụ hội
Giới kỳ học vô vi
Thử thị tuyển Phật trường
Tâm không cập đệ quy.*

Nghĩa là :

Mười phương cùng tụ hội

Ai nấy học vô vi

Đây là trường tuyển Phật

Tâm không đậu vinh quy.

Quý vị thiện tri thức từ mười phương, tới Bát-nhã đường này cùng nhau học tập pháp vô vi. Bát-nhã đường chính là trường tuyển Phật. Ai tới được chỗ vô nhân vô ngã thì người đó được chấm đậu. Ai không buông bỏ nổi, kẻ đó bị đánh rớt. Ai được tâm không đây? Người đó được đỗ Trạng nguyên. Lúc đó, áo gấm về làng, rạng rỡ tổ tông.

Như muốn làm kẻ đại trượng phu, đại anh hùng, vậy phải ngồi xuống tham thiền, mới có thể đạt mục đích. Đại anh hùng chính là bậc đại giác, đại giác chính là Phật. Ngồi thiền mà đạt tới cảnh giới vô ngã, thì chân có đau cũng không hay, lưng có mỏi cũng không biết. Trong, không cảm thấy thân tâm, ngoài, không biết có thế giới, tới lúc đó, trong khoảnh khắc, bùng lên đại ngộ: vốn là như thế!

Nếu rõ ràng có ngã, thì có “cái ngã” ở chỗ này. Quý vị ở tại chỗ này, ai không ở tại chỗ

này? Không ở tại chỗ này cũng là ai đó? Không ai ở tại đây, cũng chẳng ai không ở tại đây, cho nên gọi là vô ngã.

Nguyên do vì không có tại, nên mới không có ngã. Nếu còn có tại thì còn có ngã tại. Có tại thì đúng ra phải là tự tại, chứ không phải ngã tại. Tự tại không thể có ngã, nếu có ngã thì không phải tự tại. Có ngã nên mới sanh lắm chuyện phiền phức, kể ra không thể hết được. Nào, ngủ chẳng đủ, tinh thần không khoan khoái. Ăn chẳng đủ, bụng không dễ chịu. Mặc không đủ, thân thể ớn lạnh. Bởi đâu mà có những hiện tượng đó? Bởi chúng có cái ngã. Muốn không có ngã, chỉ còn một biện pháp, đó là đến thiền đường mà ngồi thiền, thiền tới thiền lui, thiền cho tới lúc đạt được vô ngã, đạt được cảnh giới gọi là: “Vô nhân vô ngã Quán tự tại, phi không phi sắc kiến Như-lai.” Tới lúc đó thì tự tại vô cùng, tự khắc sẽ biết bốn lai diện mục là như thế nào. Tuy nhiên, tới được cảnh giới đó chẳng phải dễ dàng. Bởi vậy mới cần gắng sức nhẫn chịu, chịu đựng mọi thống khổ, mọi sự gian nan. Như quả qua được cửa ải này thì sẽ gặp một sự thống khoái: chính là ăn bằng niềm vui thiền duyệt, và sống trong pháp hỷ.

Bất luận làm một công việc gì, buổi đầu tương đối khó khăn. Lâu dần, sẽ thành quen, không cảm thấy khó nữa. Ngồi thiền cũng như vậy. Trong thiền đường, cố gắng chịu đựng, khi đã chịu đựng được rồi thì không còn cảnh giới nào làm cho dao động. Vậy là đã có chút ít định lực. Có một chút định lực tức sẽ có chút huệ lực. Tích tiểu thành đại, khi huệ lực đầy đủ thì tự khắc khai ngộ.



THAM THIỀN CHÍNH LÀ TRÌ GIỚI

Chúng ta ngồi thiền, nhất tâm tham, tham “niệm Phật là ai?” và giữ vững câu thoại đầu này, liên miên không nghỉ, mật thiết không hở. Vậy trong thời gian tham “niệm Phật là ai?” chúng ta có thể gây được nghiệp xấu chẳng? Như là sát sanh, ăn trộm, tà dâm hoặc nói dối, uống rượu, được chẳng? Tuyệt đối không thể có những chuyện đó. Vậy là trì giới. Có câu nói: “Bất trì chi trì, “ chẳng dụng ý trì giới mà tự nhiên trì giới. Trì giới sẽ sanh định lực, do định mà sanh ra huệ. Còn như trong thời gian không tham thiền, đầu óc nổi lên nhiều vọng tưởng, xui khiến người ta có thể sát sanh, ăn trộm, tà dâm, nói dối, uống rượu, thậm chí có thể vọng động đủ thứ chẳng kể việc gì. Một niệm sai lầm, có thể nảy sinh biết bao nghiệp tội. Ngồi thiền ở đây, chẳng còn vấn đề gì nữa, mọi thứ đều được giải quyết, đó là ý nghĩa chẳng dụng ý trì giới mà tự nhiên trì giới.

Ngồi thiền ở đây tức là chăm tu giới định huệ. Tu giới định huệ tức là diệt trừ tham sân si. Cho nên tham thiền bao gồm đầy đủ các

pháp tu, hết mọi pháp đều nằm trọn trong tham thiền. Chúng ta tham, nhưng phải tham *hoạt thiền*, càng tham càng có trí huệ. Chớ có tham *tử thiền*, càng tham càng ngu si, lấy mặt trời cho là mặt trăng, há chẳng phải là điên đảo sao?

LUYỆN THÀNH THÂN KIM CƯƠNG BẤT HOẠI

Chúng ta tham thiền để khai mở trí huệ. Khi chưa tới lúc trí huệ khai mở, chúng ta nhất định phải gặp khổ. Thí dụ khi ta dùng lửa lớn để luyện hoàng kim, đốt lên ta sẽ biết thật hay giả. Người ta nói: “Chân kim bất phạ hỏa luyện,” vàng thật chẳng sợ lửa của lò. Vô luận luyện cách nào, trọng lượng vẫn không giảm thiểu, màu sắc lại càng thêm sáng. Thiền đường chính là một lò luyện lớn. Quý vị đều là vàng thật, tại nơi đây luyện thành thân kim cương bất hoại.

Muốn thành thân kim cương bất hoại, lúc đầu phải chịu khổ đã. Khổ tận cam lai, sau đó

mới có thể đạt được cảnh giới như vừa kể. Mọi người ráng sức tham đi! Tham đi! Tham cho thấu suốt, ắt thành thân kim cương bất hoại.

Có người nói:

Cái khổ này, thiệt là chịu không nổi.

Ai biết nó khổ, ai biết nó đau.

Lại có người bảo:

Tôi biết khổ, tôi biết đau.

Quý vị là ai đó? Lại có người bảo:

Tôi là chính cái thân thể của tôi.

Thân thể của quý vị là quý vị, vậy giả sử quý vị chết rồi thì thân thể của quý vị vẫn còn ở đây chớ? Cớ sao đánh nó, nó lại không biết đau; chửi nó, nó vẫn nhẫn chịu? Lại có người bảo:

Bởi vì chết rồi nên không còn vấn đề gì nữa!

Vậy thì, ở đây ta coi như chết rồi vậy, cho nên có câu: “Dục yêu nhân bất tử, tiên tác hoạt tử nhân,” nghĩa là muốn thành kẻ bất tử, trước hết hãy sống như người chết.

Nay tự ta hãy làm thành người chết, tức là ta sẽ không có tham, không có sân và si. Tại

pháp tu, hết mọi pháp đều nằm trọn trong tham thiền. Chúng ta tham, nhưng phải tham *hoạt thiền*, càng tham càng có trí huệ. Chớ có tham *tử thiền*, càng tham càng ngu si, lấy mặt trời cho là mặt trăng, há chẳng phải là điên đảo sao?

LUYỆN THÀNH THÂN KIM CƯƠNG BẤT HOẠI

Chúng ta tham thiền để khai mở trí huệ. Khi chưa tới lúc trí huệ khai mở, chúng ta nhất định phải gặp khổ. Thí dụ khi ta dùng lửa lớn để luyện hoàng kim, đốt lên ta sẽ biết thật hay giả. Người ta nói: “Chân kim bất phạ hỏa luyện,” vàng thật chẳng sợ lửa của lò. Vô luận luyện cách nào, trọng lượng vẫn không giảm thiểu, màu sắc lại càng thêm sáng. Thiền đường chính là một lò luyện lớn. Quý vị đều là vàng thật, tại nơi đây luyện thành thân kim cương bất hoại.

Muốn thành thân kim cương bất hoại, lúc đầu phải chịu khổ đã. Khổ tận cam lai, sau đó

sao có tham sân si? Bởi vì quý vị chưa coi cái thân thể quý vị như một cái thân chết. Nếu đã chết thì còn tham gì nữa? Còn sân gì nữa? Còn si gì nữa? Bây giờ, tuy quý vị chưa chết, nhưng hãy cứ làm như chết. Vậy là còn tham cho ai? Sân cho ai? Si cho ai nữa? Cái chết của tham thiền chẳng phải là chết thiệt. Muốn được khai ngộ, tất phải chết một lần, sau đó mới luyện thành thân kim cương bất hoại.



THIÊN ĐƯỜNG LÀ NƠI TẠO THÁNH NHÂN

Hồi đức Phật Thích Ca tu ở Tuyết-sơn, chỉ ăn một hạt mè, một hạt mì để duy trì sanh mạng. Vì câu chuyện này mà ai ai cũng biết tới Tuyết-sơn. Về sau, Phật đến gốc cây bồ-đề ngồi tĩnh tọa suốt 49 ngày thì Ngài ngộ đạo, chứng được quả Phật, nên nơi này đã trở thành thánh địa, đúng như câu nói: “nhân kiệt địa linh.” Được gọi là thánh địa cũng là nhờ danh tiếng của thánh nhân. Phàm thánh nhân ở chỗ nào thì chỗ đó biến thành thánh địa. Kẻ phàm phu ở chỗ nào, muốn chỗ đó là thánh địa cũng không thể thành thánh địa được.

Người xưa có câu: “*Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa.*” Ở thiên đường chúng ta cùng tu hành với nhau, đó chính là nhân hòa. Chẳng làm phiền lòng bất cứ ai, gọi là như pháp. Đạo tràng như pháp mới được như vậy. Có đạo tràng mới có chỗ để mà tĩnh tu, và có tĩnh tu mới được trí huệ. Nếu không có đạo tràng thì dù có muốn tĩnh tu

cũng đành chịu. Bây giờ, may mắn chúng ta có được đạo tràng, chúng ta phải nghiêm cẩn tu hành mới đúng.

Thánh địa của chúng ta chính là Bát-nhã đường, nơi chuyên tạo các thánh nhân – chẳng phải người thường, mà là thánh hiền cả, hoặc a-la-hán, hoặc Bồ-đề-tát-đỏa. Ai là thánh nhân đều chẳng sợ khổ, chẳng sợ khó. Ai còn sợ khổ, sợ khó, bây giờ tuy chẳng phải là thánh nhân, tương lai cũng là thánh nhân. Nói vậy nghĩa là sao? Vốn là, tôi đã từng có lời phát nguyện: “Phàm các đệ tử đã quy y với tôi, nhất định sẽ thành Phật. Nếu không thành Phật, ắt là tôi sẽ chờ họ tới lúc họ thành Phật.” Tôi biết chắc tương lai rồi họ cũng thành Phật, cho nên mới nói sau này họ sẽ là thánh nhân.

Đối với quý vị, tôi hết sức kỳ vọng, mong quý vị nỗ lực dụng công, chớ có trễ nải, chớ có phóng dật, giữ gìn quy củ, y pháp tu tập, để quyết tâm thành kẻ thánh nhân. Tôi hy vọng trong 98 ngày quý vị thành tựu được quả thánh nhân kim cương bất hoại.

Ngài Lục tổ có nói:

Phật pháp tại thế gian
Bất ly thế gian giác
Ly giác tịch bồ đề
Cáp như cầu thổ giác.

Dịch nghĩa:

Phật pháp ở thế gian
Chẳng (có) giác (giác ngộ) ngoài thế gian
Tìm Bồ-đề ngoài thế gian
Chẳng khác kiếm sừng thỏ.

Căn cứ bốn câu trên trong kinh văn để phân tích, người tu hành phải có, mà người hộ pháp cũng phải có. Quý vị! Đã nguyện ý xuất gia thì tu pháp, đã nguyện ý tại gia thì hộ pháp. Ai ai cũng làm hết trách nhiệm của mình, làm tròn phận sự của mình. Người xuất gia thì thực lòng tu tập, người tại gia thì thành tâm hộ pháp, mỗi người theo đúng công việc của mình mà làm!

Hết mọi pháp đều là pháp Phật, có cái gì để vui mừng hay không vui mừng? Tham thiền thì ở tại chỗ này dụng công, không nên mang tâm yêu ghét, mà phải dụng công với tâm bình thường. Ví dụ như, mặt nước hồ trong tiết xuân, không gợn sóng, nên các thứ hỗn tạp tự

nhiên lắng xuống, làm cho mặt nước lặng và trong. Tham thiền cũng giống như vậy, chẳng có vọng tưởng, thì pháp thân xuất hiện. Mấy câu pháp trên rất là quan trọng, mong quý vị y theo ý nghĩa đó tu hành, tức trí huệ sẽ chóng khai mở. Có câu rằng: “Thuyết đích thị pháp, hành đích thị đạo,” nghĩa là, nói ra là pháp, làm ra là đạo. Nay, biết pháp mà không hành đạo, thì chẳng đúng chút nào.

CÀY ĐƯỢC PHẦN NÀO, THÂU HOẠCH ĐƯỢC PHẦN ĐÓ

Nhân dịp cử hành khóa thiền này, rất nhiều người không tin có một nơi nào người ta lại dụng công tu hành như vậy. Có người thì cho rằng chúng ta nói chơi, có người bảo chúng ta khùng. Nếu không, sao lại không ngủ, lại ăn ít, mỗi ngày công phu 21 tiếng đồng hồ? Không thể có chuyện đó, tuyệt đối không làm được đâu! Ở ngoài người ta phê bình như vậy. Tuy nhiên đối với chúng ta, nhất định chúng ta sẽ thực hiện viên mãn, làm cho họ thất kinh một phen và phải thốt lên rằng: À! Thật sự tu hành!

Mỗi ngày một dũng mãnh tinh tấn, tuyệt đối không thụt lùi, để cho mọi người nhận thấy chúng ta thật sự tu, còn họ thì bị bỏ lại, làm kẻ lạc hậu. Chúng ta phải tiến lên trước họ, để thành những người lãnh đạo của họ, dắt dẫn họ vào con đường tu hành. Muốn thành người lãnh đạo tất nhiên phải tu hành chân chánh. Trong thời gian tu tập, một phút cũng không bỏ uống, từng giờ từng khắc, từng niệm không

quên “niệm Phật là ai?” Điều tối kỵ trong việc tu hành là sự lười biếng. Nếu quả có lười biếng thì không tới được chỗ đó. Chỗ đó là ở đâu? Là ở chỗ hết sức màu nhiệm không thể nói ra được. Cảnh giới đó không thể nghĩ bàn, như người uống nước, nóng hay lạnh người đó tự khắc biết, người ngoài không biết được, chỉ có thể tự mình thể hội mà thôi.

Nếu có cơ hội gặp khóa thiền, ta phải tham dự cho kỳ được. Dự một lần, thu hoạch được một lần. Không ăn, có thể chịu đói, nhưng không tham gia thiền thất thì không được; không có áo có thể chịu lạnh, nhưng không tham gia thiền thất thì không được. Bởi chư Phật mười phương đều phải đi qua con đường ấy mới thành Phật quả.

Có người sợ khổ, không dám tham gia thiền thất, đó là một quan niệm sai lầm. Trong quá khứ, chúng ta chưa từng gặp những khóa thiền thất như thế này, thế cho nên chúng ta cứ sanh tử mãi trong vòng luân hồi. Nếu quả đã từng tham gia thiền thất, thì chắc chắn chúng ta không vọng tưởng, chắc chắn không điên đảo; đối với ngũ dục tài, sắc, danh, thực,

thù, tuyệt đối không tham luyến; coi ngũ dục như năm con đường dẫn tới địa ngục vậy.

Ngồi tĩnh tọa tham thiền, khi hỏa hầu tới mức, thì sẽ có một loại định lực kim cương, khiến cho chúng ta không bị ngũ dục lay chuyển. Khi đó, tài chẳng ham, sắc chẳng ham, danh chẳng ham, ăn chẳng ham, ngủ chẳng ham, ngay trong mộng cũng không còn một ý niệm tham dục, trong mộng mà tâm cũng thanh tịnh, đó mới là cảnh giới sẽ đạt tới. Rồi kể đó lại dần bước thêm tu hành, hành giả sẽ đạt cảnh giới không mộng để thành tựu quả thánh.

Người ta trong lúc tỉnh còn làm chủ được mình. Ngoại cảnh có thể đến dụ, nhưng lý trí kiên cường, định lực sung túc thì ngoại cảnh cũng không lay chuyển. Tuy nhiên ở trong mộng thì không làm chủ được. Thấy quý thì sợ quý, thấy hổ sợ hổ, thấy tiền tài ham tiền tài, thấy sắc ham sắc, tức là bị ngoại cảnh mê hoặc. Thảng hoặc, trong mộng có thể làm chủ được, nhưng trong bệnh tật thì lại không được. Hoặc trong khi bệnh tật làm chủ được, đến khi chết lại làm chủ chẳng được. Muốn làm chủ khi sống cũng như khi chết, tất phải tham

thiền. Dụng công như vậy, một phần công phu sẽ mang lại một phần thu hoạch, mười phần công phu sẽ có mười phần thu hoạch. Có câu nói: “Ông tu ông chứng, bà tu bà chứng,” ai tu người ấy chứng, chẳng tu thì chẳng chứng. Giá trị tu hành phải dựa vào chính công phu chân thật của mình, có như vậy thì mới đi lại tự do, tâm thể thanh thản, bởi vì trong thế gian không hề có chuyện không công lao mà được thu hoạch.



CHỊU KHỔ LÀ NỀN TẢNG TU PHẬT

Đức Phật Thích Ca đã thành Phật từ vô lượng kiếp trong quá khứ. Tuy nhiên, do tâm đại từ đại bi của Ngài muốn cứu độ các chúng sinh, đặc biệt những ai chưa có tâm trường viễn, không đủ tâm kiên cố và thành khẩn, do đó Ngài thị hiện thành Phật để dẫn dắt họ.

Để nêu ra yếu tố căn bản, trong sáu năm Ngài tu khổ hạnh tại Tuyết-sơn. Tại sao phải khổ tu? Bởi khổ tu là nền tảng để thành Phật. Thí dụ chúng ta xây nhà lầu thì công việc đầu tiên là làm nền móng cho kiên cố, sau đó mới xây lên thành lầu cao. Nền móng không chắc thì không thể được, chẳng khác gì xây nhà trên bãi cát vậy. .

Chúng ta ngồi thiền tại thiền đường này, so với ở Tuyết-sơn thì tốt hơn nhiều lắm. Tuy ăn không ngon, nhưng không đến nỗi đói ăn, ốm nhom như que củi. So với đức Phật Thích Ca ở Tuyết-sơn thì dễ chịu hơn biết bao! Nay, chúng ta đã có đủ cơ hội như thế này, có đạo tràng tổ chức thiền tập như vậy, chúng ta nhất định phải phấn chấn tinh thần mà ráng sức

tham thiền. Chúng ta phải bắt chước tác phong của Bồ-tát Vi-đà, oai nghi凛冽, cầm chày kim cương để hàng phục ma quỷ, chớ không phải để đầu hàng nó. Đầu gục xuống trước bụng là không phải tư thế đứng đắn của người tham thiền. Cũng chớ có học thói con rùa đen, rút đầu rút cổ lại, đó cũng chẳng phải oai nghi của người tu thiền.

Dụng công tham thiền cũng không nên làm quá dữ, hay quá yếu ớt, một đằng thì thái quá, một đằng bất cập. Tu hành là phải giữ trung đạo, tránh sự thiên lệch, cho nên có câu nói: *“khẩn liễu bằng, mạn liễu từng, bất khẩn bất mạn tài thành công,”* nghĩa là: gấp thì căng, nới thì trùng, chẳng gấp chẳng nới mới thành công. Cứ như vậy, ngày ngày dụng công, từng giờ dụng công, không gấp, không nới, dần dà tới lúc thành công và thành công tức là đạt tới cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đạt tới cảnh giới đó không quá vui mừng, mà không đạt được cũng không quá bi ai. Như nếu quá hoan hỷ, thì ma hoan hỷ lại tới quấy nhiễu làm ta mất định lực, khiến cho từ sáng tới tối cứ khúc khích cười, không còn vẻ tự nhiên nữa. Có ai hỏi cười cái gì? Không biết. Chẳng

hiếu tại sao mà cười, như kẻ phát cuồng, đó chính là ma cuồng ám. Nếu để lòng bi ai quá độ, thì ma bi ai sẽ tới quấy nhiễu, làm ta mất định lực, khiến cho từ sáng đến tối cứ thút thít khóc, một cách bất bình thường. Hỏi tại sao khóc? Nói: “Chúng sanh quá khổ a! Đáng thương quá! Tôi muốn cứu độ chúng sanh.” Chính mình chẳng độ được mình, thì làm sao độ được chúng sanh? Đó chính là hiện tượng ma bi ai đến ám.

Tại thiên đường chúng ta chuyên tâm tham thiền, chân có đau cũng ráng nhẫn. Nhẫn đến cực điểm thì sẽ hết đau. Tại sao? Vì khổ tận cam lai, sau đó là tốt đẹp, cho nên nói cái khổ chính là nền tảng thành đạo. Mấy câu sau đây diễn tả ý nghĩa của cái khổ này:

*Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt
Chấm đặc mai hoa phác ty hương.*

Dịch nghĩa:

*Chứa nếm một phen lạnh thấu xương
Đâu được thưởng thức hương hoa mai.*

THẾ NÀO GỌI LÀ KIM CƯƠNG BỒ ĐỀ HẢI

Thế nào là kim cương? Kim cương mang ý nghĩa của sự bất hoại. Thế nào gọi là bồ đề hải? Đó là nghĩa của biển đại giác. Thật ra ý nghĩa này so với biển còn sâu hơn, còn xa rộng hơn nữa. Biển giác này thật là mênh mông không bờ bến, tóm lại không thể nghĩ bàn. Chúng ta tu pháp kim cương, tu sao cho tự tánh trong sáng như kim cương, cho tâm thể kiên cố như kim cương, và cho thân thể cũng bất hoại như kim cương.

Chúng ta tham thiền tại Bát-nhã đường, chính là tu đại pháp kim cương, tức là dùng lửa bát-nhã tam-muội thiêu rụi hết các tập khí, đốt cháy ba độc tham, sân, si luyện thành giới định huệ. Cách thức thiêu ra sao? Tức là dùng kiên – kiên cường, dùng thành – thành khẩn, dùng hằng – lâu bền để thiêu. Tu không ngừng, ngày ngày tháng tháng, sẽ tới lúc tự tánh sáng suốt xuất hiện. Ý nghĩa đó cũng giống như ánh nắng mặt trời làm tan tuyết, mỗi ngày tan một ít, lâu dần tuyết sẽ tan biến.

Tọa thiền tại thiền đường là làm tan tuyết trong tự tánh. Tuyết này tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp, nay chúng ta dùng trí huệ để làm tan nó. Tuyết đó là vô minh phiền não, nó đương làm vật chướng ngại khiến tâm người tu hành mất sự thanh tịnh, cho nên nếu không làm tiêu tan nó thì không xong. Còn có nó, còn nhiều phiền não, như cảm thấy khổ, cảm thấy đau, cảm thấy không thoải mái chẳng hạn. Nếu tham thiền mà dụng công, tất có định lực, lúc đó chân sẽ không thấy đau, lưng không thấy mỏi, đầu không thấy nhức. Như mọi thứ khổ không còn cảm thấy, vậy là đánh phá được cửa ải sanh tử, chính là đạt được kim cương bồ đề hải.

Tới được biển bồ đề kim cương này, là cùng với pháp giới hợp làm một. Pháp giới to rộng ra sao? Nói ra không hết, tâm tưởng cũng không tới được, to lớn như vậy. Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “Hư không sanh tử trong đại giác, như một cái bọt ở biển” (Không sinh đại giác trung, như hải nhất âu phát). Hư không này rất ráo to rộng ra sao? Thực là không bờ không bến, không ai biết nổi. Ngày nay tuy

các nhà khoa học đã trình bày rõ rệt, nhưng vẫn chẳng có thước nào đo được hư không. Cái rộng lớn của hư không thực là không thể ước, không thể lường được. Vậy mà đối với biển đại giác, nó chỉ là một cái bọt mà thôi. Hư không sanh từ biển đại giác cho nên nói biển đại giác là mẹ của hư không.

Chúng ta phải trở về nguồn, quay về gốc, cho tới tận biển bồ đề. Bởi vậy mới có tạp chí do chúng ta xuất bản với tên là “Kim Cương Bồ Đề Hải.” Thiền đường của chúng ta gọi là “Kim Cương Bồ Đề Hải Thiền Đường,” chúng ta thì lấy tên là Kim Cương Bồ Đề Hải Nhân. Sau này thành a-la-hán, sẽ có tên là Kim Cương Bồ Đề Hải A-la-hán; khi thành Bồ-tát thì sẽ gọi là Kim Cương Bồ Đề Hải Bồ Tát, rồi tới khi thành Phật thì sẽ là Kim Cương Bồ Đề Hải Phật. Nói tóm lại, năm chữ Kim Cương Bồ Đề Hải chính là nhãn hiệu của chúng ta.

Chúng ta tham thiền chính là trở về với bồ đề hải. Ngay bây giờ mười phương chư Phật cùng các vị Bồ-tát, a-la-hán đương ở nơi đó chờ đợi chúng ta. Chúng ta phải cố gắng dụng công, tinh tấn dũng mãnh, sao cho chóng đạt

tới đích – nơi biển đại giác, chớ để chư Phật và chư vị Bồ-tát phải thất vọng.

Các chúng sanh đều có gốc tích ở biển đại giác, nhưng vì vô minh mà thành mê hoặc, rồi vì mê hoặc mà tạo ra biết bao nhiêu nghiệp cho nên mới chịu quả báo luân hồi. Tình cảnh giống như một hạt bụi nhỏ lơ lửng ở không trung, lúc ở trên, lúc ở dưới, lúc bên đông, lúc bên tây, phất phơ vô định. Chúng ta cũng giống như hạt bụi nhỏ đó, chìm nổi trong luân hồi, bổng chốc lên tầng trời, bổng chốc dọa địa ngục, bổng chốc làm thân người, bổng chốc làm kiếp a-tu-la, bổng chốc súc sanh, bổng chốc quỷ đói. Khi mê, không giác ngộ thì chìm nổi trong sáu nẻo luân hồi. Nếu giác ngộ, hết mê, thì đó là con đường liễu sinh thoát tử.

Tại sao chúng ta lại mê mà không giác? Bởi vì chúng ta bị trúng độc nặng, tức ba độc tham, sân, si nên không thể giác ngộ. Nếu muốn giác ngộ thì phải tham thiền. Tọa thiền chẳng mê, đó là con đường dẫn ta ra khỏi tam giới.

Lúc chưa giác ngộ, thấy thứ gì đều cho là thiệt, nhất là đối với tài sắc danh thực thù (tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ

ngiht), thứ gì cũng tham luyến, không xả bỏ được. Nếu là giác ngộ, thì mọi thứ sẽ thành hư ngụy, như hình bông hoa trong gương, bóng mặt trăng dưới nước, tất cả đều là ảo ảnh, chẳng phải chân thiệt.

Tự tánh của chúng ta cũng vốn thanh tịnh, có thể ví như nước trong, không vẩn đục, trông xuống thấy suốt tới đáy nước. Tuy nhiên, từ một niệm vô minh mà phiền não dấy lên, giống như nước trong mà biến thành vẩn đục. Nước chẳng trong, mặt trăng chẳng hiện, giống như khi ngu si, ánh sáng trí huệ không hiển lộ.

Vô minh khởi lên có thể ví như khí trời lạnh lẽo làm cho nước kết thành băng. Chẳng hạn lấy một bát nước tạt vào mặt ai, người đó không bị hề hấn gì. Nhưng nếu nước đó kết thành băng, nhất định là người ấy sẽ bị thương đầu chảy máu, có khi nguy hiểm đến cả tính mạng. Cùng một vật thể mà sanh ra hai loại tác dụng, cho nên có câu: “Phiền não tức Bồ-đề.” Băng dụ cho phiền não, nước dụ cho Bồ-đề. Làm cho băng tan thành nước sẽ có lợi cho muôn loài.

MỘT NIỆM CHẲNG SANH TOÀN THỂ HIỆN

*Nguyệt đảo thiên tâm xứ
Phong lai thủy bất thức
Nhất cổ thanh dị vị
Lược đắc thiếu nhân tri*

Cảnh giới nói trên chính là hình ảnh dụng công của người tu. Công phu tới độ có thể ví như mặt trăng chiếu giữa bầu trời, gió thổi ngay trên mặt nước, mà một chút sóng gợn cũng không có. Đúng là một cảnh tượng vừa thanh tịnh vừa nhu hòa, một ý vị lạ, không mấy ai biết tới.

Dụng công mà tới được chỗ không ta, không người, không chúng sanh, không thọ giả, trong thì không cảm thấy thân tâm, ngoài không hay có thế giới, lúc đó mới lãnh hội được cái ý vị mầu nhiệm này. Có điều rất ít người biết, vì phải qua kinh nghiệm thể hội của chính mình mới biết được.

Tu đạo là tự mình tu cho mình, tự mình dụng công cho mình. Không phải tu cho người

khác, không phải dụng công giúp người khác. Có câu rằng: “Việc sanh tử của chính mình, do mình giải quyết; tự mình ăn thì tự mình no.” Quý vị tu hành thì quý vị có thể liễu thoát sanh tử, bằng chẳng dụng công thì dĩ nhiên quý vị chẳng thể giải thoát sanh tử.

Chúng ta tu tập phải làm sao thành kẻ vô tâm, tức là trong không thân tâm, ngoài không thể giới, với hư không là cùng một thể. Đó là lúc mà chấp nhân cũng không, và chấp pháp cũng không. Làm thế nào chúng được cảnh giới đó? Phải tu thiền. Tham thiền thì phải một dạ đinh ninh, tập trung tư tưởng, đầu óc không nghĩ lung tung, giống như mèo rình chuột, như gà ấp trứng, như rồng nuôi hạt châu, hết lòng giữ gìn, chú ý, chuyên tâm mới tới được đích.

Chúng ta tham câu: “Niệm Phật là ai?” Chữ “ai” chính là con chuột và chỗ ngồi tham này cũng chính là miệng lỗ chuột, do đó từng giây từng phút không được chảnh mảng. Nếu sơ hở để chuột chạy mất thì bất làm sao được “ai?” Bởi vậy mới có câu nói: “Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện, sáu căn vừa động bị mây che.” Khi một niệm chẳng sanh thì

toàn thể cái “đại dụng” hiện bày, cái gốc trí huệ hiển lộ, nhưng một khi sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, dấy động thì chẳng khác gì trời dương quang đang mà có mây kéo đến, che lấp mặt trời.

Khi một niệm chẳng sanh thì bên trong không thân tâm, bên ngoài không thế giới. Ngồi thiền trong cảnh giới này sẽ không còn hô hấp nữa tuy chẳng phải là đã chết. Ở bên ngoài không hô hấp nữa, nhưng bên trong, hô hấp vẫn còn hoạt động. Nếu khởi lên ý nghĩ rằng: “A! ta đã hết thở rồi!” thì tự nhiên sự hô hấp tiếp tục trở lại. Một niệm chẳng sanh, hô hấp ngừng lại, đó chính là chuyển pháp luân vô hình, hát khúc ca vô sanh vậy!



TU ĐẠO KHÔNG THỂ SANH TÂM SÂN

Trước đây có một vị tu định gọi là phi phi tướng xứ định, ý muốn sanh lên tầng trời phi phi tướng xứ. Ông ngồi tu bên bờ biển. Lúc sắp vào định ông nghe có tiếng động từ dưới nước phát lên. Ông ngó xuống thấy một con cá bơi lội dưới nước. Ông bèn tiếp tục việc tu, không để ý gì tới con cá. Tuy nhiên, dưới nước lại phát ra tiếng động ồn ào, liên miên không dứt. Ông mở mắt ra trông xuống, hóa ra lại vẫn con cá đó bơi đi bơi lại trước mặt ông. Một niệm bức tức nảy sinh trong lòng, ông bèn nói với con cá: “Mày còn phá không cho ta nhập định, ta sẽ ăn thịt mày, nuốt trứng mày vào bụng đó!” Con cá nghe nói vậy, bèn bơi đi không dám trở lại nữa.

Vị tu hành nói trên vào trong định phi phi tướng, và ngày sau sanh lên tầng trời phi phi tướng xứ, hưởng phước dài trong tám vạn đại kiếp. Khi hết phước, vị này đọa xuống kiếp súc sanh, làm thân chim biển (ngư ưng), ngày ngày bắt cá ăn để sống, thỏa được nguyện của mình. Tới lúc Đức Phật Thích Ca thành đạo,

nhân Ngài giảng pháp độ cho loài chim biển, vị đó mới được giải thoát. Đời sau, vị này làm người, theo Phật xuất gia và chứng quả A-la-hán. Chiếu theo công án này, chúng ta thấy phàm người tu đạo phải tuyệt đối tránh tâm sân hận. Nếu không thận trọng, để tâm sân hận khởi lên, thì tương lai sẽ lãnh hậu quả. Chúng ta nên ghi nhớ để cảnh giác.



Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này.
Trang nghiêm cõi Phật-tịnh,
Trên báo bốn trọng ân,
Dưới cứu ba đường khổ,
Nếu có ai nghe thấy,
Tất phát bồ-đề tâm,
Đến khi mạng này hết,
Đồng sanh Cực Lạc Quốc.

MỤC LỤC

Sơ lược tiểu sử Hòa Thượng Tuyên Hóa	5
Mười tám đại nguyện	15
Tám quy luật của viện phiên dịch	20
Thần chú đại bi nhiệm mầu không thể nghĩ bàn	23
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát	30
Niệm Quán Âm trong tự tánh	37
Tu hành phải biết hồi quang phản chiếu	40
Tại sao chúng ta phải vào thất Quán Âm	43
Chuyện người đá cầu pháp	46
Di cư đến thế giới cực lạc	49
Vạn Phật Thánh Thành tẩy rửa thân tâm	51
Càng niệm Quán Âm càng bớt vọng tưởng	54
Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát với đủ sáu căn	56
Tự xét sai lầm của mình	59
Niệm Quán Âm khi khẩn cấp	63
Đạt tới cảnh giới bất động tâm	67
Phải cứu vãn nguy cơ của thế giới	70
Tham sân si làm chướng ngại đường tu	74

Linh cảm Quán Thế Âm	79
Truyền thọ chú khai trí huệ	81
Sáu nẻo luân hồi	82
Pháp sư Hằng Tại	85
Pháp sư Hằng Đoan	86
Bảy bồ đề giác chi	87
Tại nước Mỹ, Phật pháp mới ở bước đầu	94
Cảm ứng của Phật pháp	98
Bốn điều Ngài A Nan hỏi Phật	101
Hằng Lai pháp sư, Mỗ pháp sư	115
Bạch vũ trụ	118
Mất thân người vạn kiếp chẳng được lại	127
Bổn phận của một tín đồ Phật giáo	136
Hưng khởi Vạn Phật Thánh Thành	152
Kiên thành niệm cát tường thần chú	159
Ngũ giới thập thiện tiêu tai nạn	163
Đầy rẫy sát khí trên thế giới	167
Ngày nguyên đán nói giáo lý Phật	171
Bất chúc tinh thần Bồ Tát Địa Tạng	177
Không nên làm ô nhiễm hư không	184
Đạo, quý ở hành	191
Giữ miệng phòng tâm	194
Giới bọ trên thân mình	198

Thái Thượng Lão quân Thanh Tịnh kinh	202
Đạo tràng của chánh pháp trụ thế	211
Cảnh giới của thời đại chánh pháp	216
Giải thích về cấu tạo của chữ đạo	222
Thất tình lục dục làm chướng ngại tâm tu đạo	230
Chín pháp giới chúng sanh đều diên đảo	233
Học thân thông để báo thù	241
Bốn kiếp thành trụ hoại không của thế giới	244
Xuất gia, bố thí một cách triệt để	252
Lòng Bồ Tát như lòng mẹ thương con	259
Zero: Đại quang minh tạng của tự tánh	263
Bạn đồng tham phải động viên nhau tu	272
Tu đạo phải học pháp cơ bản	277
Thế giới tôn giáo đại đồng không nên phân tranh	308
Nơi chánh pháp trụ thế	311
Niệm khởi tức giác, giác rồi tức không	314
Tội ngập trời, sám hối thì tiêu	317
Nơi quy y của các tín đồ tôn giáo thế giới	319

Nhất niệm vô minh tức đạo luân hồi	322
Cuộc đời như mộng, như ảnh	327
Rốt cuộc đạo là thế nào	332
Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức	337
Bởi đâu không tương ứng với đạo	340
Thần thông của người	
tại sao không hiển hiện	342
Kinh Lăng Nghiêm, biểu tượng	
của chánh pháp	349
Tu đạo phải đoạn dục khử ái	353
Thiền thất khai thị	356
Hãy trở về quê hương của chúng ta	359
Một trăm ngày thiền thất	361
Giữ đúng quy củ thiền đường	363
Bỏ hết lòng đố kỵ và kiêu mạn	365
Các vị đều là thiện tri thức	367
Nhận ra bốn lai diện mục	370
Tham thiền chính là trì giới	374
Luyện thành thân kim cương bất hoại	375
Thiền đường là nơi tạo thánh nhân	378
Cày được phần nào, trâu hoạch	
được phần đó	382
Chịu khổ là nền tảng tu Phật	386

Thế nào gọi là kim cương Bồ đề hải	389
Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện	394
Tu đạo không thể sanh tâm sân	397



KHAI THỊ – QUYỂN IV

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản : NGUYỄN THANH XUÂN
Biên tập : TRẦN XUÂN LÝ
Sửa bản in : NHỰT LIÊN
Bìa : CHÁNH TÂM NGHIÊM
Trình bày : HUỆ TRÍ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4 - Lô 11- Trần Duy Hưng - Hà Nội
ĐT : (04)5566701 - Fax : (04)5566702

In : 1.000 cuốn, khổ 14 x 20 cm.
Tại : Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng.
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM. ĐT : 8555812.
Số xuất bản : 189-131/XB-QLXB ngày 03/02/2005
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2005

Thế nào là Phật pháp? Phật pháp tức thế gian pháp. Song nó là pháp mà người thế gian không muốn làm. Người đời ai cũng bận rộn lăng xăng, mà phát xuất điểm không ngoài lòng ích kỷ riêng tư, chỉ lo bảo vệ thân mạng và của cải chính mình. Phật pháp thì đại công vô tư (chỉ có công ích không có tư lợi) đem lợi ích đến mọi người. Khi học Phật pháp, trong mọi việc làm mình hãy nghĩ đến người khác. Hãy xem nhẹ cái "tôi" này, quên mình vì người và chớ làm kẻ khác bức dọc phiền não. Đó chính là Phật pháp.

